VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

vĩnh biệt nhà văn nghiêm xuân hồng

nhìn lại những trang sách cũ
nhật tiến ● tạ chí đại trường
đọc ngô thế vinh
đoàn nhã văn
cách viết truyện của lâm chương
lương thư trung
vài ý kiến về dịch thuật
ngụ thuyết

truyện
nguyễn bình phương ● nam dao ● trúc chi
hoàng nga ● hồ minh dũng ● lê hữu

thơ
triều hoa đại ● trần mộng tú ● giang
cao xuân tú ● nguyễn nam an ● nguyễn thị minh thủy
nguyễn chí kham ● thanh hà ● hà nguyên du

170
THÁNG 6 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 170 ● tháng 6, 2000

VĂN HỌC	2	nhà văn Nghiêm X. Hồng từ trần
NHẬT TIẾN	3	chuyện trò với bạn đọc về cuốn "thềm hoang"
TẠP CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	8	vì sao có bản mới "thần, người và đất việt"
TRIỀU HOA ĐẠI	13	*nỗi lòng*
ĐOÀN NHÃ VĂN	14	ngô thế vinh, người oằn vai với những giấc mộng con
LƯƠNG THƯ TRUNG	23	cảm nhận về cách viết truyện ngắn của lâm chương
TRẦN MỘNG TÚ	31	*hai mươi lăm năm qua*
NGỤ THUYẾT	32	vài ý kiến về dịch thuật
GIANG	42	*bỏ san diego*
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	43	bản kiều nôm trong thư viện Anh
CAO XUÂN TỨ	47	*phía bên kia trời*
TRẦN VĂN TÍCH	48	chinh phụ ngâm bản dịch, c.45,46
NGUYỄN THỊ MINH THÚY	52	*sống bình yên*
NAM DAO	53	chớp sao
NGUYỄN CHÍ KHAM	86	*mùa thu*
TRÚC CHI	87	về một cái địa chỉ
HOÀNG NGA	97	tổ ấm
THANH HÀ	106	*chiều bãi sạn trí nguyên*
HỒ MINH DŨNG	107	dưới chân đền tế trời
NGUYỄN NAM AN	117	*trở về theo mơ qua*
LÊ HỮU	118	có một vì sao
HÀ NGUYÊN DU	137	*em tín nữ*
NGUYỄN THANH SƠN	138	giới thiệu nguyễn bình phương
THỤY KHUÊ	143	phỏng vấn nhà văn nhật tuấn

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

phân ưu

Nhà văn Tịnh Liên - Nghiêm Xuân Hồng

Pháp danh Minh Pháp

đã từ trần vào lúc 1 giờ sáng ngày 7 tháng 5 năm 2000

tại Orange County, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 80 tuổi

Chúng tôi, các bạn văn và thân hữu thuộc nhiều thời kỳ trong đời nhà văn Nghiêm Xuân Hồng, xin chân thành phân ưu cùng gia đình nhà văn, và cầu chúc linh hồn Anh sớm về cõi Phật.

Võ Phiến, Mặc Đỗ, Bùi Diễm, Phạm Duy, Tạ Tỵ, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến & Phương Khanh, Huỳnh Sanh Thông, Trần Hồng Châu, Nguyễn văn Trung,Võ Thắng Tiết, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Vy Khuê, Cao Tiêu, Hoàng Liên, Thích Mãn Giác, Nguyễn thị Vinh, Dương Kiền, Thảo Trường, Nguyễn Sỹ Tế, Như Phong, Lê Ngộ Châu, Khai Trí, Lê Trọng Nguyễn, Trúc Chi, Hà Trung, Lê Tất Điều, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Châu văn Thọ, Ngô Thế Vinh, Đỗ Tiến Đức, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Quốc Trụ, Trần Hoài Thư, Ngự Thuyết, Tạ Chí Đại Trường, Phan Nhật Nam, Nguyên Vũ, Trịnh Y Thư, Thanh Tuệ, Đỗ Quí Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Phạm Xuân Đài, Hoàng Khởi Phong, Phạm Quốc Bảo, Bùi Hồng Sỹ, Nguyễn Xuân Nghĩa & Quỳnh Giao, Võ Đình & Trần thị Lai Hồng, Bùi Bích Hà, Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Khánh Trường, Thế Uyên, Duy Lam, Cao Xuân Huy, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Tiến, Thụy Khuê & Lê Tất Luyện, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Đức Quang, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Mộng Tú, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Lâm Chương, Ngu Yên, Triều Hoa Đại, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Đinh Cường, Hoàng Mai Đạt, Tường Vũ Anh Thy, Phan Minh Khánh, Huy Văn, Phùng Nguyễn, Cao Xuân Khiêm, Tôn Nữ Tiết, Nguyễn Khoa Diệu Chi, Hoàng Bích Đào, Thơ Thơ & Thụy.

Nhìn lại những trang viết cũ:

Chuyện trò, tản mạn với bạn đọc về công việc sáng tác cuốn "Thềm Hoang"

Nhật Tiến

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác có đề nghị tôi viết trên *Văn Học* một bài liên hệ đến một tác phẩm do chính tôi sáng tác mà anh đã giải thích thêm rằng: "Coi như viết bài cho một mục gọi là: người cầm bút nhìn lại quá trình sáng tác một tác phẩm của mình, tác phẩm nào cũng được, tùy ý lựa chọn."

Sở dĩ tôi lựa cuốn *Thềm Hoang* cho công việc này là vì một phần nó tương đối được nhiều người biết đến, một phần khác, tuy ấn bản đầu tiên phát hành từ năm 1961, nhưng cho đến gần đây, năm 1997 nó cũng đã được tái bản ở Hoa Kỳ và năm 2000, tái bản ở Việt Nam. Như thế, các bạn đọc trẻ tuổi vốn chưa từng biết đến nó thì cũng có thể dễ dàng kiếm được dù ở trong hay ngoài nước.

Sự ra đời của *Thềm Hoang* có thể nói đã bắt đầu từ một trường hợp chọn lựa hết sức tình cờ. Hồi ấy vào khoảng năm 1958 hay1959 gì đó, tôi không còn nhớ rõ, sau khi *Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay* của cố văn hào Nhất Linh ra được mấy tập thì nhà văn Nguyễn thị Vinh, một cây bút chủ lực của *Giai Phẩm*, muốn xuất bản riêng một tạp chí với chủ ý thực hiện một đường lối văn nghệ mới mẻ hơn, rộng rãi hơn so với khuôn khổ và chủ trương cố hữu của Tự Lực Văn Đoàn mà Nhất Linh muốn khôi phục lại trên *Văn Hóa Ngày Nay*. Tạp chí *Tân Phong* của Nguyễn thị Vinh vì lý do đó đã ra đời. Vào thời điểm ấy tôi cũng đã có truyện ngắn đăng trên *Giai Phẩm* và có tác phẩm đầu tay mới ấn hành (cuốn *Những Người Áo Trắng*), nên nhà văn Nguyễn thị Vinh muốn dành cho tôi một vinh dự: viết một truyện dài in từng kỳ trên tạp chí do chị chủ trương. Đây thật là

một công việc hoàn toàn mới mẻ và nặng nề đối với tôi vì trước đó tôi chưa bao giờ sáng tác theo kiểu in từng kỳ như vậy, tuy nhiên, vì là một tác giả mới, tôi không thể bỏ lỡ một dịp mà tôi cho là ngàn năm một thuở này. Do bản tính thận trọng, và nhất là tôi không muốn làm thất vọng người đã có nhã ý đặt lòng tin nơi mình, nên tôi đã suy nghĩ rất kỹ để tìm đề tài cho cuốn tiểu thuyết sẽ đăng. Ít hôm sau đó, tôi lựa được tới những hai đề tài để sáng tác: một nói về những hoàn cảnh xã hội của các công nhân trong giới lao động thành phố và một là đời sống của những người nghèo khó trong một cái xóm nhỏ nghèo nàn. Tôi chọn cho đề tài trước cái tên *Khói Nhà Máy* và đề tài sau *Thềm Hoang*. Sau đó tôi khởi sự viết cả hai truyện, mỗi truyện chỉ một chương mở đầu và đem tới cho chị Nguyễn thị Vinh coi thử, với chủ ý chị Vinh chọn đề tài nào thì tôi viết tiếp đề tài ấy. Tôi không biết vì lý do chính đáng nào hay chỉ là do tình cờ (vì chỉ được đọc có một chương thì thật khó cho ai có thể thẩm định là hay hoặc dở), mà chị Vinh đã lựa *Thềm Hoang* và bảo tôi viết tiếp. Cuốn *Khói Nhà Máy*, sau quyết định này, đã không còn bao giờ được nhắc nhở tới và chính tôi cũng không buồn nghĩ tới việc xin lại bản thảo của cái chương đã viết.

Thềm Hoang từ đó được viết từng kỳ trên tạp chí *Tân Phong*, mỗi tháng mới ra có một số và hình như chỉ kéo dài được vài chục số thì tờ báo đình bản để mãi sau này, khoảng 1964, 1965 mới xuất hiện trở lại dưới tên mới: tạp chí *Đông Phương* cũng vẫn do nhà văn Nguyễn thị Vinh chủ trương biên tập. Sau khi *Tân Phong* đình bản, tôi ngồi đọc lại phần đã in, tự thấy nội dung cũng như kỹ thuật có nhiều điều bất ổn. Lại thêm lời nhận xét nghiêm khắc của nhà tôi, khi đó cũng là một cây bút viết truyện ngắn trên *Tân Phong* với bút hiệu Đỗ Phương Khanh như sau:

- Nhân vật trong *Thềm Hoang* cá tính mờ nhạt không rõ, lại có thể vì viết từng kỳ không liên tục nên sự kiện rời rạc, lỏng lẻo, anh nên xét lại toàn bộ phần đã in đi rồi sau đó hãy viết tiếp!

Đó là một lời khuyên chí phải mặc dù lòng tự ái của tôi khi đó đã bị va chạm nặng nề. Lúc đã nguôi ngoai và bình tĩnh lại, tôi đã bỏ ra nhiều ngày để nghiền ngẫm về từng nhân vật trong tác phẩm của mình. Để cho lề lối làm việc có vẻ khoa học hơn, tôi đã làm những tấm phiếu trên từng tấm bìa nhỏ. Mỗi tấm có đề tên một nhân vật và trong đó tôi đã ghi chép tất cả mọi đặc tính về hình hài, mọi cá tính, thói quen về tâm lý hay tình cảm và hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh xã hội mà tôi muốn diễn tả. Nhờ những tấm phiếu ghi chép này mà hình ảnh mỗi nhân vật hiện ra rõ nét hơn trong thế giới tưởng tượng của tôi và nó đã giúp tôi diễn tả được một cách dễ dàng mỗi khi ngồi trước trang giấy.

Trong quá trình sáng tác, tôi luôn luôn tự hỏi điều gì làm cho nhân vật của mình không lẫn lộn với đám đông bình thường và có tính cách nổi bật riêng biệt. Theo tôi, đó là sự chú trọng diễn tả thói quen cố hữu của mỗi người, ngôn ngữ đặc trưng mà mỗi nhân vật hay sử dụng và dĩ nhiên mỗi nhân vật phải có một nội tâm riêng biệt do hoàn cảnh xã hội và môi trường xung quanh mà tác phẩm dựng lên. Chính điều này đã khiến cho tôi đem vào *Thềm Hoang* một số ngôn từ, dĩ nhiên là không phải do tôi tạo nên vì nó phải được lấy trong ngôn ngữ đời thường, rải rác đâu đó trong đời sống mà tôi đã từng nghe qua, thí dụ như: *Nói như bố chó xồm* (bác Tốn), *Khí gió đùng lăn chửa* (Huệ), *Chế* (nhạo), *chế cái nỗ đít* (Hai Hào), hay *Có ông trời, có ông trời thật mà* (Lão Hói)..vv...Xin đan cử một cuộc đối thoại giữa Hai Hào với Đào trong một cuộc tỏ tình và hẹn hò lần đầu tiên:

- Bứt mãi hư hết rau của người ta.

- Hư thì đây đền!

- Đền cái gì nào?

Gã ôm lấy cô gái vào hai cánh tay. Đào cũng ghì chặt lấy gã. Giọng gã ấp úng:

- Đào ơi! Mình ơi!

Cặp môi của gã hôn như mưa lên má của Đào. Giây sau gã nói:

- Nên đây, tôi chở mình vào chợ.

- Chịu thôi, chúng nó chế chết!

- Chế cái nỗ đít. Mặc bố chúng nó....

Sau này, đã có một thời sinh viên các đại học Sài Gòn đã đem những ngôn ngữ trong *Thềm Hoang* ra xài vui đùa trong đời sống hàng ngày, tôi mới thấy là sự dụng công của mình quả là có tác dụng. Cũng thấy cần phải nói thêm ở đây là những loại ngôn ngữ như kể trên thuộc vào thời điểm của những năm vừa mới có cuộc di cư 1954. Dấu vết của thời đại thấp thoáng trong tác phẩm mặc dù tôi không có dụng ý diễn tả cho rõ nét. Đây là thời điểm của những cuộc rút quân của người Pháp ra khỏi miền Nam của những con người lam lũ ở đồng quê đã theo dòng người như thác lũ đổ vào Nam trên những con tầu há mồm và của cả những con người còn nguyên vẹn cá tính miền Nam chưa một lần pha trộn với dòng người đông đảo đến từ miền Bắc. Trong thực tế của đời sống, chỉ cần ít năm sau đó thì những loại ngôn ngữ như tôi vừa kể đã mai một, không còn được ai nhắc tới, ngoại trừ những sinh viên tinh nghịch như tôi đã nói ở trên.

Trong khi tập trung kỹ lưỡng vào việc mô tả nhân vật như thế, thì trái lại tôi đã không dàn dựng một cốt truyện rõ ràng trước khi khởi sự. Nói

cách khác, khi đang viết chương trước, tôi đã chưa hình dung ra chương sau sẽ nói về những gì. Nghĩa là tôi cứ để tùy nghi cho sự suy tưởng của mình dẫn dắt. Sự sáng tạo đến với tôi ngay ở lúc ngòi viết chạy trên trang giấy mà có thể khi bắt đầu ngồi vào bàn viết, có rất nhiều chi tiết, dữ kiện, thậm chí tình tiết của câu chuyện tôi đã chưa hề nghĩ tới. Phương cách không soạn sẵn một dàn bài trước như vậy trong kỹ thuật viết truyện dài theo tôi có lợi ở chỗ người viết không bị gò bó vào một cái khuôn đã định sẵn, có thể làm giảm thiểu đi yếu tố sáng tạo bất ngờ.

Nói ra điều này ắt hẳn sẽ có bạn đọc thắc mắc: Thế tại sao ngay từ đầu cuốn truyện đã có cái tên là *Thềm Hoang* mà khi kết cục cái Xóm Cỏ ấy đã bị Năm Trà đốt cho cháy rụi để còn trơ lại những cái thềm hoang trơ trụi đất và tàn than? Vậy thì hẳn tác giả phải có dụng ý dàn dựng câu chuyện ngay từ chương khởi đầu chứ?

Thành thực mà nói, lúc khởi sự viết chương đầu tôi không định ngụ ý hai chữ *thềm hoang* là những cái thềm như đã diễn tả ở đoạn cuối: *"Nước vẫn xoáy tròn, miết vào đống kèo rui cháy giở, làm rác rưởi nổi dềnh lên, táp vào những khoảng thềm hoang trơ trụi đất. Gió thổi ào ạt trong lùm cây, lùa qua những ống nứa ngổn ngang trên đống vật liệu xây cất nghe văng vẳng như có tiếng sáo trỗi lên ở đâu..."*

(*Thềm Hoang*, trang 294, ấn bản đầu tiên, nxb *Đời Nay* năm 1961).

Ý nghĩa của hai chữ *thềm hoang* đến với tôi lúc khởi đầu chỉ là nghĩa bóng, ám chỉ một xóm nghèo, nơi chui rúc ra vào của những con người khốn khổ sống bên lề xã hội như những cái thềm đất hoang sơ bị bỏ rơi trong một xã hội xa hoa, giầu có. Sau này, khi đến hồi kết cục, lúc quyết định cho nhân vật Năm Trà trong hoàn cảnh tâm lý bị bức xúc và phẫn nộ đến tận cùng đã nổi cơn điên tưới dầu thiêu rụi Xóm Cỏ, tôi mới cố tình lái hai chữ *thềm hoang* vào mấy dòng văn diễn tả khung cảnh của một cơn mưa sau đám cháy đó: *"Cơn mưa vẫn tiếp tục đổ liên miên hầu như không dứt. Than,củi, gỗ nổi lều bều trên mặt nước, xoay tròn trôi băng băng ra ngoài đường. Những nếp tường đổ, những cái thùng đen xám nằm nghiêng ngửa, những rui kèo sần sùi muội than và những cái thềm trơ trụi hoang tàn trong khoảnh khắc được rửa sạch."* (*Thềm Hoang*, trang 292).

Sự kiện để cho nhân vật Năm Trà đốt cháy Xóm Cỏ như xảy ra trong truyện đã bị nhiều cây bút phê bình vào thời kỳ đó chỉ trích. Tôi đã bị phê phán là đã giải quyết sự kiện một cách dễ dãi và tiêu cực! Nói rõ hơn là tình cảnh của những số phận thảm thê của những con người như đã được diễn tả trong *Thềm Hoang* không thể chỉ một mồi lửa châm lên là tác giả phủi tay đứng dậy. Điều này thực đúng, nhưng nghĩ cho cùng, thân phận một anh cầm bút nhỏ nhoi và yếu đuối như tôi thì làm được gì trước thực

trạng xã hội đang xẩy ra ồn ào và gay gắt như thế. Vào thời điểm đó tôi hay có thói quen suy nghĩ là công việc cải tạo xã hội không thuộc vào trách nhiệm của người cầm bút, nó thuộc về lãnh vực của những chính trị gia hay những nhà lãnh đạo đương quyền, âu đó cũng là một cái nhìn còn hạn hẹp của một thanh niên vừa chập chững vào đời như tôi, khi đó mới chỉ tròn 24 tuổi.

Có một điều bất ưng đã đến với tôi khi *Thềm Hoang* được phát hành, đó là bài thơ mà nhân vật Lão Hói vẫn thường ngâm ư ử suốt ngày:

Ngọc xuất thiên cung thủ quả châu
Hoàng thiên thương mến quả địa cầu
Giáng tạo thay đời không tranh đấu
Thế giới thanh bình khỏi thuế sâu

mà nếu tinh ý, bạn đọc sẽ thấy 4 chữ đầu của 4 câu trên ghép lại thành: *Ngọc Hoàng Giáng Thế*. Bài thơ này không phải do tôi sáng tác mà nếu tôi không lầm thì tôi đã nghe được và ghi chép ở đâu đó trong khi la cà ở các xóm đông đúc, nghèo khó ở Gò Vấp, Xóm Gà hay Khánh Hội, Bàn Cờ mà tôi đã từng cư ngụ một thời gian. Tôi hoàn toàn không được biết đến tác giả và do đó khi mang mấy câu thơ này vào *Thềm Hoang*, tôi không thể ghi chú được tên của người nào đã làm ra 4 câu thơ ấy. Thôi thì nhân dịp được hàn huyên, tản mạn với bạn đọc, tôi xin nói rõ ra điều này.

Bản thảo *Thềm Hoang* được trao cho nhà xuất bản *Đời Nay* do cố văn hào Nhất Linh chủ trương. Ấn bản đầu tiên phát hành vào tháng 9 năm 1961. Nó đoạt giải Văn chương Toàn quốc trong năm sau, nhưng tôi không hề nghĩ nó là một tác phẩm hay nhất tại thời điểm đó vì dù sao giải thưởng này cũng chỉ được cấp phát dưới hình thức một cuộc thi. Chỉ những tác phẩm dự thi thì mới được duyệt xét để trao giải. Dĩ nhiên có nhiều tác giả nổi tiếng đã không gửi tác phẩm của mình để tham dự.

Bây giờ nhìn lại *Thềm Hoang* sau 40 năm sáng tác, đối với tôi nó chỉ hoàn toàn là một kỷ niệm. Kỷ niệm của một thời đã qua với bao nhiêu là ký ức vàng son của một thời còn son trẻ với một tấm lòng hăng hái nhiệt thành với văn chương, chữ nghĩa. Cho nên khi anh Nguyễn Mộng Giác đề nghị viết về một trong những tác phẩm của mình, tôi cũng lựa chọn *Thềm Hoang* như nhắc lại một kỷ niệm để tản mạn vui buồn với bạn đọc, tuyệt nhiên tôi không hề có ý tưởng tự mãn với tác phẩm đó. Thời cuộc, quê hương, đất nước và ngay cả con người từ ngày ấy tới nay đã có biết bao nhiêu là đổi thay khốc liệt có thể giúp cho người viết tạo nên những tác phẩm để đời. Những tác phẩm như thế phải là tác phẩm ghi lại được những đổi thay khốc liệt ấy./.

Thần, Người và Đất Việt Tại sao lại thêm "bản mới"?

Tạ Chí Đại Trường

Năm 1989, cuốn "Thần, Người và Đất Việt" *của Tạ Chí Đại Trường được nhà* Văn Nghệ *xuất bản tại Hoa Kỳ, tạo ra một tiếng vang dai dẳng và khó chịu trong giới nghiên cứu sử học Việt Nam, vì nếu chấp nhận lối giải thích các biến chuyển về thần tích, huyền thoại trong đời sống tinh thần dân tộc của Tạ Chí Đại Trường, thì toàn bộ lịch sử Việt Nam phải được viết lại!*

Năm nay, Tạp chí Văn Học *lại vừa cho phát hành "bản mới" của* Thần, Người và Đất Việt, *vì tác giả đã ra định cư ở Hoa Kỳ từ 1995 theo chương trình H.O., và sau mười năm suy ngẫm, đã có thì giờ nhìn lại những gì đã viết trước đây ở Việt Nam. Nhân đợt phát hành bản mới tác phẩm sử học quan trọng này, Văn Học đề nghị Tạ Chí Đại Trường "nhìn lại những trang viết cũ" và giải thích quá trình hình thành của* "Thần, Người và Đất Việt". *Dưới đây là bài viết của tác giả.*

Bản cũ in ra năm 1989 từ lúc chúng tôi còn ở trong nước, theo lời Nhà xuất bản *Văn Nghệ*, vẫn còn chất đầy kho, trong garage của ông chủ và bạn bè. Tình trạng đó thật ra cũng chẳng có gì đáng nói nếu nhìn chung về tình hình xuất bản sách khoa học nhân văn ở các nước và riêng trong tình trạng lèo tèo của nhóm người Việt di tản so với số người đọc tiếng Việt đông đảo nằm ở chính quốc. Ông *Văn Nghệ* đã làm một công việc đầy can đảm và thiện chí khi nhận chịu in sách nghiên cứu tung ra giữa những người đồng hương đang cuống quýt lo ổn định đời sống nơi đất lạ quê người, còn sách thì không có cơ hội nào trở về dưới mắt đồng bào quê cũ, trừ vài bản lạc loài lén lút đến tay những người tò mò bằng một cách nào đó. Hơn mười năm qua đầu óc tác giả cũng chẳng mới thêm được chút nào. Vậy thì tại sao lại có "bản mới"?

Chẳng ai viết một quyển sách mà có can đảm tự nhận mình đã làm một công việc hoàn hảo. Và khi nói ra những thiếu sót thì cũng không thể bị coi là để phân trần, bào chữa. Công việc của chúng tôi ở đây cũng vậy. Ai cũng biết, và bây giờ vẫn có thể hình dung lại được tình hình ở Miền Nam sau 1975 về cuộc sống vật vờ cơm áo, hoảng loạn tinh thần của một lớp người giữa tiếng ồn ào la hét, mắng mỏ chửi bới của một lớp người khác. Trong tình trạng đó thì thường tình là im lặng né tránh nếu có thể được, đừng nói đến chuyện mày mò nghiên cứu! Tuy nhiên im lặng né tránh lại làm phát hiện một chốn riêng tư không quyền lực nào có thể chen vào xoi mói được, nhất là đối với những người may mắn không phải đắm chìm lâu năm trong sự khủng bố của quyền lực để biến cái sợ trở thành tự giác, sợ hãi cả vào lúc không còn cái gì để mà sợ - không phải, không dám phát sinh ra hung dữ phản kháng mà êm êm lịm dần, lịm dần, hành xử theo phản ứng chính trị đã được khuôn nắn tận trong tì vết tâm hồn.

May mắn cũng đến với chúng tôi khi vừa học xong thì phải đi lính, trong mười một năm lêu bêu cận kề mà lại bên lề khói lửa, đã sử dụng những thì giờ rảnh rỗi hiếm hoi để tò mò tìm kiếm những chất liệu thêm vào sách vở cũ. Câu "Tái ông thất mã" chận một khúc đầu của chuyện kể, sao lại không thể áp dụng để cho đời sống có chút ý vị lạc quan? Vậy là những tích trữ đó có chỗ sử dụng trong cõi riêng tư mà cuộc sống bên lề sau 1975 đã giúp chúng tôi khỏi bị ràng buộc vào nền học thuật chính thống đang được rao giảng tận tình đến thành "chân lí không bao giờ / không thể nào thay đổi". Những năm vào trại cải tạo giúp chúng tôi có thực tế để suy ngẫm về những gì vừa xảy ra, đang xảy ra trước mắt mà không bị tràn ngập bởi sách vở trùng trùng lẫn tiếng la hét đe doạ của những tay thư lại mới, bởi sức nặng kiến thức của các học giả Tây Phương thừa phương tiện và đầy uy tín quốc tế.

Sách vở cũ thoát cơn mối xông sáu năm, còn lại hai quyển *Việt điện u linh tập* và *Lĩnh Nam chích quái*, bản dịch của ông Lê Hữu Mục; bản dịch *Toàn thư* lần đầu của Hà Nội, mua được hai tập I và II ở chợ trời Đặng Thị Nhu (Hồ Văn Ngà cũ), tập III, IV là của chợ trời Hà Nội, tất cả mất bìa long gáy - nhưng còn chữ là được rồi! Cũng chợ trời, hè phố cung cấp vài tập *Khảo cổ học, Nghiên cứu lịch sử*. Người nghiêm túc theo trường phái Đại học có thể chê là làm việc theo trường phái Bạ-đâu-vơ-đó, nhưng đây cũng là một cơ hội thoát khỏi sức nặng của kinh điển để cho trí óc được bay bổng. Sao lại không coi là một trường hợp "Tái ông thất mã" nữa?

Vậy là bắt tay vào việc, bắt đầu "làm việc" sau những giờ làm việc

mệt nhọc hay thời gian trống rỗng ngồi cà-phê-ghế dựa lưng vào tường nhìn người, xe qua lại hỗn độn sát mặt.

Bây giờ ngồi nghĩ lại, chẳng hiểu tại sao đã có những ý nghĩ như đã được viết ra. Đúng là có sự tích tụ của kiến thức cũ từ nhà trường, trong sách vở, ngoài hiện trường. Nhưng trong sâu thẳm hẳn là có sự phản kháng với thân phận mình trong cơn lốc lịch sử, với đám học giả núp bóng quyền uy chính trị, ngang ngược trước mắt. Chuyện Thánh Gióng bình thường thì cũng đã nghe từ nhỏ đủ để trí óc mơ mộng nâng cao, nhưng nghe mãi... gì mà "anh hùng dân tộc hay anh hùng bộ lạc" đi theo với hình ảnh viên thiên tướng cỡi ngựa sắt như mụ phù thuỷ cỡi chổi xẹt qua xẹt lại, không phải chỉ lẫn lộn truyền thuyết và sự thật khoa học mà còn muốn lấy khoa học biện minh cho truyền thuyết, sao mà thấy... ngứa quá!

Vậy là có bài viết đầu tiên theo cách nhìn trần tục nói về chân dung Thánh Gióng được người Việt vẽ ra trong tiến trình lịch sử (*Những bài dã sử Việt*, Thanh Văn xuất bản 1996). Như thế không phải lỗi của mình khi lôi các ông Cao Lỗ, Trương Hống, Trương Hát, Lí Phục Man, Triệu Quang Phục, các tướng của vua Hùng, Hai Bà... cho trở về vị trí của thần tinh gỗ đá, ma da ... ráo trọi. Từ lúc cầm quyển vở học thuộc lòng những bài lịch sử vẫn thấy có những điều gì không ổn, rồi khi đối chiếu với những nhân vật lịch sử lớn nhỏ trước mắt, sự cách biệt giữa thực tế và lí thuyết đem lại hoài nghi đã làm vỡ ra bức màn ngăn cách quá khứ và hiện tại mà những điều học được bảo phải nhìn lịch sử theo thực tế trần trụi, đương thời đã bừng sáng lên trong trí óc. Cầm trong tay quyển *Việt Nam, thế kỉ Mười* của Hội nghị lịch sử nhóm họp tại Hoa Lư (1982), trích những tham luận xuất sắc chứa đựng hẳn là tinh tuý của tầng lớp người (chiến thắng) tự phụ là tinh hoa của dân tộc, nhưng chỉ thấy những lời trau chuốt văn từ, tán rộng lịch sử dưới lớp vỏ bọc tư tưởng "hiện đại và dân tộc" mà bài viết "hiện đại" là của một anh nguỵ luồn lọt được vào vì bàn "đúng hướng", lại nổi bật chỉ vì anh nguỵ viết theo sách ít nhiều gì cũng là của bọn Xét lại còn các học giả sử quan thì không dám nhúc nhích khỏi chữ của Thánh hiền mới (mà lại được dịch ra theo một thứ chữ Việt ngô nghê, có in ấn hẳn hòi.)

Sinh sống ở một vùng ngoại vi trong tiến trình lịch sử dân tộc chắc cũng giúp chúng tôi thoát khỏi những thành kiến tuy làm nên sức mạnh chung nhưng cũng trì níu nhiều vào quá khứ, để cảm tính che lấp lí trí, nhất là vào một thời đại tràn trề sôi động những khẩu hiệu cao vời không cần suy nghĩ, dưới những áp lực kìm giữ chưa từng thấy, không chừa chỗ cho những đường lối lệch hướng. Đất nước của các vương triều cố cựu trở

nên to rộng hơn, do đó chừa chỗ cho các luồng tư tưởng sinh hoạt rộng đường di chuyển, giúp chúng tôi nhìn thấy Bà Chúa Xứ thuần chất trong cung Lí Trần và pha tạp chuyển biến trong các dòng đạo Nội, điện phủ của thời cận đại, đem lại sự công bình lịch sử: Một dân tộc - dân tộc Chàm - tưởng gần bị diệt vong đã tái sinh dưới hình dạng hoà nhập với người chiến thắng, không phải sống vật vờ, hời hợt mà vững mạnh, sâu và xa. Có thể nói nữa đến ông họ Tái không?

Cứ thế mà đi tới. Với ông Bạch Mã Thái Giám xuất thần hiển hiện nối kết sách vở với chuyến đi thực địa, lại là bên lề của một buổi đi tìm tiền cổ. Cứ thế mà đi tới gặp Cao Đài, Hoà Hảo, những giáo phái đầy tính năng động nhưng thường vẫn được nhìn với tính cách dè bỉu hoặc ngại ngần sợ hãi, trong đó có ẩn giấu sự miệt thị "nội hoá", địa phương - chỉ có học giả ngoại quốc mới xem đó là một hiện tượng văn hoá đáng để ý. Cứ thế mà...

Và rốt lại quyển sách đi tìm tâm thức dân tộc phải chứa đựng một cách nhìn mới về lịch sử Việt Nam của thời văn minh, hiện đại, thực sự, đáng hãnh diện, không cần phải trốn nấp sau những lời huênh hoang ồn ào - lại chỉ để nói với nhau theo kiểu "mẹ hát..." Một quyển sử như thế còn là một mong ước...

Chúng tôi đành phải bằng lòng với những gì đã có. Để trở lại với lúc đầu: Tại sao lại là "bản mới" trong lúc chẳng có gì mới hơn? Đã nói, không phải là một lời phân trần nhưng tập sách viết vào lúc ấy, ngoài cái hoàn cảnh chung ai cũng biết còn có những điều riêng mà nay mới có dịp chấn chỉnh lại. Viết sau những giờ lăn gỗ, xúc bột giấy, theo xe áp tải ngơ ngơ không biết hối lộ để anh chàng công an đuổi:"Đi cho được việc!" Viết trong thời gian chưa có điện Trị An, ngọn đèn 60w trở thành đèn ngủ đành đánh một giấc, đổi giờ làm việc thành nửa khuya về sáng. Viết vào lúc không mong gì xuất bản, chỉ để tuôn ra ý tưởng thấy là mới mẻ, đánh máy trên giấy rơm đen đỉu, rồi chuyền cho bạn bè người quen đọc, chưa kịp thấy nỗi nguy hiểm của cách phát biểu "chui" như thế. Một bản liều lĩnh đi ra nước ngoài - cũng chỉ mong người quen đọc - được hỏi:"Đăng không? Muốn kí biệt hiệu gì?" - "Chữ nghĩa chính quy, ai lại phải cần giấu giếm!" Trả lời thí-mạng-cùi trong lúc chưa biết đến cái án mươi năm của Doãn Quốc Sỹ - Hồ Khanh. Bản thảo vào tay ông chủ *Văn Nghệ* trong tình trạng điếc không sợ súng như thế đó. (Và rồi được đẳng chân lân đẳng đầu, bài *Việt Nam nhìn từ bên trong* được đòi hỏi phải in trước khi tác giả ra đi.)

Vì thế khi cầm quyển sách gởi chuyền vòng vèo qua Pháp, qua một nhà ngoại giao có lẽ kiếm chuyện vào Sài Gòn để đưa tận tay tác giả, thật

vừa thấy vui mừng vừa thất vọng. Lỗi của người thì ít mà lỗi của mình thì nhiều, không thể đổ thừa *tại, bởi, bị*... Phải sửa thôi. Và cũng nhân dịp sửa mà thêm vào một ít kiến thức minh chứng thấy được về sau, mới bằng cớ nôn nóng không dừng được đã cho chen vào những bài viết ở Mĩ. (*Những bài văn sử*, Văn Học xuất bản 1999.) Lại ở một quyển sách nghiên cứu thì theo "tục lệ" không thể thiếu được phần Sách dẫn, điều mà tác giả không đủ khả năng làm được - có làm cũng phải mất nhiều thời gian mầy mò. May mắn thay, một anh bạn trẻ ái mộ đã có lòng giúp cho theo với khả năng đã trở thành thông thường của lớp người mới, của tương lai.

Các ý tưởng nòng cốt vẫn còn đó. Và tuy người làm việc riêng biệt, khoa học không cần để ý nhiều đến những phản ứng của định kiến đã thành hình - cứ "nói theo" thì chẳng có khoa học - nhưng thiết tưởng cũng phải có lời dàn-hoà với số đông. Một người trong nước khi cầm quyển sách đọc đã gay gắt:"Viết sử gì như thế này!" Thật dễ hiểu và đã lường trước được: Chúngtôi đã động đến không phải chỉ kiến thức mà là tâm cảm của số đông hiện đại, đã cho các nhân vật lịch sử "anh hùng anh thư dân tộc" trở thành thần gần hết, đã cho vua Hùng chỉ trở thành chính thống theo một tiến triển hợp lí dẫn đến thời Lê sơ nửa sau thế kỉ XV chứ không phải sẵn sàng mũ áo rồng phượng từ bốn ngàn năm trước đó...Cũng như lời giải thích về cái đình làng động đến niềm kiêu hãnh địa phương núp dưới dấu hiệu bản sắc quốc gia dân tộc. Phản ứng đó cũng thấy ở vài người thân quen hay xa lạ ở hải ngoại - thân thì nhăn nhó, sơ thì gầm gừ. Trong đời sống thông thường, một thói quen vẫn không dễ gì gạt bỏ. Nhưng mà ở thời đại tự do văn minh, người ta không dễ gì lấn lướt kẻ khác, nhất là chỉ bằng chữ nghĩa. Quan niệm "chữ của thánh hiền" còn rơi rớt khiến người ta còn quá coi trọng mấy dòng viết, in khiến cho các "tác giả" tự coi mình đã làm việc "để đời", còn nhà cầm quyền thì lo canh giữ các anh, tưởng chừng họ sắp cướp mất công cứu nước trị dân của mình vậy. Hãy coi chữ-nghĩa như một trò chơi kiến thức trong một sân chơi còn rộng, còn chỗ cho ăn nhậu, nói thánh nói tướng, xem tivi, nghe radio, đĩa CD, vào casino... để có thái độ rộng rãi với nhau hơn. Mặt khác, cách nhìn chê bai những thành kiến, theo hướng tiêu cực khi cho rằng mình đứng trong quan điểm mới, cũng không phải là thái độ đúng của sử gia. Ông Lạc Vương có vẻ chính danh hơn ông Hùng Vương nhưng không có tác động trên dân Việt thời cận hiện đại bằng ông vua Hùng. Ông vua Lạc đã mất chỗ đứng ở nước Việt từ thời đại có Hồ Tông Thốc, Ngô Sĩ Liên lên tiếng, chỉ còn rơi rớt trong sách vở của người ngoài. (An Nam chí của người Minh.) Đối tượng của sử học không phải là cái giả định mà là cái đã xảy ra, dù nguyên nhân được gán cho là từ những người không phải thật,

Nỗi lòng

TRIỀU HOA ĐẠI

** gửi Huy, Linh*

theo em
về lại phố quê
thấy trăm sông, nhánh
chảy về một nơi
tuổi nhu. Mộng mị
với người
mơ trăm năm thẳm
dừng ai lỗi thề
nói gì những lúc xưa kia
lối quen đi mãi
tình về có nhau
giữa mùa
dứng hát vườn sau
hình như
hoa bưởi, hoa cau
rụng vàng
khuất khuya trăng mọc giữ dàng
để ai vấp ngã. Ngổn ngang
cõi bờ
mùa nào đem nắng ra hơ
tiếng ai ru trẻ
ầu..ơ...
nỗi lòng!

từ một thời điểm lệch. Cho nên có níu ông vua Hùng tụt xuống bốn ngàn năm, cho ông Triệu Quang Phục chẳng hạn lên ngồi lại ngai thần, sử gia không phải đã xoá thân xác họ trong lịch sử mà là chú ý tìm hiểu tác động đến lịch sử của các nhân vật đó như những người thật. Một ý tưởng như thế đã có trong lời đề-từ năm 1988 đòi "lí trí dõi theo tìm dạng thần, hồn người trên đất Việt."

Có vẻ như thế cũng đã là cạn lời rồi vậy./.

Ngô Thế Vinh - Người oằn vai với những giấc mộng con

Đoàn Nhã Văn

Những năm đầu thập niên 70 là những năm miền Nam nhuộm đầy khói lửa chiến tranh. Tiếng súng nổ giòn giã trên khắp bốn vùng chiến thuật. Người ta đọc báo, nghe radio, chuyền tai nhau những tin tức nóng bỏng gởi về từ những địa danh lạ hoắc ở chiến trường. Giữa một xã hội đầy biến động như vậy, những câu chuyện văn chương, những đề tài văn hóa dường như bị lấn áp bởi chuyện thời sự nóng bỏng, chuyện thực tế sôi động trong đời sống hằng ngày. Vậy mà có một người thuộc giới văn nghệ nổi tiếng, hầu như cả Sài Gòn, hay nói rộng hơn là cả miền Nam, đều nghe nhắc đến, bởi tên ông được đăng trên các nhật báo, tuần báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Mọi người biết đến ông không phải vì tác phẩm *Vòng Đai Xanh* của ông vừa đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc 1971, mà biết nhiều đến ông qua vụ hầu tòa sau khi đăng một truyện ngắn. Và hai mươi lăm năm sau, 1996, truyện ngắn đã mang ông ra trước vành móng ngựa ngày nào, nay được dùng làm nhan đề cho tuyển tập truyện ngắn của ông, được nhà Văn Nghệ xuất bản và phát hành. Đó là tuyển tập *Mặt Trận Ở Sài Gòn*. Và nhà văn đó chính là Bác sĩ Ngô Thế Vinh.

Mặt Trận Ở Sài Gòn gồm mười hai truyện ngắn, trong đó có năm truyện ngắn viết trước năm 1975, một truyện viết năm 1971 và hoàn tất 1981 ở Sài Gòn, sáu truyện còn lại được viết tại hải ngoại. Sau mấy mươi năm thai nghén, tác phẩm hoàn thành. Một tác phẩm mang nhiều ước mơ khác nhau, mà tác giả gọi là những giấc mộng con, qua nhiều thời kỳ biến động của một đất nước mang hình chữ S, và của một đời người - một y sĩ quân nhân, một nhà văn khi còn ở trong nước và một bác sĩ, một kẻ lưu lạc tha hương ở xứ người.

Là một người lớn lên trong thời chiến, Ngô Thế Vinh đã thấy rõ được những chết chóc không thể tránh khỏi của chiến tranh. Bước chân vào trường Y, mang trong mình một bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, ông muốn làm tất cả những gì có thể được để thay đổi cục diện của chiến tranh, để thay đổi bộ mặt của đất nước. Vì thế, ông mang trong mình những ước vọng, không phải của riêng ông mà của rất nhiều người trẻ trong giai đoạn này: sớm chấm dứt chiến tranh. Khi bước chân vào lính, đối diện với cái chết từng phút từng giây, ước mơ này càng trỗi lên mãnh liệt. Cho nên, ông và các chiến hữu không ngần ngại đổ máu ở chiến trường để tạo một hậu phương yên vui. Ngay cả cái ngày phát giải thưởng văn chương toàn quốc, đáng lẽ ông phải đứng trên bục cao để nhận giải thưởng cho tác phẩm *Vòng Đai Xanh*, thì ông "vẫn còn lận đận hành quân ở cao nguyên". Đứng trước mũi tên, hòn đạn ở chiến trường, ông đặt niềm tin ở hậu phương, hay nói cách khác, ông mong đợi một hậu phương "sạch sẽ" từ guồng máy lãnh đạo đến những người dân bình thường. Một hậu phương vững chắc để tạo một thế đứng, một niềm lạc quan cho những người đối diện với thần chết ở chiến trường. Tuy nhiên, sau những phút giây kinh hoàng nơi chiến tuyến, nhìn lại hậu phương, ông thất vọng. Với một số người, hậu phương là nơi chốn để trở về, để giải khuây sau những ám ảnh của đạn bom và nỗi chết. Nhưng đối với ông và bạn bè có tâm huyết, khi nhìn lại hậu phương, nơi ăn chơi đú đởn, nơi buôn lậu giàn trời khiến ông không khỏi đau lòng. *"Âm thanh của những tiếng cười nói ồn ào. Không khí dày đặc khói thuốc và hơi rượu mạnh. Nhạc sống và khiêu vũ. Những người đàn bà dễ dãi."* (*Mặt trận ở Sài Gòn*, trang 20) đã làm ông nhờm tởm. Một hậu phương như vậy, liệu có xứng đáng cho những người bạn thân đã từng nằm xuống vĩnh viễn hay để lại những phần thịt xương trên chiến trận? Còn nữa, hậu phương cũng là nơi đầy dẫy cảnh mua quan bán tước, tranh giành quyền lợi trên xương máu của những người lính. Những điều này đã cắt vào tâm khảm ông những vết cắt lút cán, để đời. Vì thế, với thân phận của một người lính, *"ngoài chiến trường súng đạn quen thuộc, họ còn phải đương đầu với một trận tuyến khác mỏi mệt hơn - đó là cảnh thối nát bất công của xã hội mà dân tộc đang phải hứng chịu trong tối tăm tủi nhục."* (trang 25) . Nhiều lúc, họ bị điều động về từ những chiến trường xa xôi để bảo vệ những chiếc ghế danh lợi hẹp hòi, những vị kỷ nhỏ nhen. Ôi, làm sao không thương người lính, làm sao không thấy họ lẻ loi tội nghiệp khi từ giả núi rừng *"để trấn đóng ngay giữa trái tim Sài Gòn, chìm khuất giữa những building cao dập dìu đĩ điếm, nằm kế bên hội kỳ mã lúc nào cũng nhởn nhơ những con ngựa giống với từng bờ mông láng nhẫy."* (Trang 24) Vì thế, ông cảm thấy thiếu vắng những *"chiến sĩ*

xã hội", những người làm cho xã hội tốt hơn, sạch hơn. Ước mơ của ông tuy nhỏ nhoi, tầm thường nhưng quả khó thực hiện, bởi ông chỉ là một con ốc nhỏ nhoi trong một guồng máy chiến tranh khổng lồ. *"Từ ba mươi năm nay, đã và đang có quá nhiều anh-hùng-của-chiến-tranh trong khi lại quá thiếu vắng những chiến sĩ xã hội. Vậy phải lựa chiến trường nào? Rằng không phải chỉ ở chốn xa xôi biên cương mà đích thực chiến-trường thách-đố của họ phải là ở Sài Gòn."* (Trang 25). Những mơ ước về một xã hội tốt đẹp hơn trong tương lai, từ một trái tim nóng bỏng của người lính với những nhịp đập thiết tha vì công cuộc chung, đã bị bóp nát từ trong trứng nước. Rốt cục, ông phải đi hầu tòa vì truyện ngắn này.

Cuộc sống yên bình vốn đã đa dạng; cộng thêm với chiến tranh, đã tạo nên một môi trường cho lũ thò lò xuất hiện. Những con thò lò có mặt trên từng cây số của đất nước, dưới bất kỳ bộ áo nào. Hãy nghe Ngô Thế Vinh viết rất ngắn về một trong những con thò lò muôn mặt này, để thấy rằng, hậu phương có những chiến sĩ xã hội, nhưng là một thứ giả tạo, mang màu sắc biến đổi của những chú kỳ đà. *"Lẫn trong đám sinh viên, ông bác sĩ nhân sĩ vẫn lăng xăng cầm cuốc đào bới và luôn ngửa mặt cười cho người nhà chụp hình. Mấy hôm nữa đây, khuôn mặt xã hội của ông xuất hiện tràn ngập trên mặt báo Sài Gòn, và dĩ nhiên không thiếu những chi tiết trên tờ báo riêng mang tên ông."* (*Chiến Trường Tạm Yên Tĩnh*, trang 76).

Cuộc chiến mà ông ghi lại có nhiều cảnh cười ra nước mắt. Một gia đình có người con trai và đứa cháu. Một đứa "nhảy núi", đứa kia theo lính "Cộng Hòa". Trong một cuộc đụng độ, hai anh em bắn nhau. Mỗi người gẫy một chân. Nước mắt người cha lưng tròng, cũng như Mẹ Việt Nam nhỏ lệ suốt hơn 4000 năm trôi nổi. *"Những cẳng chân bị đạn bắn gẫy nát của lũ con cháu khiến ông nghĩ tới sự gãy đổ của cả một gia tộc, mà với ông gia tộc là trọn vẹn hình ảnh quê hương đất nước."* (trang 80). Dù không nói ra bằng lời, nhưng ông đã cho người đọc thấy được đây là một cuộc chiến tranh không cần thiết phải có. Một cuộc chiến mà người ta nhân danh, người ta tô son, mạ vàng, để rồi cuối cùng *"dù là gốc Bắc hay Nam, cùng nhân danh giấc mơ Việt Nam, khoác thêm một nhãn hiệu và đang hăm hăm cầm súng, AK hoặc M16 như các đồng bạn khác - để có thể là đêm nay trong tầm tã của cơn nửa ngã cây lở núi, đang sợ hãi thất lạc trong hoang vu của núi rừng Tây Nguyên, bên chân dãy Trường Sơn mò mẫm rình chờ lùng kiếm hạ ngã nhau như những con thú."* (*Giấc mơ Kim Đồng*, trang 67-68).

Viết về chiến tranh, Ngô Thế Vinh viết bằng lối văn mạch lạc, khúc chiết, gãy gọn. Vì thế ông đã thuyết phục, lôi cuốn người đọc ngay từ những trang đầu của tập truyện. *Nước Mắt Của Đức Phật* là một trong những truyện hay của tập truyện này. Truyện kể lại cuộc xâm nhập của một toán biệt kích, nhảy vào trận địa, tạo những nút chận, gây rối loạn ngay từ tuyến sau của các đơn vị địch quân. Toán quân này đã đụng độ, và đã giao tranh ác liệt với số địch quân rất lớn trong một hoàn cảnh hết sức khốc liệt, nan giải. Tàn cuộc giao tranh, hai người lính trong toán dìu nhau đi trên đất bạn, xứ Chùa Tháp. Bảy ngày sau, tại một ngôi chùa Miên bỏ hoang, *"có một người lính công giáo Việt Nam kiệt quệ và đau khổ, quỳ gối bên xác một đồng bạn, mắt đẫm lệ hướng lên vẻ mặt an tĩnh của Đức Phật thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người bạn xấu số sớm được giải thoát. Và bên ngoài trời cơn mưa bão vẫn tràn trề."* (*Nước mắt của Đức Phật*, trang 38). Hình ảnh kết thúc câu chuyện là một hình ảnh bi hùng. Đức Phật chỉ là một sự gián tiếp để nói lên cái cao đẹp, cái bình an mà con người đang nhắm tới. Không còn một sự cách biệt nào trong tôn giáo ở những cảnh ngộ đầy nước mắt như vậy. Các Đấng Tối cao của các tôn giáo là người luôn hướng dẫn mọi người sống một đời an lành, hạnh phúc, không cấu xé lẫn nhau. Đó cũng là ước mơ của nhà văn Ngô Thế Vinh, và cũng là ước mơ của bao người. Nhưng chiến tranh được điều khiển bởi những tập đoàn quyền lực. Cho nên giấc mộng của những người lính bình thường, hay những những người dân thấp cổ, bé miệng khó thành hiện thực. Kết thúc câu chuyện ông viết *"Gió lung lay cả đêm dài vô minh đang bao trùm khắp Á châu lục địa."* (Trang 38). Chữ "lung lay", bản chất không mới, nhưng ông dùng rất hay, trong trường hợp này, tạo cho người đọc thấy cái sầm sập, dữ dội của gió, thấy cái trùng trùng, phẫn nộ của bão. Khi nói *lung lay*, người ta thường sử dụng trong những hình ảnh có gốc, có rễ. Cây dừa đang lung lay trong cơn gió mạnh, căn nhà đang lung lay trước cơn bão táp. v.v. Hình ảnh cho thấy một phần gốc còn dính lại, và cả thân hình đang lắt lư, đong đưa, nghiêng ngã. Nhưng ở đây là màn đêm. Màn đêm biểu tượng cho cái gì trong thời điểm bấy giờ? Có phải là chiến tranh. Nếu vậy thì cái gốc của chiến tranh ở đâu? Và gió tiêu biểu cho sức mạnh nào để lung lay cái gốc rễ chiến tranh? Mỗi người đọc, ở một vị thế khác nhau trong cuộc chiến, có một câu trả lời khác nhau. Truyện ngắn đã đến con chữ cuối cùng, nhưng chưa thật sự chấm dứt, bởi ông đã để lại những câu hỏi chưa có câu trả lời khiến cho vấn đề không ngừng lại ở đó. Đây là thành công lớn của người viết truyện ngắn.

Vì hiểu được bản chất của chiến tranh không bắt đầu từ những người lính, ở cả hai phía, cho nên người lính Ngô Thế Vinh vẫn luôn mang

thông điệp nhân bản trên vai ông, ngay cả ở những phút giây hiểm nghèo nơi chiến trường. Và dù có tạo nên thêm vài tổn thất cho bên kia thì hòa bình vẫn không đến sớm hơn được. Người lính không là gốc rễ chiến tranh thì cũng khó là bắt đầu của một hòa bình. Nhiều truyện ngắn của ông chuyên chở ý nghĩa này. Xin được nêu ra một ví dụ thật nhỏ nhoi trong suốt bản văn của ông. *"Khi đoàn trực thăng đã thực sự rời xa bãi, tên trung sĩ cận vệ thân tín lên tiếng nhắc tôi và cố nói to: "Em thấy là Hổ xám quên." "Không, lần này không phải tao quên." Nó nhắc tôi việc gài một trái lựu đạn rút kíp dưới xác người tù binh mới chết phải bỏ lại dưới bãi. Hơn một lần địch đã hành động như vậy và gây cho chúng tôi tổn thất. Nhưng ở lần này thì tôi nghĩ lại rằng cho dù có làm thêm một cạm bẫy xác nữa, gây thêm được một vài chết chóc, không vì thế mà ngày mai Hòa bình sẽ trở lại sớm hơn."* (*Hòa bình không sớm hơn*, trang 63)

Truyện ngắn *"Người Y Tá Cũ"* kể về người y tá, tên Tụng, trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau tháng Tư 1975, anh là một trong số rất hiếm hoi những hạ sĩ quan của chế độ cũ được lưu dụng để làm việc tại một bệnh viện. Cũng chính nơi đây anh được săn sóc những người chiến hữu của anh, những người đang mang thương tật, sống vất va vất vưởng, không bao giờ được ngó ngàng tới, mà cuộc sống chỉ còn là thoi thóp. Dĩ nhiên anh làm sao ngoảnh mặt, bởi ngoảnh mặt trước niềm đau thì nỗi đau ấy tăng gấp hai. Nó là niềm hạnh phúc của anh, hạnh phúc của một người y tá bình thường sau cuộc chiến. *"Có lẽ suốt cuộc đời còn lại, chẳng bao giờ Tụng có thể quên được những đôi mắt trống vắng lạnh tanh của những người thương binh cũ, còn xa hơn cả sự tuyệt vọng buồn thảm, họ chưa chết hết phần xác nhưng đã chết cả phần hồn. Cuộc sống chỉ là đếm thêm cho mỗi từng ngày."* (Trang 117). Nhưng niềm hạnh phúc mong manh của Tụng cũng bị tắt ngúm. Anh bị sa thải, trở lại quê nhà và tiếp tục cuộc đời ruộng nương thuở trước. Không giúp được bao nhiêu cho chiến hữu thương tích đầy người, nhưng được sống bên Mẹ già cũng là niềm hạnh phúc mới, dù rất nhỏ nhoi, của anh. Niềm hạnh phúc nhỏ nhoi đó không kéo dài được bao lâu thì tai vạ ập tới. Giữa đời sống dân thường, giữa ruộng nương chất phác, *"đang miên man giữa cái hạnh phúc của đất và người, bất chợt bàn chân Tụng đạp lên một vật như thép lạnh cứng - chưa kịp rút chân lại thì "ụp" tiếp theo là tiếng kêu "má ơi!" Cảm giác đau như xé khiến Tụng ngã quỵ, nhìn xuống thì một bàn chân đã đứt rời. Kinh nghiệm chiến trận khiến Tụng nhận ra ngay không phải lựu đạn mà là thứ mìn chuỗi chống cá nhân, chẳng biết ai đã ném vô và nằm im trong đám ruộng nhà mình tự bao giờ.... Hòa bình rồi hạnh phúc tính là dài lâu*

nhưng rồi ra cũng chỉ là tính riêng cho mỗi từng ngày" (Trang 122). Ước mơ khi còn chiến tranh là được sống trong cảnh thanh bình. Nhưng sau tháng Tư 1975, đất nước có hòa bình, nhưng niềm hạnh phúc cũng chỉ là ngàn cân treo sợi tóc! Niềm vui chỉ được tính từng ngày. Niềm vui không phải tràn trề, đầy ắp để được quyền chọn lựa theo lối tuyên truyền mỗi ngày chọn một niềm vui.

Những ước mơ bình thường của người dân trong thời kỳ chiến tranh bị bóp chết từ trong trứng nước. Niềm hạnh phúc sau khi đất nước thống nhất cũng chỉ là niềm hạnh phúc được tính từng ngày. Tuy nhiên, Ngô Thế Vinh không hề bỏ cuộc. Con đường ông đã vạch ra từ mấy chục năm trước, ông vẫn cứ đi, dù chông gai vẫn đầy dẫy và hố ngăn cách vẫn trùng trùng. Bởi, không có gì ngăn cản một trái tim rộng mở tình thương. Không có gì làm chùn bước một tấm lòng tha thiết với đời. Ở lớp tuổi tri thiên mệnh, làm một lưu dân, giấc mộng con năm 2000 vẫn bừng bừng trong ông như thời mới lớn. Giấc mộng con là làm sao để tạo được một thế đứng cho lớp lưu dân, dựng nên một gạch nối để thắt chặt tình thân và sự gần gũi cho trăm họ đang lìa xa Tổ Quốc. "*...Bước khởi đầu vận động hình thành không phải chỉ là một mái nhà cho hội y sĩ, mà bao quát hơn là một Convention Center, một tòa nhà Văn hóa, một viện Bảo tàng, một Công viên Việt Nam. Đó phải là công trình biểu tượng có tầm vóc, sẽ được thực hiện ưu tiên qua từng giai đoạn. Nếu nghĩ rằng ngôi đình là biểu tượng cho cái thiện của làng, thì khu công viên văn hóa ấy là biểu tượng cho cái gốc tốt đẹp không thể thiếu cho các thế hệ di dân Việt Nam từ những ngày đầu đặt chân tới lục địa mới của cơ hội này, nó sẽ như một mẫu số chung rộng rãi cho một cộng đồng hải ngoại đang rất phân hóa, giúp đám trẻ hãnh tiến hướng Việt tìm lại được cái căn cước đích thực của tụi nó.*" (*Giấc mộng con năm 2000*, trang 154) Ngô Thế Vinh luôn nhìn về phía trước, bởi giá trị của quá khứ là bàn đạp để hướng về tương lai. Vì thế, niềm *"ao ước không phải để có một ngôi đền thờ phụng, mà là một mái ấm của Trăm Họ Trăm Con, nơi ấy sưu tập và lưu trữ những giá trị của quá khứ, nơi hội tụ diễn ra sức sống sinh động của hiện tại, và là một điểm tựa thách đố hướng về tương lai, chốn hành hương cho mỗi người Việt Nam đang sống bất cứ ở đâu trong lòng của thế giới."* (trang 157). Đây là một giấc mơ đẹp. Giấc mơ không chỉ của riêng ông mà là của rất nhiều người. Một người không nặng lòng với Tổ Quốc, với Quê Hương, không kỳ vọng vào tương lai của lớp trẻ, không bao giờ nghĩ được đến những điều này. Từ những dòng chữ đầu tiên, đến những con chữ cuối cùng của tập sách, người đọc thấy lấp lánh một tấm lòng.

Tuy nhiên, chỉ ước mơ, chưa đủ. Ước mơ mà thiếu sự chuẩn bị, thiếu một hướng đi đúng thì những ước mơ này trước sau cũng chỉ là mơ ước. Ông hiểu như vậy. Và đây, một sự gợi ý, một hướng đi để biến giấc mơ trở thành sự thật của ông. *"Mỗi Y Nha Dược sĩ đóng 2000 mỹ kim như một phần khấu trừ thuế rất nhỏ trong phần thuế khóa rất lớn mà họ đóng góp hàng năm trên các vùng đất tạm dung đang cưu mang họ, thì với một ngàn người tham gia số tiền hành sự đã lên đến hai triệu đô la tiền mặt, với tiềm năng ấy thì không có việc gì mà hội Y Nha Dược thế giới không làm được..."* (trang 146) hay *"Bước khởi đầu chỉ đơn giản chỉ một đô la cho mỗi đầu người mỗi năm thì chúng ta đã có hơn một triệu mỹ kim cộng thêm với hai triệu mỹ kim nữa của Hội Y Nha Dược, Hội chuyên gia và các hội doanh thương. Sẽ không phải là nhỏ với ba triệu đô la mỗi năm để làm nền móng khởi đầu cho Dự án 2000 ấy."* (trang 155)

Đọc đến lối gợi ý để giải quyết những bế tắc đương thời, hay nói rõ hơn là hướng đi để biến giấc mộng con thành hiện thực, người đọc có hơi ngờ ngợ với những điều mà ông đưa ra, dù đó là những điều tâm huyết. Với những người dân bình thường, việc quyên góp khó, nhưng dễ. Khó ở chỗ, họ là những người có lợi tức thấp, và dễ ở chỗ, tấm lòng họ luôn rộng mở vì lợi ích cho công cuộc chung. Điển hình qua những lần lạc quyên, đóng góp giúp đỡ đồng bào tị nạn, qua những công cuộc đấu tranh chung. Với hai triệu đô la mỗi năm, từ hội Y Nha Dược, thành quả này có được hay không, cần phải xét lại. Người dân thường đã mất niềm tin nơi giới Y Nha Dược khá nhiều, trong suốt những ngày tháng lưu vong. *"Là bác sĩ ở Mỹ có nghĩa là đã thuộc vào thành phần xã hội trung lưu trên cao, địa vị hoàn cảnh của họ là ước mơ ngay cả đối với rất nhiều người Mỹ bản xứ."* (trang 151). Điều này không ai phủ nhận, nhưng "của" đóng góp và "cách" đóng góp của giới này vẫn là một dấu hỏi lớn từ những ngày đầu làm một lưu dân cho đến nay.

Dĩ nhiên, độc giả vẫn hiểu, Giấc mộng con năm 2000, trước sau cũng chỉ là giấc mộng của Chính, tên của một y sĩ trong truyện, hay giấc mộng của Ngô Thế Vinh. Nói một cách khác, đây chỉ là một truyện ngắn, một tiểu thuyết chứ không phải một dự án để bàn luận đến sự giải quyết rốt ráo một vấn nạn lớn - hố cách ngăn, chia rẽ, hay lòng người phân tán trong cộng đồng người Việt lưu vong hôm nay.

Bên cạnh lối văn đầy cuốn hút, *Mặt trận ở Sài Gòn* còn một số điểm mà tác giả quên để ý khi để những rung động của mình tự do trào ra ngòi bút. Tôi xin đơn cử một vài điểm sau.

Trong truyện ngắn *Một Bức Tường Khác* người đọc thấy sự lẫn lộn

trong lối tính thời gian của ông. Trong truyện này, Ngô Thế Vinh đã viết về một người lính Hoa Kỳ, Jim, từng tham chiến Việt nam và Phan một bác sĩ Việt nam từng trị bệnh cho Jim trên đất nước Hoa Kỳ, sau cuộc chiến. Câu chuyện xoay quanh Jim và kết thúc bằng hình ảnh tự tử của anh. Câu chuyện được viết tại Brooklyn vào tháng 2, 1991. Mở đầu câu chuyện, ông giới thiệu *"Jim 40 tuổi, người Mỹ da đen, là cựu chiến binh Việt Nam."* (trang 94). Dĩ nhiên, người đọc hiểu rằng số tuổi của Jim không phải tính ở thời điểm hôm nay, mà là tính ở thời gian ông viết câu chuyện, tức là vào tháng 2 năm 1991. Nghĩa là Jim phải sinh năm 1951. Đoạn giữa ông viết *"Jim đã ở trong quân đội gần năm năm, từ 66 tới 71. Với một lý do nào đó, hắn đã không được nhận vào Thủy quân lục chiến như ý nguyện. Do kỳ thị, hắn nghĩ vậy. Nhập ngũ, hắn được huấn luyện quân sự cơ bản chỉ trong tám tuần tại căn cứ Fort Jackson, tiểu bang Nam Carolina, sau đó học thêm cấp tốc tám tuần lễ nữa về tác chiến bộ binh. Hắn được nghỉ phép ba tuần lễ về Compton với mẹ và các bạn hắn trước khi được gởi qua Việt Nam"* (Trang 96) Đến đây, người đọc thấy gì? Jim sinh năm 1951 và vào lính năm 1966, nghĩa là lúc đó anh mới vừa... 15 tuổi và được gởi sang tham chiến tại Việt Nam sau một thời gian ngắn huấn luyện. Đây là sơ hở, là lỗ hổng trong lúc dàn dựng câu chuyện. Sơ xuất này làm cho người đọc đặt dấu hỏi, và sức thuyết phục của bản văn giảm đi rất nhiều.

Cũng trong truyện ngắn này, ông viết *"Tôi phải dùng tới lưỡi lê để cận chiến với tụi nó. Lưỡi dao đâm lút cổ tên VC, máu vọt ra đầy mặt, rồi đầu và thân dứt lìa.* (Trang 101). Ở đây vì muốn diễn tả cảnh ghê rợn trong lúc cận chiến, tác giả đã dùng đủ: dao đâm, máu vọt, đầu và thân đứt lìa. Hành động đâm, máu vọt ra tia vòi, đúng. Nhưng đầu và thân không thể đứt lìa khi bị đâm! Khi đâm chỉ có thể bị lủng từ trước ra sau, từ trái sang phải hay ngược lại mà thôi. Chỉ bị đứt lìa khia nào bị chặt. Hình ảnh dùng như vậy là không chính xác. Trong một lối viết rất lôi cuốn, tác giả sơ ý để lọt một hình ảnh không thật, sẽ làm cho độc giả ngờ ngợ điều ông muốn gởi gắm trong suốt câu chuyện. Có khi điều ngờ ngợ này còn đi xa hơn nữa.

Xuyên suốt tác phẩm, nhà văn Ngô Thế Vinh rất ít khi nhắc đến hình ảnh của bà Mẹ, những bà Mẹ Việt Nam đúng nghĩa. Tuy vậy, ông có nhắc lại một chi tiết rất cảm động. Một bà Mẹ đã đau với cái đau triền miên của đất nước và lòng rộng mở vô biên, bất chấp "tai vách mạch rừng" của chế độ, một chế độ mà ngay cả cha và con còn chưa thể tin được nhau. *"Hòa bình rồi được có con về là má vui, mặc cho họ nói chi thì nói, cái mửng*

bắt má dẹp khung hình thằng Ba thằng Tư trên bàn thờ là không khi nào má chịu. Lính ngụy hay không lính ngụy tụi nó vẫn là con Má. Chòm xóm có gia đình nào mà không có con vô lính rồi chết trận, vẻ vang hay không vẻ vang có cái đau nào bằng cái đau của bà Mẹ mất con. Họp tổ phường khóm má nói toáng như vậy, chịu hay không chịu thì thôi..." (*Người y tá cũ*, trang 120). Một vài nét cọ, ông đã tạo nên một bức tranh đẹp, một hình ảnh sắc nét, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người thưởng ngoạn. Hình ảnh bà mẹ rõ ràng, dứt khoát, sẵn sàng nói những điều muốn nói và nghĩ những điều dám nghĩ nhưng lòng thương con thì bao la, vô tận. Đây là một thành công khác của ông.

Qua *Mặt Trận ở Sài Gòn*, người đọc thấy Ngô Thế Vinh rất chú trọng tới cách hành văn. Từ trang đầu tới trang cuối, từ những truyện ngắn được viết ở những năm đầu thập niên 70, đến những truyện ngắn mới viết gần đây, tác giả vẫn sử dụng một lối viết gãy gọn, khúc chiết. Câu văn không lê thê để tạo sự "ẩn mật", bùa chú. Câu văn không ngắn cũn cởn kiểu chặt khúc, bẻ đoạn, uốn éo chữ nghĩa để làm dáng như một mốt thời thượng. Điều này cho thấy ông rất cẩn trọng để văn chương không tuộc dốc như sức người giảm theo năm tháng. Và cũng chính điều này đã nói lên được sự thiết tha với chữ nghĩa của ông dù ông đã từng phải đối diện với bao nhiêu thăng trầm, dâu bể của đời thường. Xa hơn nữa, người đọc không hề thấy ông phẫn nộ, mà trước sau vẫn bình thản với ngôn từ.

Mặt Trận Ở Sài Gòn còn đôi điều khiếm khuyết nhỏ. Mà làm gì có sự hoàn hảo trong văn chương, trong nghệ thuật? Điều quan trọng là nó dàn trải được, và nói thay được cho rất nhiều người trong chúng ta, những người Việt đang sống trên mọi vùng của trái đất.

Nhà-văn-của-thời-cuộc là người sống thực và nói thực lòng mình. Họ dùng ngòi bút để đẩy cuộc đời đi xa hơn, lên cao hơn. Trong một xã hội nhiễu nhương, họ dùng ngòi bút hướng dẫn quần chúng đấu tranh để tiến tới một xã hội tiến bộ. Trong một xã hội tiến bộ, họ vẫn tiếp tục đấu tranh để khuôn mặt xã hội sáng hơn, đẹp hơn. Không bao giờ họ chịu ngưng nghỉ. Ngô Thế Vinh là một trong số hiếm những nhà-văn-của-thời-cuộc, hôm nay.

Vài cảm nhận về cách viết qua truyện ngắn của Lâm Chương

Lương Thư Trung

Vào những ngày gần cuối thế kỷ hai mươi, sự xuất hiện bút hiệu Lâm Chương với tập truyện ngắn đầu tay, *Đoạn đường Hốt Tất Liệt*, do Văn Mới xuất bản năm 1998, đã gây được tiếng vang trên văn đàn hải ngoại . Và vào đầu năm 2000, tập truyện ngắn thứ hai, *Lò Cừ*, do Tạp chí Văn Học tại Hoa Kỳ xuất bản, lại chào đời trong sự chờ đợi của bạn đọc bốn phương.

Cả hai tác phẩm này chưa biết sau này sẽ ra sao, vì tác phẩm văn chương nào cũng phải chịu sự thử thách của một thời gian khá dài mới biết được giá trị và vị trí của nó, nhưng trong hiện tại, hai tập truyện này đã làm thành một hiện tượng văn học đáng chú ý nhất . Bởi lẽ, từ hơn ba mươi năm nay, người đọc chỉ biết tác giả Lâm Chương qua những vần thơ đăng trên Văn, Bách Khoa, Khởi Hành hồi trước năm 1975, và sau đó in thành sách với thi phẩm *Loài Cây Nhớ Gió* xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1971. Ghi lại điều này, có nghĩa từ phía người đọc cũng như các văn hữu của tác giả, từ trước đến nay cứ đinh ninh rằng Lâm Chương là một nhà thơ hơn là một nhà văn. Điều thú vị là qua tài viết văn xuôi với thể loại truyện ngắn, Lâm Chương đã đem lại cho sinh hoạt văn học hải ngoại một không khí vừa mới mẻ, vừa phong phú, vừa hấp dẫn qua hai tác phẩm mới phát hành này.

Trong một bài viết "Gặp Nhà Văn Lâm Chương Bên Bờ Hồ Mystic" hồi mùa hè 1999, chúng tôi có lược sơ qua về những đức tính của nhà văn Lâm Chương qua những phút nói thật về đời sống, về thời gian hình thành những truyện ngắn cũng như về những câu chuyện trong các truyện, về bút pháp, về những bí quyết khi viết ... Tất cả, khi đem đối chiếu lại với 30 truyện trong cả hai tập truyện ngắn vừa nêu, qua cảm nhận của một

người đọc với mức hiểu biết bình thường, cho phép chúng tôi rút ra được một số các đặc điểm trong truyện ngắn của Lâm Chương thật thú vị.

Trước hết, cái điểm chung nhất là hầu hết các truyện ngắn Lâm Chương luôn dùng ngôi thứ nhất với chữ "Tôi", như ngầm cho người đọc nhận ra những gì tác giả viết đều là những câu chuyện được kể lại thật đầy đủ và có thật về cuộc đời của chính tác giả. Do vậy, yếu tố thật ấy đã là một trong nhiều lý do làm truyện của Lâm Chương hấp dẫn. Hấp dẫn vì Lâm Chương không khoe khoang cái dũng, cái hùng, cái gan dạ của đời mình khi tác giả viết về những ngày lính chiến cũng như những ngày tù đày khổ nhục.

Truyện của Lâm Chương như một bức hình chụp trung thực nhất về cái run sợ trước súng đạn của người lính khi lâm trận. Chẳng hạn, trong *Một Vùng Hung Bạo*, Lâm Chương viết:

"Khi tôi đang nạp đạn thì thằng Tĩnh la thảng thốt: "Thiếu úy ơi, nó tới đông quá ." Tôi nhổm dậy, bắn liên thanh vào những tên đang tiến về phía tôi . Mắt tôi hoa lên vì mệt, vì nắng, vì khát và vì ... quá sợ ..."

(*Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, trang 140).

Trong một truyện khác, truyện *Định Số*, tác giả viết:

"Trong bóng đêm lờ mờ, tôi thấy mọi người đang lao xao, tất bật xách súng đạn nhào ra kháng tuyến. Tôi cũng quơ vội súng đạn, phóng xuống hố cá nhân, nằm chết điếng, không dám ngóc đầu lên..." hoặc *"quả thật, đã có mấy trái B40 nổ chát chúa gần bên tôi rồi . Nhưng, tôi không đi đâu hết. Không phải tôi gan, chỉ vì quá sợ, tôi không dám lố đầu lên khỏi mặt đất mà thôi ."* (ĐĐHTL, trang 103). Tác giả cho người đọc nhận ra rằng trong trời đất này, đôi lúc không phải vì gan dạ, mà nhờ sợ con đỉa đeo vào mình mà đã biến một người sợ chết hoá ra kẻ thắng trận trong một trận tấn công của đối phương. Chúng ta thử nghe Lâm Chương kể: *" Nỗi sợ đỉa lớn hơn nỗi sợ hoả lực của địch, tôi vụt đứng dậy, quơ tay làm thủ hiệu tấn công, miệng la lớn "Xung phong. Xung phong."*

(ĐĐHTL, trang 106)

Nhưng với nhân vật xưng "tôi" của Lâm Chương, qua lòng tự trọng của một người lính, tác giả đã làm người đọc chia sẻ, cảm thông tâm trạng lo âu, sợ chết của người lính lúc lâm nguy hơn là coi thường, chê bai . Và đặc biệt, trước những lời khen thưởng hết lời của thượng cấp, người lính của Lâm Chương biết "mắt cở đỏ mặt", đủ khiến cho chúng ta càng ngưỡng mộ những con người không phải lúc nào cũng muốn giành cho mình những ưu đãi, những mề đai, những cấp bậc khi mình không thật sự gan dạ, can trường: *"Nghe ông tiểu đoàn trưởng nói, tôi mắc cở đỏ mặt. Lần*

này định mệnh dùng con đỉa rượt tôi chạy về phía trước, để người ta lầm tưởng là một tên anh hùng gan dạ." (ĐĐHTL, trang 107).

Riêng về các truyện ngắn mà Lâm Chương viết về những ngày lao tù, cái nét thật mới gần gũi biết bao khi chúng ta đã hơn một lần trải qua những tháng năm lỡ vận lên rừng đốn cây, vác củi . Nhưng có lẽ, so với cái nỗi đau và cái đói khổ, chắc chắn hoàn cảnh của Lâm Chương cũng như nhiều người cùng cảnh ngộ phải lê tấm thân tàn lên miền thượng du Bắc Việt phải cơ khổ hơn nhiều so với các nơi khác thuộc miền đồng bằng. Thế mà, khi sắp chuẩn bị rời xa trại cũ, trớ trêu thay, những gì mà mình gặp mỗi ngày, từ tấm liếp đan bằng sậy đầy rệp để lót chỗ nằm cho đến cái lò, cái bếp và kể cả những hàng rào giam giữ các tù nhân lại trở nên nỗi nhớ nhung luyến tiếc lúc sắp sửa chuyển trại. Đây là tấm lòng rất thật của nhà văn và cũng là tâm trạng của chúng tôi mỗi lần dời trại mới. Những quyến luyến ấy khó mà cắt nghĩa tại sao. Chừng như cỏ cây, vạn vật mọi thứ khi ở gần ta quen rồi, đến lúc xa ta, tất cả đều có tâm hồn. Thử đọc lại điều này qua ngòi bút Lâm Chương trong *Thượng Du Niềm Thương Nhớ* :

"Nhìn lại, lán trại đìu hiu. Cái sạp, nơi tôi nằm, trống hoang lạnh lẽo, mới đây mà cơ hồ đóng bụi. Cái ống bương đựng nước rửa mặt mỗi sáng, nghiêng đổ dưới sàn. Cái giỏ phong lan, tôi đem về từ ngoài rừng, treo trên vách nứa, như cũng có hồn biết rầu rĩ chia xa . Hàng rào trại, không còn cần thiết nữa, bị phá một khoảng để lấy lối đi tắt, cũng làm tôi nao lòng. Chẳng phải tôi đã từng khó chịu vì cái hàng rào này, và mong được ở ngoài vòng kiềm toả của nó hay sao ? Rời khỏi nơi đây, một chốn đã trở thành thân quen, tất cả những gì bỏ lại, đều làm tôi thương nhớ ."

(ĐĐHTL, trang 194).

Trong 13 truyện của tập *Lò Cừ*, chúng tôi cũng nhận ra cái nét thật bàng bạc như vậy trong mỗi truyện . Từ *Trường Sơn Gửi Lòng Ở Lại* đến *Gió Ngược, Ngôi đình Cũ, Viễn Thám* vân...vân..., cho đến truyện cuối tập sách, *Những Ngày Mắc Cạn*, và đặc biệt truyện chính mang cùng tên quyển sách, *Lò Cừ Nung Nấu Sự Đời*, là một sự thật chiếm 100% của một xã hội buổi giao thời với lương tri của người thầy thuốc bị đánh mất trước mạng sống của người khác lúc lâm nguy. Bởi lẽ, đây là câu chuyện thật trong gia đình của chính tác giả, mà nạn nhân chính là đứa con trai của ông, tên là Lâm Khang, mà nhiều lần Lâm Chương thường nhắc lại với bạn bè .

Trên đây là một vài dẫn dụ về cái nét thật trong vô số các nét thật như vậy trong nhiều truyện. Chính vì vậy, đọc truyện ngắn của Lâm Chương,

người đọc yêu cái lòng chân thật đó . Với giọng văn như kể chuyện, Lâm Chương đã tạo cho mình một cách viết truyện nối kết thật chặt chẽ. Người đọc phải đọc từ đầu đến cuối truyện mới theo dõi câu chuyện theo một trình tự khít khao không cắt xén được. Hầu hết 30 truyện của Lâm Chương trong hai tập truyện ngắn *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* và *Lò Cừ* đều theo cách viết chặt chẽ đó .

Đặc điểm kế tiếp trong cách viết của Lâm Chương là các câu văn thường ngắn gọn. điều đó cho thấy tác giả hết sức cẩn thận trong việc dùng các dấu phết, dấu chấm. Sở dĩ dùng câu ngắn và chấm phết kỹ lưỡng, dứt khoát như vậy không ngoài mục đích trước tiên là tác giả muốn làm cho câu văn của mình thật gọn gàng và sáng sủa . Lâm Chương luôn cho rằng, "mình viết mà độc giả không hiểu ý mình muốn viết gì có nghĩa là mình bất tài". Do vậy mà, trong bút pháp của ông, ít khi người đọc bắt gặp những câu dài thườn thượt, hoặc các chỗ ngắt câu bằng dấu chấm phết không rõ ràng, thiếu mạch lạc. Có thể dẫn chứng ra đây vài câu văn như vậy trong vô số các câu văn ngắn gọn trên mỗi trang sách của Lâm Chương :

"Tôi sang Mỹ, không theo cái nghĩa bi quan của đời trôi giạt. Tôi đi có định hướng. Năm lần bảy lượt vượt biên. Cuối cùng, tôi đã tới đích. Sống ở đây, tương đối dễ thở . Tiền bạc, có chánh phủ cấp. Quần áo, có nhà thờ lo" . (ĐĐHTL, trang 116). Hoặc trong truyện *Lên Rừng Thăm Bạn*, có đoạn: *"Tôi đến với anh Khan được ba ngày . Lòng đã chán. Anh ít nói đến độ lầm lì . Sau bữa cơm chiều, anh thường ngồi bập thuốc rê, trầm tư. Lưng anh hơi còng xuống."*(ĐĐHTL, trang 15). Qua hai đoạn vừa trích, câu văn Lâm Chương trung bình khoảng sáu hoặc bảy chữ trong một câu là thường mà vẫn tròn ý, không thiếu, không thừa . Chính vì vậy mà văn của Lâm Chương rất sắc gọn, súc tích.

Thêm vào đó, chữ dùng của ông rất chính xác, bình dị, đôi lúc mộc mạc mà vẫn không làm cho nội dung của các truyện trở nên nghèo nàn. Chẳng hạn như tác giả dùng chữ "bập" trong câu văn vừa trích dẫn ở trên cũng như đoạn văn sau đây, trong *Lên Rừng Thăm Bạn*, tác giả lại lập lại chữ "bập" thêm một lần nữa: *"Anh ngó mong ra rừng, nói chậm rãi, thỉnh thoảng dừng lại một lúc lâu để bập vài hơi thuốc ."*(*Lò Cừ*, trang 16), đã gợi cho người đọc hình ảnh độc đáo của người nhà quê hút thuốc vấn bằng giấy quyến. Vì thuốc lá trồng ở các miệt rẫy thường trong đất có phèn nên thuốc lá cũng bị phèn, điếu thuốc đang hút dễ bị tắt lửa . Do vậy, người hút thuốc phải "bập, bập" điếu thuốc hoài, nếu không điếu thuốc sẽ bị tắt. "Bập" là tiếng kêu của hai cái môi chập vào nhau khi hít hơi thật

mạnh vào để cho điếu thuốc cháy lên. Nếu chỉ dùng những chữ khác như "hít một hơi", "hút một hơi", "kéo một hơi", câu văn không lột tả hết hình ảnh và cảnh tượng người ở miệt quê hay trên rừng thiếu cả những điếu thuốc ngon, thơm khói, không bị phèn.

Trong cách dùng chữ cho câu văn của mình, Lâm Chương còn chú ý đến các từ ngữ cho phù hợp với từng địa phương, nhất là trong các mẩu đối thoại . Người miền nào nói theo giọng người miền nấy, cốt ý làm cho người đọc không lẫn lộn được và cũng để cho các câu đối thoại thêm sống động. Trong truyện *Chỉ Còn Một Nơi Trở Lại*, Lâm Chương đã cho nhân vật của ông, người bạn tù trẻ ngoài Bắc, kể lại câu chuyện đời mình bằng giọng Bắc: *" Nó chạy về mách với bố nó . Bố nó dẫn nó lại nhà cháu mách với bố cháu . Buộc bố cháu, phải đánh cháu, trước sự chứng kiến của bố con nó . Bố cháu sợ, muốn làm vừa lòng thằng xã uỷ . Bố cháu quất cháu túi bụi bằng sợi thừng đan bằng lạt tre . Đau quá . Cháu quằn người như một con giun. Cháu rên, nhưng không khóc . Bu cháu sợ hãi, nép bên cửa . Khóc, xót cho cháu ."*

(ĐĐHTL, trang 64).

Một điểm khác góp thêm vào nét riêng biệt trong văn Lâm Chương là các mẩu đối thoại vừa ngắn gọn, vừa tự nhiên như những lời nói ngoài đời thường. Văn đối thoại mà thiếu cái nét tự nhiên, cốt truyện dù có thâm thuý đến mấy, giá trị của tác phẩm cũng bị sút giảm. Vì người đọc là đọc bản văn trước rồi mới cảm nhận cái ý mà tác giả muốn gởi gấm. Vì thế nếu đọc phải những câu đối thoại dài lê thê, mang dáng vẻ gượng ép, không giống thật, người đọc chắc gì đã đọc hết một truyện ngắn, một tác phẩm, nói chi đến việc đưa ra nhận xét về ý tưởng, nội dung . Có tiếp xúc với Lâm Chương, người đọc càng thấy các câu đối thoại ông viết giống như ông đang nói chuyện hằng ngày trong đời sống. Đôi lúc, tác giả còn thêm vào những câu đối thoại cái nét bi hài, dí dỏm nên càng làm cho truyện của ông sinh động một cách tự nhiên. Ví dụ mẩu đối thoại sau đây của chàng rể Tàu thật buồn cười, làm cho người đọc cũng bắt tức cười theo, trong truyện *Cơ Ngơi Ngày Cũ*:

" Ngoại tôi hỏi chàng rể Tàu:

-Sao người trong dòng họ nhà ta chưa khá ?

Ba tôi, tức chàng rể Tàu, nói:

-Ngộ lâu piết.

-Thế sao thầy của mầy bảo cái khu gò mả nhà ta là linh địa?

-Nó lâu phải thầy của ngộ .

-Vậy nó là ai ?

-Là người cùng một làng với ngộ, ở pên Tàu .

-Sao mày đi chung với nó ?

-Ở pên Tàu, nó nghèo, ngộ cũng nghèo . Nó rủ ngộ qua Việt Nam làm giàu . Nhưng xứ Việt Nam cũng nghèo quá . Nó dẫn ngộ li chỗ này chỗ kia hoài . Ngộ than mỏi cẳng. Nó muốn pỏ ngộ ở lại nhà nị . Có cơm ăn, có vợ ngủ ."(Lò Cừ, trang 148)

Ngoài ra, trong truyện ngắn Lâm Chương, các câu văn thường thường câu trên đối với câu dưới từ lời đến ý một cách chặt chẽ . Rải rác trong 30 truyện ngắn của hai tác phẩm vừa kể đều thấy thấp thoáng các vế đối như vậy.

Lần gặp Lâm Chương bên bờ hồ Mystic hồi mùa Hè 1999, chúng tôi có hỏi ông nghĩ gì về các vế đối này, tác giả chỉ cười và lúc bấy giờ ông mới nhận ra điều đó khi có người đọc đưa ra nhận xét, rồi Lâm Chương xác nhận:

"Tôi chỉ viết hết sức tự nhiên, không làm kiểu cách."

Sau đây, xin ghi ra một ví dụ tiêu biểu về các vế đối này trong truyện Trường Sơn Gửi Lòng ở Lại:

"Dù có ghế, họ cũng không ngồi .

Vợ chồng đứng lố nhố .(...)

Đứa lớn biết chạy lon ton, hớp xong ly rượu, nhăn mặt, khè dài như rắn hổ mang, hai tay quạt lia lịa vào mồm.

Đứa nhỏ còn đai sau lưng, uống phải chất cay, hả họng khóc như đổ nước sôi vào miệng."

(*Lò Cừ*, trang 13).

Và một ví dụ khác cũng trong truyện ngắn này :

"Vỡ đất để cúng kiến Thần Rừng.

Được mùa để cảm tạ Trời đất.(....)

Các cụ già và những đàn ông trai tráng thường vui say bên ché rượu cần.(...)

Trai gái nắm tay nhau, nhảy cà tưng theo nhịp trống cơm, xoay vòng bên đống lửa ."(Lò Cừ, trang 15).

Từ những vế với ý tứ đối nhau như vậy, đọc truyện ngắn Lâm Chương làm người đọc nhận ra trong văn phong của ông có mang âm điệu các bài hịch. Về đặc điểm này, có thể giải thích, vì tác giả viết câu văn cô đọng, lại đối ý chặt chẽ, cùng với cái lòng của Lâm Chương chìm sâu vào những cảnh đời gặp lúc bể dâu, nên lời văn vang vọng lại cái âm thanh gờn gợn như vậy, như một triết nhân ngồi ngẫm suy việc thế sự man man vô tận. Thử viết lại vài câu văn của tác giả bằng cách xuống dòng sau mỗi dấu chấm câu, chúng ta sẽ dễ nhận ra điều này trong cách viết của Lâm Chương:

"Ở đây, không đo thời gian bằng kim đồng hồ.

Trưa nghe chim bắt-cô-trói-cột kêu trên đầu núi, biết đang mùa hạ.

Đêm nằm nghe cú rúc đầu hồi, biết đang mùa đông.

Thung lũng ít chịu mặt trời. Âm khí núi rừng pha trong sương đục, nhòa nhòa lán trại. Cái lạnh rờn rợn nhiễm vào người, lâu dần thành quen. Thiên nhiên tập cho con người biết chịu đựng.

Về với thiên nhiên, thở cùng cỏ cây .

đi trên đất ẩm, nghe mùi rong rêu lá mục .

Làm quen với muỗi đói vắt rừng.

Coi thường độc trùng rắn rít .

Ngồi lặng hàng giờ, ngắm những bông hoa dại âm thầm ngoi lên từ kẽ đá .

Thưởng thức tinh hoa của đất trời, cũng là một cách dưỡng sinh.

Dựa lưng gốc đại thụ, thấu lẽ câm nín ngàn đời .

Quên chuyện ngày trước .

Bỏ chuyện ngày sau.

Sống đời hoang dã.

Thú rừng vô tâm, không biết buồn .

Ai nặng thất tình lục dục, dễ bỏ mình giữa chốn thâm sơn..."

(*Thượng Du Niềm Thương Nhớ*, ĐĐHTL, trang 184).

Phải chìm trong hoạn nạn dữ lắm và cũng phải có cái tâm hồn thật nhạy cảm nữa, Lâm Chương mới cho người đọc một đoạn văn tuyệt diệu như vậy về cái lẽ trời đất, con người .

Sau cùng, có lẽ cũng nên ghi nhận thêm những phần kết của các truyện. Lâm Chương luôn đưa ra những câu kết khiến người đọc phải suy nghĩ nhiều về thân phận của nhân vật trong truyện so với cái bao la muôn trùng của cõi đời đầy biến đổi này, nhưng không thoát ra ngoài cái giới hạn một kiếp nhân sinh .

Chẳng hạn, câu kết trong truyện ngắn *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, tác giả viết:

"Tôi kêu lên sửng sốt :"Thằng Hon!" (ĐĐHTL, trang89).

Người đọc phải bâng khuâng trước cuộc gặp gỡ lạ kỳ mà cả hai người, nhân vật xưng "tôi" và "thằng Hon", đều không muốn gặp lại nhau trong hoàn cảnh khó xử này . Nhưng trước câu nói với vẻ hốt hoảng và ngỡ ngàng đó đã ẩn chứa cái lòng nhân của người ở thế thượng phong trong cuộc đối đầu. Và Lâm Chương đã thể hiện được cái lòng từ tâm ấy của một người lính quốc gia lúc kết thúc một bi kịch đời có thật . Ngoài ra, với câu kết này, tác giả còn phác họa ra cho người đọc thấy được nỗi bi thảm của cuộc chiến mấy mươi năm trên đất nước mình, những người mà mình

gặp nhau hằng ngày, rồi ra, là những kẻ tử thù trong chiến tranh như thằng Hon, con ông Tám Đê trong truyện. Hoặc câu kết khác trong tập *Lò Cừ*, truyện *Viễn Thám:*

"Tội nghiệp, sau cái đêm động phòng với vợ, nó đi luôn không bao giờ về nữa ." (*Lò Cừ*, trang 175).

Tác giả đã làm người đọc nghĩ về cuộc chiến vừa qua với biết bao người lính đã "đi luôn không bao giờ về nữa!" như Năng, như Nhiêu ?!? Làm sao tính nổi một bài tính tổng kết những mảnh đời bất hạnh trong đạn bom gần thết mấy mươi năm!!!

Tóm lại, phần kết của các truyện trong hai tác phẩm của Lâm Chương đều gợi ra cho người đọc những nỗi xót xa tương tự như vậy, nhiều lắm!

Nói tới giá trị của một tác phẩm văn chương, người đọc nghĩ nhiều đến phần chuyên chở của tác giả trong truyện nhiều hơn. Truyện ngắn của Lâm Chương cũng nghiêng nhiều về những nội dung như vậy . Nhưng có lẽ, để biết được truyện Lâm Chương viết như thế nào, cách hợp lý nhất là người đọc thử đọc hai tác phẩm của ông, sẽ rõ về những điều Lâm Chương đã viết trong vài năm nay. Qua cảm nhận của một người đọc, chúng tôi nhận ra rằng, Lâm Chương với cách viết riêng biệt, ông đã tạo được một văn phong mới lạ và lôi cuốn người đọc trong các truyện ngắn của mình. Dĩ nhiên, chỉ bút pháp không thôi, chưa đủ làm nên giá trị một tác phẩm văn học . Nhưng trong truyện ngắn của Lâm Chương, chính bút pháp mới mẻ đó đã làm cho các tác phẩm của ông trở thành một hiện tượng mới lạ, độc đáo trong sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại ngày nay .

Lương Thư Trung
Tháng 3 năm 2000.

Đã phát hành:
cuốn sách mới nhất của nhà xuất bản **Văn Học**

thần, người, và đất việt

(bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây
dày 370 trang. Giá 20 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

Hai mươi lăm năm qua

TRẦN MỘNG TÚ

Tôi nhìn dòng sông chấy
Hai mươi lăm năm qua
Tôi nhìn đám mây nổi
Tôi trôi, tôi trôi xa

Thời gian còn lại gì
Trong lòng bàn tay lạnh
Mở ra đi bàn tay
Năm cánh hoa đã héo

Thời gian tà áo lụa
Giờ là vuông vải nhầu
Trong ngăn đời gỗ mới
Không còn, không còn hương

Thời gian thành phố cũ
Những viên gạch lăn đi
Hàng cây ai đốn mất
Rung bước chân người về
Những ngôi nhà mới mọc
Trông như những thằng hề

Hai mươi lăm năm qua
Mắt người sao rất lạ
Dưới chiếc nón thời gian
Bó củi đời trắng xóa

Hai mươi lăm năm qua
Biết bao điều muốn nói
Đặt tay lên ngực nhau
Tim người sao rất mới

Vài ý kiến về dịch thuật

Ngự Thuyết

Tạp chí *Hương Văn* số 3 trong phần Góp Nhặt, Chu Chỉ Nhược đề cập tới cuốn *Đường Thi Tuyển Dịch* của Lê Nguyễn Lưu. Bài góp nhặt đó đại khái cho rằng khi dịch thơ Đường nên giữ đúng nguyên thể của bài thơ. Theo Chu Chỉ Nhược, bài Hoàng Hạc Lâu chẳng hạn đã được nhiều dịch giả Việt Nam chuyển ngữ, trong đó bài dịch của Tản Đà là một tuyệt tác, cho đến nay chưa ai qua mặt nổi, rất tiếc Tản Đà đã dùng thể lục bát thay vì thất ngôn bát cú như trong nguyên tác.

Tôi xin ghi lại dưới đây bài dịch của Tản Đà và bài dịch của Lê Nguyễn Lưu:

Gác Hoàng Hạc

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bày,
Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?
Tản Đà dịch

Lầu Hoàng Hạc

Mái lầu Hoàng Hạc còn trơ đó,
Đã khuất người xưa cỡi hạc vàng!

Một thuở hạc vàng đi mãi mãi,
Muôn đời mây trắng nổi mang mang...
Hán Dương sông tạnh cây san sát
Anh Vũ còn thơm cỏ mỡ màng.
Quê cũ chiều nay đâu đó nhỉ,
Trên sông khói sóng gợi sầu thương.
Lê Nguyễn Lưu dịch

Ở một đoạn khác, Chu Chỉ Nhược đề cập vắn tắt hai câu đầu tiên trong *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị được Phan Huy Vịnh dịch theo thể song thất lục bát và Lê Nguyễn Lưu dịch theo đúng nguyên thể. Chu Chỉ Nhược nhận xét thơ dịch của Lê Nguyễn Lưu "không hay bằng thật, nhưng chúng đã thể hiện đúng nguyên thể hành với những âm điệu mạnh mẽ trầm hùng của nó, chưa nói là chúng đã chuyển đúng những từ ngữ trong nguyên tác."

Những ý kiến trên đáng được ta lưu ý. Ta có thể có nhiều dẫn chứng khác. Bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* là một thí dụ. Nguyên bản của Đặng Trần Côn viết theo thể điệu nhạc phủ, câu ngắn câu dài chen nhau từ ba chữ cho đến mười chữ, trong khi bản dịch của bà Đoàn thị Điểm theo thể song thất lục bát. Bản dịch có những ràng buộc và hạn chế của nó, do đó lắm khi không diễn tả nổi cái hồn trong nguyên tác. Ta thử đọc đoạn sau đây trong nguyên tác:

Vị Kiều đầu
Thanh thủy câu
Thanh thủy biên
Thanh thảo đồ
Tống quân xứ hề tâm du du.
Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu
Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như châu.

(Đầu cầu Vị/ ngòi nước xanh/bên dòng nước xanh/đường cỏ xanh/ tiễn chân chàng chừ lòng vời vợi. Chàng đi đường bộ chừ thiếp giận không bằng ngựa. Chàng trẩy đường thủy chừ, thiếp giận không bằng thuyền.)

Đoạn trên được Đoàn thị Điểm dịch như sau:

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non

Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

Những câu dịch thật tài tình tuy thế không thể nào diễn tả nổi dụng công của chữ "thanh" được lặp đi lặp lại ba lần, của vần "u", "âu" kéo dài như bất tận, tạo nên cái âm điệu trùng trùng, mang mang, rầu rầu, u u, như dòng nước chảy mãi, như con thuyền trôi không ngừng, như vó ngựa đôn dập hối hả rồi chìm dần cuối chân trời.

Ở một đoạn khác:

Thanh thanh mạch thượng tang,
Mạch thượng tang, mạch thượng tang!
Thiếp ý quân tâm thùy đoản tràng?

(Ngàn dâu xanh xanh/ ôi ngàn dâu! ôi ngàn dâu!/ý thiếp lòng chàng ai dài ai ngắn?)

Đoàn thị Điểm dịch:

Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Cũng là hai câu dịch rất hay nhưng cũng không thể lột được dụng ý của tác giả khi lặp lại ba lần nhóm chữ "mạch thượng tang". Cụ Vân Bình Tôn Thất Lương, tác giả cuốn *Chinh Phụ Ngâm Khúc* – Dẫn Giải và Chú Thích, viết: "'Mạch thượng tang' cũng là tên một khúc hát 'Cổ nhạc phủ' của nàng La Phu gái có chồng ở nước Tần đi hái dâu mà Triệu Vương muốn yêu, bèn đặt tiệc rượu mời nàng. Nàng đến đàn tranh và hát khúc ấy để tỏ mình có chồng; sau vương nghe lời hát có lắm câu tỏ ý trinh chính bèn thôi. Ý dùng của nguyên văn rất thâm mà dịch giả không thể đem ra được, chỉ dịch 'Ngàn dâu xanh ngắt một màu' v.v..."

Lẽ dĩ nhiên ta không thể phủ nhận thiên tài Đoàn thị Điểm khi diễn nôm *Chinh Phụ Ngâm*. Thiên tài đó đã được thử thách qua thời gian, và bản dịch được nhiều người đồng ý rằng hay hơn nguyên tác. Dịch giả đã tung hoành trong khuôn khổ song thất lục bát một cách ung dung, thoải mái, tài tình, không chút vướng bận, không chút ngượng ngập. Muốn thế bà đã sáng tạo thêm và sử dụng nhiều kỹ thuật tu từ khác nhau như tượng trưng, hình tượng(imagery), nhân cách hóa, thậm xưng, giản lược, ẩn

dụ(metaphor), hiển dụ(simile), tương phản, nghịch ngữ, v.v...và đặc biệt là dùng thể liên hoàn và phép đối câu, đối đoạn.

Đã đọc qua chắc không ai có thể quên được những câu liên hoàn như:

Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

hoặc

Hướng dương lòng thiếp như hoa
Lòng chàng lãng đãng e tà bóng dương
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái
Hoa để vàng bởi tại bóng dương
Hoa vàng hoa rụng quanh tường
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

Rất nhiều cặp câu song thất là những câu đối ý, đối vần, đối chữ rất chặt chẽ chẳng khác gì những cặp thực , cặp luận trong bài Đường luật thất ngôn bát cú. Dưới đây chỉ là vài thí dụ:

Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây

hoặc:

Nước có chảy lòng phiền chẳng rửa
Cỏ có thơm dạ nhớ khó quên

hoặc:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ gối chăn

hoặc:

Chàng ruỗi ngựa dặm trường mây phủ
Thiếp dạo hài lối cũ rêu in

Ta thử nhìn lại hai câu trên: đối ý, đối lời, đối âm điệu, đối tự loại, hết sức chặt chẽ và tài tình.

Tài nghệ tuyệt vời cộng thêm óc sáng tạo phong phú của dịch giả Đoàn thị Điểm đã khiến cho bản dịch thoát mang một phong cách mới, người chinh phụ mang một diện mạo mới, sang trọng, duyên dáng, và mang một tâm hồn mới đau thương, nhạy cảm, và đầy nữ tính, và lẽ cố nhiên trong bản dịch có rất nhiều đoạn hoặc không diễn tả nổi ý của bản chính hoặc bỏ rơi bản chính lùi lại phía đằng sau.

Viết đến đây tôi nhớ có lần Bùi Giáng nói đại khái rằng không thể dịch thơ được, muốn dịch thơ tốt hơn hết là làm một bài thơ khác.

*

Thế còn vấn đề dịch văn xuôi? 100 năm vừa qua của thế kỷ 20 đã sản xuất ra rất nhiều thiên tài văn chương của nhân loại. Chuyển ngữ những tác phẩm lớn của thế kỷ ra tiếng Việt Nam mà vẫn giữ được văn phong, cá tính, cùng những nét đặc thù khác của tác giả nguyên bản là một việc làm đòi hỏi rất nhiều công sức.

Thông thường có hai lối dịch: dịch sát và dịch thoát. Theo tôi, các loại truyện kỳ tình, phiêu lưu, mạo hiểm, trinh thám v.v... chẳng hạn như *Les Trois Mousquetaires* của Alexandre Dumas, các truyện trinh thám Sherlock Homes của Arthur Conan Doyle, truyện chưởng của Kim Dung, có thể được dịch một cách phóng khoáng, thoải mái, hoặc dịch thoát hay phỏng dịch cũng không sao, miễn là nghe cho trôi chảy và nói lên đầy đủ tình tiết của câu chuyện.

Trái lại đối với tác phẩm của những tác giả như André Gide, Marcel Proust, Ernest Hemingway, William Faulkner, James Joyce, Franz Kafka v.v... người dịch phải hết sức thận trọng. Và phải dịch thật sát. Cách dùng từ ngữ, cách vận dụng tự loại như danh từ, động từ, giới từ, liên từ v.v..., cách ngắt câu, cách cấu trúc từng câu, cái khí hậu của câu chuyện, cái hồn của mạch văn v.v... đều phải được phản ảnh đầy đủ trong bản dịch . Làm như thế bản dịch chắc chắn sẽ mang một diện mạo rất Tây, rất Mỹ, nhưng theo tôi đó sẽ là ưu điểm hơn là khuyết điểm. Đọc bản dịch ta sẽ thưởng thức được cái tính cách 'phương xa' của nó; nó mở rộng tầm mắt ta ra về mặt nội dung cũng như kỹ thuật viết của nguyên tác, như khi ta đi thăm xứ lạ quê người, chứng kiến và lãnh hội những nếp sống mới, những sinh hoạt khác, so với cuộc đời hằng ngày đã quá quen thuộc của chúng ta. Nếu bản dịch được khen là rất trôi chảy, rất Việt Nam, đọc bản dịch mà không biết đó là văn dịch từ một tác giả ngoại quốc nào và cứ ngỡ đó là do một nhà văn thuần túy Việt Nam sáng tác, tôi e rằng người dịch đã can dự quá nhiều vào quá trình viết lách của tác giả và do đó làm sai lạc chủ

ý của nguyên tác.

Có người nhận xét rằng rất dễ dịch Hemingway chẳng hạn, cho rằng nhà văn này viết dễ hiểu, chữ dùng 'nôm na', thông tục, như ngôn ngữ hằng ngày. Chính Faulkner đã từng tỏ ý bực mình tại sao Hemingway không bao giờ chịu dùng một từ ngữ nào không có trong tự điển. Nhưng chuyển được tinh túy của nguyên văn vào bản dịch không phải là chuyện dễ làm. Trái với nhiều người thích viết một cách cầu kỳ, hóc hiểm, Hemingway chọn lối viết hết sức đơn giản, đa số các câu là những mệnh đề độc lập mang những thông báo lộn xộn, rời rạc, những thông báo có khi không biết từ đâu đến và không biết nhắm vào mục đích gì. Nhưng đọc kỹ, ta thấy văn của Hemingway thường gây chấn động lớn. Những câu văn có vẻ đơn giản, thô bạo của Hemingway thường mang nặng dấu vết của một thế giới hỗn loạn, kệch cỡm, phi lý, mà các tư tưởng trừu tượng bắt nguồn từ trí tuệ khốn đốn của con người không thể nào bao hàm nổi. Hemingway viết văn như phóng những mũi tên vào cuộc đời ghim chặt những kinh nghiệm sống còn máu me nóng hổi để thể hiện lên trang giấy.

Đối thoại trong Heminway cũng rất độc đáo. Cleanth Brooks và Robert Penn Warren trong thiên khảo luận *Understanding Fiction* nhận xét lối đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm Heminway như sau:

"Nhân vật của Hemingway nói năng không phải theo lối ồn ào, phô trương, trái lại bằng một lối 'nói giảm' có nét châm biếm. Lối nói giảm này bắt nguồn từ sự tương phản giữa cứng rắn và nhậy cảm, thô bạo và tinh tế, đó là một bản sắc thường gặp trong cách viết của Hemingway. (Hemingway's heroes utter themselves, not in rent and bombast, but in terms of ironic understatement. This understatement, stemming from the contrast between the toughness and the sensitivity, the violence and the sensitivity, is a constant aspect ot Hemingway's method.)

Cho nên dịch Hemingway không phải chỉ dịch ý, mà cần phải chú trọng đến kỹ thuật viết và phong cách của văn hào đó. Ta thử tìm một cách dịch nào đó để khi đọc bản dịch ta nhận ra tác giả Hemingway trong nguyên văn.

Dưới đây là hai thí dụ trích từ cuốn *A Farewell To Arms* của Hemingway. Thí dụ 1 là đoạn đầu tiên trong sách:

In the late summer of that year we lived in a house in a village that looked across the river and the plain to the mountains. In the bed of the river there were pebbles and boulders, dry and white in the sun, and the water was clear and swiftly moving and blue in the channels. Troops went

by the house and down the road and the dust they raised powdered the leaves of the trees . The trunks of the trees too were dusty and the leaves fell early that year and we saw the troops marching along the road and the dust rising and leaves, stirred by the breeze, falling and the soldiers marching and afterward the road bare and white except for the leaves.

Thí dụ 2, một mẩu đối thoại giữa hai nhân vật chính Henry và Catherine:

"It's raining hard."
"And you'll always love me, won't you?"
"Yes."
"And the rain won't make any difference?"
"No."
"That's good. Because I'm afraid of the rain."
"Why?" I was sleepy. Outside the rain was falling steadily."
"I don't know, darling. I've been afraid of the rain."
"I like it."
"I like to walk in it. But it's very hard on loving."
"I'll love you always."
"I'll love you in the rain and in the snow and in the hail and–what else is there?"
"I don't know. I guess I'm sleepy."
"Go to sleep, darling, and I'll love you no matter how it is."
"You're not really afraid of the rain are you?"
"Not when I'm with you."
"Why you are afraid of it?"
"I don't know."
"Tell me."
"Don't make me."
"Tell me."
"No."
"Tell me."
"All right. I'm afraid of the rain because sometimes I see me dead in it."
"No."
"And sometimes I see you dead in it."
"That's more likely."
"No, it's not, darling. Because I can keep you safe. I know I can. But

nobody can help themselves."

Trên đây là hai đoạn khá tiêu biểu về lối viết của Heminway, đoạn 1 kể chuyện pha tả cảnh dùng nhiều mệnh đề độc lập hoặc nhóm danh từ, nhóm tính từ nối nhau bằng chữ *and*; đoạn 2 là những câu đối thoại cụt ngủn, ngắt vụn, tưởng như không đâu vào đâu, không có một ý nghĩa liên tục nào cả. Có dịch giả không thích lối viết khi thì "nhì nhằng" khi thì "củn cởn, đứt đoạn, rời rạc" dó nên đã viết lại cho "gọn" hơn, cho Việt Nam hơn. Tuy nhiên đã có rất nhiều nhà phê bình văn học ca tụng nghệ thuật viết văn của Hemingway. Chính Albert Camus, giải Nobel văn chương trong cuốn *L'étranger* đã theo lối viết nói trên của Hemingway. Văn hào Gabriel Garcia Marquez, cũng đoạt giải Nobel văn chương, nhìn nhận Hemingway là bậc thầy, *"Hemingway là người giúp tôi trau dồi tay nghề–không những chỉ qua tác phẩm của ông mà thôi–mà còn ở kiến thức thâm hậu của ông về nghề viết lách"* (Theo Thạch Hãn, Tạp Ghi–*Văn Học* 157). Tôi thích lối dịch thật sát, dùng các tự loại(parts of speech), các cấu trúc mà tác giả đã có dụng công khi viết xuống. Chẳng hạn tôi sẽ dịch như sau:

Đoạn 1 -

Cuối hè năm ấy chúng tôi sống trong một ngôi nhà tại một ngôi làng nhìn khỏi con sông và cánh đồng thì đến núi. Trên lòng sông có đá cuội và đá trái, khô và trắng dưới ánh mặt trời, và nước thì trong và chảy nhanh và xanh dưới các rãnh. Những toán quân đi ngang qua ngôi nhà ấy và xuống con đường và bụi họ làm tung tóe lên phủ đầy đám lá của những chòm cây. Thân cây cũng đầy bụi và lá năm đó rụng sớm và chúng tôi thấy những toán quân ấy đi dọc theo con đường và bụi dâng lên và lá, bị gió thổi, rơi xuống và đoàn lính cứ đi và sau đó con đường trơ trụi và trắng xóa nếu không có những ngọn lá.

Đoạn 2 -

...
"Trời mưa lớn."
"Và anh vẫn luôn luôn yêu em, phải không anh?"
"Vâng."
"Và mưa không làm đổi khác?"
"Không."
"Thế thì tốt. Vì em sợ mưa."

"Tại sao?" Tôi buồn ngủ. Bên ngoài mưa rơi đều đều.

"Em không biết, cưng à. Em từ trước đến giờ vẫn sợ mưa."

"Anh thích mưa."

"Em thì thích đi trong mưa. Nhưng khó mà yêu mưa được."

"Anh sẽ yêu em mãi mãi."

"Em sẽ yêu anh trong mưa và trong tuyết và trong mưa đá và - còn gì nữa?"

"Anh không biết. Anh nghĩ rằng anh buồn ngủ rồi."

"Thì ngủ đi, cưng, và em sẽ yêu anh dù thế nào chăng nữa."

"Thật ra em không sợ mưa chứ em?"

"Không khi có anh."

"Tại sao em sợ mưa?"

"Em không biết."

"Nói đi."

"Đừng ép em nói."

"Nói đi."

"Không."

"Nói đi."

"Thôi được. Em sợ mưa vì đôi khi em thấy em chết trong mưa."

"Không."

"Và đôi khi em thấy anh chết trong mưa."

"Thế thì đúng hơn."

"Không, không phải vậy, cưng à. Vì em có thể giữ cho anh yên lành. Em biết em làm được. Nhưng không ai có thể tự lo cho mình cả."

Cũng từ quan niệm dịch ngoại ngữ như trên, ta thử trở lại bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* mà Lê Nguyễn Lưu, khi dịch ra tiếng Việt, đã nghiêm túc tuân theo luật thơ Đường trừ câu đầu tiên dịch giả dùng âm trắc như trong nguyên tác. Trong bài dịch đó có một số vấn đề cần nêu lên.

Trước hết không nên đảo ngược thứ tự của câu 1 và câu 2. Khởi đầu trong nguyên tác là hình ảnh hạc vàng bay đi mất, để lại lầu Hoàng Hạc trơ trọi trên chốn cũ. Cái ấn tượng đầu tiên ấy vừa mạnh vừa đột ngột: "Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ" (Người xưa cưỡi hạc vàng đi mất), nhưng trong bản dịch, câu đầu tiên lại là "Mái lầu Hoàng Hạc còn trơ đó." Các điệp ngữ trong nguyên văn làm cho câu thơ lúc thì hùng tráng, lúc thì man mác, đã không được sử dụng đầy đủ và thích đáng trong bản dịch. "Đi mãi mãi" không nói lên được ý "bất phục phản", điệp ngữ "mãi mãi" đặt sai chỗ; "san sát" không phải là điệp ngữ; "mỡ màng" cũng không phải là điệp ngữ và không dịch được điệp ngữ "thê thê".

Sở dĩ Lê Nguyễn Lưu vấp phải những khuyết điểm như vừa nêu có lẽ là vì ông cố gắng dịch bài Hoàng Hạc Lâu thành một bài thơ Đường đúng luật về các phương diện bằng trắc, vần, niêm, đối, trong khi nguyên tác lại là một bài thơ phá thể. Chỉ trong câu đầu tiên mà thôi ông đã phá thể theo tác giả, dùng vần trắc cho một bài thơ thuộc loại thất ngôn bát cú vần bằng, nghĩa là lẽ ra chữ cuối của câu đầu tiên phải thuộc âm bằng và vần với các chữ lâu, du, châu, sầu trong nguyên tác, vàng, mang, màng, thương trong bản dịch. Những dịch giả danh tiếng khác như Ngô Tất Tố, Trần Trọng San, Nguyễn Quảng Tuân v.v... đều chuyển dịch *Hoàng Hạc Lâu* thành một bài Đường luật vần bằng rất chặt chẽ (Chữ cuối trong câu đầu cố nhiên được đổi qua vần bằng).

Nhiều người đều nhận thấy rằng từ khi thơ Đường du nhập vào Việt Nam ta, các cụ đã ép mình vào thi luật một cách trung thành hơn những nhà thơ Đường ngày xưa. Một thí dụ khác là thơ cổ của ta đã dùng nhiều điển tích của Tàu hơn là người Tàu dùng điển tích của họ trong thơ của họ.

Ta hãy đọc lại bài *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu. Bài này được Nghiêm Vũ trong sách *Thương Lang Thi Thoại* suy tôn là bài thơ Đường hay nhất. Nhưng khi xét về luật thơ, ta cũng thấy rằng đây là một bài thơ rất phá thể. Ngay câu đầu đã phá thể gieo ngay vần trắc cho một bài thơ thuộc vần bằng và do đó câu 1 không niêm với câu 8. Câu 3 càng ly khai với thi luật nếu ta xét đến nguyên tắc "nhất tam ngũ bất luận, nhì tứ lục phân minh" về bằng trắc, về khổ độc, về niêm: trong toàn thể bảy chữ của câu 3 đã có đến sáu chữ âm trắc đứng kề nhau, và lẽ tất nhiên không niêm với câu 2. Về mặt đối ngẫu, tác giả không để thụ đối với thảo (cây đối với cỏ), xuyên đối với châu (sông đối với bãi). Nêu những chi tiết trên tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng tác giả đã không câu nệ vào luật thơ và đã làm nên bài thơ tuyệt tác. Vậy khi dịch ra tếng Việt, nếu ta không tôn trọng dụng công của tác gia về lời và ý mà chỉ lưu ý nhiều đến luật thơ, thì thật khó lòng nắm được cái "thần" trong nguyên tác. Nói thì dễ nhưng làm lại là chuyện khác. Như đã trình bày trên, dịch văn xuôi đã không phải là chuyện đơn giản, nói gì đến chuyện dịch thơ. Dịch thơ là một việc làm liều lĩnh, nhưng tôi cũng cứ đánh liều đề nghị một bài dịch Hoàng Hạc Lâu trong đó tôi cũng dùng lối phá thể thơ Đường, cố gắng tôn trọng càng nhiều càng tốt dụng công của tác giả về ý cũng như lời. Dưới đây là nguyên tác Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu và bản dịch tôi đề nghị:

Hoàng Hạc Lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,

Bỏ San Diego

GIANG

Cắm cổ
Ta chạy bừa phía trước
Đêm trắng toát
Đêm, trắng toát
Có tiếng nói nào trên trời kia
Dẫn dắt ta về nơi không biết
Ta ra đi,
Bàn chân u mê
Thôi, chắc không còn đường trở lại
Những gì đợi ở nơi sắp tới
Bếp ấm,
Hay tro tàn?
Một ngày,
Hay trăm năm?
Ta thật không biết
Nếu chẳng thấy ta thành phố này
Cũng dừng gắng tìm ở nơi khác
Thôi, hãy đăng "Bố cáo thất tung"
Cứ nghĩ như ta vừa mất tích.

Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu,
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Lầu Hoàng Hạc

Người xưa cưỡi hạc vàng đi mất
Chốn ấy lầu Hoàng Hạc còn đây.
Một đi hạc vàng không trở lại
Ngàn năm mây trắng vẫn bay bay.
Sông tạnh Hán Dương cây lớp lớp
Bãi thơm Anh Vũ cỏ hây hây.
Trời chiều quê cũ nơi đâu tá
Khói sóng trên sông sầu chất đầy./.

Bản Kiều nôm trong Thư viện Anh quốc

Nguyễn Quảng Tuân

Bản *Kiều nôm* này chúng tôi đã được biết đến qua bài giới thiệu của ông Nguyễn Ngọc Trí, đăng trên tạp chí *Kiến thức Ngày nay*, số 152 ra ngày 1 tháng 10 năm 1994 ở thành phố Hồ Chí Minh; nhưng chúng tôi vẫn muốn được tận mắt trông thấy quyển sách quí giá ấy.

Thế rồi, phải đợi cho đến ngày 28-9-1998 chúng tôi mới có dịp tới được *Thư viện Anh quốc* để tìm đọc quyển KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN, một bản nôm chép tay mang ký hiệu OR 14844.

Quyển sách quá đẹp!

Tấm bìa cứng được bọc gấm màu vàng sẫm thêu hình con rồng bằng chỉ màu rất công phu. Ở gáy sách có dán miếng da màu nâu, mạ chữ vàng như sau:

Thúy Kiều . 金雲翹新傳 **. Hà Nội . 1894**

Nếu năm 1894 là năm đóng quyển sách thì công việc chú thích, sao chép và vẽ tranh minh họa phải được thực hiện từ trước đó ít nhất là một hai năm vì việc *viết* và *vẽ* rất công phu kia không thể làm mau lẹ được.

Chúng tôi, *sau khi được xem quyển sách*, thấy có mấy vấn đề cần phải đặt ra để tìm hiểu:

- Ai là chủ nhân bản Kiều nôm này?
- Ai là người chú thích?
- Ai là người sao chép và minh họa?
- Bản nôm này đã được sao chép từ bản *nôm cổ* nào?
- Người chủ quyển sách sao lại đóng bìa bọc gấm nền vàng có thêu hình rồng năm móng là tượng trưng của nhà vua?
- Có phải người ấy có ý định đem dâng quyển sách lên nhà vua không?
- Trong trường hợp nào quyển sách đã lưu lạc sang Pháp để rồi được bày bán ở một quầy sách cũ bên cầu Sully, thuộc tả ngạn sông Seine mà

Paul Pelliot, *một nhà Đông phương học*, đã may mắn mua được?

Chúng tôi thấy các câu hỏi nêu trên đều thật khó giải đáp nhưng cũng xin phỏng đoán như sau:

Người chủ quyển *Kiều nôm* quí giá kia phải là một nhà nho yêu thích thơ văn, đặc biệt phải là người mê Kiều nên mới cho sao chép công phu như vậy. Người ấy có thể là Hoàng Cao Khải hồi đó đang làm Bắc kỳ Kinh lược sứ mới dám cho đóng bìa cứng bọc gấm vàng có thêu hình rồng *năm móng* là tượng trưng của nhà vua.

Ý hẳn Hoàng Cao Khải muốn dâng sách lên vua Thành Thái (ở ngôi từ 1889 đến 1907), một vị vua cũng có tài văn thơ. Nếu việc này xảy ra đúng như vậy thì khi vua Thành Thái bị đưa đi đày ở đảo Réunion năm 1916, nhà vua đã đem theo rồi có thể một người nào đó thân cận với nhà vua đã lấy được và đem về Paris bán cho quầy hàng sách cũ ở bên cầu Sully mà ông Paul Pelliot đã may mắn mua được vào tháng 6 năm 1929. Rồi...khi ông Pelliot qua đời, quyển *Truyện Kiều* kia lại bị lọt vào tay một người Anh nào đó mua về Luân Đôn và sau được bán cho một tiệm đồ cổ. *Thư viện Anh quốc* đã may mắn mua được và nay quyển KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN đã được bảo quản rất cẩn thận ở bộ sưu tập Đông phương.

Sau khi đã xem qua quyển sách ở ngoài bìa, chúng tôi lần giở các trang trong: có tất cả 73 tờ kép, khổ 21 x 33 cm. Mỗi tờ lại có lông một tờ lót (cũng là tờ kép), loại giấy bản tốt trông như giấy tây, màu ngà.

Trang 1a coi như trang bìa có ghi tên sách bằng chữ Hán (Kim Vân Kiều Tân Truyện), dưới có bức tranh vẽ Thúy Kiều, Thúy Vân và Kim Trọng. Bên mép tờ giấy có ghi: *"Kim Vân Kiều hội bản"*

Trang 1b có bài *Tiểu dẫn* và bức tranh vẽ một nhà nho - có thể là *Lễ tham Nguyễn hầu* - đang ngồi suy nghĩ, cây bút còn để trên bàn, cạnh quyển sách để mở. Phía sau là bức bình phong chạm hình con rồng.

Tiếp theo lời *Tiểu dẫn* là phần *văn bản Truyện Kiều*. Cách trình bày được sắp xếp như sau:

1. Đề mục mỗi đoạn thơ
2. Tóm tắt đại ý của đoạn thơ
3. Trích đoạn *Truyện Kiều*
4. Chú thích bằng chữ Hán
5. Tranh vẽ minh họa.

Điều đáng chú ý là trang nào cũng có một bức tranh vẽ rất tỉ mỉ công phu minh họa *đoạn thơ* được trích. Đoạn thơ này dài hay ngắn là tùy thuộc vào việc ngắt đoạn sao cho trọn một tình tiết hoặc cho thích hợp với phần chú thích nhiều hay ít.

Nhưng đó mới chỉ là cách trình bày về *hình thức*. Điều chúng tôi thấy quan trọng hơn cả là *nội dung* của văn bản. Chúng tôi muốn tìm hiểu xem bản *Kiều nôm* của *Thư viện Anh quốc* đã được sao chép từ bản *nôm cổ* nào?

Chúng tôi đem bản nôm ấy đối chiếu với bản nôm cổ nhất của Liễu Văn đường tàng bản khắc in năm 1871 mà chúng tôi đã đọc được ở Thư viện Trường Ngôn ngữ Đông phương (Bibliothèque Interuniversitaire des Langues Orientales) ở Paris thì thấy hai bản có nhiều câu giống nhau như:

Lạ gì bỉ sắc *thử* phong (c. 5)
Bóng chiều đã ngả, dặm *hoè* còn xa (c. 114)
Nhạc vàng lãng đãng như gần như xa (c. 190)
Tóc mây một *ước*, dao vàng chia đôi (c. 448)
Xót lòng trinh bạch từ *lâu đến giờ* (c. 1148)
Từ *giờ* âu liệu bớt tay mới vừa (c. 1908)
Thương vui bởi tại lòng này (c. 3209)

Chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài câu như vậy để làm ví dụ và xin đặc biệt kể ra câu 492:

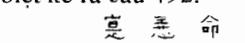

Thiệt lòng mình cũng hao hao lòng người.

Câu này bản Duy Minh Thị (1879) chép là (nao nao) như một số các bản nôm và quốc ngữ sau này. Bản Quan Văn đường (1906) chép là (lao đao)

Chúng tôi nhận thấy chữ (hao) là được đặt nối chữ (thiệt) ở trên như chúng ta thường nói *hao công thiệt của*. Khi đặt thành từ láy thì *hao hao* có ý làm giảm nghĩa đi, chỉ bị hao tổn chút ít.

Câu 492 như vậy có thể giải thích là khúc đàn buồn bã mà Thúy Kiều gảy làm thiệt (tổn hại) lòng mình mà còn làm cho hao tổn một phần nào (hao hao) đến lòng người khác.

Câu thơ này với cách ghép *giống nhau* như trên đã chứng tỏ sự liên hệ giữa bản *Kiều nôm* của *Thư viện Anh quốc* với bản *Kiều nôm* của *Liễu Văn đường tàng bản* hiện còn được lưu giữ ở Thư viện Trường Ngôn ngữ Đông phương tại Paris.

Sự liên hệ ấy lại còn được thể hiện rõ hơn ở những câu cùng chép *sai giống nhau* như:

Rộn *đường xa* với nỗi xa bời bời (c. 178)

(đúng ra là đường **gần**)
Khách đà *xuống* ngựa, người còn ghé theo (c. 168)
(đúng ra là **lên** ngựa)
Lời lời châu *nguyệt*, hàng hàng gấm thêu (c. 1314)
(đúng ra là châu **ngọc**)
Nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân *vi* (c. 1640)
(đúng ra là vân **vân**)
Dãi dầu *mây* rối da chì quản bao (c. 1746)
(đúng ra là **tóc** rối)
Làm sao bạc chẳng vừa thôi (c. 1763)
(đúng ra là **Phận** sao)
Châu Trần *con* có Châu Trần nào hơn? (c. 1458)
(đúng ra là **còn** đã viết sai là **con**)
Đưa *chàng* đến trước Phật đài (c. 1919)
(đúng ra là Đưa **nàng**)
Giọt châu tầm tã đượm *dài* áo xanh (c. 1944)
(đúng ra là đượm **tràng**)
Dưới *trời* có đất, trên cao có trời (c. 3086)
(đúng ra là **Dưới dày**)
Khói trầm cao thấp, tiếng *đàn* gần xa (c. 3198)
(đúng ra là **tiếng huyền**)

Qua các điều nhận xét trên, chúng tôi cho rằng quyển *Truyện Kiều* của Thư viện Anh quốc là một bản nôm quí, đã được sao chép theo bản nôm cổ Liễu Văn đường (1871), một bản nôm được coi là cổ nhất đến nay còn lưu giữ được.

Bản nôm của Thư viện Anh quốc lại có thêm phần chú thích bằng chữ Hán và có thêm cả tranh minh họa rất công phu với chữ sao chép thật đẹp, đáng được coi là một công trình văn hóa nghệ thuật vô cùng quí giá.

một chỗ về

thi tập gồm 60 bài thơ của Đức Phổ
Sông Thu xuất bản - Tranh bìa, phụ bản: Nguyễn Trọng Khôi
Trình bày Sao Khuê - Phổ nhạc Tống Hữu Hạnh
Sách dày 140 trang - Giá 10 Mỹ kim
Phát hành tháng Ba năm 2000
Địa chỉ liên lạc: Đức Phổ
6945 Doncaster Rd. Jonesboro GA 30236 USA
Phone: (770) 487-9019 - E-mail: ducpho@juno.com

Phía bên kia trời

CAO XUÂN TÚ

khi ngày đồng lõa với đêm
kéo tấm màn tre treo ngang mi mắt
buổi trưa ngoại tịch trốn vào miếu mạo
ngôi làng trung du tiếp thu chiếc bè hải đảo
thả trôi dứa con ông trạng
bà già bôi vôi về với châu thổ hạ lưu
trong mênh mang khói nhang
vườn dâu xanh nhúc nhúc bướm vàng
không gian vắng gió mây đổ oà trước ngực
dủ mềm một chút chiêm bao
úp mặt trong trang báo tươi màu mực
ngày giấy chưa biết nói
hàng chữ hiện sinh bay gốc nhị nguyên
mùa màng nhiệt dới nhá nhem bối rối
sinh thái ù cạc trên triền suy tưởng đóng băng
nhớ đi em nhớ những ra đi những trở về
nhớ làm chi những bến bờ hẹn lỡ
ngàn-lẻ-một-đêm teo lại một giờ
chùm hoa dừng-quên-em-nhé cài nơi khung cửa
gác mái tưng bừng hạ nắng chói chang
chảy đi em hạt mồ hôi nẩy mầm sự sống
dưới nách thiên thần còn đấy ngấn son
của người goá phụ treo cổ đêm rằm
sờ một vòng cho tròn khuôn mặt
sờ một lần khép vòng trái đất
tuyệt vời hơn vạn giấc chiêm bao
và tôi cười vì em đã khóc.

Chinh phụ ngâm, bản dịch, câu 45 và câu 46

Trần Văn Tích

Tôi đã đọc bài "Nhận xét về cách viết và giải thích hai câu thơ 45-46 trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm" của ông Tạ-quốc-Tuấn trên *Văn Học* số 168 tháng 04.2000 với rất nhiều thích thú. Đó là một niềm thích thú pha lẫn chút bất ngờ. Y như tha hương ngộ cố tri vậy. Té ra hai câu thơ quá chừng quen thuộc đó vẫn có thể là đề tài cho ông Tạ và cho tôi.

I. "xe" hay "quân" ?

Ông Tạ-quốc-Tuấn cho rằng : Các ấn bản từ trước đến nay của bản dịch nôm đã chép câu thơ 45 như sau :

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu.

Chủ ý ông muốn nói các bản dịch nôm đều chép "quân" thay vì lẽ ra phải là "xe" thì mới tương hợp với câu văn nguyên tác chữ Hán :

Tiền xa hề, bắc Tế liễu.

Thật ra có một số bản dịch *Chinh phụ ngâm* in bằng chữ quốc ngữ hiện đại ghi câu thơ 45 với chữ *xe* chứ không phải chữ *quân*. Đó là :

1) bản Hoàng Xuân Hãn, *Chinh phụ ngâm bị khảo*, Minh Tân, Paris, 1953, trang 19, trang 78, trang 79. Ở trang 79, chú thích số 45, nhà biên khảo quá cố ghi thêm: "45. *xe*. Các bản đều viết *quân*. Nhưng Hán-văn bản Vc chữa ra *Xa*, và trong chú-thích 38 ở bản Lh, có chép: "Quân, hoặc có chỗ nói Xa". Xét nội-dung thì chữ Xa hợp tứ hơn. Xa là để đối với Kỵ. Vả hai chữ Xa và Quân rất dễ lẫn nhau, trong khi sao chép." Câu

Xe trước đã gần ngoài doanh Liễu

này được Hoàng Xuân Hãn cho là thuộc bản dịch Phan Huy Ích, theo như lập trường quen thuộc của ông. Hai bản dịch khác - Hoàng Xuân Hãn

gọi là *bài* - cũng ghi *xe* :

- Bài B.- Đoàn Thị Điểm (trang 142) :

Xe tiên, Tế-liễu bắc phương.

- Bài D.- Vô danh (trang 190) :

Bắc tiền-xa, tây mới kỵ-binh.

2) bản Huỳnh Khắc Dụng, *Chinh-phụ ngâm-khúc, Femme de Guerrier*, in lần thứ hai, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sàigòn, 1960, trang 22 :

Xa trước đã gần ngoài doanh Liễu.

Bản này dịch *xa* là *voiture, char* nhưng lại chuyển câu 45 sang Pháp ngữ thành :

L'avant-garde déjà arrivait à Tế-liễu.

Bản dịch của Lê Thành Khôi sang Pháp ngữ [*Chant de la femme du combattant*, Gallimard *(nrf)*, Paris, 1967, trang 28] tuy không ghi phần quốc văn nhưng ý câu thơ dịch cho thấy là dịch giả hiểu câu 45 bắt đầu với chữ *xe* :

Les chars d'avant-garde approchent déjà du camp de Liêu.

Các bản dịch *Chinh phụ ngâm* sang ngoại ngữ khác đều hiểu câu 45 với chữ *quân* :

- Bản Bùi Văn Lăng, *Chinh phụ ngâm, Complainte de la femme d'un guerrier*, Éditions Alexandre de Rhodes, Hanoi, 1943, trang 12 :

L'avant-garde s'approche déjà du nord du camp Tê-Liêu.

- Bản Lê Văn Chất, *Chinh phụ ngâm, Poème, Plaintes d'une femme dont le mari est parti pour la guerre*, Éditions en Langues Étrangères, Hanoi, 1963, trang 25 :

L'avant-garde déjà s'approche du camp Liêu.

- Bản Hoàng Xuân Nhị, *Plaintes d'une Chinh-phou, Femme dont le mari part pour la Guerre*, Éditions Stock, Paris, 1943, trang 39 :

L'avant-garde s'approchant du Tê-Liêou.

- Bản Rewi Alley, *Lament of the Soldier's Wife*, Foreign Languages Publishing House, Hanoi (không rõ năm xuất bản), trang 12 :

(...) the vanguard already north of Tsi Lieu.

- Bản William D.Borrowes, *Chinh phu ngam or Lament of a warrior's wife*, Asiatische Studien, Hamburg, 1955, trang 76 :

The advance guard already nears the enemy camp at Te-lieu.

Lại cũng có bản Hán văn ghi câu 52 nguyên tác của Đặng Trần Côn không phải với chữ *xa* mà với chữ *quân* , đó là bản *Chinh phụ ngâm khúc*, Văn Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích, nhà xuất bản Tân Việt, Sàigòn, in lần thứ sáu, 1973, trang 35 :

Tiền-quân bắc Tế-liễu.

II. "doanh liễu" hay "doanh Liễu" ?

Ngoài các bản do ông Tạ-quốc-Tuấn đan cử, còn có bản của Hoàng Ngọc Phách, Lê Thước, Vũ Đình Liên, Bộ Giáo dục xuất bản, Hànội, 1957, trang 31, ghi *doanh liễu* (chữ *liễu* không viết hoa).

Những bản sau đây thì ghi *doanh Liễu* (chữ *Liễu* viết hoa) :

1) Bản Bùi Văn Lăng (tlđd), trang 12.

2) Bản Đặng Thai Mai, Trường Đại học Sư phạm Hà nội xuất bản, 1992, trang 91 (in lại từ bản in lần thứ nhất năm 1950, nhà in Tư Tưởng, Thanh hoá, Liên khu 4).

3) Dương Quảng Hàm, *Quốc văn trích diễm*, Xuất bản Bốn phương, Sàigòn, 1952, trang 105 và *Văn học Việt nam*, Bộ Giáo dục, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sàigòn, in lại ở quốc ngoại không để tên nhà xuất bản và năm in lại, trang 91.

4) *Hợp tuyển thơ văn Việt nam*, Tập III, nhà xuất bản Văn học, Hànội, 1978, trang 78.

5) Bản do Lạc Thiện sao lục, Hội Ngôn ngữ học TPHCM xuất bản, 1994, trang 13.

6) Bản Vân Bình Tôn Thất Lương (tlđd), trang 38.

7) Bản Hoàng Xuân Hãn (tlđd), các trang 19, 79, 168.

8) Bản Huỳnh Khắc Dụng (tlđd), trang 22.

Như thế đa số tài liệu in danh tác của Đặng Trần Côn-Đoàn Thị Điểm bằng chữ quốc ngữ đều ghi *doanh Liễu* với chữ *Liễu* viết hoa, các tài liệu ghi *doanh liễu* với chữ *liễu* không viết hoa thuộc thiểu số.

Riêng Hà Như Chi trong *Việt nam thi văn giảng luận*, nhà xuất bản Sống Mới, Sàigòn, 1974, trang 168 ghi *Doanh-liễu* (Doanh viết hoa, liễu viết thường, có gạch nối). Lối trình bày này đáng chú ý : nếu chúng ta chủ trương hai câu bảy phải đối thật chỉnh thì *Doanh liễu* ở câu 45 là danh từ riêng phải viết hoa ở chữ thứ nhất, cũng như *Trường dương* ở câu 46 phải viết hoa ở chữ đầu. Đó là cách viết chưa ai nghĩ tới, kể cả ông Tạ-quốc-Tuấn. Cũng nên ghi nhận là các từ điển chữ Hán có riêng mục từ *liễu doanh*, ví dụ *Từ Hải* hoặc *Hán ngữ đại từ điển* (La Trúc Phong chủ biên).

Bản dịch sang Pháp ngữ nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn do Maurice Durand phụ trách đăng trên *BSEI*, Tome XXVIII, Nr.2, Saigon, 1953, trang 117, dịch tiểu đoạn song thất lục bát có hai câu 45 và 46 như sau :

En avant, l'infanterie était au nord du Saule Gracile;

En arrière, la cavalerie était à l'ouest du Grand Peuplier.

Cavaliers et fantassins en foule vous escortaient vers la frontière;

Le Peuplier et le Saule, comment auraient-ils deviné que mes entrailles étaient rompues!

Dịch giả không dùng lối chuyển âm hay phiên âm như các bản dịch tiếng Anh tiếng Pháp khác, mà ông dịch Tế liễu thành Saule Gracile và Trường dương thành Grand Peuplier để rồi ở câu tám cùng ngữ đoạn, ông viết hoa Peuplier và Saule. Khi Pháp hoá hai địa danh chữ Hán, cây liễu và cây dương trong câu thơ dịch của nữ sĩ họ Đoàn được Maurice Durand làm giấy khai sinh có tên riêng như người!

Cho nên, theo thiển ý, hai câu 45 và 46 *Chinh phụ ngâm* bản dịch quốc văn nên viết như sau :

Xe (hoặc *quân*) *trước đã gần ngoài Doanh liễu,*

Kỵ sau còn khuất nẻo Trường dương.

Chữ *doanh liễu* đó cũng xuất hiện trong *Hoa tiên :*

Cửa doanh liễu mới rước xuân,

Biên thư đã thấy tấu văn bệ thiều.

Ở đây tôi lại chủ trương cả hai chữ *doanh liễu* đều không cần và không nên viết hoa vì nó được dùng với hàm nghĩa "doanh trại quân đội", tương tự như khi Dương Quảng Hàm viết trong *Quốc văn trích diễm* và cũng vẫn ở phần *Hoa tiên truyện* :

Kể từ doanh-liễu dời xa,

Cửa Lưu khi ép, đình Ba khi tìm.(1)

Trường hợp *Tế-liễu* (để viết theo cách của ông Tạ-quốc-Tuấn) hay *tế liễu* cũng vậy. Trong câu thơ Đặng Trần Côn, nó là *Tế-liễu*, nhưng trong câu thơ Đỗ Phủ, bài *Ai giang đầu:*

Tế liễu tân bồ vị thùy lục ?

thì *Tế* chỉ viết hoa vì nằm ở đầu câu chứ không phải vì là danh từ riêng và giữa *tế* với *liễu* không thể có dấu nối bởi Đỗ Thiếu Lăng chỉ muốn tự vấn rằng cây liễu xinh, khóm bồ non, vì ai mà xanh tươi ?

III. **"khuất nẻo" hay "ghé nẻo" ?**

Ông Tạ-quốc-Tuấn nêu thắc mắc vì bản in *Chinh phụ ngâm khúc* của Cơ sở Đồng Tiến trình bày ở phần chữ nôm câu thơ 46 thành :

Kỵ sau còn ghé nẻo Trường-dương.

Rồi ông lấy làm tiếc là chúng ta không có cách gì để "biết được từ này (tức từ *khuất*, TVT) viết bằng chữ nôm như thế nào". Tôi có một bản nôm chép tay ghi chữ *khuất*. Đó là bản *Chinh phụ ngâm - Hán - Hán Việt*

Sống bình yên

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

vườn sáng tĩnh trong như nắng sớm
con chim gì nhỉ hót thanh tao
chùm phong linh dung dưa nô giỡn
khẽ khàng ngân gửi gió câu chào.

tháng năm dìu dịu mùi thiên lý
bước bên con, nhỏ nhẻ đến trường
ôi ước chi đời luôn như thế
hương yêu thương quyện ngọt con đường!

nhà yên, con cái đi học hết
thắp nhang, rắc bột cho cá ăn
soạn tủ lạnh, dọn dồ nấu bếp
ngon miệng người thân - vui giản đơn.

hí hoáy viết dăm dòng gửi bạn
tặng tấm hình chung, Tết vừa qua
lười lĩnh khất lần e ân hận
lỡ ngày mai đáp chuyến tàu xa.

thư viết xong, lâng lâng, quên gửi
ý chuyển dần, thư hóa thành thơ
ừ nhỉ, sao không, bài thơ mới
cảm ơn đời - tặng vật không chờ.

người đem ngọc cất trong chéo áo
cuộc đời cất ngọc tựa trò chơi
mài miệt truy cầu, càng hút dấu
hạnh phúc là dây - dung dị thôi!

- *Nôm - Quốc ngữ* do Lạc Thiện sao lục đã dẫn ở tiểu mục II. Theo tài liệu này, chữ nôm *khuất* cũng là chữ hán *khuất* (như trong *oan khuất*), viết với bộ *thi* .

Cùng với bài này, tôi chụp phóng ảnh trang sách có chữ nôm-hán *khuất* gửi về Toà soạn *Văn Học*, nhờ Toà soạn chuyển đến ông Tạ-quốc-Tuấn, coi như món quà mọn văn nghệ để tỏ lòng biết ơn ông đã gợi hứng và gợi ý cho bài viết hôm nay./.

Chớp sao

Nam Dao

truyện tặng Albert.

Vào Truyện

Câu truyện đến từ một ngẫu nhiên. Đến từ một buổi trưa ở phố thị trời bỗng hừng nắng sau ba ngày mưa ẩm đục. Ba ngày thật hiếm hoi ở miền Nam đất California vốn quen đến độ hờ hững với mây trắng, nắng vàng, với trời xanh, và với những chùm hoa đỏ màu mào gà của những cây Cora lưu lạc đến từ Hawai. Cuối đông cây trụi lá khẳng khiu chọc lên chông chênh rồi vùn vụt chạy ngược chiều xe như những bộ xương khô trải dài theo con lộ đâm vào Wallnut, quẹo trái sang Jamboree, cứ thế lên xa lộ là cuối cùng cũng đưa đến Bolsa, ở đó tôi gặp Albert, nhân vật tôi kể hầu bạn đọc một mẩu đời. Anh ta châm thuốc hút sau khi chúng tôi bắt tay nhau. Giới thiệu xong, người bạn tôi vào nhà. Tôi nhìn Albert, không biết đối xử thế nào cho phải, ngần ngại xin anh một điếu thuốc. Đó là điểm xuất phát lúng túng vụng về như bước tập đi trong một không gian lúc nào cũng chao nghiêng như sắp sụp đổ.

Bolsa, hỡi Bolsa! Đi đâu cũng nhớ về, ta ngậm ngùi. Dấu phẩy giữa hai chữ ta - về rất quan trọng. Lẽ ra, có thể dùng ký hiệu gạch chéo như một nhà thơ thời thượng. Nhớ như thế, là nhớ về Bolsa, và chủ thể là ta - ta ngậm ngùi. Bỏ đi, có thể hiểu là chủ thể nhớ về chính mình, và rồi ngậm ngùi cho cái ta đó. Tôi xin phép rút đi dấu phẩy để cho cái ta của người kể truyện đi vào tận cùng nhân vật. Cũng có thể hiểu ngược, nghĩa là nhân vật như thế đi vào tận cùng cái tôi trong chuyến phiêu du đến ranh giới mỏng mảnh giữa đời thật và ngôn từ. Như vậy, khi dùng chủ từ danh xưng - tôi - cứ cho tôi là Albert để cảm đến trọn vẹn sự ngậm ngùi. Nhưng

xin đừng quên Albert cũng là Anh, cách gọi của Mariko-san. Còn Anh gọi Mariko-san là M, em như tiếng mình vốn dịu dàng và lãng mạn.

Cửa Địa Ngục

Thật ra, không gian đó đã một lần chao nghiêng. Thu người ngồi trong chiếc xe chạy vùn vụt trên xa lộ 405, tôi cố nhắm mắt. Buổi họp chiều nay khá căng, chưa dẫn đến một kết quả cụ thể nào. Bọn NASA vẫn chần chừ. Chúng chưa tin hẳn vào vận tốc xử lý thông tin kết thành mạng liên hợp? Hay là thực ra chúng hiện không còn đủ ngân sách để tài trợ? Nếu là trường hợp thứ hai, cách thuyết phục phải khác. Tốt nhất, thử đề nghị hợp doanh với hãng tư, như Nortel ở Canada xa xôi chẳng hạn, xem chúng phản ứng thế nào?

"Này John, ta mời bọn NASA như vậy, mày nghĩ sao?". Vẫn chăm chú nhìn một chuỗi đèn xe sau đỏ lè đang vùn vụt chạy nối đuổi nhau lên dốc, John lơ lửng "*Yes, boss!* Cứ thử... Nhưng đồng thời bảo bọn design làm cho một cái *prototype*. Tiếc là phía *optic-fiber* chúng nó vẫn còn chưa chắc... Nếu có thì...". Tôi ngắt "...nếu, ừ cứ nếu thế thì chúng ta lên cả thiên đàng một ngày. Không còn gì ngẫu nhiên nữa!". Thằng John im, đưa mắt ngó, nghĩ thầm, phương Đông chúng mày gọi ngẫu nhiên là định mệnh, phải không?

Tôi sốt ruột nhìn đồng hồ. Chắc giờ này M đói lắm rồi. M làm Sushi, hâm sẵn Saké vì thế nào cũng thêm món cá sống Sashimi với tôm chiên Tempura. Thò tay móc cái bíp-bơ nhỏ bằng hai bao diêm ra, tôi bấm số. Hôm nay thứ năm. Vậy số 5 là chữ A. Số 6 là B và cứ thế cho đến Y, Z... rồi mỉm cười lẩm nhẩm 5 24 9 16 19 25 9 5. John ngạc nhiên "*Boss*! Làm gì vậy?". "Gửi *message* cho Mariko! Tao viết *Late. Love* rồi ký tên". Bật cười, thằng John bảo "...lạ thật. Sao không dùng *mobile-phone* mà nói!". Tôi đủng đỉnh "Tao tỏ tình với M như thế. Lần đầu M không hiểu. Ngày sau tao lại gửi. Như vậy ba ngày liền, cứ mỗi ngày số nào cũng tăng theo cấp số cộng. Đến ngày thứ tư, M trả lời bằng mật mã... Từ đó, chúng tao xử dụng ngôn ngữ tình yêu của chúng tao như vậy. Tình yêu nào không có ngôn ngữ riêng là tình yêu không thể bền vững được!". Đúng lúc đó, có tiếng bíp. Nhìn vào mặt cái Pagemark-Nationwide sáng ánh lân tinh, M trả lời *I wait and love you!* .

John ngước mắt ngó kính chiếu hậu than "Đằng sau xe dài như đàn rắn!". Chưa dứt lời, một tiếng ầm như tiếng nổ rồi tiếng phanh rít lên mặt lộ. Không gian bỗng chao nghiêng. Chao nghiêng rồi nhào lộn như hình

học *topology*. Rồi không gian căng xé, đổi chiều, dãn ra, co lại, và những hụt trong tiếng gió rít giữa chập chùng ánh đèn nhập nhòe của hàng vạn chiếc xe lao tới. Tiếng ầm nổ chóa ra thành triệu triệu âm thanh li ti xoắn vào não bộ. Bất thần bóng tối bổ xuống cái không gian bây giờ thực sự sụp đổ. Chiếc xe rơi từ trên xuống xa lộ số 22 phía dưới bắc ngang cách New Port Beach chừng 30 dặm. Tai nạn xe ở chỗ nào cũng không thể khác một sự ngẫu nhiên. Này John, đúng vậy, tao gọi thế là định mệnh.

Bước nhảy nhổm của định mệnh đẩy bắn chiếc xe từ xa lộ rơi xuống gần trăm thước rồi bẹp dí lại như một hộp cá mòi bằng thiếc bị cán dẹp. Tôi loáng thoáng nghe tiếng còi hú xe cứu thương, tiếng người la hốt hoảng. Biết là nhắm mắt, nhưng sao tôi vẫn nhìn thấy trùng trùng ánh sáng chóa lòa, nóng bỏng, chốc chốc lại đổi đủ bảy sắc cầu vồng. Con cá mòi cố vùng dậy. Vô phương. Đây là chỗ cạn, cá ơi. Rồi tiếng cưa máy. A, cái hộp thiếc chắc gãy gập làm đôi sao? Và lửa. Lửa bùng lên. Đầu óc tôi bắt đầu mụ đi. Tôi há miệng hớp lấy không khí. Mát còn hơn khi khát cháy họng hớp được hớp nước. Nào, một hớp nữa. Bóng tối thình lình chụp xuống. Cái bíp-bơ lại bíp bíp mơ hồ. M đấy à? Đợi tôi với. Tai tôi ù đi. Bây giờ là im lặng mênh mang. Tôi lẩm nhẩm, M ơi, chỗ tận cùng của trí nhớ là sự im lặng. Im lặng như vậy, có phải là thuộc tính của cái chết?

*

Chuỗi sự kiện, kết hợp đa phần ngẫu nhiên và một chút ý chí, đang liên tục thì bỗng chẻ lối bất ngờ đưa cuộc đời vào một ngã rẽ, có ngã đi vào ngõ cụt, có ngã đi ra với trời thênh thang gió và rực rỡ nắng. M yêu, tôi đã từng gặp những ngã rẽ của định mệnh, như thế. M còn nhớ chứ? Buổi đầu gặp M, tôi thú thật tôi khó chịu, khó chịu vô cùng. Bọn IBM chúng tôi và đám SPAR, trong đó em là kỹ sư trưởng, họp về vấn đề thiết kế vệ tinh. M không nhân nhượng, viện dẫn đủ lý lẽ, đi ngược với đề nghị về phương cách làm cho vệ tinh bất động trong không gian. Tôi bảo "*Lady*! Làm được. Chúng tôi bảo đảm thảo trình điện toán...". Vuốt tóc, M điềm tĩnh "...điều khả thi thì tôi tin. Dĩ nhiên có thể đổi chiều quay của vệ tinh cho đến khi cân bằng thì nó đứng lại. Thậm chí muốn nó lùi lại cũng được bằng cách tăng tốc ngược chiều. Nhưng vấn đề nằm chỗ khác. Thứ nhất, làm vậy thì mất bao nhiêu năng lượng. Thứ hai - M nhìn tôi chòng chọc - làm vậy để đạt mục đích gì?". Còn ngần ngừ chưa đáp, thằng John phụ tá ghé vào tai tôi nói nhỏ "...để tao trả lời". Nó bắt đầu *"Lady, that is a sharp question*. Mục đích gì ư? hãy lấy một quĩ đạo làm tiền đề suy luận. Nếu vệ tinh đứng bất động, chúng ta có thể nhận và phát thông tin vòng quanh trái đất với một số vệ tinh tối thiểu...". M ngắt, mắt tinh nghịch, tay gõ nhẹ

cây bút xuống bàn "John, nhưng nếu vệ tinh quay cùng chiều và cùng vận tốc với trái đất, thì số vệ tinh cần thiết vẫn vậy...". Và như để John bớt bối rối, nàng nhỏ nhẹ "...nhưng có lẽ còn một lý do khác" rồi nhìn tôi khiêu khích. Tôi thầm chửi *"Fucking question!"*, giả bộ đứng dậy ra rót nước để câu giờ tìm một cách trả lời thỏa đáng. Khi đi ngang M, tôi thoáng ngửi thấy mùi nước hoa, ghé xuống đùa "*Lady*, cô bôi nước hoa Fleurissimo thơm nhẹ, kín đáo, nhưng thanh thoát như bà hoàng Monaco là Grace Kelly...". Cả phòng họp cười ồ lên. Còn M, M đỏ mặt, bậm môi. Tôi chợt nhận ra nàng là một người người đàn bà mặn mà. Cũng đúng lúc giây phút định mệnh ấy, tôi biết là tôi sẽ chiếm đoạt M. Và bằng mọi giá. Tôi đã định, thì tôi sẽ dùng mọi phương tiện. Ngày xưa, khi tôi muốn quen Liễu, tôi lấy xe cố tình đâm vào hông xe nàng góc Bolsa và Ward. Rồi tôi vào thăm Liễu trong nhà thương. Lần đầu, một câu xin lỗi kèm một chục cam sành. Lần sau, hai chục đóa hồng. Đến lần thứ ba, nàng xuất viện thì tôi đưa thẳng về nhà tôi, căn nhà nằm trên con phố Vista Trucha của bọn mới giàu hoặc vừa đủ già để về hưu dưỡng lão. Khi tôi thú thật là tôi gây tai nạn thì nàng lại ứa nước mắt mỉm cười rồi mặc cho tôi áp mặt vào cái cổ tròn tròn trắng muốt còn thoáng đọng mùi ê-the.

Buổi họp tiếp tục, ồn ào nhưng thân mật, và kết thúc với lời hẹn gặp lại để điều nghiên thêm. M đứng dậy, mảnh khảnh, tóc xõa đến vai như một bức thảm nhung. Trên ngưỡng cửa, nàng nhìn tôi, vẫn cái nhìn khiêu khích. Giọng thách đố, nàng bảo "Không phải Fleurissimo đâu! Tôi dùng Miss Balman. Loại nước hoa này có hương hồng, bạch đàn, vỏ cam, thông, hương bài và long diên hương. Tôi còn giữ một mùi hương cuối cùng, chưa nói ra... Cũng như chuyện vệ tinh bất động, tôi cũng còn giữ một câu hỏi. Câu này dành khi lần sau anh cải chính, Miss Balman chứ không phải Fleurissimo, nhớ đấy!".

Dĩ nhiên, tôi nhớ. Làm sao quên được điểm chẻ của một quá trình liên tục. Nói cách của Prygogine, trong nhiệt động học, đó là một sự biến đổi đột ngột của trạng thể định hình vật chất, từ rắn sang lỏng, từ lỏng sang hơi. Điểm chẻ - *bifurcation point* - là bước nhảy nhổm của một quá trình. Kiếp nhân sinh liệu khác được không?

*

M đứng dậy khi Albert vừa bước khỏi ngưỡng cửa. Nàng tiến về phía Albert, thò vào xách tay rút ra một cái hộp vuông vắn màu tím than trên có đơm một bông hồng, chìa ra, miệng nhỏ nhẹ "... Cám ơn, nhưng tôi không thể nhận!". Mỉm cười, Albert thì thầm "...dù nó chỉ là một món quà nhỏ?". M lắc đầu. Albert tiếp "...và chỉ mùi Fleurissimo mới xứng

với cô, cô biết thế chứ?". M lại lắc đầu. Định hỏi tại sao nhưng kìm lại được, Albert dịu dàng "...cô sẽ nhận, một lúc nào đó... Nếu không, thật không còn gì gọi là sự dịu dàng trên cõi nhân gian này à!".

Buổi họp bắt đầu nửa khôi hài nửa trầm trọng đến lạ lùng. Albert nhìn quanh rồi chậm rãi "Mariko vừa từ chối món quà tôi tặng. Đó là chai nước hoa Fleurissimo. Tôi nghĩ Fleurissimo mới xứng đáng với Mariko. Miss Balman không đủ chất cao sang. Nhưng... Thôi, các bạn phải giúp tôi vậy. Nếu hôm nay tôi thuyết phục rằng hệ thống vệ tinh bất động là hệ thống tối ưu, thì đáp lại, các bạn phải thuyết phục Mariko cho nàng nhận món quà của tôi. Các bạn nghĩ thế nào?". Có tiếng khúc khích cười, và nhao nhao tiếng người. Hai chục cặp mắt đổ về phía M. Nàng cắn răng, mặt đỏ lên, luống cuống nhìn xuống. Lại nhao nhao tiếng người. Khi M gật đầu, Albert mới đứng dậy.

"... Sự phản bác trong kỳ họp trước có lý khi vệ tinh bay trên quỹ đạo còn trong vòng tác động của lực hút trái đất. Nhưng hiện nay, điều kiện kỹ thuật có thể bảo đảm đưa vệ tinh lên một độ cao ngoài tầm lực từ trường đó. Vì thế, năng lượng để giữ nó bất động gần như không đáng kể so với năng lượng làm cho vệ tinh chuyển động trong vòng lực qui tâm của địa cầu. Ngoài ra, ở độ cao nói trên, số vệ tinh để bắt hết tín hiệu thông tin trên trái đất thân yêu của chúng ta chỉ cần ba. Để an toàn tuyệt đối, cứ thêm hai, tức năm cái là quá đủ. Như vậy, chúng ta giảm thiểu được một nửa số vệ tinh với cái dự án này...".

Tiếng vỗ tay rào rào vào cuối buổi họp khi M nhận món quà Albert trao vào tận tay. Albert nói nhỏ, giọng rụt rè "...đây là lần đầu tôi tặng nước hoa cho một phụ nữ...". M chưa kịp đáp thì Albert vội vã thì thào "...kèm một lời tỏ tình tôi không biết nói làm sao nghe cho được!". Nói xong, Albert giật mình và cảm thấy mình trơ trẽn. M cắn môi, giả tảng như không hiểu. Khi Albert vào thang máy, M nhìn theo buột miệng *"See you later!"*. Thế là họ gặp lại nhau sau khi M tìm ra chìa khóa mở mật mã Albert truyền qua cái bíp-bơ. Ngay phút đầu, Albert không bắt tay, vòng ôm lấy M. Nàng tránh cái hôn, khẽ đẩy Albert ra, giọng hơi trách móc "Con gái xứ Phù Tang không vội vã thế... Và xin đừng lấy cái dáng bọn Conquistador ở thế kỷ mười bảy. Đi chinh phục phụ nữ cần tế nhị hơn thế nhiều".

*

Vài tuần sau, tên *Conquistador* thêm một lần chứng minh cho M biết rằng khó mà cưỡng lại bản năng. Khi cả hai còn đang mơ màng, M bỗng

khẽ hỏi "...Tại sao anh cứ khăng khăng có cho bằng được những vệ tinh bất động trên trời?".

Áp mặt vào làn da bụng M mát rượi, tôi nhắm mắt lại. Vòm trời đính sao lấp lánh trên biển cả hai mươi năm về trước chợt hiện ra cùng với cơn đau nứt da nẻ thịt. Biển mênh mông gợn những lớp nước long lanh sáng. Âm thanh tuyệt mù tăm tích trong khi hình ảnh vẫn dập dềnh lưu lạc từ những mảng trí nhớ sót lại tựa lũ bè trôi trên nước cố bám víu vào nhau. Vục tay, tôi vốc đưa lên miệng. Giọt nước đắng chát như váng muối đóng ngay yết hầu, kết thành tinh thể, chặn nghẹn đầu thực quản. Tôi lại tỉnh lại. Dấp nước nhè nhẹ lên mặt, cái xót xa của làn da bỏng rát sau một tuần ròng phơi nắng biển bốc cháy như hàng nghìn con kiến lửa cắn nhay não bộ. Nước ngọt đã hết từ hai ngày nay. Cơn khát thỉnh thoảng làm mê mụ, và mê chắc chắn dẫn đến cái chết. Ngửa đầu lên cái phao bơi, tôi nhủ thầm, mi phải kéo thêm được một, hai ngày. Hôm qua, có hai chiếc tầu đi ngang. Có lẽ bọn thủy thủ thấy mình nhưng chúng không vớt. Ngày mai, cũng có thể có hai chiếc tầu khác. Rồi mốt, cũng hai, may ra. Mỉm cười, tôi lẩm nhẩm, tỉ lệ may mắn là một số dương. Thế thì đáng kéo thêm lắm chứ. Bây giờ cố chống cái ngủ. Hãy nhìn lên cao. Trời lấp lánh muôn vàn vì sao chùm xuống mặt biển một vòm nhung óng ánh đính kim cương. Kia là Bắc Đẩu. Còn chênh chếch phía đông là chùm Đại Hùng. Sao nào là sao Ngưu? Còn sao bản mệnh mình. Cái hạt bụi đó còn chiếu sáng đến bao giờ? Nó đâu? Lạ chưa, cả vòm trời sao bỗng vần xoay chuyển động. Sao Đẩu ùa xuống phương Nam. Chùm Đại Hùng rã ra rồi chuyển hết về Tây. Sao Hôm chưa sáng đã mọc. Không, hãy tỉnh lại. Không chơi trò chạy đuổi. Cả sao bản mệnh của mi cũng vậy. Chúng đứng tại một chỗ, ở nguyên vị, hệt như sao đóng trên lá số tử vi của mi. Ông thầy bói già xưa có bảo "Mệnh cậu Sát-Phá-Tham, ra Tử-Phủ. Cung Mệnh thế là vững. Đến đại hạn vào Thân, phát quan, công danh phú quí không ai bì được...". Cám ơn ông. Nhưng ông chỉ hộ trên vòm trời kia ba cái sao ông gọi là Thất Sát, Phá Tham và Liêm Trinh, chúng ở đâu, hở ông? Cứ nhìn kỹ, những vì sao đó đóng chắc như đinh đóng vào vòm trời. Chính chiếu là Tử Vi, phụ chiếu là Thiên Phủ. Tốt lắm. Phủ là cái kho, tiền vào. Còn Tử Vi, Tử là sao chủ đứng đầu một trăm leủ tám vì sao tạo nên định mệnh của đám nhân sinh từ đời đời kiếp kiếp. Cậu đừng lo, mặc dầu cung Phúc thì vô chính diệu. Mệnh vững, Phúc có yếu một tí cũng chẳng sao. Cám ơn ông, thế "đi" có lọt không? Phải đợi. Tháng Tư. Dạ, tháng tây hay tháng ta. Tháng ta chứ. Lúc ấy ngũ hành thuận với mệnh, lại khớp vào cung Di. Đi được đấy.

Phút chuẩn bị đã tới. Từ giàn khoan dầu ra đến hải phận quốc tế chỉ có hai dặm hải lý. Nước sẽ trôi xuống phía Mã Lai. Phao bơi. Nước ngọt. Bánh mì khô. Mang tối đa, và tiêu thụ tối thiểu. Rồi nhớ xách cây gậy, dùng làm que cắm cờ để vẫy gọi tầu bè đi ngang. Và một chiếc đèn pin cỡ lớn. A, đừng quên tấm hình gia đình đã bọc plát-tích. Được, sao bản mệnh vững, lại vào cung Di tháng này. Nhưng sao đã gặp sáu chiếc tầu mà không có cái nào vớt mình ha? Một cái tầu cờ Nam Tư. Được, tụi bay một phường. Một cái tầu cờ Nhật. OK, bay người đông đất chật. Tầu cờ Nga, cám ơn nhé, vớt cũng chẳng dám lên. Nhưng tầu cờ Úc? Tại sao mi không vớt ta? Mà thôi, số tử vi tốt như số ta đi Úc thì uổng! Úc xa cách, lẻ loi, làm sao Sát-Phá-Tham ta vùng vẫy cho thỏa chí anh hùng. Rồi cờ Pháp? *Eh, je suis là. Je suis citoyen Français.* Chiếc tầu vẫn đi qua, thản nhiên như không hề có một kẻ sắp chết trôi. Mặt biển lặng lờ trải dài ra, sóng vỗ về như ru ngủ.

Buổi sáng, mặt trời to bằng hai cái đấu nhô lên từ phương đông, đỏ lừ lừ dọa dẫm thêm một ngày nắng thiêu, làm rộp lớp da mặt gặp nước phồng lên như bánh tráng nướng than. Ba vì sao bản mệnh cố định trên vòm trời biến đi không còn đâu là tăm tích. Lạy Trời, lạy Chúa. Mất tăm nhưng đâu có nghĩa là không còn ở đâu đó trên cao xanh kia. Lại hết một ngày. Lần này chẳng có bóng dáng một chiếc tầu nào. Rồi đêm. Ba vì sao lại lấp lánh sáng đơm lửa cho hy vọng. Nước biển ban đêm lạnh thấu xương. Da dẻ bây giờ nhăn nheo, trơ ra đến độ vô cảm, trừ da mặt bỏng nắng xót nước muối. Cứ thế, tôi lênh đênh với vòm sao trời, mắt hướng về ba vì sao bản mệnh. Rồi tôi kiệt sức mê man phiêu dạt theo sóng gió. Khi bừng mắt, tôi không còn cảm giác bập bềnh. Tiếng nói lao xao đâu đây khiến tôi hốt hoảng chẳng hiểu tôi ở cõi nào. Hình như tôi rên lên thì phải. Ai đó nâng đầu tôi lên, rồi dòng nước ngọt ngào trôi qua cổ. Tôi nghe lơ mơ "*he's OK!*". Lát sau, tôi tỉnh hẳn. Giơ tay vẫy một tên lính thủy, tôi hỏi, giọng thều thào. Ghé sát vào miệng tôi, nó nghe rồi đáp "*...yes, you're alive!*". Khi người ta cáng tôi ra boong tầu, tôi thấy lá cờ hoa Mỹ Quốc. Thuyền trưởng là một Trung tá Hải Quân, nhìn tôi đăm đăm rồi buông thõng *"You're fool!*". Vâng, tôi đáp, những người đi tìm sự sống qua cái chết đều điên cả. Sống phải chăng ở hai đầu của sự chết. Tôi đã đi từ đầu nọ sang đầu kia trong mười ngày lênh đênh trên biển cả.

"... Sống lúc đó là neo vào một cái gì bất động. Đầu gối lên chiếc phao nổi cứ dập dềnh trôi theo dòng luân lưu, anh có gì để bấu víu ngoài

những vì sao trên thăm thẳm cao, hở M?". Ghì lấy đầu người yêu vào lòng, M cố kìm một tiếng nấc. "... Sau đây, biết đâu lại chẳng có những kẻ như anh lềnh bềnh trên cái chết để tìm sự sống. Những vệ tinh bất động kia phát thứ ánh sáng cho họ giữ được niềm tin ấy. Anh sẽ đề nghị màu xanh, màu của hy vọng, cho loại ánh sáng đó!". M bỗng òa khóc, hai tay bíu lấy tóc tôi, nức nở "Em không biết thế! *I am sorry*... Chúng ta sẽ đặt vệ tinh như cắm những mốc hy vọng của sự sống".

Vùng dậy, tôi ghì lấy M, đè lên và cứ thế, như trên mặt biển, tôi dập dềnh, dập dềnh như giàn khoan dầu cách Vũng Tàu nửa ngày chim bay trong một ngày biển động.

*

Văng vẳng giữa âm thanh dìu dặt vỗ nước vào bờ, tiếng bíp-bơ mơ hồ chợt biến chợt hiện, rồi lớn dần, bất ngờ vút xé lên cao. Tôi mở choàng mắt, ngỡ ngàng buột miệng "...M, M đấy à!". Định quay đầu nhìn nhưng cần cổ cứng ngắc như đóng đinh, tôi hoảng hốt nhấc tay lên. Không được. Co chân lại vậy. Vô phương. Tôi không còn điều khiển được chân tay. Ghê rợn hơn, hình như tôi không còn cảm giác gì. Gom hết nghị lực, tôi đi giật lùi về quá khứ, trí óc chệnh choạng đến được cái hụt hẫng rơi từ xa lộ trên xuống xa lộ dưới trong tiếng gió ào ào thổi ngược.

Bây giờ thì tôi nhìn rõ hơn. Người tôi dính vào một chùm những thứ máy móc đo đủ loại chức năng của một thân thể. Đo nhịp tim. Đo hoạt động của não bộ. Bình nước biển nhỉ nhả từng giọt. Chụp *oxygen* trên mặt. Rồi tôi nghe tiếng chân. Tiếng nói. Bắt đầu mơ hồ, dần dần rõ ra. Tiếng đàn bà "*...much better. He's alive, doctor*". Người y sĩ già trầm giọng "*Yes*... phép lạ. Cô thấy đấy. Chích cho bệnh nhân móc-phin đi". Chỉ vài phút sau, tôi thấy thật dễ chịu, mình bốc lên lơ lửng chập chờn.

Lần tỉnh thứ nhì, tôi nói được. Người y sĩ già hỏi "...tên anh là gì?". Rồi tên bố tôi, mẹ tôi. Tôi nhớ. Vợ con? Tôi chưa có. Người yêu? Mariko. Người y sĩ gật gù "... *yes*, phép lạ. Thế là não bộ tốt. Vậy 27 cộng 62 là bao nhiêu?". Tôi mất đến một phút mới đáp 89. Người y sĩ già cười "... *No*". Tôi mím miệng "*Yes, yes*". Ông ta lại cười, giọng vui vẻ "*Of course*. Dĩ nhiên". Nhìn ông, tôi yêu cầu hai việc. Thứ nhất tôi không muốn bất cứ ai biết được tình trạng của tôi. Hãng IBM chỉ nói là tôi tạm thời nghỉ việc, không được tiết lộ gì hơn. Thứ nhì, tìm cho tôi chiếc bíp-bơ. Người y sĩ ngạc nhiên nhìn tôi gật đầu rồi quay ra nói với hai cô y tá. Cô Dorothy lẳng lặng ra ngoài.

Khi Dorothy quay về phòng bệnh, tim tôi đập chừng còn mạnh hơn

buổi tối tôi bỏ giàn khoan phóng mình lao vào mặt biển đen ngòm. Cô ta giơ cái bíp-bơ, hỏi "...phải là nó?". Tôi nhìn. Đúng. Cái hiệu Pagemark-Nationwide chữ đỏ. Tôi gật đầu định đưa tay lên. Lại vô phương. Tôi bảo để nó trên gối cạnh đầu tôi. Và mở nút ON. Tôi lại yêu cầu, khi chữ BATTERY LOW hiện ra thì thay pin cho tôi. Dorothy ngẩn ngơ không hiểu nhưng đáp *"Yes. I'll do it"*.

Lần đầu nghe tiếng bíp-bơ, tôi khóc. Tôi khóc đến độ Dorothy hoảng hồn đi tìm người y sĩ già. Ông ta nhẩn nha ngồi xuống bên cạnh tôi, hỏi "Chuyện gì vậy, Albert? Anh đau?". "Có, nhưng đau không làm tôi khóc được!". Trước ánh mắt ngạc nhiên của ông, tôi nhờ ông nâng chiếc bíp-bơ ngang tầm mắt. Dòng số hiện ra. Tôi lẩm nhẩm giải mã. M viết *"Where are you. Love"*. Nước mắt tôi lại ứa ra. M yêu, tôi cũng thế. Tôi yêu em vô cùng. Ông y sĩ nhìn vào dòng con số trên chiếc bíp-bơ. Tôi vội nói ngay "...tôi khóc vì hạnh phúc!". Ông ta ngẩn người, nháy mắt bảo Dorothy "Nếu bệnh nhân này không điên, chắc nó là thứ điệp viên đến từ một hành tinh lạ. Cứ chiều nó..." rồi quay lại chào tôi "... *Bye now, James Bond!*".

James Bond phải nhờ Dorothy đọc tín hiệu bằng số. Lắm khi, mỗi ngày đến năm lần, bảy lần, nhiều nhất là từ năm giờ chiều đến quãng mười giờ đêm. Riết, tôi phải thú với Dorothy "...đó là người yêu của tôi!". Nàng trợn mắt "...sao không trả lời! Cứ viết tín hiệu số, tôi bấm cho!". Tôi hoảng hốt "Không! Không được. Dorothy biết rồi, tôi bây giờ chỉ là một bộ não. Còn lại thì...". Dorothy cắn môi, quay vội đi. Nước mắt tôi ứa ra. Tôi tủi cho bộ não. Nó có thể nghĩ, đếm, nhớ và đau đớn. Ngoài ra, nó bất lực. Từ chân, tay, đến đầu cổ. Dĩ nhiên cả cái phần cơ thể Chúa dành cho sinh lý, bộ phận giúp loài người tránh hủy diệt bằng cái đền bù một thoáng ngất người hoan lạc.

Người y sĩ già cùng đồng nghiệp đứng xung quanh giường tôi nằm. Sau cả tháng trời làm đủ các loại *test*, giờ của sự thật đã điểm như giờ phán quyết của đấng cao xanh. Lúc đó, quả tôi run sợ. Tôi tiếc đã cất lời thóa mạ Chúa là Sa tăng giả hình. Trong đáy địa ngục sụt xuống từ những cơn đau đớn làm vỡ toang từng tế bào não, tôi đã mạ lỵ mọi quyền năng, chửi toáng tất cả nhân loại từ xa xưa đến nay, cái nhân loại đã làm ra xa lộ, xe hơi và thậm chí cả cái nhà thương này với muôn vàn tiến bộ y học đang chực cứu tôi. Người y sĩ già vẫn ngần ngại, ề à "... sức phục hồi của anh là điều hiếm có, là phép lạ. Nhưng đó chỉ là khởi điểm. Chẩn đoán của chúng tôi như sau: ba tháng nữa, anh có khả năng thu lại sáu mươi đến

bảy mươi phần trăm chức năng của hai tay. Phía trái cột sống bị hủy hoại ở mức độ nhẹ. Vậy trong vòng hai năm, anh có thể phục hồi bảy mươi phần trăm chân phải. Còn chân trái, phải đợi ba năm". Tôi vội vàng "...tỉ lệ xác xuất điều ông vừa nói là bao nhiêu?". Người y sĩ già đưa mắt nhìn đồng nghiệp. Một người bảo "năm mươi - năm mươi". Một người khác tiếp "...cái đó tùy thuộc sức mạnh tinh thần của bệnh nhân. Có những kẻ bị liệt đứng dậy nhờ niềm tin. Y học không có khả năng thẩm sát điều đó...". Tôi liên tưởng đến M . Đúng lúc đó có tiếng bíp-bơ. Tôi lại hỏi "...còn cái phần cơ thể dùng vào việc tái sinh, nó có khả năng phục hồi không? Và nếu có, xác xuất là bao nhiêu?". Nhưng không ai đáp câu tôi hỏi, chỉ bảo là còn quá sớm để khẳng định bất cứ gì. Tôi cười nhạt. Trong những cơn đau, tôi đã nghĩ ra ít là hai phương pháp tôi có thể tự tử. Sự sống của tôi nếu chỉ là một gánh nặng cho người tôi yêu thì quả là không đáng một giây một phút nào. Nhưng nay thì chưa biết thế nào. Thôi, hãy như ngày còn bập bềnh trên biển để níu lấy đời sống qua bóng thiên đường vậy.

Bóng Thiên Đường

Bóng dáng thiên đường đã loáng thoáng một lần khi Albert xuống phi trường Kansai. Xách vali, Albert vừa bước vừa nhìn quanh tìm M trong đám người lũ lượt chen chúc. Tiếng báo giờ lên máy bay của hiệu thính viên, khi bằng tiếng Nhật, khi bằng tiếng Anh, liên miên nổi lên đều đều đến sốt ruột. Đúng lời M dặn dò, Albert tìm đến quầy bán vé của Americain Airline. Còn đang ngỡ ngàng, chàng nghe giọng ríu rít "... *Konnichiwa*". Quay lại, Albert sững sờ, kêu "Mariko-san!".

Bây giờ, M không còn là cô kỹ sư trưởng làm cho SPAR ở L.A, quần áo đúng thời trang, tóc dài buông ngang vai, lịch thiệp nhưng nghiêm nghị. Nàng nay mặc một bộ Kimono màu hồng nhạt có điểm những cánh chim nhạn trắng toát, tóc vấn lên đỉnh đầu, cười e thẹn nhìn bằng cặp mắt bỗng mang cái nét dịu dàng đoan trang của một phương Đông tưởng đã xa xưa. Albert bước lại nhưng M khẽ gập mình, đầu cúi xuống, nói như reo "Dozo", tay đưa một bó hoa hồng. Chỉ người đàn ông đứng cạnh, nàng tiếp "...*Sumimasen*. Trân trọng giới thiệu với Albert-san, cha tôi". Ông ta khẽ bước lên, nghiêng người rồi bắt tay Albert, miệng nói "*Dear Albert, you are welcome*".

Hai cha con Mariko đối xử thật tròn trịa. Họ đưa Albert về một khách

sạn gần đại học Kyoto, nơi ông Morishima dạy môn văn chương Anh trong phân khoa Văn Học. Khách sạn nằm không xa con lộ của Minh Triết, mang tên Yachioyo Ryokan, khá cổ kính chứ không như phần lớn những khách sạn nay đều rất hiện đại. Ông Morishima ôn tồn "...hãy nghỉ! Tối nay tôi tới đón anh về dùng cơm với cha con tôi!". Mariko ngước nhìn Albert ra dấu. Có mặt cha, nàng ít nói khiến Albert có cảm tưởng gặp một Mariko đã hóa thân thành nhánh đào xứ Phù Tang, chỉ biết gập mình e thẹn và vâng dạ rối rít rồi thốt lời xin lỗi *sumimasen* như chim. Con chim đó bay vuột khỏi khách sạn, bỏ mặc Albert tần ngần dõi mắt theo nhìn trách móc, tức tối chưa ôm hôn nàng, chưa nói riêng với nàng được một lời.

Đúng như ý Albert, căn phòng dành sẵn thuộc loại cho người muốn tìm hương vị cổ truyền. Phòng trang trí đơn giản, chiếu trải làm giường ở một góc, cạnh là chiếc bàn thấp để khay trà, và góc một bát cắm hai nhành hoa mai vàng nằm trên một chiếc bàn đen bóng. Kéo bức màn ra, ánh sáng tự nhiên dịu dàng hắt qua tấm cửa giấy bồi trong đục, lờ mờ hình những bông cẩm chướng màu hồng nhạt. Đẩy cửa theo chiều dọc, tiếng gỗ nhè nhẹ lăn trên con ròng rọc, Albert nghiêng người bước ra hàng hiên. Trước mắt chàng là sân Thiền, toàn bằng sỏi trắng mịn, cào thành những vệt nhấp nhô nhìn lâu sẽ thấy gợn lên những chuyển động nhịp nhàng tinh tế. Trên mặt sân, dăm phiến đá nổi lên gồ ghề trơ trọi tựa cù lao trên mặt biển, cô quạnh nhưng gân guốc, tạo ra điểm hội tụ giữa cái cảm giác mênh mang trước bao la.

Điện thoại reo. Đầu dây, M ríu rít "...cha em sẽ đến đón anh vào lúc bốn giờ". Albert bực bội "Mình chưa nói được với nhau một câu!". M đáp "Ha, ha. *Sumimasen...*". Albert ngắt "Thôi, sao M cứ dạ và xin lỗi. Anh cần ngửi mùi Fleurissimo thôi!". "Ha, *sumimasen*... Đừng vội! Đất nước này vẫn là xứ của truyền thống". Albert sẵng "Truyền thống mà bóp chết tình yêu thì phải bỏ!". M khúc khích "...chẳng bóp chết đâu. Tùy trường hợp, có khi truyền thống như miệng ngọn núi lửa giữ cho nham thạch sôi ở phía dưới từ đời này qua đời kia. Đừng vội, anh yêu!".

Ông Morishima lái xe đưa Albert đi vòng quanh đại học Kyoto, tay chỉ những mái chùa cong vút trong bầu trời muốt xanh màu bích thủy, miệng chậm rãi "... may mà nước Nhật còn những mái chùa này. Nếu không thì chỉ có kiến trúc kiểu hộp cao hộp thấp nằm chèn nhau như ở Tokyo, chắc chẳng khác gì L.A. bao nhiêu. Sự đồng nhất hóa của nền văn

minh toàn cầu cuối thế kỷ hai mươi này ở một mặt nào đó có gì như là hiểm họa của tương lai. Albert-san có nghĩ thế không?". Nhìn chàng gật đầu, ông thở dài nhè nhẹ, tiếp "... đáng lẽ ra thì không cần có cái thứ đối kháng truyền thống - hiện đại. Nhưng ánh lửa của tiến bộ khoa học có cái khả năng thu hút những con thiêu thân đến độ chúng quên đi rằng ngoài khoa học, đời sống còn những tiềm năng bí ẩn như cái mỹ, cái thiện chẳng hạn". Ông bật cười "Đấy, Mariko-san trước muốn bỏ đời mình vào hội họa trên lụa, sau rốt cũng thành một kỹ sư. Và anh nữa, anh cũng làm khoa học...". Lòng liên tưởng đến những vệ tinh bất động phát ra thứ ánh sáng màu xanh hy vọng trong vòm trời sao lấp lánh, Albert nhẹ nhàng ngắt "...nhưng làm khoa học đâu phải là quên đi cái thiện, cái mỹ, thưa ông!". Ông Morishima lẩm bẩm như nói một mình "... Dĩ nhiên. Vấn đề là nhớ đủ hay không đủ?".

*

Bữa ăn tối tay đôi giữa ông Morishima và Albert dẫu thân mật nhưng vẫn có nét nghi lễ tạo ra một khoảng cách. Mô côi mẹ, Mariko là người đàn bà duy nhất trong nhà. Nàng tất bật bưng lên những món ăn, Saké hâm, rồi trà, luôn miệng kêu "ha" và cứ khom mình đi những bước thật ngắn trong bộ Kimono cổ truyền óng ánh vàng mặc trong buổi tối. Không nhìn thẳng vào mặt nàng, Albert bắt chước ông Morishima, nghiêng đầu nói "Agirato gozaimasu" cám ơn, trầm trồ khen ngon.

Lúc Albert xin phép ra về thì ông Morishima đứng lên. Mariko vội nói một tràng dài. Ông khẽ gật đầu. Lát sau, nàng lại xuất hiện, miệng ríu rít, khom mình chỉ tay về phía cửa. Albert bước ra. Nắm cườm tay chàng, ông Morishima chậm rãi "...đúng ngày trăng tròn. Thật tuyệt diệu. Và mùa này là mùa anh đào. Albert-san nhìn góc vườn mà xem". Theo ngón tay ông chỉ, dưới ánh trăng xanh nhợt, những cánh hoa đào đỏ chót như bôi son sáng rực lên. Tiếng nước chảy róc rách qua những phiến đá tảng, rồi tiếng ễnh ương thỉnh thoảng vang lên khiến cái xã hội ngoài kia gần như chìm vào một thế giới không có thật. Mùi Fleurissimo theo gió thoảng nhẹ, và Mariko, vẫn trong bộ Kimono, cúi đầu nói nhỏ "Albert-san, ta đi...".

Khi chiếc xe ngừng hẳn lại dưới bóng cây dương trong bãi đậu của khách sạn, Albert vồ lấy Mariko hôn ngấu nghiến đến độ nàng nghẹt thở. Mặt bừng bừng đỏ, Mariko nhìn như bốc lửa, hai tay thò sâu vào tóc Albert, kéo áp vào bộ ngực phập phồng đứt quãng. Cơ thể nàng gặp địa chấn, trồi lên từng chập rồi hụp xuống, căng ra xong lại co vào, miệng không ngớt kêu nho nhỏ tên người yêu. Albert kéo tay nàng khỏi xe.

Mariko ngần ngừ khẽ giựt lại. Albert lại kéo. Mariko mím môi bước theo. Khi họ đi qua mặt tiếp viên của khách sạn, Mariko khẽ cúi đầu tránh cái nhìn đang cố giấu đi vẻ soi mói.

Đóng cửa phòng, Albert sà vào Mariko. Trời ơi! Cởi một bộ Kimono sao lâu thế! Áo lượt ngoài, rồi lượt trong. Thắt lưng cũng vậy, có cả những dải vải vắt chéo. Mariko không nói, tay làm những động tác vừa nhanh vừa gọn cho đến khi không còn một mảnh lụa che thân. Mắt nàng bây giờ cháy đỏ như cành đào góc sân dưới ánh trăng. Nàng đưa tay lên đầu rút cây trâm. Những lọn tóc đen tự do đổ xuống như thác nước chảy xuôi xuống. Mùi Fleurissimo lại thoang thoảng. Nàng nằm ngửa trên giường, hai mắt nhắm lại, miệng hé mở lộ hàm răng trắng ngà và đầu lưỡi hồng nhớt khẽ thè ra chót môi phết nhẹ màu son tím nhạt. Albert ngây ra nhìn. Thượng Đế, sự nhiệm màu của người là đây. Ân sủng người ban vừa vẹn tròn vừa tuyệt diệu. Lòng Albert bỗng thanh thản. Chờ đợi cuồng nhiệt tưởng táp gió đổ bão bỗng đâu hóa ra sự trìu mến giữa những sinh vật khác giống. Từ Thái Cực, sinh Âm - Dương. Tình yêu vạn năng khiến Âm - Dương tổng hòa quay về Thái Cực trong trạng thái dập dềnh của biển mênh mông. Cửa ra ngoài sân Thiền vẫn mở. Những cù lao trên mặt sỏi bập bềnh lên xuống nhịp theo thân thể Albert. Tiếng Mariko gọi. Nàng thỉnh thoảng lại kêu *arigato, arigato...* Và khi dương khí muốn tìm đường ra thì nàng bíu chặt lấy mông chàng, cơ bắp phần âm cuốn hút rồi bóp chặt lại để đợi cho đúng điểm giao hòa huyền diệu. Lúc ấy, Albert chỉ thấy biển, thấy vòm sao lung linh trong một cơn say sóng. Lúc ấy, dải ngân hà chao đảo theo nhịp co thắt của vũ trụ. Cứ thế, cho đến lúc cặp Âm - Dương qui về Thái Cực và chỉ là Một.

Nhìn ánh trăng chếch về phía vòm lá đung đưa cạnh mái hiên, Albert se sẽ ngồi dậy. Chàng xem đồng hồ. Bên cạnh, Mariko ngủ say sưa, nhịp thở đều đặn đẩy lồng ngực nhấp nhô dưới tấm chăn mỏng. Albert khẽ lay "...M yêu, đã hai giờ sáng rồi! M phải về chứ!". Cựa mình, Mariko quay mặt ra sân, khép hờ hàng mi viền theo đôi mắt một mí. Nàng từ tốn ngồi dậy, nhìn Albert, giọng cương quyết "...em ngủ lại. Như thế, cha hiểu là em không lấy chồng đẳng cấp vũ sĩ, đẳng cấp của giòng họ Morishima - Nàng bật cười - Ngoài Nhật Bản, làm gì có đẳng cấp ấy trên thế giới này!". Albert hiểu Mariko vừa bước một bước ra khỏi vòng phấn vạch truyền thống. Nàng nhảy vào thế giới hiện đại với cái thôi thúc của tình yêu, bất chấp mọi cương tỏa. Kéo Mariko vào lòng, cả hai yên lặng nhìn ánh trăng trên sân Thiền lung linh tỏa bóng những trùm lá lung linh bí ẩn.

Chợt Mariko lên tiếng "Thượng Đế ban cho tình yêu cái khả năng cộng sinh. Em muốn có một đứa con. Và từ ngày đó, em thôi làm việc, chỉ lo cho gia đình. Albert-san, anh có bằng lòng không?". Albert ngạc nhiên. Một kỹ sư trưởng mới ba mươi hai tuổi. Thế là quá xuất sắc. Lệ thường, chắc năm bảy năm nữa nàng sẽ thăng lên chức vị Phó Chủ Tịch lo kỹ thuật cho một cái hãng thuộc loại lớn nhất thế giới. Ngần ngại, Albert nói "M đừng hy sinh sự nghiệp vì gia đình". Lúc ấy, Mariko quay nhìn , dịu dàng "Albert-san, sự cộng sinh mới là cái đích của tình yêu. Khoái lạc là con đường đi tới đó. Sự nghiệp nào cũng không mang lại được sự huyền diệu đó... Em chắc chắn là em không hy sinh gì cả, đừng nghĩ thế, không đúng...".

Bấy giờ, Albert biết Mariko lại vừa tự nguyện quay mình nhảy vào vạch phấn. Chàng ứa nước mắt. Bên ngoài bỗng có tiếng lộp độp. Mariko kéo chăn, nói như reo "Mưa Xuân, Albert-san! Thế là ngày mai sẽ nắng!".

*

Bắt chước những hướng dẫn viên du lịch, Mariko cao giọng ríu rít "Minh Triết đạo, nghĩa là *the path of philosophy*. Trên con đường trải đá này có bước chân của các thiền sư như Sesshu, các thi sĩ như Basho, và theo truyền thuyết, con đường này là lối đi dạo của Shogun Tokugawa dưới thời Mạc-phủ...". Ngắm Mariko tươi mát trong trang phục màu trắng ngà, Albert vui vẻ "...thế còn bước chân của những người yêu nhau? Chắc chắn là có những mối tình rất đẹp...". Mariko nhăn mặt, chợt buồn bã "...tình yêu vốn là say mê. Và say mê lắm khi kéo con người ra khỏi con đường minh triết". Từ lúc đó, nàng nghiêm nghị, vẻ nghĩ ngợi xa vắng.

Bước chậm rãi trên con đường lát đá, hai người đi dọc con sông hẹp, hai bên bờ trồng toàn anh đào đến độ hoa vừa nở. Lòng sông chở đi những khoảng trời xanh chi chít những cành đào đan vào nhau như đan áo, hoa màu hồng nhạt chen hoa màu đỏ tươi, trùng trùng điệp điệp trôi xuôi như đám rước dâu trong buổi hôn phối giữa hình với bóng. Cứ mỗi lần đến trước một cái miếu thờ thần giáo Shinto, Mariko lại đứng lại, nghiêm trang chắp tay, cầu khẩn. Khi đi, nàng vỗ tay, đúng ba cái. Albert hỏi. Nàng chỉ nói vỗ tay xin đấng Thần Linh. Xin gì? Nàng lại cười, cái cười có đợm nét buồn buồn của keủ bị khuất phục trước một thứ quyền lực siêu nhiên.

Dọc theo con đường là bẩy ngôi đền thờ, cái số bẩy mang sự bí ẩn Tạo Hóa còn giấu nhân gian. Hai người vào đền Tenju-an. Rồi sau, đền Nanzen-Ji. Cứ thế, Choso-in, Eikan-do, Anraku-gi, và Honen-in. Cuối

cùng là Ginkaju-gi, ngôi đền trên cao, dáng khắc khổ nhưng ẩn nét bệ vệ, đá tảng xếp chồng như núi, mái cong vút thếp vàng chóa màu nắng xuân tươi rực rỡ như sắc áo thiền tăng. Quì trước tượng Thích Ca, người người lắng nghe tiếng vị sư già ê a đọc Kinh, âm thanh vắng lên đập vào mái ngói làm đàn bồ câu bay lên rồi lại sà xuống đậu, cánh giương ra trắng xóa nóc chùa. Mariko lại lẩm nhẩm. Nhìn nàng gập mình xuống cầu xin, Albert bỗng chợt thấy Mariko tươi tắn năng động ở L.A. bây giờ là một bóng hình xa lạ. Và cả cái kiến thức khoa học không gian bỗng dưng thành vô cùng bé nhỏ. Bỗng dưng mang dạng của một thứ huyễn tượng. Bỗng dưng trở thành ảo ảnh.

Nhẹ nhàng dìu Mariko đi ra phía sau đền, Albert chìm đắm trong một cõi lặng không khó gọi tên cho đúng. Hai người dừng chân bên bờ ao. Gió thổi như ve vuốt, dăm ba cánh hoa rơi xuống mặt ao trôi lơ lửng. Chợt có tiếng nhảy bõm vào nước. Mariko mỉm cười, rồi ngân nga nhè nhẹ "...Furuike ya. Kawazu tobikomu. Mizu no oto". Trước vẻ tò mò của Albert, nàng dịch "Trong ao xưa. Con nhái nhảy vào. Tiếng nước khua". Rồi nàng nắm tay Albert, bảo "Haiku của Basho. Em thuộc được gần năm trăm bài!".

Hai người ra về khi nắng ngả về Tây. Albert vẫn tiếc. Đáng lẽ ra chàng phải gặng hỏi để biết Mariko đã cầu khẩn gì với Kami ngụ ở những ngôi miếu Thần giáo. Nàng đã van xin thế nào với đấng Thích Ca ở đền Ginkaju-ji. Và nhất là tại sao, hỡi Mariko yêu dấu, tình yêu lại có thể kéo con người ra khỏi con đường minh triết?

Một Góc Trần Gian

Một tháng hai mươi bảy ngày sau tai nạn, tôi tìm lại được khả năng nói một cách tương đối trôi chảy. Lệnh từ não xuống lưỡi và miệng không còn bị vấp vào những mảng rời xô nhau thành âm thanh lắp đi lắp lại. Hai tuần sau đó, tay tôi cử động trừ những đầu ngón vẫn còn bị co quắp. Như vậy là gần đúng với sự chẩn đoán của đám y sĩ. Nhưng họ không nói với tôi về những cơn đau. Cái đau đâm ra từ những con vít bằng pla-tin chạy dọc theo xương sống. Cứ mỗi lúc trở trời, độ ẩm lên xuống là đau, đau thắt ruột, đau nứt óc, đau đến độ mê đi mà vẫn đau. Cái đau của địa ngục đến bất chợt, biến đi, lại thình lình quay lại kéo cho da mặt nhăn nhúm, giật bừng bựt, giáng vào đầu như bổ búa tạ. Ngất đi một ngày đến dăm lần, lần nào tôi tỉnh là muốn mê ngay đi, cơn đau trong cơn mê dẫu sao cũng dễ

chịu đựng hơn. Cuối cùng đám y sĩ cho chích móc-phin, để tôi giao cảm với nàng tiên trắng những lúc lửa địa ngục bùng đỏ. Tôi gọi nàng là Bạch nương tử.

Bạch nương và Mariko thành hai người thân sót lại trong đời. Trong một tháng hai mươi bảy ngày đầu, cái bíp-bơ lên tiếng đúng bốn trăm sáu mươi chín lần. Tên tôi chính thức là Phan Trung Thành, nhưng Mariko chỉ biết Albert Phan. Hãng IBM giữ lời, không tiết lộ gì nên giả thử dẫu Mariko có tìm tôi qua hàng trăm hàng nghìn tai nạn xe cộ mỗi tuần cũng khó. Vả lại, bíp đến ngày thứ mười, trung bình năm, sáu lần một ngày, hẳn là Mariko không còn cách gì khác hơn. Tội nghiệp. Lần đầu nàng hỏi *Why*? Rồi sau, nàng van xin *Please, let me know*! Và *Love you*! Riết, không hồi âm, nàng chúc tôi hạnh phúc với một người đàn bà nàng tưởng tượng ra. Vẫn biệt tin, nàng viết *I hate you*. Rồi lại *I love you, please come to me*. Mỗi lần đọc, tôi ứa nước mắt nhưng hoàn toàn bất lực.

Khi nói được, tôi vội gọi điện thoại cho Mariko. Tôi quay số, tay lóng ngóng, áp tai vào nghe tiếng chuống reng. Một tiếng. Hai tiếng. Bỗng tôi sợ. Không được. Tôi vội vã chụp ống điện thoại cắt đường dây. Nỗi sợ dấy lên như một vết mủ. Mủ trong óc một thân thể nay chỉ có bốn mươi phần trăm khả năng sử dụng hai tay. Còn lại, còn gì?

Cơn đau lại sập về đánh úp. Bạch nương, Bạch nương ơi! Bíp bíp. Mũi chích nhói vào. Và tôi bay lên, chập chờn giữa không trung choãi ra trong sương khói huyền ảo. Tôi bắt đầu quên. Bốn tháng sau, đôi khi tôi ngỡ ngàng khi có người gọi tên. Tôi chỉ nhớ cái bíp-bơ. Ngay mật mã giữa tôi và Mariko, tôi cũng không còn đủ sức giải để hiểu nàng nói gì. Những tiếng bíp-bíp vẫn còn đó. Mỗi ngày đều đặn như tiếng gọi. Như tiếng thở. Tất nhiên, thiếu mùi Fleurissimo.

Cho đến một hôm tôi hỏi đến ba bốn lần tên cô y tá Dorothy thì cô báo với người y sĩ già. Ông ta bảo tôi mở mắt, soi đèn pin vào, miệng lẩm bẩm hỏi "Anh nhớ tên tôi không?". Tôi gật. Rõ ràng lắm, tôi nhớ chứ. John, ông John. "Không, anh nhầm, John là người lái xe trong cái tai nạn trên xa lộ". Tôi ngạc nhiên. Người nào lái xe? Xe nào? Lạ chưa! Thế là ông y sĩ không để Bạch nương đến với tôi trong những cơn đau. Ông bảo "...mọc-phin làm anh mất trí nhớ. Bây giờ, anh tỉnh táo rồi nên chúng tôi để anh chọn. Nếu chịu đựng được đau, tôi khuyên anh thôi dùng nó. Nếu không, cứ chích mãi, anh sẽ quên, quên hết". Tôi nhướng mắt nhìn ông.

Ừ, quên. Quả là tôi chỉ nhớ tiếng bíp-bíp, còn Mariko thì ngày một mơ hồ như bóng dáng hư ảnh đã nhạt nhòa đi như màu sương trắng trên sân Thiền lối cửa phòng khách sạn tôi nay chẳng biết tên gì. Nhưng trời hỡi, nếu quên hết quá khứ thì tôi chỉ còn cái hiện tại của một kẻ tàn phế, cơ thể lành lặn được sáu mươi, bảy mươi phần trăm với cái sác xuất chưa đến một phần hai. Tôi nhắm mắt. Con người chôn quá khứ thực sự có đời sống hiện tại không? Đấy là chưa đả động đến tương lai! Gằn giọng, tôi quả quyết "...thôi, tôi không chích mọc-phin nữa".

Thế là mỗi ngày tôi thăm địa ngục năm ba lần. Xuống rồi lại lên. Cơn đau cho tôi ngơi nghỉ được một hai giờ, thình lình lại kéo tuột tôi xuống theo đường cột sống đóng cứng vào một thanh pla-tin với những con ốc quái ác cứ xoáy vào não tôi những vòng xiết kinh hoàng thấu xương thấu tủy. Mỗi lần vào địa ngục, tôi cười méo mó bảo Dorothy "...tôi đi *shopping center* đây. Lần này là South Coast Plaza..." rồi lặng người đi, bắp thịt co giật, sùi bọt mép, nước mắt cứ ứa ra như là lũ mùa giông. Nhưng có trí nhớ, tôi lại tìm lại được hình ảnh Mariko. Nàng vẫn như trước. Và ngày nào cũng dăm ba lần tôi nghe tiếng bíp. Rồi tôi đọc lại được mật mã.

Một lần tôi ngất đi vì đau đớn. Cô Dorothy phát khóc đi tìm ông y sĩ. Khi tôi tỉnh lại, ông bảo "...chịu đựng của con người có hạn. Thôi, chích mọc-phin lại đi!". Không, chích là tôi lại thành kẻ không quá khứ. Là tôi lại mất Mariko. Và cái hiện tại chỉ còn đồng nghĩa với đống bầy nhầy thịt da và một bộ não liệt dần đi trong ân ái với Bạch nương, người đàn bà rủ tôi đi mây về gió. Không, nhất định không, tôi lắc đầu. Ông y sĩ nhìn tôi ái ngại. Tôi bảo "Khi đau, cho tôi uống rượu! Cognac chẳng hạn!". Ông ngần ngừ. Một ngày sau, tôi là bệnh nhân duy nhất có quyền uống rượu từ khi cái nhà thương này xây cách đây hai mươi năm. Ông y sĩ vui miệng "...thế là nước Pháp lại thắng. Lần trước ở Austerlitz. Lần này thì là vùng Cognac. Nhưng nói cho cùng, nghiện bạch phiến vẫn nguy hơn nghiện rượu". Giả vờ nâng ly, ông ta nói giọng Pháp ngọng nghịu "*...à votre santé!*". Tôi gượng cười đáp "*merci*" và nhìn bóng áo trắng của ông khuất dần cuối hành lang. Nhưng cũng từ chỗ đó, tôi lại thấy con đường Minh Triết hiện ra, đi giật lùi như một cuộn phim quay ngược.

*

Trần nhà trắng nhợt nhạt mênh mang trải ra từ đầu mắt đến cuối mắt. Cặp mắt chỉ có thể liếc qua liếc lại hoặc ngước lên nhìn xuống trên một khuôn mặt dính lên cái đầu đóng cứng vào pla-tin. Thế giới thu hẹp lại, bề bộn những viên thuốc đủ màu, những lần thay băng, những khi buộc phải

rửa ráy, những cơn đau cào xé thể xác. May thay, những cơn đau thưa dần. Đến tháng thứ sáu, đỡ nhiều và nếu có đau thì khoảng thời gian rút lại chứ không đằng đẵng như trước. Ngày giờ còn lại, tôi đợi tiếng bíp. Có, tôi giải mã. Mariko dọa là phát điên, sẽ tự tử. Mariko viết "...hãy cho em tin, dẫu chỉ một lần. Anh còn sống là đủ. Và nếu anh sống với bất cứ một người đàn bà nào khác, hãy để cho em chúc phúc...". Tôi cắn răng lại.

Bây giờ, nào tôi có còn đâu là Albert, người yêu của Mariko? Khi cô Dorothy tắm cho tôi, tôi nhìn đôi chân teo lại, hoảng hốt la *"My God... these are not my legs"*. Quơ tay, tôi đập vào. Không một cảm giác gì. Chết mất. Phần còn lại giữa hai chân. Cũng vậy. Vô hồn. Lùng nhùng rơi xuống như một cục thịt thừa. Thừa đến độ không làm nổi chức năng bài tiết. Bây giờ, nước tiểu cứ tự động chảy vào cái xắc plát-tích kẹp bên ống chân. Thế thôi sao hả Trời? Vậy thì tôi đâu còn cái khả năng đưa tình yêu của chúng ta đến chỗ cộng sinh? Mariko-san, giấc mơ của em là làm vợ, làm mẹ. Giờ đây, tôi lại không có thể làm chồng, làm cha được. Tôi chỉ là một kẻ tàn phế. Và em, lẽ nào em sẽ là một người đàn bà chỉ tắm cho tôi, đút cho tôi ăn, và rót cho tôi cốc nước rồi đưa kèm mỗi ngày gần hai mươi viên thuốc?

Mariko lại viết *"Anh yêu, chờ đợi là một thứ hình phạt ghê gớm. Không hiểu gì, lại ghê gớm hơn. Đã sáu tháng, em chờ đợi và không hiểu gì, không biết gì cả. Em gầy đi, mất ba mươi pounds, phải xin nghỉ dưỡng bệnh mấy ngày nay. Cứ thế này, em sẽ chết. Nhưng chết bây giờ lại thành giải thoát. Em không sợ. Ngược lại. Nhưng em muốn sống. Vì em vẫn mong manh trực giác là rồi em sẽ có anh. Sáu tháng bặt tin vừa qua chẳng qua là do bàn tay một bọn phù thủy quái ác sắp đặt để thử thách tình yêu của em. Em chấp nhận. Và em cho chúng thêm sáu tháng nữa. Kể từ hôm nay cho đến lễ Giáng Sinh, em tiếp tục đợi. Em cứ chung thủy đợi, và mỗi ngày em sẽ bấm số bíp-bơ gọi anh. Nếu anh nghe tiếng em gọi, anh sẽ không cứ sắt đá mãi thế được..."*.

Mariko-san! Anh đâu có sắt đá gì. Anh cũng đang bám víu vào cuộc sống. Bám víu hệt như khi tay anh bám vào chiếc phao trên biển Đông hai mươi năm về trước. Nay khác xưa, nhìn lên anh chỉ thấy cái trần nhà trắng bệch. Anh tìm nhưng chẳng có một vì sao nào trên cao kia để làm điểm tựa. Bộ Sát - Phá - Tham thuộc sao bản mệnh anh, chúng đã vụn nát khi văng từ xa lộ vào hư không rồi. Cuối cùng, anh chỉ còn tiếng bíp bíp là tiếng gọi của hy vọng.

Mariko-san! Anh tưởng tượng là anh gọi, rồi em đến ngay nhà thương này. Em sẽ khóc, chắc chắn thế. Em sẽ khẳng định em yêu anh, dĩ nhiên. Nhưng vài ngày sau, em sẽ nghĩ. Rồi em sẽ nhìn anh bằng cặp mắt thương hại. Nhưng tình yêu khác với sự thương hại. Rồi em sẽ chỉ đến thăm anh cuối tuần, công việc hãng SPAR ngày một bề bộn. Rồi bỗng đi, hai tuần em mới đến. Hãng cử em đi Âu Châu. Và cứ thế, thì hỏi mà xem, anh chỉ còn cái chết. Cái chết nay dẫu kề cận anh vẫn chưa quen. Vậy thì Mariko ơi! thà là để nghe và mơ tưởng đến tiếng bíp. Như thế, anh giữ được chút hy vọng của sự sống. Có sống và rồi thì mới phục hồi được phần nào hay phần ấy những chỗ tàn phế của cái xác thịt trần ai này! Hiểu cho anh, hỡi Mariko yêu dấu!

*

Điều khiển được chiếc xe lăn chạy bằng điện, tôi bắt đầu di chuyển, nhưng phải đợi đến giờ mới có thể ra đi dọc hành lang tầng nhà thương dành cho bệnh nhân dài hạn. Thời gian còn lại, nghĩa là phần lớn, tôi đợi tiếng bíp, tập co ngón tay, cố gắng nhớ lại một số kiến thức, và tập đọc. Nhờ Dorothy, tôi làm quen với W. Faulkner, rồi Herry Miller. Qua họ, tôi âm thầm mơ ước viết văn, và sẽ viết riêng cho một mình Mariko.

Ngày lại ngày, dài ra và buồn nản. Trong nhà thương, người nằm bệnh với cái tâm lý bệnh nhân, dần dần tự mình đào thải tính tự lập rồi sau đó tùy thuộc vào người khác một cách thật tội nghiệp. Tôi ngột ngạt, quyết định xin ra bệnh viện và chọn vào một Nursing Home ở vùng Westminster.

Tránh được mùi ê-the và màu trắng của bệnh viện, tôi trở về đời sống, nhưng là đời sống của những người không bình thường. Có Peter, kẻ mất trí nhớ lúc nào cũng ngây ngô gọi bất cứ người đàn bà nào cũng là Mom. Có George, nay chắc đến chín mươi tuổi, đi chôn đứa con trai độc nhất trên sáu mươi vừa chết vì đau tim, bình thản bảo "...tao đã dặn nó đừng chạy. Từ bé, lúc nào cũng nó cũng vội". Có bác X, người mình. Bác gần tám mươi, mạch não chấn động năm ngoái, nay không còn nói được, đi đứng tắm gội đều phải nhờ bác gái. Hơn hai năm, bác gái cứ đều đặn sáng tám giờ vào Nursing Home, chiều năm giờ lại về nhà. Bác kể "Vào đây, về sự săn sóc thuốc men thì tốt, nhưng ông ấy buồn. Tôi hứa, cho đến lúc ông đi, còn có sức là tôi sẽ vào với ông ấy mỗi ngày. Cái nghĩa với nhau đấy, cậu ạ!". Tôi nhìn bác, miệng lập lại "dạ, dạ...", không biết nói gì hơn.

Một tháng sau, tôi xin chuyển vào cùng phòng bác X. Sáng sáng, tôi đọc báo cho bác nghe. Vào bữa trưa, thỉnh thoảng bác gái mang chia cho tôi những món ăn ta. Cơm Mỹ ăn mãi thật ngấy, nhất là loại đồ ăn phải cân đo theo tiêu chuẩn đai-ét, không có tiêu, có ớt, có nước mắm nên nhạt phèo. Một hôm, bác gái tò mò "Sao cứ nghe tiếng bíp bíp, Albert nhỉ?". Tôi tránh không trả lời bác, tảng lờ lăn xe đi ra hàng hiên. Ngừng ở cánh cửa mở nhìn xuống vườn, tôi thầm gọi tên M. Tội nghiệp. Thế là đã chín tháng trôi qua. M vẫn bíp, và tôi tật nguyền, tôi vẫn không bao giờ đáp lại lời gọi. Dưới vườn, dãy hồng thắm trông xa như hoa tầm xuân đã nở, đã tàn và rồi lại nở. Nhưng chúng ta, M ơi, chúng ta thì thì sao? Một nửa phía dưới thân thể tôi vẫn lạnh như đóng băng, và bịch plát-tích đựng nước tiểu vẫn kẹp bên ống chân vẫn còn đấy, trơ trơ ra như thách thức. Đêm hôm đó, tôi không ngủ được. Nhìn ra cửa sổ, đèn thành phố hắt lên trời thứ ánh điện đủ để chỉ may ra dăm ba ngôi sao sáng nhất còn nhấp nháy cho nhân gian. Dĩ nhiên, ba vì sao thủ mệnh của tôi không còn đó. Và những chiếc vệ tinh bất động chiếu địa cầu bằng một màu xanh hy vọng vẫn ở giai đoạn một dự án khả thi.

Tôi một mình trong Nursing Home. Tôi bất lực. M ơi, tôi bất lực đến độ đã bao lần tôi nghe rồi định bíp lại cho em nhưng rồi tôi lại buông máy xuống. Tôi lại tự nhủ, để ngày mai, hay mốt. Cứ thế, chỉ chưa đầy hai tháng nữa sẽ đến kỳ hạn em hẹn. Chính xác, là 57 ngày 11 giờ 32 phút. Tôi đếm ngày, đếm giờ, đếm phút như tôi đếm thời gian còn lại để rồi sau đó tôi không còn gì, không còn một ai, không tất cả. Thế thì tôi phải sửa soạn cho đến cái thời điểm định mệnh đó. Ít nhất, tôi sẽ quyết định cái chung cục của một đời chẳng còn lý lẽ gì để tiếp tục. Chúa ơi! Con đành mắc tội trọng vậy.

Từ hôm đó, cứ mỗi tuần hai lần vào nhà thương là tôi kêu đau đầu, mất ngủ, lúc nào cũng hoảng hốt đến độ phát rồ. Ông y sĩ già nhìn tôi, ánh mắt thương hại, rồi chậm rãi "...điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Thuốc anh dùng có những tác động phụ nên vậy!". Ông ta cho thêm hai loại, một loại vỏ bọc màu trắng nhợt, loại kia là viên màu cam, nhỏ bằng cái móng tay út. Tôi chắc một trong hai loại đó là thuốc an thần. Đúng thế. Rồi tôi thử. Đó là những viên màu cam. Uống vào, tôi bỗng nhẹ tênh đi và cứ thế tôi đi vào giấc ngủ.

Cô Dorothy được phái vào Nursing Home thăm tôi ngày thứ tư hàng tuần, giữa hai lần tôi vào nhà thương như lệ thường. Tôi tiếp tục bảo tôi

vẫn mất ngủ, tuy tôi đã bớt nhức đầu. Cô quay sang nói với bác gái, hỏi thăm bác trai, và sau, cứ mỗi lần cô đến, cô đều trò chuyện cả với Peter, với George.

Có lẽ vì thế mà một hôm, nghe tiếng bíp, bác gái nhìn tôi, nét mắt hơi khác thường. Thình lình, bác bảo "Albert! Trả lời cho người ta đi!". Thế là bác biết. Nhưng tôi giả tảng không hiểu, bấm nút cho xe lăn chạy ra khỏi phòng.

*

Thời gian còn lại trước Giáng Sinh chẳng còn là bao. Tôi quyết định dùng tận tình thời gian đó. Cứ mỗi sáng Chúa Nhựt, tôi đi xe ca của Nursing Home lên công viên trên đồi RedHill. Còn trưa thứ năm, tôi ra quán Le Bon Café ở khu Laguna Beach. Thời gian còn lại, tôi chuyện trò với đám ngụ cư cùng chỗ, đọc báo cho bác X nghe, và sửa soạn cho chuyến đi xa cuối cùng.

Công viên trên đồi trong ra biển. Từ đó, tôi có thể bắt ống nhòm, nhìn nhà M ở mũi FlyingBird, và thấy được bóng dáng M là đủ cho tôi hạnh phúc cả tuần. Còn quán Le Bon Café, đó là một thứ *café-terasse* thường thấy ở Âu Châu nhưng vừa du nhập vào Cali. Chủ quán người Québec, tên là Michel. Hắn ăn nói bộc trực kiểu Mỹ, nhưng khi xổ tiếng Pháp thì nghe phải đoán mới hiểu. Người Québec ở Canada nói giọng Pháp thế kỷ thứ 17 hay 18 vùng Normandie, lại pha cách phát âm tiếng Anh, nghe ngô ngộ. Một hôm, tôi trò chuyện với Michel, biết là Québec đang đòi tự trị và độc lập. Tôi bảo, đất nước tôi khổ về cụm từ đó. Anh ta hồn nhiên "...nhưng bây giờ Việt Nam của anh là một quốc gia". Tôi cười "Giá đắt lắm. Anh xem, thiếu gì cựu chiến binh tàn tật như tôi. Có đáng không?". Anh ta đáp "Không! Người Québéc đòi hỏi bằng cách thương lượng, không bằng súng!". Đúng lúc đó, có ai đấy vỗ vào vai tôi. Quay lại, tôi ngạc nhiên. Một cậu thanh niên nhìn tôi chòng chọc, hỏi "Hả, anh đấy à? Anh Albert?". Tôi còn ngỡ ngàng thì anh ta tiếp "...Thăng đây. Em chị Liễu đó. Anh nhớ chứ?". Tôi ngần ngại. Liễu là người đàn bà tôi làm quen bằng cách tông xe cách đây trên dưới bốn năm. Khi đó tôi còn ở trên Vista Trucha, năm sau mới dọn về San Franscisco, nơi đóng chốt của hãng IBM. Từ đó, tôi bặt tin Liễu, và thật sự, tôi cũng chả muốn kéo dài thêm một chuyện qua đường. Thăng tiếp "...anh sao mà ra nông nỗi này?". Tôi buột miệng "... *accident!*". Vừa lúc đó, xe của Nursing Home đến đón tôi trờ tới. Ngày hôm sau, Liễu gọi điện thoại.

Liễu đến thăm tôi một cách bất ngờ. Tôi đành chịu trận, lúng túng không biết đối đáp ra sao. Liễu trách "... Anh thiệt! Bỏ đi không nói một tiếng". Nhìn cặp môi Liễu bôi son ướt nhẫy, tôi ngần ngừ "... Cám ơn em tới thăm! Chuyện xưa rồi, bỏ qua đi...". Liễu liếc mắt vào chiếc xe lăn để cạnh giường tôi nằm, hỏi "...anh hổng đi được hả? Tai nạn làm sao, nói em nghe". Tôi đáp "Thôi, nói làm chi!", cảm giác chao đảo và hụt hẫng bỗng lại ùa về kinh hoảng.

Một tuần trước Giáng Sinh, Liễu lại quay lại, cười "Ngày lễ, mời anh về nhà tụi này cho vui nghen!". Tôi lắc đầu. Bác gái cũng nói vun vào, bảo tối 24 tháng này Nursing Home chắc không có một ai. Trên tầng thứ hai của cái góc trần gian này, Peter sẽ về nhà bà chị, George được xếp đặt đến buổi ăn mừng của Catholic Church ở trên đường Brookhurst, bác X sẽ về với cháu nội, cháu ngoại trên Irvine. Tôi vẫn lắc đầu. Liễu có vẻ thất vọng. Bác gái tội nghiệp đưa Liễu xuống lối ra. Hai người trò chuyện ở cửa một chập rồi Liễu mới đi.

Trưa hôm đó, rể bác X đưa hai đứa con sinh đôi, tên gọi ở nhà là thằng Còi và thằng Ụt Ịt, đến thăm ông. Anh ấy lại mời tôi. Tôi vẫn lắc đầu.

Không, tối 24 là đêm Chúa giáng sinh, nhưng ngày 25 là ngày tôi sẽ chết. Đó là giới hạn M đã vạch ra. Và khi chết, ai cũng chết một mình. Thế thì cái vắng tênh của Nursing Home thật là một ngẫu nhiên tuyệt diệu. Có đau đớn la hét thì cũng chẳng ai biết mà cứu. Hết như khi tôi lềnh bềnh trên biển Đông, chỉ khác là ngày trước tôi tìm sống, nay thì tôi an bài lấy sinh mệnh mình ở thời điểm tiếng bíp sẽ bỏ tôi và M trở thành cái bóng xa đi như một giấc mộng đẹp. Lạy Chúa, Lạy Cha. Tôi ở vực sâu kêu lên Chúa tôi. Xin Chúa tôi hãy nhận lời tôi kêu van, hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin. Tôi sẽ mắc trọng tội, nếu Chúa chấp tội thì ai đây cứu rỗi, Chúa liệu có quên lòng lành và những lời phán hứa...

Ngày 20, bíp bơ kêu đến ra đâu 106 tiếng. Ngày 21, được 127 tiếng. Ngày 22, chỉ còn 92 tiếng. Ngày 23, tất cả 305 tiếng, nghĩa là trong mười giờ liền, cứ mỗi hai phút M lại bíp cho tôi. áp tai vào cái bíp-bơ để trên gối, tôi giả vờ ngủ, lòng xốn xang, quay mặt vào tường dấu nước mắt cứ trào ra như giòng suối chảy ào về sông rộng. Đêm 23, tôi ngồi dậy, nhẹ nhàng kéo hộp bít-qui ra khỏi ngăn tủ. Dưới lớp bánh, vốc thuốc màu cam lừ lừ hiện ra. Tất cả là 139 viên. Lạy Chúa, Chúa lòng lành. Nhưng

con sẽ tự mình kết thúc mẩu đời này dù bây giờ Chúa có bắt con ngàn đời sau sống trong lửa luyện ngục của loài ngã quỉ.

Độ 5 giờ chiều 24, rể bác X vào đón. Bác gái lại bảo "...về nhà với chúng tôi. Cứ coi như gia đình!". Bác trai chỉ còn chớp được mắt, chớp lia lịa, ý bảo nhận đi. Vẫn nằm trên giường, tôi lấy giọng vui vẻ "...thôi, được mà bác. Bác về, hai bữa nữa lại gặp. Cho con chuyển lời chúc cả gia đình Merry Christmas!". Khi mọi người đã xuống nhà dưới, tôi cảm thấy nhẹ nhàng. Cầm chiếc Pagemark, tôi nâng niu, rồi áp môi hôn. Tiếng bíp bíp. Một phút sau, lại bíp bíp. Tiếng bíp nay đếm thời gian, và cứ như dự định, đúng 12 giờ đêm thì tôi còn nghe được 210 tiếng bíp nữa trước khi đi xa lắc khỏi cái chốn trần gian này. Nhưng đâu đó có tiếng chân ai đi lên. Rồi tiếng kẹt cửa. Mở mắt ra, bác gái đứng đó. Còn ngạc nhiên, bác bước tới chân giường nhìn tôi. Từ từ, bác lôi ra từ cái xách tay đưa lên. Trời hỡi, đó là hộp bánh bít-qui đựng 139 viện thuốc an thần tôi chắt chiu gần hai tháng nay như của cải. Tôi điếng người, ú ớ, định chồm dậy. Nhưng vô phương. Mắt tôi rừng rực đỏ lửa, miệng quát "...trả đây". Bác gái lắc đầu, nước mắt ứa ra. Bác đưa tay lên quệt, miệng nhỏ nhẻ "...Albert không biết! Albert có một đứa con đấy. Nó là con gái...".

Nói xong, bác cầm hộp bánh đi ra.

Phục Sinh

Khi bác gái cầm hộp bánh bit-qui đi, tôi không trách bác nhưng oán Chúa. Chúa ơi! Có phải người lại bày trò để rồi thủng thỉnh "...đã bảo, ta lên thập tự đóng đinh đâu phải để bay muốn làm chi thì làm". Tôi cắn môi đến bật máu, tự nhủ, được, xem ra còn có cách khác. Lên xe lăn, tôi lục lọi. Còn một chai Hennessy chưa mở. Một chai Napoléon vơi phần ba. Rồi đồ ăn nữa. Bữa chiều y tá để trong tủ lạnh cho tôi. Bánh ú bác gái mua cho còn bốn cái. Tôi qua phòng Peter và George. Peter ăn khỏe, lại rất thích ăn. Lục thêm được hai hộp bánh bít-qui khô, mấy cục *cheese*, sáu trái táo và khoảng chục gói Chip, lại khoai chiên Peter lúc nào cũng nhai xột xoạt với hàm răng giả trông như làm bằng sứ. Tôi nghĩ, ăn trước, ăn đến không còn ăn được thì thôi. Rồi uống, uống tất cả Cognac, uống nhanh để gan không kịp bài tiết. Chắc chắn là sẽ nôn mửa. Đồ ăn ói ra, trào lên mũi. Và thế là tắt thở. Nhưng muốn chắc, phải nằm ngửa. Để tránh tay đưa lên quào cho mũi thở do bản năng, tốt nhất là móc chúng vào thành giường. Chúa ơi, lạy Chúa. Con sẽ thành công. Trong sự phạm tội lớn nhất đối với Chúa muôn loài, con thành công huy hoàng, và như

thế, chẳng như Thánh Phao Lồ đợi gà gáy ba lần, con bỏ Chúa ngay. Bỏ và không xin cứu rỗi.

Đợi đến tám giờ tối, tôi mở nghe radio. Tin Cộng Đồng. Thôi xin lạy quí vị. Cứ Tony Lâm thế này, Trần Trường thế nọ. Chuyển qua đài Mỹ vậy. Giọng cô ca sĩ da đen hát "*Holy night... silent night*" vút cao lên. Tiếng hát nhắc nhủ "Đêm thánh thiện, trên trời sao và dưới đây đều an bình, những bỡng nhiên trong không trung tiếng hát thiên thần dành cho những kẻ chăn cừu vang lừng...". Tôi ngước nhìn tìm một chớp sao trong màu trắng đục vô hồn của bầu trời Bolsa, nhưng không, tuyệt không, không đến không có cả cái không có gì. Tôi bắt đầu ăn. Lại tiếng bíp. Bây giờ tôi ăn theo nhịp bíp. Nhai, rồi nuốt. Nuốt xong lại nhai. M ơi, bíp mau lên. Tôi phải đợi hai tiếng để dạ dày nghiền đồ ăn ra. Rồi uống. Uống theo tiếng bíp. Trước khi uống, tôi sẽ leo lên giường. Đến lúc sắp say, tôi phải thọc tay vào hai cái thòng lọng tôi đã làm sẵn và móc ở thành ngang đầu giường. Bíp đi em, M yêu. *Holy night*. Đêm thánh thiện. Đêm của yên lặng và những bí ẩn huyền diệu.

Uống hết chai Napoléon, đầu óc tôi bắt đầu chao vào biển. Trên cao, ba vì sao bản mệnh hiện ra. Rồi tôi dập đềnh trở về giàn khoan dầu, nơi tôi làm thông ngôn cho mấy ông Cách Mạng với bọn kỹ sư nước ngoài. Ba tôi cho người báo, đi đi con, không đi sẽ bị bắt. Trước cái biến động đổi đời, Ba tôi đã sắp cho em tôi và tôi vào Tân Sân Nhất, đã lên máy bay ngồi đợi ngày 21-4. Em tôi kêu, ủa, không thấy bà nội đâu. Ba dặn là có nội đi mà. Nó nhảy xuống. Tôi theo. Và khi hai anh em từ Tân Sân Nhất về căn nhà thì không thấy nội. Tôi nói, ra lại sân bay. Nhưng không được nữa rồi. Sau, ba tôi cùng mấy người cận vệ về đưa tụi tôi ra Vũng Tàu, la tụi tôi thật là ngu. Rồi nhà tôi sau đó được Ủy Ban Quân Quản trưng dụng và dành cho ông tướng Trần Văn Trà. Ở Vũng Tàu được mấy tháng thì ba tôi móc nối cho tôi cái việc thông dịch ở giàn khoan. Còn em tôi, nó vượt biên với tầu đánh cá, bị bắt và nhốt ở Rà Rịa. Ba tôi tổ chức đánh cướp lấy nó mang ra. Sau đó, tin cuối cùng, ba nhắn đi, đi đi con. Hai mươi năm liền vô âm tín, tôi chắc ba và em tôi đã chết. Albert Phan là giọt máu cuối cùng của họ Phan một thời ông cố đã coi cả sáu tỉnh Nam Kỳ dưới triều Tự Đức. Vậy mà tôi cũng sắp ra đi đây, ba tôi ơi, nội tôi ơi, M ơi!

Mở chai Hennessy, tôi tu ừng ực. Rượu cháy cổ đổ lửa xuống dạ dày qua thực quản rát bỏng. Một ngụm. Lại tiếng bíp. Ngụm nữa. Cứ thế. Cho đến lúc gần như không còn biết gì, tôi gắng đưa hai tay vào cái nút thòng

lọng đầu giường. Bíp bíp. M ơi, thôi nhé. Merry Christmas, em yêu. Chúng ta đã đến cái giới hạn em qui định. Em còn bíp được, có nghĩa là cái bíp bơ của tôi còn, nhưng tôi, tôi đang hy vọng một chuyến đi không có ngày trở lại.

*

Tiếng lao xao đánh thức tôi dậy. Đầu nặng chình chịch, tôi cố mở mắt nhìn xung quanh. Tất cả vẫn lờ mờ. Lờ mờ nhưng có đấy. Muốn nắm bắt cái hiện tại còn lờ mờ này, phải tập trung đi ngược lại bằng hồi tưởng. Chiều hôm 24 là điểm phải tới. Rồi từ đó lần ra tương lai.

Như vậy, chuyến tự tử bằng đồ ăn và Cognac là chuyến đi hụt. Sáng 25, người y tá trực Nursing Home đảo một vòng thấy tôi nằm hôn mê trong bãi nôn mửa chua khắm. Hơi rượu nồng nặc và chai Hennessy chưa uống hết lăn lóc trên sàn đủ để kể hết sự việc. Lại một thằng say. Say vì cô đơn trong ngày lễ ai có gia đình cũng về toàn tụ. Đó là chuyện cũng thường.

Bác X đã nằm lên giường, đưa mắt nhìn tôi. Tay dắt một đứa bé gái, bác gái đến cạnh, nhìn tôi bảo "...Albert say quá! Chiều 25 y tá gọi về, chúng tôi đến nhưng cậu vẫn mê mệt..." Đằng sau bác, Liễu hiện ra, nói "...mời ảnh về nhà mà ảnh không chịu đó. Tội chưa". Tôi định tìm câu trả lời cho qua thì Liễu nhìn đứa bé gái tiếp "... Chào ba đi con!".

Nép vào mẹ nó, đứa bé gái nhìn tôi chòng chọc, miệng chúm chím "Chào ba...". Thế ra chuyện bác gái nói với tôi là thật sao? Tôi nhìn đứa bé, rồi hỏi "Tên con là chi?", một câu không bao giờ có ai là cha lại hỏi con như vậy. Nó lí nhí "Là Mai. Mai là *tomorrow* chớ không là hoa Mai đâu nghen!". Tôi bật cười. Liễu dặn "...Ba đau. Con phải ngoan nghen - rồi quay sang bác gái - Bà à, nhỏ này nói dữ lắm, nói suốt ngày nghe phát mệt đó bà!". Nhìn bé Mai, tôi ngỡ ngàng. Cố gắng tìm ra cái nét gì đó của tôi, hay dính líu tới tôi cũng được, tôi gọi nó lại gần "Con mấy tuổi?". "Dạ, ba tuổi". "Cha, ba tuổi mà nói giỏi quá". "Dạ, má mắng con "quoài" đó, nói nhiều quá mà!". Tôi lại bật cười, sửa "hoài" chớ không "quoài". Nó lập lại, vẫn "quoài". Vẫn sai. Vẫn như một lầm lẫn của mọi cuộc gái trai nhẹ dạ. Tôi đi San Francisco, chẳng để lại địa chỉ cho Liễu cách đây bốn năm. Thế là Liễu mang nặng một mình. Đẻ đau cũng một mình. Và đến bây giờ tôi mới biết có bé Mai.

Liễu hỏi, giọng trắng trợn "Anh có nhận nó không?". Câu hỏi quả bất

ngờ. Tôi ngần ngừ "...nếu là con tôi, dĩ nhiên". Câu trả lời khiến nàng đỏ mặt, tay đập vào thành giường, nghiến răng "...tôi mang nó tới xạo anh làm chi?". Tôi biết không nên đáp, chỉ nói lơ. Tuần sau, Liễu lại tới. Khi bé Mai chạy ra hiên chơi, Liễu bảo "...làm *test* thì biết ai là cha nó, anh chịu không?". Rồi Liễu đay nghiến "Ai bỏ ai? Anh đi không một tiếng. Tháng sau đó, tôi tắt kinh. Lẽ ra, bỏ cái thai đi cho xong. Nhưng tôi không làm... Bởi vì...". Tôi chận lại, nhỏ nhẹ xin lỗi Liễu. Lỗi tại tôi, muôn phần tại tôi. Tôi biết vậy, ít nhất là chuyện đánh bài chuồn ngày trước.

Một tháng sau, bé Mai đến, tay cầm tờ giấy gập làm tư. Nó tíu tít "Má nói cái giấy này là cái nói ba là ba con đó". *Test* ADN khẳng định mối phụ hệ của tôi và bé Mai sờ sờ trước mặt. Nhìn bé, tôi bỗng thấy sao mà nó có nét của ba tôi, rồi của nội tôi. Nhất là cái miệng. Miệng nó hơi trề ra, và khi nói thì cong lên hệt như giòng họ Phan nhà tôi. Vừa xấu hổ, vừa cảm động, tôi ôm lấy bé Mai. Hình như tôi khóc thì phải.

Khi bác gái ra về hôm đó, tôi lăn xe theo gọi. Bác quay lại, ngừng chân. Tôi ngập ngừng nhớ đến 139 viên thuốc an thần màu cam, nói "Đức Mẹ ban ơn cho con qua tay bác. Từ nay bác cho con gọi bác là má. Thế là họ Phan chưa tuyệt giòng đó má!".

*

Chiếc xe chở tôi đến công viên sáng chủ nhật sau ngày tôi có thêm một người mẹ và một đứa con thơ. Vẫn từ đó, tôi nhìn thấy biển. Tôi nhìn thấy rèm cửa màu xanh lá mạ buông trong phòng ngủ M. Rồi tôi nhìn cái *sundeck*, nơi có hai cái ghế nhựa trắng đặt hai đầu một chiếc bàn vuông. Trên bàn một bình cắm hoa cẩm chướng, một tách cà phê, một cái đĩa, một cái muỗng, và một cái nĩa. Thế nghĩa là bốn tháng sau Giáng Sinh, M vẫn cứ một mình, chưa đôi lứa gì với ai. Tôi xoay ống nhòm nhìn vào bếp. Quay lưng về phía tôi, M đang lau chùi, mái tóc đen huyền chùng xuống vai. M ơi, tôi đây. Hình như M nghe thấy, quay mặt lại. Không son phấn, nàng trông nhợt nhạt, gầy và già đi, mắt một mí như sụp xuống kéo thành một vệt đen chạy đến cuối mày.

Lần này ra đây là lần cuối, anh muốn M hiểu cho, nhưng anh vẫn không có cái can đảm cầm điện thoại gọi em, thậm chí, chỉ cần bíp lại cho em một tiếng. Nhìn em cô đơn, anh thấy rõ lẽ công bình không có. Anh có con anh, có mẹ nuôi, có một người tình xưa đến thăm hỏi. Còn em, em có gì? Em có biển trước mặt, biển vô tận, biển cứ kiển nhẫn đẩy sóng

vô bờ. Em có nỗi lo, nỗi hờn, có cái bíp bơ chỉ phát đi mà không nhận về được một lần hơn năm nay. Em băn khoăn, câu hỏi tại sao, tại sao, vẫn đeo đuổi. Vẫn gậm nhấm dày vò.

Em chung thủy, nhưng bất cứ gì cũng có giới hạn. Vả lại, anh tàn phế thế này, cái giới hạn sớm muộn cũng sẽ đập vào mặt anh như một sự thật phũ phàng, một lời nguyền truyền kiếp. Anh không đủ can đảm đối mặt với cái sự thật và lời nguyền ấy. Cho nên hôm nay là lần cuối anh lặng lẽ đến đây nhìn em và cầu nguyện Chúa độ lượng bao dung cho em trong cuộc nhân sinh muôn trùng sóng gió.

Mariko đi ra *sundeck*. Nàng mặc bộ đồ ngủ màu trứng gà, thân hình lượn lờ dưới làn lụa mỏng dính, người xiêu đi trong gió sớm. Nắng mai ngả xuống vai nàng mơn trớn đùa cợt, soi bóng nàng lên mặt sân gẫy đổ như vấp ngã. Ngồi xuống ghế, nàng mở một cuốn sách ra, cúi đầu chăm chú đọc. Đằng sau, nắng chói làm mảng biển thành vàng ròng chói lóa, vàng như mái đền Ginkaju-gi ở đoạn cuối con đường Minh Triết. Đám thần linh *kami* trong những cái miếu Shinto hình như đang ha hả cười diễu cợt, vung những bông hoa anh đào bóp vụn xuống mặt sóng xô nhau chạy vào bờ. Văng vẳng tiếng ông Morishoma trong bữa cơm tiễn tôi năm trước ở Kyoto. Gắp thức ăn vào bát cho tôi, ông nhấc kính, chậm rãi "...tôi lên bẩy thì cha tôi mất. Ông là sĩ quan quân đội Thiên Hoàng đóng tại Nam Việt từ năm 41 , đâu ở miệt Vĩnh Long, mãi cho đến khi Thế Chiến thứ hai kết thúc...". Tôi vui vẻ ngắt "thưa, Vĩnh Long là quê tôi". Dở kính xuống, ông nhìn tôi, rồi nhẹ nhàng "...à, ra thế". Ngẫm nghĩ, ông tiếp "cha tôi không chịu đầu hàng, trao hết khí giới cho một đoàn quân Việt dưới quyền Trung Tướng Nguyễn Bình...". Tôi lại ngắt lời "thì cha tôi có kể là xưa cha tôi phụ tá cho ông tướng đó". Lần này ông ngạc nhiên, trịnh trọng đeo kính vào, gật gù ".. có vậy à!". Trầm ngâm một lát, ông chặc lưỡi "Cha tôi làm phép Seppuku mổ bụng tự tử ở Vĩnh Long. Biết đâu chính từ đó mà Mariko-san có cái duyên phận này với anh. Albert-san, ông nghiêm nghị, vậy thì từ nay tôi giao phó con gái tôi cho anh. Chỉ xin cả hai về đây làm đám cưới năm sau...".

Năm đó đã qua rồi, không cưới xin, chỉ có tiếng phanh xe rít lên, không gian co thắt lại, những mũi chích móc-phin, tiếng bíp bíp và một sự lỡ làng. Cái duyên phận kia, thế là không có. Chỉ còn *karma*, thứ nghiệp chướng nặng nề đè lên cuộc sống khốn khổ trăm bề của cả hai chúng tôi. Như hóa dại, tôi cất tiếng gào tên Mariko. Có người gọi cảnh sát. Lát sau,

xe cảnh sát rồi xe cứu thương trờ tới. Tôi mặc cho nước mắt chan hòa lã chã rơi như mưa rơi về với đất. Mariko vẫn ở tít tắp xa, khắc vào trí nhớ tôi dáng dấp một bức tượng thạch cao. Một bức tượng bất động trong nắng vàng và gió sớm.

*

Cái góc trần gian nhỏ xíu ở tầng hai Nursing Home bây giờ có thêm Liễu, bé Mai, và bà Roxane. Cứ mỗi tuần, Liễu và Mai vào hai đến ba lần thăm Albert. Ngày chủ nhật cả hai lấm khi ở từ sáng cho đến chiều.

Bà Roxane gầy gò, tóc bạc trắng, yếu, đi hay ngã nên cũng ngồi xe lăn. Bà lẩm cẩm, miệng lẩm bẩm suốt ngày "*Sony, where are you*. Con ơi, con ở đâu?". Khi Peter gọi bà bằng Mom thì bà giật mình, nhướng cặp mắt đã lòa lên như muốn nhìn, cười móm mém nhưng không nói gì. Ảo tưởng có con ở bên là một niềm hạnh phúc an bài cho bà vào cuối đời, kính ơn Chúa.

Bấy giờ, Albert đã rút cục pin nhỏ xíu ra khỏi cái bíp-bơ. Một cuộc đời không thể tân trang bằng cái quá khứ đã lùi về đằng sau, và phía trước là chỗ phải đến nên lúc nào cũng manh mối những ước ao và hy vọng. Những hy vọng đó đến từ Mai. Con bé ngộ nghĩnh tay luôn luôn xách con gấu nhồi bông. Nó gọi gấu là Ted. Phiên âm tiếng mình, Ted thành ra Tết, nghĩa là ngày đầu trong một năm. Cặp Mai và Tết tạo thành sức sống cho Albert, nay bớt đau và đã bắt đầu ít uống rượu. Nhưng trong cuộc phục sinh, Albert vẫn còn lấn cấn với Liễu.

Một hôm, Albert hỏi thẳng "Tôi bây giờ tật nguyền, làm chồng thế nào được?". Thế là Liễu khóc bù lu bù loa dắt bé Mai ra về. Cả một tuần, họ không gọi điện thoại, và rồi Albert cuối cùng nhấc "phôn" lên kêu. Đầu dây, Liễu bảo "Em sẽ trả lời câu anh hỏi ngày mai!". Hôm sau, Liễu vào Nursing Home một mình, nhìn Albert "...em năm nay bốn mươi mốt rồi, dăm ba năm nữa tắt kinh, không cần chi nữa. Anh không làm chồng được nhưng làm cha vẫn được. Em chỉ thương con Mai, muốn nó có cha nó. Vậy mà anh còn nghi ngờ! Ai đặt điều nói vô nói ra vậy?". Lắc đầu, Albert bảo "Không có ai hết!". Liễu lại bù lu bù loa, nhìn bác gái, to tiếng "Anh lại xạo tôi. Ngày xưa, anh xạo, anh bỏ đi. Ngày nay liệt chân rồi anh vẫn còn xạo, anh lại tính bỏ mẹ con tôi nữa, phải không?". Ngượng nghịu nhìn bác gái, Albert xuống giọng "...thôi, cho tôi xin lỗi...".

Lần sau, Liễu vào thăm nhưng không mang bé Mai theo. Albert hỏi,

nàng than phòng đông người quá, không có riêng tư gì cả, rồi bảo "Em thì đi làm ít lương, nhưng nếu Bảo Hiểm trả khá, anh vô cái phòng trong góc phía sau cho một người. Con nhỏ nó cần cha nó, tới đây thì người này người kia, lộn xộn... Còn bà già, em bảo con Mai thôi gọi bả bằng bà nội. Xì, nội ngoại mẹ gì, người dưng nước lã!". Albert cắn răng, nhưng rồi cũng đổi phòng. Niềm vui duy nhất còn lại là bé Mai, thôi thì gì cũng phải chịu. Mấy bữa sau, nhìn bác gái, Albert nói "Con qua phòng bên kia, nhưng bữa nào con cũng về phòng mình nghen má!". Bác gái xua tay cười "...thoải mái, cứ đi đi, lúc nào về được thì về...".

Từ khi đó, Liễu giành phần, chẳng để y tá tắm rửa cho Albert nữa. "Tôi không chịu cho con đàn bà nào đụng vào chồng tôi, nghĩ mà nổi điên được! Mẹ nó, cái con Jeanne xồn xồn, nó chà xà bông, miệng cười cười, nhìn bất mệt...". Lắc đầu, Albert nhìn đôi chân khẳng khiu và cục thịt ở giữa thừa thãi, nói gì Liễu cũng không nghe. Nàng tuyên bố "... Em giờ xin làm "part-time", rảnh tuần ba bữa, tới tắm rửa cho anh đâu có sao". Hạ giọng, nàng tiếp "...em tập săn sóc anh cho quen, khi nào về sống với nhau em tiếp tục chớ còn ai làm y tá cho anh nữa!". Mấy bữa sau, nàng cầm lại một tập quảng cáo nhà bán, dúi vào tay Albert, nhẹ giọng "... Anh coi cái nào mua được thì em đi xem trước. Em có chút tiền dành dụm, "đao" được một phần".

Tối hôm đó, đợi Liễu về rồi Albert mới lăn xe qua phòng cũ. Dạo này, bác X yếu hẳn. Bác gái ở lại Nursing Home cho đến khi bác trai ngủ mới chịu về. Albert kể cho bác gái về cái dự định mua nhà. Bác gái chỉ cười. Albert hỏi "...con hỏi thật, má nghĩ sao?". Bác gái nhỏ nhẹ "Má già rồi, không muốn nói bất cứ điều gì ảnh hưởng tới những dự định tương lai của ai". Thấy Albert lo lắng, bác tiếp "Người có tương lai phải nhìn cho xa, và xử cho công bình. Thế dạo này Albert còn nghe tiếng bíp không?". Câu hỏi vô tình như mũi kim đâm nhói vào tim. Albert lắc đầu. Cái bíp-bơ không có pin đã ngậm tăm. Chàng đáp "Con không biết!" và thầm hỏi duyên cớ gì má nuôi lại bất ngờ hỏi tiếng bíp huyền diệu đã giữ cho chàng sống hơn một năm từ ngày định mệnh cheủ lối vào một ngã rẽ đưa chàng đến cái Nursing Home này.

*

Tiếng radio láo nháo "Jingle bell... Jingle all the ways" dịp Giáng Sinh đã bắt đầu. Thế là một năm sắp trôi qua. Đám y tá ở Nursing Home kết hoa giăng chữ "Merry Christmas" ở góc phòng công cộng, đặt một cây thông bằng plát-tích, dưới cây để hang cừu, Đức Mẹ, thánh Joseph và

Chúa Hài Đồng cũng bằng plát-tích. Ông George sắp 91 tuổi thều thào "Năm nay tao không đi nhà thờ nữa. Ở đó sao mà toàn bọn già, chán lắm!". Peter nhìn Roxane, vừa gọi Mom, Mom, vừa nhai "chíp" lạo xạo. Còn Roxane, bà nghệch ra nghe những bài hát Giáng Sinh, vẫn lẩm bẩm đúng một câu "Sony! Con đâu hả con?".

Cali bất chợt đổ mưa và lạnh hẳn xuống, trời đục lại như lòng trắng mắt những người lòa. Một sáng sớm, Albert lăn xe ra hàng hiên, chợt hét ầm lên đánh thức cả đám ngụ cư tầng hai Nursing Home. Không biết thế nào bà Roxane cởi hết áo quần, nằm co người đầu gục vào bánh xe lăn, trông như một bộ xương ngâm phóc-môn đen đủi cong queo. Bà chết. Cái dư âm của câu bà hỏi "Sony! Con đâu hả con?" vẫn còn luẩn quẩn đâu đây. Đám ngụ cư bỗng như hụt hẫng. Tội nghiệp Peter, miệng cứ kêu *Mom, Mom, wake up*, dậy đi. Trừ George, mồm lại lầu bầu "...già thế mà vội, cứ như thằng con tao vậy!", ai nấy im lặng buồn bã.

Người ta giữ xác bà Roxane một ngày làm thủ tục rồi mang đi. Hình như cuối cùng họ có liên lạc được với đứa con trai bà làm ở tận Alaska, nhưng không một ai biết hắn có về chôn mẹ không. Dẫu sao, đã chết thì Roxane còn biết gì nữa. Chỉ những người còn sống băn khoăn, dĩ nhiên trừ ông George. Albert tìm sang phòng bác X, nói với bác gái "...con sợ, má à! Chết như vậy ghê quá". Bác nghĩ đến cái hộp bánh bít-qui đựng 139 viên thuốc an thần và trận ói mửa của Albert vào lễ Giáng Sinh năm ngoái, nhìn bác trai rồi chậm rãi "Chết thì chết thế nào cũng ghê cả".

Liễu ở đâu thình lình xộc vào, khẽ gật đầu lạnh lùng chào bác gái, miệng bảo "nè anh, có người muốn gặp đang đợi anh trong phòng!" rồi ngoe nguẩy đi ra. Albert lăn xe theo. Một người đàn ông trung niên, mang kính trắng gọng vàng, ăn mặc đồ bộ trải chuốt, tay sách cặp, tay kia chìa ra bắt. Cười cười, ông ta nói "Xin chào...xin chào, Tôi là Luật sư Trịnh quốc Hà. Nhìn Liễu, ông ta tiếp, chị đây có nhờ tôi lo một số thủ tục để ổn định tình trạng dân sự ta nên làm ngay cho yên tâm". Dứt lời, ông ta chìa cho Albert tấm danh thiếp và hai thếp giấy. Thếp đầu là tờ khai Albert nhận bé Mai là con, và xin đổi họ cho bé ra họ Phan. Thếp thứ hai dầy hơn, là nháp một bản Chúc Thư. Luật sư Hà trịnh trọng "Bản Chúc Thư này là bản mẫu, nhưng thân chủ tôi ai cũng ký, cho là cái mẫu đầy đủ đàng hoàng nhất đấy". Liễu chêm vào, chết để của cho vợ cho con, nhằm nhè gì, ký đi cho rồi. Nói xong, Liễu rút bút đặt lên bàn. Albert lặng người đi. Xoay thếp giấy trên tay, chàng thấy nó mỗi lúc một nặng, mắt cay sè,

bụng thót lại. Lát sau, Albert nói "Ông để cho tôi đọc đã". Luật sư Hà vui vẻ "Dĩ nhiên. Ký nay cũng được, mai cũng chẳng muộn gì!".

Tối hôm sau, bác X đuối sức lắm rồi. Bác gái cho gọi tất cả con cháu lại. Thằng Còi, thằng Ụt Ịt mặt buồn thiu, đứng trong góc không nói năng gì. Mắt Còi ươn ướt, miệng nó mím lại, hai tay bóp chặt vào nhau. Bác gái ngồi cạnh giường lặng lẽ. Bác X mở mắt nhìn quanh. Dẫu lờ đờ, mắt bác cũng vẫn lộ ra nét hoảng hốt. Không biết làm sao mà bác bỗng xua tay được, miệng thều thào "...đi. Chúng mày đi đi". Hình như có ai đến rủ rê, bác cố xua tay đuổi. Phải chăng đó là một đoàn âm binh vô hình đứng lẫn vào đám con đám cháu bác, người muốn kéo lại, kẻ muốn xô đi? Bác tiếp tục, hết sức tay xuôi xuống, xong lại cố giơ lên xua, nhưng không nói gì được nữa.

Liễu lại vào, lần này dắt theo bé Mai. Nó vào, đập vào vai Albert, thì thào "Chuyện gì đó ba?". Thấy Albert lặng im, nó thủ thỉ tiếp "...má nói kêu ba ra". Kéo Albert về phòng, Liễu hỏi ngay "Sao? Anh ký chưa?". Albert lắc đầu. Liễu tru tréo "Ký rồi chuyện mua nhà mới làm được chớ! Không lẽ anh tính ở lại cái Nursing Home này cả đời?". Albert lại lắc đầu, bảo thôi, để mai mốt. Nhìn Liễu vùng vằng lôi tuột bé Mai xuống thang, Albert bỗng xót xa, tai văng vẳng câu độc nhất bà Roxane biết nói "Con ở đâu hả con?".

Albert lăn xe vào phòng bác X. Bây giờ, thỉnh thoảng bác thở hắt ra, người dướn lên, nhưng tay vẫn quơ lên xua. Bác gái thì thào "Thôi, ông đi cho thanh thản. Rồi thì tôi cũng theo ông mà!". Sau đó, bác trai đi thật. Khi tiếng khóc của cô con gái bác không còn kìm được nấc lên nghẹn ngào, Albert lẳng lặng lăn xe ra hàng hiên. Nhìn lên trời, Albert lại tìm một chớp sao. Cái chớp sao hẳn đâu đó, chắc là cố định như những vệ tinh bất động đúng như lòng mình ao ước. Nó không tắt đi để rồi mãi mãi lạc hoài như một linh hồn mỏng mảnh vừa cất cánh về cõi không ai là người biết.

Cả đêm, Albert chập chờn ngủ. Nỗi sợ hãi biến ra một chuỗi mộng mị liên miên. Albert thấy mình lăn xe trong một căn nhà lạ, miệng gọi bé Mai, nhưng sao mãi chẳng thấy nó đâu. Bản Chúc Thư lại hiện ra. Nào là tiền Bảo Hiểm. Nào là lương cho nhân viên phế dụng của hãng IBM. Toàn là tiền. Và rồi khoản qui ước rằng tất cả tài sản sẽ thuộc về Phan Thanh Mai, con gái Albert Phan Trung Thành, nhưng trước mười tám tuổi thì do

Trần Thị Liễu quản lý và sử dụng. Albert lại gọi "Mai ơi!". Vẳng lại là tiếng Liễu cười sằng sặc, và tiếng đàn ông hệt như tiếng luật sư Hà ở phòng bên. Ai đó kìa? Thì còn ai nữa! Dăm ba năm nữa mới tắt kinh, bộ để đó thờ à?

Sáng hôm sau, Albert xé làm đôi bản Chúc Thư do Luật sư Trịnh quốc Hà trao tay, nhét vào phong bì và đưa cho phòng tiếp khách của Nursing Home nhờ trả lại. Albert nói đi nói lại "Tôi không muốn tiếp bà ấy nữa! Đừng bao giờ cho bà ấy lên phòng tôi!".

Ít lâu ngày sau khi ma chay cho bác X, bác gái lại trở lại Nursing Home thăm Albert. Mừng quýnh lên, Albert kêu như đứa trẻ "Má, trời ơi. Con cứ tưởng...". Albert kể cho bác nghe về bản Chúc Thư đã xé, giọng nghẹn ngào "...con nằm mơ thấy con bị bỏ đói, chết dần chết mòn, kêu hỏi bé Mai mà không ai trả lời. Trời ơi! Lúc đó con sợ, con sợ chết...". Bác gái đập tay lên tay Albert, chậm rãi "...đấy, thế là phục sinh. Muốn sống lại thì phải sợ chết chứ!".

Gia đình bác gái nhận Albert như người trong nhà. Anh ta vẫn ở Nursing Home. Nhưng từ ngày đó, cứ thứ bảy chủ nhật Albert lại về. Ở đấy, tôi đã gặp nhân vật của tôi. Và đây cũng đến lúc tôi đi tìm lại dấu phẩy đã xin rút ra ở đoạn vào câu truyện này.

Chờ Đoạn Kết

Chúng tôi ra vườn hút thuốc. Theo chiếc xe lăn chạy bằng điện lách vào cửa, tôi nói nhỏ "... sau những ngày mưa, nắng ở đây huy hoàng lạ lùng". Albert cười nhẹ, khuôn mặt bất chợt thanh thản trẻ thơ. Góc vườn, hai cây diệp chụm vào rồi vươn lên, da dẻ trắng bệch pha một chút xanh nhớt, lá non to hơn lá dăm chao đi trên những chiếc cành ẻo lả. Nhìn chằm chặp, Albert bảo "Từ chỗ này, cây trông giống như đôi chân đàn bà dạng ra". Chép miệng, Albert vỗ nhẹ chân phải, vu vơ "Chân này có cảm giác rồi. Ngón đã đụng đậy được. Bọn y sĩ chẩn đoán thế là gần đúng. Họ bảo chân này nếu hồi phục thì hai năm. - Chỉ cái chân trái, Albert thở dài - Còn nó, ba năm. Dài quá. Thế là còn tám tháng nữa mới biết... Tôi đã đề nghị với y sĩ là cắt nó đi. Đi với một chân thật, một chân giả lắp vào cũng được...". Chợt đổi giọng, Albert bực bội "...sống tùy thuộc vào người khác cực lắm. Tôi vẫn sợ lòng thương hại. Tôi tự mình đi được thì tất nhiên lòng thương hại đó ắt giảm xuống. Như thế dễ thở hơn nhiều". Tôi

buột miệng "... Albert tin rằng Mariko thích một chân thật, một chân giả?". Nói xong cái câu thật bất ngờ đó, tôi lảng nhìn ra xa.

Albert mân mê chiếc bíp-bơ. Tôi đưa tay, cầm rồi nhìn, định hỏi song lại thôi. Hai chân Albert, thịt teo lại, nằm lẩn vào hai ống quần rộng thùng thình. Bình plát-tích đựng nước tiểu nay không cần thiết. Cơ điều khiển bọng đái đã hồi phục, và không như trước, tiểu tiện có thể kiểm soát được. Chỉ còn cái chân trái và một thời gian tám tháng. Sau, tập đi. Cơ bắp thế nào cũng trở lại trạng thái bình thường. Tôi đưa trả cái bíp-bơ, vờ nói như không có gì quan trọng "...nó còn bíp chứ?". Mặt Albert rạng rỡ "Còn. Nhưng bây giờ thì chỉ một, hai lần mỗi tuần!". Như thế, Mariko tự mình bỏ cái hẹn một năm. Nhưng Albert vẫn không trả lời. Tôi rùng mình. Trời ơi, nỗi đợi chờ. Chờ khắc khoải. Chờ một tiếng bíp trong quá hai năm. Tôi nói "Albert là một người may mắn!". Albert cười. Tôi tiếp, gắng giữ giọng bình thản "...nhưng còn bắt Mariko chờ thì quá bất công. Và tàn nhẫn. Tàn nhẫn có lẽ vì hèn nhát. Đối mặt với tình yêu cần công bình và dũng cảm...". Từ lúc ấy, tôi bảo với Albert là tôi sẽ viết câu truyện này. Tôi cũng nói thêm là văn chương không chỉ nhằm giải trí độc giả. Tôi mong truyện tôi viết ít nhất cũng làm Albert nghĩ kỹ rồi đáp lại tiếng bíp dẫu chỉ một lần. Có thế, tôi mới gửi đăng, còn như không, tôi sẽ mang nó ra xa lộ, đúng chỗ đã xẩy ra cái tai nạn tàn khốc kia, rồi quăng nó từ trên trời xuống đất đen cho nó tan tành bay thành một đàn bươm bướm dại.

Nằm xuống thảm cỏ mới bắt đầu xanh, tôi nghiêng người nhìn về phía cây diệp da dẻ đàn bà. Hít cho đầy bình phổi, tôi như say không khí, đầu lơ lửng giữa ngẫu nhiên và định mệnh. Giữa cái có và cái mất một đời người. Giữa những vệ tinh bất động và những vệt sao băng. Tâm trí tôi cứ xô giạt bập bềnh cho đến lúc tôi ngửi thấy một mùi thơm dịu dàng đầm ấm. Có phải là Fleurissimo? Nhưng nào tôi có biết mùi Fleurissimo là gì? Mùi thơm vẫn thoang thoảng đâu đây. Tôi lại nghe lời Mariko văng vẳng từ xa xôi, rằng tình yêu có thể kéo con người ra khỏi con đường của Minh Triết, con đường lát đá cạnh lòng sông hẹp chở đi những khoảng trời xanh chi chít những cành đào đan vào nhau như đan áo, hoa màu hồng nhạt chen hoa màu đỏ tươi, trùng trùng điệp điệp trôi xuôi như đám rước dâu trong buổi hôn phối giữa hình với bóng.

Không? Mariko ơi, tình yêu chính là đích của con đường Minh Triết đó. Tôi tin vậy.

Mùa thu
NGUYỄN CHÍ KHAM

bây giờ hãy đến bên tôi
nghe chừng ngọn lá buông lơi tiếng cười
ngồi đây ngày tháng hoa trôi
cơn mơ toả giạt về nơi phiêu bồng
từ đôi mắt nhớ mênh mông
buồn rung nhè nhẹ quên dòng thời gian
tình vơi thêm một cung đàn
đời như ước lệ muôn vàn thiết tha
em về với buổi mai xa
vòng tay nhỏ lại cho ta bóng hình

Tôi thiếp đi không biết bao lâu, nhưng khi nửa thức nửa ngủ, rõ ràng tôi nghe tiếng bíp-bíp. Tôi chồm dậy. Mặt trời đã xế, Albert không còn đó, nhưng cây đào vườn cạnh nhà vẫn đấy, đỏ rực rỡ dưới ánh nắng chiều. Bolsa, Bolsa! Đi đâu cũng nhớ về ta ngậm ngùi. Thế là tôi đổi ý. Bây giờ, tôi mãi mãi rút hẳn đi dấu phẩy. Tôi chỉ xin giữ lại hy vọng. Vì cái đích của con đường Minh Triết vẫn còn đó, Mariko ạ!

Sau tiếng bíp của Albert đểợ truyện này lọt vào mắt bạn, hỡi đôỳc giả thân yêu, tôi không hỏi và chẳng biết thêm điều gì sau đó. Tất cả phải chờ đoạn kết, nếu cứ bắt buộc rằng hễ truyện thì phải kết một cách nào đó cho đẹp lòng bạn đọc. Ngoài cái kết tôi xin để bạn tùy nghi xếp đặt lấy, phần còn lại định mệnh dẫu an bài thế nào cũng vẫn là sự sốạng quí báu. Nhưng mấy ai tránh khỏi cái vị đắng chát để lại đầu lưỡi chút dấu vết ngậm ngùi của những vì sao đóng chắc như đinh đóng vào lá số tử vi?

Nam Dao
01-04-2000

Về một cái địa chỉ

Trúc Chi

Mở ngăn kéo ra để tìm địa chỉ mới của một người bạn vừa đổi chỗ ở mà tôi đã ghi vào một mẩu giấy rồi thấy vào đó hồi tháng trước, tôi đã gặp lại nhiều thứ nằm mỏi mòn trong đó năm này qua năm kia. Ngày tháng đọng lại trong cái hộc bàn ấy. Có nhiều thứ có thể vứt đi. Có nhiều thứ không thể vứt được. Có nhiều thứ mình không nỡ vứt. Sao mà nó lại tợ như cái đống ngổn ngang trong lòng tôi vào phút này, một người vừa hăm hở vừa ê chề với tất cả những gì là cảm, là xúc trong cái cõi nhân sinh già khằng này. Cái ngăn kéo này, ngày trước thật ra nó cũng không đến nỗi lộn xộn. Nhưng mà sau vụ động đất mạnh cách đây cũng đã nhiều năm, tôi thấy vào đó nhiều thứ đã rơi vung vãi trong cơn chuyển mình của lòng đất. Rồi thì làm biếng, không những không chịu sắp xếp lại cho gọn, tôi lại quẳng thêm vào đó nhiều thứ không có họ hàng chi với nhau cả. Những vật nằm trong cái hộc bàn bản lai đành là vô tri vô giác. Nhưng mà tôi nghĩ rằng, nếu chúng có một loại tri giác nào đó, tương tự như thất tình của chúng ta, của loài người, thì vào một lúc nào đó, hẳn chúng cũng buộc phải nghĩ rằng địa ngục chính là những thứ xung quanh chúng. Tôi đang nghĩ đến câu *l'enfer, c'est les autres,* địa ngục chính là kẻ khác, câu nói vọt ra từ cửa miệng một nhân vật của ông tổ sư thuyết hiện sinh.

Đã đành, ông J.P. Sartre có lý do của ông khi viết câu đó. Và chính tôi, nhiều lúc sống ở cái nước Mỹ này, nghe và thấy thiên hạ tất tả ngược xuôi theo rất nhiều những thứ, những điều nó trái hẳn với những gì mà suốt cả đời tôi, tôi đã trót chủ quan mà cho là đẹp, là hay, những phút ấy, chính tôi cũng đồng ý với câu nói nặng chở một tư tưởng thiếu chút vị tha, nếu không hẳn là vị kỷ. Câu nói của một người, vào một phút nào đó, bỗng nhiên không còn kiên nhẫn được nữa với đồng loại. Tôi chợt nghĩ rằng hình như đồng loại của tôi là giống động vật duy nhất có khả năng

hành hạ nhau, giết nhau, mà giết từ từ, giết chầm chậm, giết hàng loạt. Cứ vào thư viện tìm tài liệu về trại tập trung của Đức Quốc Xã, về quần đảo Goulag, về trại lao cải bên Trung Quốc và gần chúng ta hơn nữa - gần quá - những tại cải tạo rải rác khắp nước, cứ dở sách vở mà liếc qua sơ sơ cũng đủ... lợm giọng rồi. Cầm thú, tuy có loại gọi là ác thú ác điểu, thì có thể dữ mà không ác. Đồng loại của tôi lại khác. Khác quá!

Tôi viết những hàng trên đây vào một phút bực mình sau khi liếc qua trang đầu của một tờ nhật báo lớn. Hiếp dâm, bắn giết, bắt bớ phi pháp, hành hạ kẻ vô tội, hối mại quyền thế, tham nhũng, cướp bóc. Ở vào giữa thế kỷ thứ 19, một nhà thơ lỗi lạc của nước Pháp là Charles Baudelaire đã từng than dài rằng mỗi lần cầm lấy một tờ nhật báo, ông thấy cần phải rửa tay vì nó chứa quá nhiều những hành động bẩn thỉu ô uế. Có vẻ như từ dạo ấy đến nay, tuy có thêm một đôi thứ nó giúp cho thân thể con người được thoải mái hơn khi ngồi yên một chỗ, như cái máy lạnh chạy rù rù vào những hôm trời nóng bức, hoặc khi di chuyển, như xe hơi, xe buýt, nhưng vẫn chưa có ai tẩy bớt được trong não bộ con người những ý nghĩ làm động cơ cho những điều tôi vừa mới thấy trên trang báo.

Thú thật, bực mình rồi tôi cực đoan chút xíu vậy thôi, chớ còn thường nhật tôi không bi quan đến độ đó đâu. Bởi vì xa gần tôi vẫn còn một số người quen biết, một số bạn mà tôi không liệt vào hạng "những kẻ khác" trong câu danh ngôn mà tôi trích dẫn trên đây. Trong số có anh bạn có cái địa chỉ nằm trong hộc bàn. Thật ra, cái mẩu giấy màu vàng ấy cũng dễ thấy giữa cái ngổn ngang, bề bộn rộng khoảng chín mười tấc vuông. Nhưng mà trên đường đi đến cái địa chỉ ấy, tôi đã tần ngần dừng lại và ghé vào nhiều nơi, nhiều chốn.

Đầu tiên là một cuộn phim cũ chưa đem đi rửa (tại sao cho đến giờ này nó vẫn chưa được đem đi rửa thì chỉ có trời mới biết được) mà tôi cầm lên ngắm nghía mãi, lục lọi mãi trong trí nhớ xem chụp hồi nào, chụp những gì. Đáng lẽ cứ cho vào túi áo, đem ra chợ Lucky thì một tiếng sau là biết ngay, nhưng mà tôi nghĩ rằng nếu có những khung ảnh thật "đặc biệt" thì tôi đã đem đi rửa từ lâu rồi. Vậy là tôi lại thẩy nó vào vị trí cũ!

Thứ đến là một tấm ảnh chụp vào hồi gia đình tôi mới sang đây. Ngắm kỹ - ai mà không ngắm kỹ hình của chính mình - tôi thấy vẻ mặt tôi hơi thiếu tự tin! Cái thiếu tự tín của một người lần đầu tiên trong đời thấy mình mất nước, hiểu theo một nghĩa nào đó. Tác giả tấm hình cũ rích đó là một người Mỹ gốc Ba Lan - không có họ hàng chi với cô Monica Lewinsky, vốn không phải là một trang nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành, nhưng mà cô đã làm cho cái ghế tổng thống của ông Bill Clinton suýt đổ. Nói ra thì những chỗ bà con họ hàng, quen biết xa gần bên phái

nữ họ nguýt họ lườm tôi, chớ thật tình, cho đến thế kỷ XXI này, có một số đàn bà vẫn còn nguy hiểm thật. Anh bạn gốc Ba Lan này theo cha mẹ di cư qua đây sau thế chiến II. Lúc trao tấm hình này cho tôi hồi năm 1978 đã vỗ nhẹ vào vai tôi mà nói:

"Gia đình tôi và chính tôi cũng đã từng khổ sở với cái tâm trạng của người vô tổ quốc. Anh cứ can đảm. Nước Mỹ này chưa phải là thiên đường đâu. Nhưng mà tôi nghĩ rằng nó vẫn khá hơn cái nơi mà anh vừa rời bỏ."

Tôi không quá phiêu lưu mạo hiểm tuy vẫn thích tìm kinh nghiệm mới trong cuộc sống. Trong gia đình, ở nhà trường, không ai dạy tôi là ra đời phải biết khuyên người này kẻ khác, điều nọ điều kia. Lớn lên, có một thời gian may mắn được dịp mở mắt ra mà nhìn kỹ lối sống của con cháu William Shakespeare, Christopher Marlowe tôi học được một câu châm ngôn của người Anh mà tôi rất thích: "mình cứ sống, nhưng cũng phải để cho thiên hạ sống" (live and let live). Nhưng bây giờ thì tôi mạnh dạn kết luận, như một lời khuyên, rằng mất nước là một loại kinh nghiệm không nên có! Tổn thọ lắm. Mà nếu lỡ có rồi thì không nên "thử" lại một lần thứ hai. Rất không nên.

Tôi vốn không mặn nồng với những chuyện được gọi là những "vấn đề lớn" của nhân loại. Quả trứng và con gà mái, thứ nào có trước? Trước khi lọt lòng mẹ ta ở đâu? Bỏ cái tấm hình hài này rồi ta đi về đâu? Chừng vài nghìn năm nữa, con người sẽ như thế nào? Ừ thì những lúc ngắm một đóa hồng đã héo úa còn vương trên đài hoa, nhìn lớp sóng bạc đầu tan biến trên biển cả, lắng tiếng hót của một loài chim lạ mất hút giữa thinh không... quả tôi cũng có nghĩ đến chuyện sống và chết của tôi, của vạn vật. Nhưng mà nghĩ thoáng vậy thôi, làm biếng, không nghiền ngẫm được cho lâu. Thật ra, nghĩ cho lâu nó cũng không đi đến đâu cả.

Nhưng mà tôi vẫn thích ngắm cuộc đời, cuộc sống với một cái nhìn lúc thì tha thiết, lúc thì dửng dưng. Tôi đoán non đoán già rằng có lẽ vì quả đất xoay quanh mặt trời và địa cầu xoay quanh chính nó từ thủa tạo thiên lập địa cho đến nay - cái gì hoặc ai tạo ra không phải là thắc mắc của tôi vào phút này - cho nên cảm xúc, tình cảm của con người cũng theo hai cái vòng ấy mà loay hoay quanh quẩn mãi trong vòng yêu ghét, vui mừng buồn giận! Dĩ nhiên cách biểu lộ có khác, tùy người, tùy lúc, tùy trình độ văn minh, tùy từng nền văn hóa. Xin dẫn chứng sơ sơ về cách biểu lộ cảm xúc giữa một đôi nam nữ (Tôi dùng kinh nghiệm của người khác, vì nói mãi về chính mình cũng... chướng, mà cũng bất tiện.):

Ngày còn nhỏ, một buổi đi chơi trăng với một thằng bạn lối xóm, tình cờ tôi thấy hai anh chị lớn, cũng lối xóm, trò chuyện với nhau trong

một góc vườn. Hai đứa tôi nấp sau một gốc nhãn rình một lúc xem họ "làm gì". Nhưng mà chỉ nghe họ thì thầm. Lúc ra về họ cầm tay nhau một hồi lâu. Rồi hết. (Những buổi gặp gỡ lén lút vụng trộm như vậy ngày trước người ta gọi là "đi trai gái". Sau này, tôi nhớ tôi cũng có đi trai gái như vậy) Đó là chuyện cách đây ngoài nửa thế kỷ tại nước ta. Bây giờ, tại nước Mỹ này, một anh bạn văn thuật lại rằng, hôm đưa một người bạn gái Mỹ về nhà cô ta sau một buổi tối đi chơi với nhau, anh bị "hit and run", bị đánh du kích. Anh nhận được một cú hôn không chờ đợi. *"Tôi vừa cảm cái mềm của môi (nàng) thì mặt nàng đã xa mấy tấc. Tế ra hôn môi chỉ có vậy. Tôi nghe nói hôn phải thè lưỡi ra để lục lọi tùm lum..."* (*) (Lục lọi tùm lum quả là ngôn từ của các ông Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển và Kiệt Tấn, ngôn từ của xứ Đồng Nai, giản dị mà linh động thiệt!)

Giữa những giây phút bịn rịn cầm tay nhau và cái hôn bất ngờ kia là một khoảng thời gian hơn 50 năm và một khoảng cách dài gần nửa đường xích đạo. Mà nguyên nhân là một chút yêu thương khá đậm đà mà người trong cuộc chắc là thấy khó quên. Cái rung cảm trong lòng con người đứng trước tất cả những gì, tất cả mọi thứ ... nó làm cho mình rung động có vẻ xưa nay vẫn vậy. Lộ ra ngoài, nó thành ra hai bàn tay nắm lấy nhau và một cái hôn mang nặng tính chất đột kích. Nhưng mà hình như tôi lại sắp sửa lạc vào một vấn đề khá phức tạp, khá "lớn" như tôi vừa nói trên đây: vấn đề bản thể và hiện tượng. Thôi, dẹp! Bởi vì tôi đã chán ngấy cái loại ngụy biện của một số các lý thuyết gia chính trị, sử dụng một trong hai bộ phận không xương trong cơ thể con người để mà lắt léo rằng bản thể tốt mà hiện tượng xấu.

Tôi muốn trở về với nỗi buồn và niềm vui của tôi khi tôi dừng lại ở cái trạm thứ ba này - một tấm thiếp mời giấy trắng mực đen thật đơn giản. Đây là một tấm thiếp mời vợ chồng tôi đi ăn cơm tối để đánh dấu một cuộc hôn phối, mà lại không phải là tiệc cưới. Vậy mới rắc rối. Xin gỡ rối:

Người gửi tấm các này là Huệ, tên một loài hoa được xem là tinh khiết, thường vẫn được những bàn tay cẩn trọng cắm vào bình bông mà đặt lên bàn thờ. Nhưng mà bàn tay của cuộc đời lại không nâng niu cho lắm cái người bạn gái mang tên Huệ này. Ba đời chồng, bốn đứa con hai dòng và một tấm nhan sắc mà dù không nhìn kỹ tôi cũng thấy là đã loáng thoáng bóng chiều vào cái hồi Huệ gửi cho vợ chồng tôi cái thiếp này cách đây vừa tròn sáu năm: mùa Xuân năm 1994. Huệ mời chúng tôi để "trình diện" ông chồng thứ tư. Ở khoảng trống bên dưới những hàng chữ in là nét bút của Huệ, mềm mại mà không ẻo lả: "Anh chị đến cho vui, không phải cưới xin gì đâu. Cấm đem quà."

Tôi hiểu. Đàn bà, dù có phớt đời đến độ nào đi nữa, ai mà lại muốn

đem cái số long đong của mình ra mà làm đề tài cho những mẩu chuyện nhỏ to không thể tránh được của cả bàn dân thiên hạ trong một buổi tiệc cưới nổi đình nổi đám bốn năm chục bàn, có em-xi song ngữ, có chào bàn chào ghế, có nhảy đầm nhảy điếc, thay áo thay xống, cắt bánh cắt trái, bà con hai họ đa số lại là con cái ba bốn dòng của một đôi tân nhân mà không ai dám mở miệng chúc cho được bách niên giai lão, bởi vì tuổi tác của đôi trẻ tổng cọng vừa đúng một trăm lẻ tám. Cứ như là võ công của Lệnh Hồ Xung, một chiêu mà đến 108 thế biến. Nhưng mà đã là đàn bà, ai lại không muốn có một chút gì đó để đánh dấu một lần sang ngang. Dù rằng đây là chuyến thứ tư. (Kể cũng hơi nhiều). Do đó mới có bữa cơm thân mật mà vợ chồng tôi có đến dự. Bữa cơm thân mật và vui thật. Nhưng mà chuyến đò thứ tư này trong đời Huệ, lúc đầu thì thuận buồm xuôi gió cả, mà sau đó lại không được êm chèo mát mái. Cũng tội nghiệp.

Không cần đến một bảng thống kê chi li nhiều tiểu tiết, ai cũng đã biết rằng trắc trở trên đường tình duyên, công danh, sự nghiệp thì đành là hết chín mươi chín phần trăm nhân loại là trắc trở rồi. Vì tự trọng, tự ái, hoặc vì bẩm sinh tính tình kín đáo mà thiên hạ không nói ra hết đấy thôi. Tôi chợt nghĩ rằng, con số 99% mà tôi đưa ra trên đây kể ra cũng còn lạc quan lắm. Trong thực tế, e chỉ còn có một nửa phần trăm trong cái cõi người ta này là được phom phom trên xa lộ từ đầu đến cuối.

Những chi tiết của một buổi tiệc cưới long trọng mà tôi vừa liệt kê trên đây thật ra không phải do tôi nghĩ ra mà có. Ngoại trừ chuyện võ công của Lệnh Hồ Xung là "lời bàn Mao Tôn Cương" của tôi, còn thì tôi chỉ tóm lược lời của Huệ trong một buổi ngồi nói chuyện với nhau ở Việt Nam. Đọc lại, tôi thấy giọng văn hơi có vẻ châm biếm. Nhưng trong thâm tâm tôi không có ác ý với một người bạn tốt. Thật ra, dù là số long đong, bị đời nhồi cho thất điên bát đảo, mà Huệ vẫn tỉnh táo nhờ vào khả năng tự trào bẩm sinh.

Cách đây chừng non một năm rưỡi, tôi gặp Huệ ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Tôi chờ chuyến bay đi Hà Nội. Huệ và con gái - con đời chồng thứ hai - sửa soạn đáp chuyến phi cơ đi Đài Bắc trên đường qua Mỹ sau mấy tuần lễ về thăm nhà. Sau mấy phút vui mừng và ngạc nhiên, thấy còn có khá nhiều thì giờ, chúng tôi kéo nhau đến ngồi giải khát. Lúc con gái Huệ đứng dậy dạo xem mấy quầy hàng trong phi cảng, chưng bày nhiều món khơi động tính hiếu kỳ của du khách ngoại quốc, tôi hỏi Huệ:

"Huệ thường luôn?"

Vì quen nhau đã lâu, cho nên trong câu nói vô thưởng vô phạt ấy tôi tự cho mình cái quyền tò mò mà xía một chút xíu vào đời tư của Huệ trong cách hỏi, trong cái nhìn của tôi hướng thẳng vào đôi mắt của Huệ.

Đôi mắt không đẹp nhưng mà to, hơi ngây thơ nữa là khác. Tôi chợt nhận ra rằng cái vẻ ngây thơ này là nét độc nhất không thay đổi trên mặt, trên người Huệ qua mấy chục năm mà chúng tôi quen biết nhau. Còn thì cái thân hình gọn gàng cân đối ngày trước nay đã có đẫy ra chút xíu, da trên bàn tay trông đã giảm tính đàn hồi. Tôi không muốn rà từng chi tiết trên khuôn mặt vẫn còn xinh, nhưng đã kém tươi của Huệ. Bốn đời chồng với ngần ấy tuổi thì còn tươi được vào cái khổ nào! Đàn bà họ thích giấu tuổi nên tuy biết đích con số năm tháng trên người Huệ, tôi cũng không nói ra làm chi. Bất lịch sự.

Bắt được cái tò mò trong cách hỏi của tôi, Huệ tủm tỉm;

"Huệ tưởng anh nghỉ làm báo đã lâu rồi."

"Nghỉ làm báo là một chuyện. Còn cái tật ưa đào bới lăng nhăng là chuyện khác."

Cố ý giữ im lặng để chờ câu trả lời của Huệ, tôi kéo mạnh mấy hơi thuốc thật dài để...dự trữ... vì lên máy bay không hút được. Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn, tôi tự thêm cho mình một chuyện lo xa nữa là...tích khói phòng thèm. Qua hai tuần lễ đi đây đi đó trong nước, tôi nhận thấy rằng hình như tự do hút thuốc trong tiệm ăn, trên xe lửa, trong khách sạn là loại quyền độc nhất được tôn trọng trong nước. Dân ghiền phì phèo thả cửa. Còn như mọi thứ tự do căn bản của người công dân, có ghi rõ trong hiến pháp, thì nghe đâu lại bị hạn chế hoặc tước đoạt cả. Vậy mới tréo cẳng ngỗng.

Lần này Huệ nhoẻn miệng cười:

"Bây giờ thì Huệ yên thân rồi. Sợ rồi. Bước đi một bước là một tiếng bạc. Thua hoài. Mà vốn liếng Huệ thì mỗi ngày nó càng hao hụt. Vui với con cái cũng đủ rồi. Không dám yêu thương chi nữa. "

Tôi cất tiếng "bình luận về thời cuộc":

"Huệ nói vậy chớ chuyện yêu thương nó đến bất ngờ lắm. Thường những lúc không dám như Huệ nói, sức thẩm nhập của nó càng mạnh, nó lọt vào lòng mình từ đủ mọi ngả, mọi hướng. Tứ diện thọ địch. Còn nguy hiểm hơn những khi... dám nữa!"

Đôi mắt to của Huệ chợt tối lại, thoáng một chút suy tư. Giọng buồn buồn, Huệ nói:

"Thiệt ra, sau bữa cơm tối ở Santa Monica, Huệ nghĩ là Huệ cũng đã được yên thân rồi. Anh còn nhớ chớ. Không biết anh chị có vui không, nhưng mà Huệ vui lắm, sung sướng lắm..."

Có tiếng động cơ của một chiếc máy bay đang cất cánh. Tiếp theo đó là tiếng cười nói huyên thuyên của một toán du khách ngoại quốc. Tiếng chén dĩa lách cách. Ắt cả ... tiếng lòng của Huệ. Loại âm thanh này, không

lấy gì làm êm dịu lắm, khiến tôi nghĩ rằng không nên chọn phi cảng làm nơi tỉ tê với nhau. Nhất là vào khoảng mười giờ sáng. Cái khoảng thời gian ấy, cứ như kinh nghiệm ít ỏi của tôi, khó mà mơ mộng, khó mà lãng mạn lắm. Mới ăn xong một tô phở, tô hủ tiếu, tô bún bò hay một vài thứ tỉm-xấm hải vị Quảng Đông, thường tôi vẫn thấy khó nghĩ cho ra một cái tứ thơ êm dịu, những phút cao hứng mà định gieo vần. Tuy rằng bắt đầu bằng vần "th" cả đấy, nhưng mà thịt thà với thơ lại không ưa đi với nhau.

Chờ cho mọi tiếng động xung quanh đã lắng bớt, Huệ nói rằng bữa cơm tối hôm ấy, Huệ tổ chức rất giản dị vì những lý do mà tôi đã kể lại trên đây. Cuối cùng là một lý do rất gần con người Việt Nam và rất đàn bà:

"Huệ cứ sợ làm linh đình như mấy ...lần trước, ông Trời ổng phạt mình. Vậy mà..."

Phải rồi, tại ông Trời hay tại ai thì tôi không biết, nhưng mà đời vốn đầy rẫy những mơ ước đơn sơ, những mộng mơ giản dị, tầm thường, mà không cứ là chỉ riêng trong vòng hôn nhân, tình ái, những ước muốn tưởng như dễ nắm được, dễ như bỡn, té ra... bắt hụt tuốt. Cho nên tôi nghĩ rằng những lúc tâm sự với bạn thân, những khi ngồi một mình mà đối diện với chính mình, nhưng ngày u cư, những giờ độc xử, ngồi mà làm lại một vài phép cọng phép trừ của nhiều thứ trong cuộc đời mình, hẳn phải có rất nhiều người - nhiều lắm, trong số có tôi - sẽ chép miệng để buông ra hai tiếng "vậy mà... " thoáng một chút ngậm ngùi trong câu nói bỏ dở trên đây của Huệ. Tôi sực nhớ hai câu của Nguyễn Bính... *Xây bao nhiêu mộng thế mà/ Đến nay phải gọi người là cố nhân...*

Có tiếng loa mời hành khách đi Đài Bắc chuẩn bị lên máy bay. Con gái của Huệ trở lại bàn, tay xách một cái túi ni-lông lớn, nhét chặt mấy bức sơn mài khổ nhỏ. Huệ hỏi:

"Con mua gì nhiều dữ vậy. Bên nhà còn mấy cái mua kỳ trước, để trong ga-ra, chưa có chỗ treo."

Cô gái cao hơn Huệ cỡ mười phân, nhưng mà giống mẹ như đúc, chừng được mẹ cưng chiều lắm, nghiêng đầu cười nghịch ngợm:

"Mấy bức ở nhà toàn hoa lá gì đâu hà. Đây là tranh dân gian. Để con kiếm chỗ treo cho. Má khỏi lo. Mà không có chỗ thì con... đem cho bạn. Rẻ rề hà."

Huệ khẽ lắc đầu:

"Anh coi, mai lan cúc trúc Huệ mất cả mấy tiếng đồng hồ mới lựa được kỳ về nước chuyến trước mà cháu nó gọi là... hoa lá gì đâu. Đưa đây, đưa má xách giùm cho."

Nhìn hai mẹ con Huệ lẩn trong đám hành khách tay xách nách mang

chuẩn bị ra phi cơ, tôi thầm mong rằng đời người con gái xinh tươi này sẽ được song suốt hơn, khác với đời của Huệ.

À...cuộc đời Huệ. Cả một thiên chuyện đó chớ. Người chồng thứ nhất là mối tình đầu, có ăn có học có tiền mà lại thô lỗ theo kiểu lông nách một nạm chè tàu một hơi. Đã vậy, anh lại còn vũ phu đánh đập Huệ có lần sưng tím cả mặt mũi. Ở không được nữa, Huệ bồng con về nhà mẹ. Đáng lý ra thì đời Huệ cũng đã được yên ổn với người chồng thứ hai là một sĩ quan pháo binh, hiền lành, chăm chỉ, mặt mũi thanh tú. Sinh ra giữa thời loạn rồi anh thành quan võ, nhưng mà tướng quan văn. Khác với danh tướng Triệu Tử Long, xông pha trăm trận mà lại được chết yên ổn ở nhà khi về già, (hình như là nhờ sao Thiên Lương và Trường Sinh miếu địa cư mệnh có Đế Vượng bàng chiếu, thọ là phải) khác với người anh hùng này ở trận Đương Dương Trường Bản, người sĩ quan pháo binh bất đắc dĩ này, tướng quan văn mà số lại bất đắc kỳ tử. Anh bị tử thương trong một trận đánh vùng Chương Thiện chừng hai năm sau khi lấy Huệ. Người chồng thứ tư và Huệ bỏ nhau vì lý do nào tôi không biết mà cũng không muốn hỏi làm chi. Còn người chồng thứ ba của Huệ thì mê Huệ đến cuồng dại mà lại không biết yêu. Tôi viết vậy nhưng mà chính tôi cũng không biết "biết yêu" là thế nào. Chỉ nghe Huệ thuật lại rằng Huệ thấy ngột ngạt vì cái kiểu yêu rất ích kỷ của người chồng mà Huệ nói là "lớn rồi mà còn con nít" ích kỷ đến độ có lúc anh ghen bừa ghen bãi, ghen luôn cả với quá khứ của Huệ. Thành thử không được bền được.

Cả một cái cốt rất phong phú cho một thiên chuyện dài. Nhưng mà tôi không nghĩ đến việc viết một quyển tiểu thuyết về đời Huệ, một cuộc đời nhiều sóng, nhiều gió, tự tạo cũng có, mà trời giáng cũng có. Cuộc sống tự nó đã là một cái thư viện khổng lồ rồi. Cứ dương mắt, chong đèn mà "đọc", thâu ngày thâu đêm, e đến ngàn kiếp cũng không nghiến hết những trang đời đầy ắp cái sống nguyên chất, không pha trộn, không giả tưởng (có nơi gọi là hư cấu). Cuộc sống, có nhiều lúc nhiều đoạn sự việc xảy ra kể như là không đầu không cuối, không có thứ lớp chi cả, thiên hình vạn trạng như cái sinh nở tàn lụi của thảo mộc, cái cấu xé nhai nuốt của dã thú, của côn trùng trong rừng già mênh mông ở lưu vực sông Amazon bên Nam Mỹ mà tôi xem được trong một vài chương trình truyền hình ở đây.

Mà xét kỹ, tôi thấy tôi lại không có khả năng sắp xếp, xén tỉa cho cuộc đời nó vừa gọn vừa dồi dào vừa "sống" như tình tiết trong một số danh tác mà tôi đã đọc được, những quyển sách mà nội dung khiến cho độc giả *"cầm cuốn truyện lên đọc là người ta đã thấy tất cả những thứ đó xao động trên mặt giấy"*, như lời Viên Mai Thức, trong bài bạt viết cho bộ

Kim Bình Mai.

Cái ông Viên Mai Thức này cũng có viết một câu mà tôi khoái lắm, bởi vì ý nghĩa câu văn rất hợp với tính tình của tôi: *"ta bẩm sinh hiếu động nên việc học hành không được uyên thâm, lại thêm tính lười biếng nên lâu ngày cũng bỏ cả học vấn, có điều, thói cũ thư sinh thì vẫn còn chửa quên, cho nên rất thích tìm kiếm các chuyện xưa nay, sở thích ngày mỗi lúc một tăng..."(**)*

Bậc danh sĩ này, sống vào đời nhà Thanh bên Trung quốc, có được cái thói cũ thư sinh, ưa tìm văn chương kim cổ mà nghiền ngẫm, còn tôi thì tuy cũng có tò mò với chữ nghĩa, nhưng lại không được cao khiết như vậy, tôi chỉ giống ông ở cái điểm ngồi một chỗ không yên và lười biếng. Tôi ưa lục lọi đào bới mà sống với những thứ vô hình ở "đàng sau, bên dưới" những thứ tình cờ bắt gặp rải rác dọc đường đó như là... như là cuốn phim cũ, tấm hình đã phai cả nước thuốc và cái tấm các của Huệ mời ăn cơm tối khi mở hộc bàn viết mà tìm địa chỉ của một người bạn, vào một lúc phát cáu mà nổi đóa - nếu không hẳn là "nổi xung" nói theo kiểu Huế của tôi - với mấy cái tít lớn ở trang đầu của một tờ nhật báo sáng hôm nay!

Lại còn một tờ giấy mà tôi đã cầm lên cùng một lúc với cái địa chỉ nọ. Tờ giấy đã giúp cho tôi bình tĩnh lại sau một phút bực dọc với những cái tít kia trên mặt báo. Nó chỉ cách làm một món nhậu, đầy đủ chi tiết , từ cách sửa soạn vật liệu cho đến lúc dọn lên bàn. Tác giả của những lời dặn dò này trong chuyện bếp núc, một chị bạn quê ở Mỹ Tho, khi ghi lại cách làm, đã viết: "...tỏi lột vỏ giã nhỏ để riêng... tôm rửa sạch xong, lau khô để đó... vặn lò lên đổ chừng năm sáu muỗng dầu vô chảo... vắt vài giọt nước chanh cho hơi chua chua... gắn ăn rắc chút tiêu hành cho thơm... vân vân" Văn viết thì không nói làm chi chớ còn những câu nói hằng ngày có nhiều chỗ "thừa" duyên dáng dễ thương như vậy. "Để riêng...để đó..." cần phải được hiểu là mọi thứ phải dược chuẩn bị sẵn sàng, không nên hiểu theo nghĩa "đem đi chỗ khác"! Có ai xào nấu mà không vặn lò lên bao giờ; chanh gây vị chua; tiêu bốc mùi thơm, ai không biết. Vậy mà mấy hàng chữ ghi vội kia quả đã cho tôi thấy được cái tăn măn tỉ mỉ của người nấu nướng có hạng và một chút xíu chăm chút đối với tác phẩm của mình. Cái tấm lòng đó nó rất cần cho khẩu vị của bất cứ một món ăn nào, dù là đơn giản như một dĩa rau luộc, một chén muối mè. Nấu nướng là một nghệ thuật. Có tác phẩm nghệ thuật nào có giá trị mà lại không đượm chút tình mà tác giả đã gửi vào đấy.

Cái kiểu ngồi nghĩ vẩn vơ này quả có mất thì giờ thật, nhất là thì giờ ở cái tiểu bang mà kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, khỏe như cơ thể của một thanh niên cường tráng. Thì giờ ở đây quả được quí như vàng, dù

rằng giá vàng trên thị trường quốc tế vẫn hạ đều trong mấy năm gần đây. Nhưng mà không say sưa với những thứ vớ vẩn như vậy lại không có chuyện mà viết. Thôi thì mỗi ngòi bút có một cách say của nó. Bởi vì, nói như Nguyễn Du, một con người đã từng chứng kiến và sống qua bao nhiêu là đổ vỡ ở ngoài đời và trong lòng ông:

Sinh tiền bất tận tôn trung tửu
Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi

(Lúc sống mà không uống cạn rượu trong chén thì sau khi đã chết, ai là người đem rượu mà rưới trên nấm mồ của mình)

Tôi vẫn thích để cho chữ nghĩa của tôi chuếnh choáng theo chất men của những thứ vụn vặt. Ấy là chưa kể chuyện mất thì giờ theo men thiệt của rượu thiệt mà tôi cũng ưa tìm kiếm, gần gũi.

Nhưng mà... đó là chuyện khác.

5/2000

(*) *Giữa Hai Miền Mưa Nắng*, Hoàng Mai Đạt, nxb Văn Nghệ, California, 2000.

(**) Kim Bình Mai, Vương Nguyên Mỹ, bản dịch của Giáo Sư Nguyễn Quốc Hùng, nxb Chiêu Dương, Saigon, 1969.

Đã tái bản bộ trường thiên của
Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate
ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về:
Diệu Chi K. Nguyễn
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA
Phone: (714) 894-8535

Tổ ấm

Hoàng Nga

Đôi chim câu không biết bay đến làm tổ từ bao giờ, mà khi những tiếng kêu gù gù, trầm đục của chúng mỗi sáng đánh thức tôi dậy sớm hơn thường lệ, tôi mới mơ hồ nhận ra điều khác thường. Trưa Chúa nhật, nằm úp mặt xuống gối, giữa cái thinh lặng đến lạnh người ở chung quanh, vài tiếng động sột soạt nho nhỏ bỗng vang lên phía ngoài hành lang, kèm theo tiếng lốc cốc đều đặn như có người nghịch ngợm gõ những móng nhọn của mình xuống mặt bàn; lát sau, những tiếng gù gù bắt đầu trỗi lên khe khẽ, sau dần lớn hơn một cách tha thiết, không ngừng nghỉ, và khá làm phiền thính giác, tôi quyết định bật choàng người dậy, khoác thêm chiếc áo mỏng, mở cửa ra ngoài.

Cuối đông, bầu trời xám mây buồn bã, tù mù, tranh tối tranh sáng đến độ gần như không thể phân biệt được ban trưa và hoàng hôn khiến tôi ngẩn ngơ. Sau nhiều ngày không để ý đến đất trời, vạn vật chung quanh, cơn gió lạnh len lỏi vào chỗ thịt da trần trụi của tôi giữa đôi bàn tay đặt vòng trên cổ, vài hạt tuyết bám trên ban công không ánh lên nổi vẻ lấp lánh đưa vào mắt, nghe chừng cũng khác thường. Lạ lẫm. Thể như sau bao ngày ẩn mình trong những ốc đảo của chính mình, quên mất thế giới, quên mất nhân gian, quên mất cuộc đời, tôi bắt đầu lại với cái nhìn của một đứa trẻ. Bỡ ngỡ. Ngơ ngác.

Tôi nhìn quanh. Thẫn thờ không biết mình ra ngoài đứng giữa trời thế này để làm gì, bỗng bất chợt từ phía sau lưng tôi, đôi ba tiếng động không lớn nhưng thật mạnh vang lên khiến tôi giật mình. Tuy nhiên, chưa kịp định thần và quay lại, tôi đã nhận ra ngay đó là thứ âm thanh mà kẻ "xâm phạm gia cư bất hợp pháp" vẫn làm tôi trở mình thức giấc mỗi sáng. Cái thứ âm thanh khiến bầu không khí vắng lặng quanh tôi rộn rã thay đổi, và đã bắt đầu trở nên quen thuộc với tôi. Chỉ khác lần này, ở tiếng gù

gù trầm đục không còn tình tứ mà hoang mang, sợ sệt. Pha lẫn thêm chút giận dữ. Tiếng đập cánh không còn sột soạt nho nhỏ, mà cuống quít, vội vã. Và hung hãn.

Một kiểu động tĩnh bất thường. Như thể thông báo cho tôi biết rằng tôi mới là kẻ phá rối trật tự trị an, làm phiền lòng hàng xóm khiến tôi muốn bật cười. Giữa lúc đang định bụng sẽ quay lại "điểm mặt" kẻ hồ đồ, thình lình chợt vút bay ra giữa không trung, một đôi chim lớn cỡ bằng bắp tay thanh niên, toàn thân phủ một màu xám sậm, chung quanh cổ như khoác thêm lớp cổ áo giả của các vị linh mục, xanh biếc, óng ánh. Cuối chóp đuôi chuyển sang đen tuyền, trông giống hệt các vệt mực tàu còn ướt trên nghiêng.

Đôi chim câu vút cánh bay thật nhanh và thật chắc chắn như đã hoàn toàn dứt khoát với cái quyết định cuối cùng của mình; chẳng hề ngả nghiêng chao lượn như vẫn thường thấy, rồi lẫn mất vào giữa đám lá rậm rịt của hàng dương phía bên kia đường. Một cái phản ứng nhanh, đột ngột, và mạnh bạo xảy ra chỉ trong chớp mắt, khiến tôi bần thần cả người. Bất giác tôi nhoài ra ngoài như cũng đang ở trong tư thế chắp cánh, cố nhướn mắt dõi theo. Tuy nhiên cái khoảng cách quá xa, lại thêm những dao động từ cành lá của hàng dương nên mãi mà tôi vẫn chẳng biết đôi chim câu đang ẩn nấp nơi nào. Dạ tôi nao lên một cách khó chịu. Tôi có cảm giác mình mới vừa thực hiện xong một điều gì đó hết sức tàn nhẫn.

Cuối cùng, vẫn không thấy tăm hơi, dấu tích của đôi chim, tôi thở ra, bỏ chỗ đứng, nhẹ chân bước lại chỗ phát ra những âm thanh phá phách mỗi sáng. Và không cần phải mất công lùng sục lâu, tôi bắt gặp ngay vài vết phân chim trên chiếc tủ gỗ không dùng mà Đạt đã kéo ra ngoài từ đầu mùa đông, bảo chờ bớt rét sẽ đem đi vất nhưng rồi bị bỏ quên hẳn ở đấy. Tôi bước tới, nghiêng mặt ngó xuống. Từ phía sau tủ, giữa một khoảng trống rất hẹp, bên trong những cọng rơm mỏng đan vòng, dính dăm chiếc lá khô vụn vỡ, dăm mảnh gỗ bé tí, dăm miếng xước từ các thân cây mục, tôi tìm ra hai cái trứng nhỏ xíu bằng đầu ngón tay cái người lớn, màu trắng xanh, lốm đốm vài vết chấm đen nằm sát bên cạnh nhau. Một cái tổ chim câu. Không phải loại câu nhà thường thấy, mà là một loại chim phương bắc, pha giữa câu và cút, không thiên di khi mùa lạnh về.

Lòng tôi chợt lạnh hẳn xuống. Bàn tay để vòng trên cổ bỗng trở nặng. Tôi lùi lại, đứng tựa vào lan can, sụp mắt nhìn xuống đường. Cái tổ chim câu nằm gần như lạc loài, khép nép ẩn phía sau tủ, trông hết sức "nghèo nàn", tội nghiệp, khiến tôi chẳng muốn nhưng vẫn liên tưởng ngay đến hình ảnh một đôi vợ chồng công chức ngạch thấp sống ở thành phố, nhà chái mái lẻ loi sát cạnh bên những dinh thự khang trang. Nỗi đau đớn

không ngăn được bỗng đùn lên trong lòng tôi như cơn lũ. Tôi nhắm chặt mắt một lúc rất lâu, rồi lại mở ra nhìn sang bên kia đường lần nữa như để trốn tránh những điều không muốn nghĩ đến. Tôi rùng mình. Cái chái nhà, nghèo, nhưng đầm ấm, chật chội nhưng hạnh phúc...

Tôi đưa cả hai bàn tay lên úp lấy mặt. Những hơi thở đứt đoạn, không liền lạc và ngắc ngứ ở cổ họng khiến tôi cảm thấy mệt muốn ngất đi được. Tôi cố xua tất cả mọi hình ảnh và nghĩ suy ra khỏi đầu óc. Và cứ đứng mãi trong tư thế ấy một lúc rất lâu, đến khi buông tay, mở bừng mắt nhìn đất trời chung quanh, bỗng có cảm tưởng như mình vừa từ một ảo giác nào đó bước ra cõi có thật. Từ phía bên kia đường, tôi nhìn thấy thật rõ, thật gần một bóng chim đứng khép cánh trên cành dương nhỏ, day mũi về hướng tôi một cách hết sức tội buồn bã. Cái dáng điệu đau khổ, tuyệt vọng não nề như một người bị tước đoạt hết tài sản mà hoàn toàn bất lực, không biết phương thức gì để chống đỡ.

Chẳng hiểu sao tôi cứ tin chắc đó là con chim mái. Và nghĩ bụng, có lẽ thế nào rồi nó cũng quay trở lại bên này.

*

Con chim mái quay trở lại thật. Không chỉ bằng cái dáng đứng thu lu trên cành, cái bóng tôi nhìn thấy từ xa, mà nó bay vút về nơi tôi đang đứng. Nó bay hối hả, cũng vẫn cái kiểu không chao lượn, uyển chuyển như lúc quyết định ra đi ban nãy. Và coi bộ lần này có lẽ còn hung hãn hơn, dứt khoát hơn, nên nó đâm sầm đến cách chỗ tôi đang đứng không đầy mấy bước với vẻ nửa giận dữ, nửa sợ hãi, đến nỗi suýt va cả vào chiếc lan can. Nó làm tôi giật bắn người bởi chỉ vừa đáp xuống trên khung sắt ấy, đã vội vã dẫm chân lạch đạch làm vang lên những tiếng loong coong như thể nó sẽ tấn công ngay lập tức nếu phát hiện ra một cử chỉ phá hoại nào đó của đối phương. Con chim câu nhìn tôi trân trân. Đôi con mắt không mí chớp xoe tròn như hai chấm sáng, sáng rực, đích thị là thứ ánh mắt để nhìn kẻ thù. Căm căm, sát khí. Tôi nhìn lại. Cố chờ xem phản ứng của nó. Thình lình, nó bay sà xuống nền xi măng một cách hết sức liều lĩnh, bạt mạng. Những chiếc móng nhọn khi chạm vào mặt phẳng khô khốc, cứng ngắt của dãy hành lang, rít lên những tiếng nhỏ dữ dằn khó chịu.

Chắc con chim mái sợ tôi phá cái tổ của nó. Sợ tôi cướp mất hai đứa con "còn trong trứng nước". Đôi cánh nó thỉnh thoảng xòe ra, quẹt quẹt xuống nền một cách lao chao. Tôi nghĩ, nếu ngay giữa lúc ấy mà tôi có động tĩnh gì, chắc nó sẽ bay đến tấn công tức thì. Tôi khẽ mỉm cười thân thiện, đứng yên nhìn kẻ xâm phạm, đóng chiếm khúc hành lang của mình một cách trái phép mà còn bày đặt giương oai, trong khi nó vẫn không

ngừng đập cánh sột soạt, bồn chồn. "Gầm gừ" nhau lúc lâu, sau, thấy tội nghiệp, tôi quay vào nhà.

Sự quyết định đột ngột, cùng tiếng mở, đóng cửa của tôi khiến con chim mái thất thần, hoảng hốt bay đi một đoạn ngắn, lòng vòng trên bầu trời xám sẫm một hồi rồi mới trở về. Tôi kéo chiếc ghế mây lại sát cửa kính hơn chút nữa, hướng về phía tổ ấm của đôi chim câu, dõi theo những hành động của chúng. Tôi tự nhủ, tôi sẽ có những niềm thân thương khác, những nỗi ngóng trông khác, để lấn áp nỗi thống khổ vẫn cưu mang trong lòng.

*

Thật vậy, đôi chim câu dần dà rồi cũng quen với sự hiện diện của tôi. Nhất là thỉnh thoảng, tôi lại mang đặt ra ngoài hành lang một vài hạt hướng dương hay hạt ngũ cốc gỡ từ những miếng bánh mì điểm tâm của mình. Sáng sáng, khi bị đánh thức, nếu không muốn trở dậy ngay, tôi sẽ vươn tay đập nhè nhẹ vào khung cửa kính phía trên đầu giường, thế là đôi vợ chồng chim lại im bặt đi dăm mười phút. Cái im lặng bao giờ cũng đột ngột như sợ hãi. Như tạ lỗi đã quấy quả tôi. Bầu không gian quanh tôi lại thinh vắng đến độ gần như tôi đang ở trong một nhà kín, không có sự sống. Tuy nhiên, sau đó những tiếng gù gù quen thuộc lại rầm rì, đục ngầu trỗi lên. Tôi nghĩ, bình thường, nếu cứ phải nghe những thanh âm buồn bã và rầu rĩ này để bắt đầu cho một ngày mới, chắc chắn sẽ phát ngán và phát bực lên được. Nhưng với tôi giữa lúc này, lại là những thanh âm tươi vui, ngọt ngào.

Tôi bắt đầu như được vực dậy từ cái vực sâu ngăn cách mình với đời sống. Sáng sáng, tôi đã trở về được với cái thói quen ngày trước. Đã cà phê, điểm tâm được mà không thấy nghẹn cứng ở cổ họng. Đã ngồi nhìn được ra khoảng không gian ngoài cửa kính với dãy hành lang sâu đang có thêm chút sức sống nhờ đôi vợ chồng chim thỉnh thoảng ra tắm nắng, đi tới đi lui, hay mổ lốc cốc rộn rã trên nền xi măng. Tôi tự cảm thấy mình linh hoạt hơn, hân hoan hơn. Những ý nghĩ u ám đã bắt đầu dịu xuống trong trí. Tôi đã bớt quằn quại khi nghĩ đến Đạt, đến bát nước đã vỡ tung trên nền đất, không cách gì cứu vãn. Và lòng tôi cũng đã bớt mòn mỏi ngóng trông. Hơn thế, tôi bắt đầu bớt khinh bỉ chính mình. Tôi tự nhủ, tôi sẽ làm lại từ đầu. Với tôi. Mình tôi. Tôi sẽ bước đi với lòng tự trọng. Sẽ cố gắng thực hiện một chương trình mới cho đời sống, định bụng sẽ gọi lại chỗ làm việc cũ, nơi người ta đã hứa chừa chỗ cho tôi khi tôi quay về. Tôi mường tượng sáng sáng rồi đây, sẽ bình tĩnh đến hãng, cặm cụi với công việc cách cần mẫn, trưa sẽ đi ăn một mình ở cái quán Ý đối diện, và chiều về vui với đôi vợ chồng chim câu.

Tôi chuẩn bị tinh thần cho mình bằng mọi sức lực. Và một sáng, khi đang dọn dẹp bữa điểm tâm của mình để đến văn phòng nhận lại việc, tôi càng hớn hở hơn khi nhìn thấy hai thành viên khác của gia đình đôi chim câu đang chập choạng chân non, tập tễnh những đường bay ngắn trên dãy hành lang phía ngoài. Quên hết mọi việc, kể cả chiếc mâm đang nặng trĩu trên tay, tôi đứng lặng, nhìn ra. Trước mắt tôi, một đôi chim câu vừa lớn, xác có lẽ đã gần bằng bố mẹ, màu lông óng mượt hơn, xám nõn hơn, màu vàng ở chân và mỏ vẫn còn chưa đậm nét, nhưng tươi mát, bắt mắt hơn. Cái sức sống, rõ ràng, tràn đầy. Căng nhựa.

Tôi ngẩn ngơ. Không tưởng tượng được mới vài tuần trước đây, hai sinh vật đang nhảy nhót linh động ở ngoài kia, vẫn là hai cái trứng trắng xanh nằm bất động trong chiếc tổ được chỉ đơm bằng vài cọng rơm, vài miếng củi mục. Lòng tôi vỡ ra. Tôi có cảm tưởng đời sống với những điều kỳ diệu cũng đang vỡ ra phía bên trong những lớp vỏ kín mít, tối ám. Tôi hoàn toàn thấy bình tâm vì cái quyết định làm lại từ đầu của mình, thấy mình dầu gì cũng còn may mắn bởi sau vấp ngã, đã đủ sức để gượng dậy. Khẽ đặt chiếc mâm xuống lại vị trí cũ của nó, tôi nhẹ nhàng ra đứng bên cạnh khung cửa kính, ngắm nhìn kỹ lưỡng lại cái không gian chung quanh mình. Và tôi thở ra một hơi dài sung sướng, tự dặn lòng phải sống khác, khác hẳn cái quá khứ vừa bỏ lại sau lưng...

*

Tôi hoàn toàn không nghĩ Đạt sẽ quay trở lại. Trở lại giữa lúc niềm hy vọng tôi đã tắt ngúm, lụi tàn. Giữa lúc tôi đã tập tễnh được vài bước chông chênh trong tư thế sẵn sàng chống chọi với nhân gian một mình. Buổi chiều đi làm về, thấy bóng dáng một người đàn ông qua lại, thấp thoáng trong phòng khách, tôi đã hốt hoảng đến suýt la to lên. Nhưng cũng may, có lẽ Đạt nghe tiếng xe tôi lạo xạo trên nền đá vào garage, nên hé đầu nhìn ra.

Đạt làm tôi sững sờ. Trong suốt thời gian dài Đạt bỏ đi, đã có những đêm không thể nào chợp mắt, tôi khóc đến đẫm cả vai áo, chỉ ước ao một điều duy nhất là Đạt trở về. Tôi đã mường tượng ra những lời tôi sẽ thốt ra với Đạt trong những khung cảnh khác biệt nhau, rồi thỉnh thoảng, lại mường tượng đến những cử chỉ, những thể hiện hành động của mình khi đối diện Đạt để không làm con người ấy khó chịu. Tôi định bụng sẽ làm bất cứ điều gì để nhận được sự tha thứ.

Vậy mà, lúc nhìn thấy Đạt hiện ra, bằng người thật sau khung cửa sổ một cách đột ngột như thế, tôi lại giống hệt một kẻ vừa bước hụt. Tôi vấp sóng soài trong cơn bối rối và sợ hãi, quên mất hẳn những điều mình vẫn thường suy nghĩ đến, và hoàn toàn không biết nên chọn cái phản ứng nào

đối với người đàn ông để ít ngượng, nhưng cũng không tự hạ thấp mình quá đáng. Tôi đã quýnh quáng đến nỗi không mở được cả cửa xe để bước xuống. Và bằng những bước hết sức chậm chạp, tôi ra khỏi garage, cuối cùng, đứng hẳn lại giữa lưng chừng bậc thềm vào cửa. Bàn tay níu trên chiếc xách làm trĩu cả vai tôi xuống. Tay bên kia lục soạn mãi vẫn không tìm thấy xâu chìa khóa như thể tôi chỉ muốn kéo dài thời gian để khỏi bước vào nhà, khỏi phải đối diện với Đạt. Cổ họng tôi nghẹn cứng. Tim tôi đập nhanh chưa từng thấy. Và mặt tôi nóng hừng hực. Rát bỏng. Tôi không biết mình có mừng vì sự hiện diện, sự trở về của Đạt hay chăng.

Sau cùng, rồi tôi cũng phải vào nhà. Lọt vào nhà. Hồi hộp run sợ như thể không phải vào nhà của chính mình. Chẳng cần đưa mắt nhìn xuống, tôi vẫn có thể thấy cả hai bàn tay mình run lên trên mép chiếc xách. Đạt vẫn còn đứng nguyên bên cạnh cửa sổ, nhưng đã thôi không còn nhìn ra phía trước, mà là quay hẳn lại, đối diện cùng tôi. Đạt không cười, cũng không lộ ra bất cứ vẻ gì khác ngoài đôi con mắt long lanh nhìn thẳng về phía tôi xem có vẻ hơi khác thường. Tôi luống cuống run giọng:

- Anh mới về...

Đạt vẫn còn nhìn tôi đăm đăm, nhưng gật đầu:

- Em đi làm?

Tôi gật. Một cách hết sức máy móc, như chỉ làm theo cái cử chỉ vừa lúc nãy của Đạt. Lòng tôi réo lên những cuộn sóng. Chẳng hiểu sao, tự dưng chỉ trong một câu đối đáp ngắn ngủi vậy thôi, mà tôi có cảm giác chừng như Đạt thấu đáo hết, biết hết về tôi. Trong khi tôi đã hoàn toàn bặt âm vô tín, hoàn toàn không hề hay biết Đạt ở đâu, làm gì suốt thời gian ấy. Ngay cả sự hiện diện của Đạt giữa lúc này, cũng chẳng nói lên được điều gì. Tôi vội vã tự hỏi, không biết Đạt về luôn hay chỉ ghé qua nhà, lấy ít đồ đạc lặt vặt gì đó. Hoặc Đạt có điều gì muốn nói với tôi? Đạt muốn ly dị? Muốn tôi ký tờ đơn, muốn tôi ra gặp luật sư cùng với Đạt... Tôi nuốt nước bọt, chọn một câu hỏi kỳ quặc nhất, vô duyên nhất trong một cuộc hội ngộ:

- Anh ăn cơm chưa?

Đạt lắc đầu. "Trời ơi", tôi thật tình chẳng biết phải làm gì ngoại trừ chỉ muốn được bật kêu lên hai tiếng như thế cho cơn sợ hãi chìm xuống bớt. Tôi thấy như mình đang bị Đạt khóa cứng giữa những gọng kềm. Cái thái độ không dửng dưng cũng không thân ái, không thể hiện ra bất cứ thứ ý muốn nào từ Đạt, khiến tôi chết ngộp trong nỗi hoang mang. Tôi run chân, bước vội qua mặt Đạt, đi thẳng xuống bếp, vất chiếc xách tay ngay bên cạnh ngưỡng cửa, rồi để nguyên áo xống, tôi lao đến bật lò, mở cửa tủ lạnh. Tuy nhiên tôi chỉ làm được đến ngần ấy việc, xong đứng lặng người,

ngơ ngẩn chẳng biết mình đang làm gì...

*

Ngay đêm đầu tiên trở về, Đạt đã làm tôi kinh hãi đến tột độ. Buổi tối, chỉ vừa dọn dẹp chén bát xong -sau khi cả hai cùng ăn rất ít, như mèo- Đạt bế xốc tôi lên giường ngủ. Tôi tối tăm mặt mũi, hoảng hốt co rúm cả người trước cái kiểu thô bạo chưa từng thấy ở Đạt trước dây bao giờ. Hai mắt Đạt mở trừng trừng, hai hàm răng nghiến chặt lại với nhau và hai tay nắm cứng lấy cổ tay tôi đau đến thốn tim, và đến hằn lên cả những đường cơ bắp vốn khỏe trên bả vai của Đạt. Tôi hết đường cựa quậy. Khiếp kinh, tôi muốn kêu lên một vài câu van nài, nhưng giữa vùng ánh sáng nhờ nhờ, vàng vọt từ ngọn đèn ngoài vườn hắt vào bên trong phòng, nhìn thấy đôi đồng tử sáng quắc như mắt mèo đang bổ xuống mặt mình, tôi vội vã nín bặt.

Tôi như một con kiến dưới sự dày vò tàn bạo của Đạt. Như một người tù dưới tay cai ngục. Cái lạnh lùng khinh khỉnh, cộng thêm nỗi gieo rắc kinh hoàng từ con người thường chỉ cười mỉm dịu dàng, nói năng nhỏ nhẹ, và phản ứng mềm mại, khiến tôi mỗi lúc càng thêm khiếp đảm. Tôi nhớ, khi chuyện lằng nhằng tình cảm của tôi vỡ ra, Đạt đã chỉ lặng thinh cách đớn đau, tránh không nhìn mặt tôi, rồi sau đó tách biệt ra khỏi những sinh hoạt chung đụng hằng ngày bằng cách ngủ ở phòng khách, bỏ hẳn những nề nếp đi về quen thuộc, và cuối cùng rời khỏi nhà một cách hết sức đột ngột, chỉ để lại cho tôi một tờ giấy nhỏ với vài giòng chữ ngắn ngủi. Cái im ỉm của Đạt trước ngày bỏ đi là cái im ỉm của một con thú bị thương, quằn quại, nhức nhối bởi cơn đau còn quá mới mẻ đối với mình. Nhưng cái im ỉm lúc trở về mới chừng như là sự hành hạ dữ dội đâu đó trong lòng Đạt. Thỉnh thoảng, như không ngăn nổi, Đạt thể hiện điều ấy ra ngoài bằng cái trân người cứng ngắt, bằng hai hàm răng nghiến rít lại với nhau, cổ bạnh ra và từ đó thoát ra những tiếng gừ gừ giận dữ.

Tôi quắt người lại trong đau đớn. Bàng hoàng. Đến tận nửa đêm, khi Đạt đã quay lưng lại phía tôi một cách lạnh lùng, như không hề có mặt tôi ở bên cạnh, tôi vẫn còn mở mắt nhìn lên trần nhà. Đầu óc tôi vẩn vũ những ý nghĩ hoàn toàn khác biệt nhau. Sự chịu đựng của Đạt trước ngày Đạt bỏ đi đã làm tôi đứng ngồi không yên khi còn lại một mình. Nỗi hối hận, day trở làm tôi đến như mất cả sức sống, từ việc làm, quan hệ bạn bè, giao tiếp xã hội, đến những sinh hoạt bình thường cũng phải đổi thay. Đã có những lúc tôi cùng quẫn tới độ chỉ muốn kết liễu cuộc sống của mình bằng một liều thuốc, hay một vết cắt trên thân thể. Cũng có lúc tôi đã suýt nhảy xuống từ một nơi rất cao nào đó... Tuy nhiên, cũng chính vì sự lặng lẽ như thế của Đạt, mà tôi đã không dám tự hủy hoại thân mình. Tận trong

thâm tâm, tôi vẫn hy vọng sẽ có ngày Đạt quay về, và tôi sẽ có cơ hội nói với người ấy, về niềm thống hối đớn đau của mình.

Nhưng chẳng bao giờ tôi nghĩ đến nỗi kinh khiếp tôi phải nhận chịu khi Đạt trở lại như thế này. Hoàn toàn không tưởng tượng ra được Đạt sẽ nhận chìm tôi xuống tận đáy vực thẳm của sự sợ hãi, chôn sâu tôi vào nỗi kinh hoàng như vậy. Tôi rùng mình. Tôi đã từng nghĩ đến cái chết, từng không còn muốn có mặt trên đất, nhưng cái ý nghĩ Đạt sẽ giết tôi một lúc nào đó, dường như chưa bao giờ hiện ra trong trí tôi.

Tôi căng thẳng đến độ phải nín cả thở nghe khi tiếng Đạt cựa quậy, trở mình ở bên cạnh. Có thể nào... Tôi lo lắng đến muốn khóc, và tôi đã thức, gần như trắng đêm. Khi tôi giật mình tỉnh dậy, không phải bằng tiếng gù gù, trầm đục ngoài hành lang như thường lệ, mà bằng giọng đàn ông đang quát lên một câu gì đó ở cạnh bên. Mở bừng hai mắt, tôi bàng hoàng trong cái cảm giác mình đã bị rơi lọt xuống một khoảng trống. Chới với. Giấc ngủ ngắn, cơ hồ chỉ chợp mắt không đến một tiếng đồng hồ, nhưng trong chốc lát, đã khiến tôi gần như quên khuấy tất cả những gì xảy ra cho mình đêm hôm trước. Tôi không nhận ra cả sự hiện diện của Đạt, đến suýt phải hét lên một tiếng hãi hùng. Mãi sau đó vài ba giây, sau khi định thần và lấy lại được bình tĩnh, tôi mới khe khẽ buông giọng:

- Đôi chim câu...

Đôi chim câu của tôi! Bấy giờ tôi chợt nhận ra sáng nay tôi đã thức giấc không bằng cái không khí thanh bình đầm ấm mà đôi chim câu đã đem lại cho tôi trong khoảng thời gian gần đây. Cũng không phải bằng nụ cười chào bình minh mới vừa lấy lại được sau những ngày chìm đắm trong đáy vực thẳm. Tôi lắng nghe tiếng Đạt cáu gắt:

- Cái gì? Nuôi chim câu nữa à?

Rõ ràng trong giọng nói của Đạt, sự bực bội, khó chịu hiển hiện ra một cách hết sức lộ liễu. Bất nhã. Tôi nhỏ giọng lại:

- Không. Tự dưng chúng đến làm tổ... Có cả hai con chim non...

Không kịp để tôi hết câu, người đàn ông kêu lên:

- Cả hai con chim non! Trời ơi, thảo nào mà cứ như chợ vỡ. Không cho ai ngủ nghê gì cả!

Tôi nín lặng. Đạt lại kêu lên những tiếng than thở khó chịu. Và rồi Đạt lại càu nhàu. Tôi cố nén tiếng thở dài. Biết giờ ấy chẳng phải là giờ giấc có thể nằm rán lại đôi giây trên giường, chẳng phải là dịp để tỏ bày bất cứ điều gì với Đạt, tôi xô nhẹ tấm chăn sang bên cạnh, buông chân xuống giường tìm đôi dép lông mang trong nhà. Tự dưng, không muốn, mà tôi bỗng thấy như mình đang lại trở lại những cái cảm giác ê chề, điên loạn trước ngày có mặt người đàn ông khác Đạt trong đời sống của mình.

*

Tôi đi làm. Để Đạt ở nhà một mình với những câu nhàu vì sự quấy phá của vợ chồng con cái nhà chim câu. Lái xe vội vã xuống đường, mà lòng tôi hoàn toàn chẳng yên. Tôi có cảm tưởng mình vừa đánh mất, hay để quên lại sau lưng một cái gì đấy không rõ. Suốt cả ngày hôm ấy, tôi cứ thẩn thờ giống hệt một người mất hồn. Tôi không biết Đạt đang làm gì ở nhà. Không biết Đạt sẽ về ở luôn hay lại ra đi... Nhưng trên hết những điều ấy, tôi lo lắng đến không thể nào nuốt trôi được bất cứ thứ gì vào bao tử khi tự hỏi chẳng hiểu rồi tôi sẽ phải chịu đựng sự kích động dữ dội của Đạt đến bao giờ. Tôi có cảm giác Đạt đã không hề tha thứ, không hề muốn sống với tôi cách bình thường.

Và tôi đã trở về nhà bằng một trạng thái hết sức kỳ quặc. Người tôi run lẩy bẩy liên tục như bị giam cầm trong tủ nước đá nhiều tiếng đồng hồ. Nỗi sợ hãi mỗi lúc mỗi tăng gấp nhiều lần so với ngày hôm trước, khiến tôi chỉ muốn quay đầu trở ra, tìm một nơi trú ẩn nào đó cho mình. Nhưng rồi cũng như cũ, tôi lại về đến nhà, tần ngần rất lâu ở ngoài, cuối cùng vẫn phải lọt vào sau tấm cửa dày. Lần này, Đạt không đứng ngay cửa sổ nhìn tôi đi vào, mà ngồi trên salon đọc báo. Cái kiểu cách của Đạt, lúc ấy, có vẻ như đã trở lại bình thường, trở lại như những ngày chưa có chuyện gì xảy ra giữa chúng tôi. Nhưng chỉ như một ước muốn của tôi, một ảo giác thoáng qua vội vã rồi thôi, lúc Đạt ngẩng lên với cái liếc mắt khó chịu, tôi nhận ra ngay mình đã lầm. Tôi trì chân đứng lại cạnh cửa ra vào vài phút, cố gắng lục lọi một câu để nói với Đạt, nhưng sau cùng, đành chịu.

Khi Đạt lại cúi xuống những trang báo, tôi khẽ khàng xuống bếp. Ê chề đứng ngó khoảng không gian vắng đến lạnh của một mái gia đình đã mất hết sự đầm ấm, thở ra một hơi dài chán ngán, rồi bước lên lầu. Mãi đến lúc ấy, tôi mới sực nhớ sáng nay đã không dám ra hành lang đặt vài hạt hướng dương, vài hạt ngũ cốc như vẫn thường làm, nên hối hả mở tung cửa chạy ra ngoài. Và tôi sững sờ. Trời ơi, rõ ràng cái linh cảm của tôi, nỗi bồn chồn suốt cả ngày vừa qua chẳng phải là vô lý. Đạt đã dẹp mất chiếc tủ làm nơi trú ẩn của đôi chim câu! Cả dãy hành lang vắng ngắt. Buốt lạnh.

Tôi tuyệt vọng nhìn quanh. Nhìn suốt sang bên kia đường, trên những cành dương lay động. Nhưng hoàn toàn chẳng thấy dấu tích nào chứng tỏ vợ chồng con cái nhà chim còn lẩn quẩn nơi đây. Người tôi như muốn sụp xuống, gãy vụn ra trong cái ý nghĩ có lẽ Đạt đã điều gì đó thô bạo hơn cả những hành động ứng xử dữ dằn đối với tôi đêm qua.

Tôi lảo đảo xuống nhà. Nhìn thấy Đạt vẫn còn cắm mắt trên những

Chiều bãi sạn Trí Nguyên
THANH HÀ

Mênh mông xanh ngát buồn đôi mắt biển
Buổi đi về thương nhớ đến trăm năm
Ai thương nhớ? Phải giòng sông mải miết
Tìm thủy triều dâng ứ mấu đơn côi

Một chút hương mặn nồng theo gió núi
Có làm sầu môi lạnh với hương bay
Biển gọi chi sông trót đời hờn tủi
Loanh quanh nơi chật nhất của tháng ngày

Ôi giọt muối chát hồn sông ra biển
Sông chẳng làm biển ngọt thoáng hương môi
Cũng dành thôi sống đời mòn thê thiết
Vỗ âm thầm chân phiến đá đơn côi.

trang báo một cách ti tiện đáng ghét, tôi run giọng:

- Anh dẹp cái tủ đi hồi nào?

Người đàn ông như không thèm chú ý đến sự hiện diện của tôi. Đầu vẫn không ngẩng lên, từng tiếng gằn một thoát ra nghe như sự khinh bỉ cùng cực đang vỡ theo:

- Hỏi làm gì?

Tôi trì cả hai tay lên mép tủ cạnh chỗ đang đứng, cố lục lọi một câu hỏi khả dĩ tỏ được phản ứng của mình. Nhưng giữa lúc chưa biết nói điều gì, cũng từ sau lưng ghế phía tôi đang đăm đăm ngó, một giọng nói khắc nghiệt vang lên bất giác làm nỗi nghẹn ngào tràn ứ trong tôi. Nước mắt tôi ứa đọng vòng quanh mi. Cổ họng tôi nghẹn cứng. Tim tôi thắt lại giữa những tiếng cười mũi của Đạt:

- Định giữ cái tổ chim lại cho mạt mối sinh ra đây nhà hay là để liên tưởng tới những ngày tháng đú đớn của mình? Thằng này báo cho mà biết, thằng này còn không có cái tổ ấm nào thì đừng bảo gì đến cái thứ chết tiệt ấy...

Dưới chân đền tế trời

Hồ Minh Dũng

Việc nầy do quan Hoàng Quỳnh xúi:

- Vườn Thư Quang ngày càng xanh tươi, duy chỉ có mấy dây khoan cân đằng là héo, hạ thần ngày đêm lòng ngay ngáy không yên.

Chẳng cần suy nghĩ, Minh Mạng nói ngay:

- Loài ấy là thân leo mà không bám sát vào gốc nương nhờ, là mầm vô ơn đã có, tuy thân nó có làm khoan khoái, hoạt lạc gân cốt ta thật, nhưng không có nó, ta cũng có cách để được như thế.

Hoàng Quỳnh thưa:

- Bệ hạ nói là về mặt y lý. Hạ thần muốn đề lên cái vóc dạng của lá nó và cả những đường gân ngời ngời trên đó. Thử hỏi, bệ hạ tìm đâu ra giữa chốn thiên thiên nầy có lá nào sánh nổi.

Minh Mạng cười tươi:

- Ta đặt ông làm Thượng Bảo Khanh là phải lắm. Nhưng hình thể tròn trịa phơi bầy của lá và những đường gân mượt đó, trong hơn năm trăm mỹ nữ nhà ta con nào mà chả có.

Hai tay đã chấp sẵn trước ngực, Hoàng Quỳnh tiếp:

- Chim sâu, chim sẻ trước khi xếp cánh hạ xuống một vòm cỏ non, còn liếc mắt nhìn quanh đảm bãi rộng hẹp thế nào. Trong muôn vạn cỏ cây của vườn thượng uyển đâu phải để bệ hạ chỉ rặt ngắm hoa, mà có lúc để cho bệ hạ được chứng kiến cái phút chuyển động nở, tàn của hoa. Để cho một thân cây, dù phận bìm, cải héo tán đi, vẫn đầu mối cho bao điềm gở bám theo mà đến. Hạ thần đã cho người múc nước hồ Hạ Cơ tưới rồi nhưng khó bề cứu nổi, hay bệ hạ vén quần tiểu tiện lên để cứu nó.

Minh Mạng nghiêm mặt:

- Nước đái ta quý hơn vàng ròng nấu chảy, không thể rơi vãi vô lối giữa chốn thinh không. Thuở trên đường tẩu tán, quân giặc đỏ Tây Sơn

đuổi sát lưng mà hoàng khảo ta còn có người ngả mũ làm bô để đái, huống chi ta đang thời thịnh trị.

- Vậy thì hạ thần truyền thái giám vào hậu cung lấy chậu vàng để bệ hạ đái vào, rồi tưới cho cây.

- Phải. Nhưng chọn quan bưng chậu cho ta đái, phải từ tứ phẩm trở lên.

- Bẩm, văn hay võ?

- Tay lũ quan văn lấm mực tối tăm rối rắm. Tay bọn quan võ tanh hôi máu người. Chọn cho ta một đứa trong thái ý viện.

Niệu đạo của vua dù có bao bọc mỡ màng cách mấy cũng không làm biến chất một thứ nước thải độc của loài người. Vị quan thái y tưới xong, lá khoan cân đằng rụng xuống ào ào, những đọt leo bám hờ vào thân cây lớn rũ xuống. Hoàng Quỳnh toát mồ hôi hột, nhưng còn đủ tỉnh níu cánh tay thái y cùng quỳ xuống đất, chịu tội.

Nguyễn Công Trứ, Tham Hiệp trấn Thanh Hóa về triều kiến, được vua cho đi theo xem hoa, liền thưa:

- Muôn tâu hoàng thượng. Một cây chết có khi để cho rừng cây rộng chỗ tươi tốt thêm, không có gì phải ngại. Hoàng thượng xem kìa, nước quý của ngài vừa mới thải ra, chạm tới đất đã làm cho một bầy kiến có mấy vạn con xúm xít vui mừng.

Câu nói của giải nguyên đất Nghi Xuân làm cho Minh Mạng vui, ngẩng mặt lên trời cười lớn, rồi vua quan hớn hở kéo ra khỏi vườn.

Ngày cây khoan cân đằng chết, là ngày Nguyễn Thị Hinh (tức bà Huyện Thanh Quan) theo chồng về kinh đô Huế nhận chức Bát Phẩm Thư Lại Bộ Hình.

Từ lâu, nhà vua đã nghe tên tuổi của bà huyện trẻ, nhan sắc, hay chữ nầy. Viên quan huyện Hàm Long cũng đã đệ trình về những bài thơ của nàng sáng tác rồi. Vốn máu mê sắc cộng thêm thính chút văn chương, Minh Mạng cũng muốn diện đàm với một người đàn bà biết làm thơ, coi sự thể thế nào.

Biết Trứ cũng là người chữ nghĩa gối đầu nên gọi riêng vào điện Càn Thành, hỏi:

- Nhà ngươi xa xôi về, chắc có chuyện hệ trọng?

- Muôn tâu. Trước, hạ thần xin hoàng thượng vì an nguy xã tắc, hạ ngự bút xuống lệnh cho dân chúng ở hai bên bờ sông Mã đào giếng lấy nước ăn, để tránh bệnh tật hiểm nghèo và khỏi mắc mưu người Nam Chưởng(1) có ý đồ xâm lấn nước ta.

- Sông Mã là sông lớn, quanh co, chảy thênh thang giữa đất trời, cổ kim chưa một lần khô kiệt, cớ sao phải bắt dân nhọc công?

- Bẩm. Hình thái sông thì muôn đời không đổi, nhưng nó chỉ là hình thái. Hạ thần muốn nói đến mạch quản trên đó. Thân sông cũng như thân người, máu luân lưu phải sạch, mới phát sinh vượng vận. Bọn người man di kia có ý dòm ngó thổ vũ của ta. Nhưng vì vương nghiệp của hoàng thượng khí thế đằng đằng, nên chúng dùng đòn tệ lậu. Xin hoàng thượng cho phép hạ thần vài khoảnh khắc để tìm lời văn vẻ diễn tả sự việc.

Minh Mạng nóng lòng, giục:

- Không cần. Việc gấp không thiết văn nhã.

- Bẩm. Bọn chúng huy động dân chúng ngày đêm, ai có thuyền đò thì chống chèo ra đoạn sông chảy qua nước chúng, ai không thuyền đò thì ra ngồi trên cầu hay bờ đập đại tiện, tiểu tiện, trung tiện, cho dạt về xứ sở ta.

Nghe đến đây, mặt vua cố tạo nét tự tin, y như ngày nào quỳ lạy tờ sắc phong của thiên triều nhà Thanh ở cửa Châu Tước, kinh thành Thăng Long:

- A, tưởng gì, trung tiện thì gió bay bài vị tổ tiên chúng ngửi. Còn sông thì ngoằn ngoèo hàng ngàn dặm, cho dù đồ nhớp của chúng chứa được muôn vạn đấu cũng không trôi về thấu chỗ con dân ta sinh sống được. Quan Tham Hiệp nên tránh cái họa khắc châu tầm kiếm (2) , để sức mà lo việc đại nghĩa. Chín mươi tám trạm trong vòng cương thổ của ta từ ải Nam Quan đến Bình Thuận chưa mái nào dột, chưa cột kèo nào mối đùn mọt khoét, thì lo gì. Còn việc chi nữa không?

Câu hỏi ấy như một gỡ gạc tư cách cho Trứ, lúc nầy. Xưa nay Trứ là người thông tuệ sáng suốt, thuở hàn vi cũng như trong chốn hoạn đồ đều nhất nhất thẳng lưng thờ nước.

- Hạ thần trước sau như thân cỏ mọn trên bãi cát bằng bờ sông Tiêu Tương sống nhờ sương trời, từ khi bước ra khỏi cổng làng Uy Viễn mò mẫm đến chốn hành cung của tiên vương ra du hành Bắc Hà để dâng Thái Bình Thập Sách cho đến nay đã mấy chục năm vẫn thế, nay thân phương xa về có đem theo một món quý gọi là tạ ơn hoàng thượng. Số là lúc hạ thần kinh lý ở các miệt biên thùy, có gặp một sơn nữ ở Bản Dơi. Tiếc đóa hoa vưu vật hiếm hoi giữa gò đồi, nên gắng sức đèo về dâng, kính mong hoàng thượng nếm qua cho biết sự đời. Không chỉ nơi đô hội, không chỉ chốn kim khuê rèm thêu, màn gấm, mắt người đại quân tử mới ngó ngàng vào.

Minh Mạng lại nôn nóng:

- Nó bây giờ ở đâu?

- Trong khoang thuyền thả trên sông Hương.

- Úi, trời đất! Đã gọi là thân chi lâm lan cốc sao khanh nỡ để trôi nổi giữa chốn lợn cợn váng bèo?

- Không phải đâu, hoàng thượng. Hạ thần đã nghĩ tới chuyện đó rồi, nên cắm thuyền dưới chân điện Ngọc Trãn (3), nước vực ấy vừa trong vừa thơm mùi rễ thủy xương bồ, vừa để cho nàng nương chút vinh hiển của Vân Hương Thánh Mẫu mà tô bồi thêm nhan sắc.

- Quan Tham Hiệp thật chu đáo, ta có lời khen. Mai kia thân ta được phút tràn trề thế vị giữa chốn trùng trùng cỏ biếc, ta sẽ cho khanh vào giữ chức Thị Lang bộ Hình.

Nguyễn Công Trứ vập đầu tạ ơn. Khi ngẩng lên đã thấy bốn năm thái giám đến nhận mệnh lấy thuyền rồng đi rước cô gái thượng du. Đoàn người ấy ra đi rồi, vua hỏ hởi hỏi Trứ:

- Trong đống đếm không xuể mỹ nữ hầu hạ ta, từ nhất giai phi cho đến cung nga thể nữ, có đứa nào khanh thấy mặt chưa?

- Bẩm, chưa.

Minh Mạng lại hỏi:

- Khanh có muốn cái hân hạnh đó không?

Thuở còn làm tri huyện Đường Hào (4), có một người con gái đang tuổi trăng tròn, không biết vì chuyện đời riêng, hay ngưỡng chí quan tư liêm cán, mấy lần đường đột vào công đường cho Trứ lấy không, nhưng Trứ sợ họa bất đơn hành, khước từ, đến nay đã nhiều năm bôn ba trên đường hoạn hải ba đào, hình bóng cô gái ấy quả thật ám ảnh ráo riết tâm trí ông. Nay vua bỏ qua điển chương bản triều cho phép được nhìn thấy giai nhân một lần, há không phải là chuyện mưu cầu vun bồi cho quá khứ đó sao?

Trứ chấp tay bái. Không ngờ vua cho thái giám mang đến một pho tượng bằng đất sét nung.

Số là ngày trước, trên đường phiêu phù trở về đảo Cổ Cốt (5), Nguyễn Ánh gặp Hà Hỉ Văn (người Tàu theo Thiên Địa hội) đem mấy chục quân giúp rập và tặng thêm một mớ đất sét tượng tương ý chí xây đắp cho cơ đồ nước Việt. Khi Gia Long băng hà có trối lại cho thế tử đem thờ trong Tổ Miếu để nhờ thổ thần phù trợ. Nhưng lên ngôi, thấy giang sơn đã vững, Minh Mạng lại đem trộn với đất tứ phương góp về đắp bậc cao nhất của đền Tế Trời ở Nam Giao cho nghệ nhân nặn tượng mỹ nữ.

Thoạt nhìn qua, Công Trứ nói ngay:

- Muôn tâu. Tượng dù có đẹp bao nhiêu cũng không giống người, nghệ nhân đủ tài bao nhiêu cũng không biến tượng thành người. Nhan sắc là một mưu mô thần diệu mà Hóa Công sắp đặt. Mưu mô nầy người không làm được. Cho nên tượng đất kia chỉ phảng phất được ngọn sóng gió gầm gào ngoài hải đảo cọng thêm một chút hương tràm chổi xác xơ của miền cận sơn xứ Hương Thủy đó thôi. Cô gái mà hạ quan đem đến dâng không

cận sơn xứ Hương Thủy đó thôi. Cô gái mà hạ quan đem đến dâng không phải thế. Nó không hề son phấn lố lỉnh rã rượi như tượng. Nó không mô phỏng, nhất thiết không hề mô phỏng. Tâu hoàng thượng, đôi vú kia, sức lực và tiềm năng vốn có không phải thế. Danh họa dù tài ba đến đâu cũng không thể tự tiện vẽ thêm nhiều lương mộc trên dãy Ngũ Nhạc mà lôi kéo được chim đại bàng về. Đôi vú kia, không phải un lên no cứng như thế, cho dù thời cực thịnh trong thuở bình sinh của người nữ. Cấm thành của hoàng thượng, nơi hạ thần được vinh dự ngồi đây, là một chốn phong thủy bốn mùa không thất thường. Hẳn hoàng thượng đã từng thấy những giọt mưa đọng trên mái ngói của cung Khôn Thái, của điện Đoan Trang rồi từ từ rơi xuống bên ngoài hiên. Đó là hình tượng của nhũ hoa thuần khiết. Hạ thần đây, kinh qua sách vở kim cổ chỉ luận về đôi vú thiên lộc mà thôi, nó thuần phục chứ không phải bất kham. Bốn bên cùng khắp, cả đỉnh cả nền, cả trong cả ngoài, đều không bị dồn ép, che lấp bởi phù phép, xa hoa nhân tạo. Hạ thần xin được thổ lộ tấc lòng cũng chỉ vì thiên lý lộ đằng đẵng mà phận người thì hư ảo như chiếc bóng mờ trong gương.

Vốn mẫn cảm nhan sắc, Minh Mạng hiểu lời Trứ nói ra, gật đầu:

- Chí phải. Những điều khanh nói ta tin cả. Nay mai ta sẽ cho đập vỡ vụn tượng nầy, lọc đất đem thờ trong chiêu mục Thái Miếu như hoàng khảo ta đã dặn. Thời khắc còn lâu sơn nữ mới đến, ta biết khanh cũng từng đứng ngồi không yên trong chiếu chữ nghĩa, nên hỏi thêm điều nầy. Thị Hinh đã vào tới kinh đô. Ta nghe thơ tứ con ấy làm cho bọn hủ nho đất Bắc rạp đầu phục bái. Từ khi đít ta chạm ngai vàng đến nay chung đụng với bọn người mang danh cành vàng lá ngọc đã nhiều, nhưng chỉ bóc lớp da mỏng đã thấy được ruột gan, ruồi bâu mép chẳng thèm xua đuổi, nên cũng muốn biết truông mây với truông cỏ khác nhau như thế nào. Ý khanh?

Công Trứ biết ý vua còn mạnh hơn khí lực của trời, nhưng nhờ có chút rượu ngon vua ban, mượn hơi men nói luôn một mạch:

- Thiển ý của hạ thần, đó là điều húy kỵ. Vì một người làm được những vần thơ như thế phải là chân nhân như gió cao sóng cả, thư thái tiêu dao, để lòng nhạt nhẽo với bã vinh hoa, phú quý không lay được tâm, bụi vàng không dính được da. Hạ thần trộm nghe xưa kia có người dân ngu chuyên mổ trâu lấy thịt cho Văn Huệ Quân ăn, từng nói: *"Cái tôi ham là Đạo, còn tiến lên hơn là nghề. Lúc đầu khi mới mổ trâu, tôi thấy không con nào là không phải trâu, ba năm sau chưa thấy con trâu nào là toàn vẹn cả. Hiện nay tôi lấy thần gặp chứ không phải dùng mắt trần mà nhìn, nương theo lẽ trời, tách khe lớn, lùa khớp lớn, nhân chỗ vốn có của nó. Nghề của tôi kinh lạc (6) , thịt áp xương chưa từng sấn qua, huống chi là*

hàng tháng thay dao vì dao gãy, nay dao tôi đã mười chín năm rồi, số trâu chết vì tôi mổ đã lên đến mấy nghìn, thế mà mũi dao tôi vẫn còn sắc lẻm như mới mài ở đá nhám. Những đốt xương kia có khe mà mũi dao không dày, lấy cái không dày đưa vào nơi có hở thì rộng thênh thang, mũi dao luồn vào đó ắt có chỗ đất thừa, vì thế mười chín năm trời mà mũi dao tôi vẫn chưa hề cùn lụt. Nhưng mà, mỗi khi đến chỗ vướng, tôi thấy khó làm, sợ, nên răn giữ, nhìn rồi dừng lại vậy" Chắc hoàng thượng đã biết Văn Huệ Quân nói với người mổ trâu kia ra làm sao rồi.

Có đọc qua Đạo Đức Kinh, Minh Mạng gật gù:

- Ta biết rồi, Huệ Quân khen hắn khôn, mổ trâu như mổ đời. Còn ta, kẻ ấy tuy làm nghề hèn mọn mà biết được Đạo đắc dưỡng sinh yên. Sự đời và lòng người cũng như mũi dao kia, cắt bậy là bị hủy hoại. Cha ta một tay cầm bó kinh luân, một tay cầm dao bén, đĩnh đạc trên ngai cũng gần mười chín năm, chưa một lần sơ hở. Nay đến phiên ta, có cách, giao cho Thị Hinh chức Cung Trung Giáo Tập, danh nghĩa là để dạy dỗ cho cung nữ, có lương cao bổng hậu, ắt nó mang ơn ta mà ngửa lòng, ta cũng không hổ thẹn với thằng mổ trâu kia. Nếu mồi ngon không câu được cá lớn, thì ta giao cho các quan trong Văn Thư Phòng kết tội mấy bài thơ của nó. Hoàng khảo ta đã không nương tay với cha con Nguyễn Văn Thành cũng chỉ vì một câu thơ: *Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.*

- Bẩm. Đụng đến thi thư là đụng đến lòng trời, hoàng thượng nên cẩn trọng. Thơ của Hinh tiểu thần đã đọc hết, toàn là xuất phát từ chốn đan đài mà ra.

Minh Mạng rót rượu đầy chung:

- Chỉ cần hai câu thơ cảm thán của nó khi đi qua chùa Trấn Quốc là bãi tha ma làng Nghi Xuân có thêm một nấm mồ rồi. Khanh là người tích mặc như kim (7), thử luận hai câu thơ của nó *"Dưới hồ sen rớt hơi hương ngự. Trên vách rêu in nếp áo chầu"*, có phải là xúi đám dân gàn Bắc Hà háo danh nuôi cái nắm xương khô của vua Lê chúa Trịnh dấy lên làm loạn không? Hơi hám của Lê Hiển Tông thì chỉ quấn quýt bên đũng quần của thằng Nguyễn Huệ, còn hơi hám của Chiêu Thống ở chốn tòng vong chỉ thốt ra lời kêu ca khóc lóc khi bị Càn Long đè đầu gọt tóc, sao nó dám ví như hương sen? Còn áo chầu rã nát cái bọn Lê Quý Thích, Hoàng ích Hiểu, Nguyễn Quốc Đống, Lê Quýnh kia không đủ chỗ để thấm nước dãi của bọn chó Ngô (8) ở Yên Kinh, sao lại cho là rực rỡ in lên vách. Vách nào?

Để vua uống hết chung rượu lớn, Trứ thưa:

- Thơ chỉ là tiếng hót của con chim phượng hoàng khi bay qua trời đã phân định mùa. Nếu lấy lẽ đời thường ra luận tội thì e rằng không chân

nghĩa. Khi xưa, vua Thánh Tôn nhà hậu Lê cũng bị nhân quần gán cho tiếng xấu vì nằm bừa với Nguyễn Thị Lộ mà trúng thượng mã phong ở vườn vải. Theo hạ thần, không phải, sức trai hai mươi tuổi của ông ấy đã biết bao đêm ròng xông pha ngất ngưởng nơi chốn chăn gối có thấm gì. Chết oan là chết vì đụng đến cái chức Lễ Nghi Nữ Học Sĩ giữa triều miếu đó thôi. Trịnh Giang nhà Chúa xưa kia cũng vì ham nằm hoài trên bụng đàn bà mà thần khí đâm ra hoảng sợ sấm sét, suốt ngày như chồn cáo núp dưới hầm sâu. Sá chi những giọt tàn bôi đáy chén mà hoàng thượng lận tìm cho nhọc long thể. Thánh nhân có nói "gái đến cửa công sinh ra loạn lạc" là thế.

Minh Mạng cho là phải, đãi Trứ một bữa cơm vua, thưởng thêm một chậu mẫu đơn vườn ngự có chẵn trăm hoa và mấy chục đồng tiền vàng song long chầu nguyệt mới đúc. Trứ nhận hoa và tiền vội vã về nhiệm sở.

Hoàng Quỳnh tiễn qua khỏi cầu An Hòa, có nói với Trứ: "Tôi mang danh là bậc trụ cột của triều đình, miệng có lưỡi cũng như không, chẳng phải chôn thân giữa chốn hang nông lỗ hẹp đó sao, xương với thịt tôi không chịu nổi nhau, huống chi có một lời nói lọt được vào tai người. Ông đi chuyến nầy dọc đường quan sơn ắt gặp nhiều người dân đói lê lết, xin lấy tiền vàng vua ban mua gạo thịt cho họ ăn no một bữa, may ra lấy cái phúc tưới cho mấy hoa mẫu đơn kia kéo thêm được vài ngày tươi."

Nguyễn Công Trứ bái tạ rồi phóc lên yên ngựa. Mây trời xuống thấp, ùn ùn đuổi theo.

Câu hỏi đầu tiên của Minh Mạng:

- Từ Nghi Tràm vào kinh, ngươi đã đi qua nhiều dặm đường, thành có quê có, có thấy ai còn mặc quần không đáy không?

Thị Hinh trả lời:

- Muôn tâu. Tiện nữ có thói quen nhìn người từ cổ trở lên, không biết rõ phía dưới.

Minh Mạng vươn đôi vai mạnh khỏe, mỉm cười:

- Đàn bà Bắc Hà ươn và dở lắm. Nếu còn một mống có thể ngồi gần trẫm được, là ngươi đây. Liệu đừng phụ lòng trẫm.

- Xin tuân.

- Từ khi trẫm nối ngôi đến nay, tự thân tưới tắm xã tắc, trông lên thì thờ cúi xuống thì nuôi, lòng người mệt mỏi không ai muốn sinh sự, đổi thay. Bọn sĩ phu trong nước thì lầm lũi theo lối nghiệp cử, câu nệ cái hủ sáo, ba hoa. Đám quan trường nhà trẫm thì căng cái bị thịt ra, trố mắt nhìn theo chiều gió, nên phong tục dân dã ngày càng khinh hốt. Còn trẫm lúc trẻ mạnh không lo sửa sang mọi việc, rồi đến lúc già yếu, mệt mỏi còn

trẻ mạnh không lo sửa sang mọi việc, rồi đến lúc già yếu, mệt mỏi còn làm gì chi được, cho nên đêm đêm chong đèn lo việc nước đến trống hai, trống ba. Nguồn phúc thủng thẳng đến mà họa thì gấp gấp về. Sông núi thừa thãi mà tình người như bìa hư đổ lấy gì mà khắc. Nhân tiện ngươi về triều, trẫm cũng muốn bàn qua cái việc đàn ông đàn bà phân định cho ra lẽ. Phận nương tử phải thủ thân cho trong, nghĩa tấm cám phải lấy cái khóa cương thường mà khóa chặt lại. Vợ chồng như con lang con bối chân ngắn, chân dài có khác, nhờ tựa nhau mới bước tới được (9). Khi xưa, trẫm ra Bắc Hà, ngồi trên kiệu kín tầm mắt không quán xuyến bao xa mà cũng thấy được bao điều không những ngứa mắt mà còn động đến tâm. Tiếc chi vài tấc vải mà bọn má đào không may một cái quần cho ra hồn. Trẫm hỏi lại, trên chặng đường về kinh, ngươi có còn thấy ai mặc quần không đáy không?

Thị Hinh thật lòng:

- Bẩm hoàng thượng, tiện nữ nhân từ khi cha sinh mẹ đẻ đến nay đi đường chỉ nhìn phong cảnh hữu tình, ít khi nhìn người, vạn bất đắc dĩ nhìn, thì nhìn mặt mũi họ thôi. Để tiện nữ hỏi lang quân xem ra sao rồi trình lại. Nhưng thiển ý tiện nữ, quần có đáy hay không, có hề gì mà phải nhọc tâm lưu ý. Con gái rợ Hô bên kia Vạn Lý Trường Thành xưa kia chỉ lột vỏ cây tươi che đám ruộng cỏ dưới bụng, thế mà mười người giữ được trinh tiết cả mười, còn như bọn con gái đất Trường An bó rịt nhiều lớp lụa là mà trên bộc trong dâu lúc nào cũng rộn rạo bóng người.

Vua thở dài:

- Phong thổ tập tục mỗi nơi mỗi khác. Nước ta không so với xứ người được. Trẫm nghe các chợ từ xứ Nghệ ra, chợ nào đàn ông cũng đến đông. Chuyện mua bán là của nữ giới, nam nhi chỉ lo việc đồng áng, học hành hay luyện tập gươm cung, cớ sao lại có chuyện lạ ấy, há không phải là tại các bà, các cô mặc quần không đáy khiêu dụ họ đó sao? Thậm chí bọn quan lại trẫm ở các quận huyện thôn ấp, bổng cấp dư thừa cũng lơ là việc nước, đục khoét công quỹ, những lạm của dân cũng chỉ để cung phụng cho cái bọn mặc quần lơi lỏng ấy. Trước đây, thuở còn học trò ôm sách đứng dưới hiên Khổng miếu, Phạm Thế Hiển đã tâu trình về cho ta hay, trên những đường làng rợp bóng tre xứ Đông Quan, Nam Định (10) nhan nhản bọn nho sinh trải chiếu nằm, giả vờ đọc sách thánh hiền, chờ đàn bà con gái mặc quần không đáy đi qua. Thử hỏi ngươi thể thống trật tự còn tựa vào đâu mà đâm chồi nẩy nhánh. Ví như đám thể nữ nhà trẫm đây ăn mặc kín đáo thế nầy, thì cho dù ai có tài tàng hình, độn thổ dòm lên, cũng chẳng nhìn thấy được ất giáp gì.

- Bẩm. Phần phúc trạch riêng của bậc thánh quân thì dân đen có ai

Minh Mạng hưng phấn, rót rượu ra chung:

- Nữ sử lời nói thì gần mà ý chỉ sâu xa. Tai trẫm chưa từng được nhập những lời dễ nghe như thế. Trẫm ban cho ngươi chén rượu bồ đào nầy.

- Tiện nữ chưa hề uống rượu. Mong hoàng thượng thứ lỗi.

- Làm thơ mà không uống được rượu à? Trẫm nghe Thừa Chỉ viện Hàn Lâm Phạm Đình Hổ nói Hồ Xuân Hương nhờ uống rượu nhiều mà làm thơ hay. Trẫm thì bán tín bán nghi, vì hồi còn nhỏ có nghe lóm Nguyễn Du nói với hoàng khảo trẫm, con ấy vì đường tình duyên lận đận nên thơ hay. Theo ngươi?

- Bẩm. Cả hai điều tiện nữ không tin. Chỉ tin khí thiêng sông núi đã nhập vào cô ấy.

- Vậy thì làm thơ cũng như làm bà cốt, chỉ khác nhau có trùm vải che mặt hay không mà thôi à?

Thị Hinh cười, bày hai hàm răng trắng nõn:

- Không phải. Hai bên khác nhau xa. Một bên, thơ, gom nguyên khí hỗn độn về một mối. Còn bên kia, xua nó đi, làm cho vạn vật chia lìa.

- Còn ngươi?

- Tiện nữ đứng về phía người nhọc nhằn gom.

- Tại làm sao phải điệu thân vào chốn nhọc nhằn?

- Cho thỏa.

Minh Mạng cười vui:

- Chi thì chi, trẫm vẫn thích bài thơ vịnh cái quạt của Xuân Hương. Trẫm đây tuy là vua, nhưng thân vẫn như cây bọ xít cứ đến hè nóng bức là héo. Mỗi lần héo, nhờ có hiền phi họ Ngô (11) ngâm bài thơ ấy lên, là ruột gan trẫm như có dội gáo mưa thu. Hằng năm, trẫm có sai quan sở tại về làng Quỳnh Đôi đến từ đường họ Hồ mà thắp cho tổ tông cô ấy một cây nhang. Hai đứa con trai của trẫm là thằng Miên Thẩm (12) , với em nó, thằng Miên Trinh (13) mới sáu bảy tuổi, bợn cứt trâu chưa tróc hết trên thóp đầu mà đã mê thơ, cứ mỗi lần Trương Minh Giảng đọc cổ thi cho ta nghe là cả hai đứa lú lấp sau rèm nghe trộm. Nếu cái mầm nông nổi nầy không dứt được nọc, thì trẫm lo cái họa ngày sau hàng tháng vợ con chúng xách bị đến kho nội phủ xin gạo nuôi thân đó thôi.

Câu chuyện giữa hai người chấm dứt.

Nghe lời Nguyễn Công Trứ, Minh Mạng không nói gì thêm, nhưng trong lòng vẫn ấm ức, không biết thân thể của người nữ làm thơ khác với người nữ không làm thơ như thế nào. Đêm qua, đêm kia, truông cỏ với truông mây đã biết khác nhau trời vực. Càng thấy khác, vua càng thích tìm cái không giống nhau, lòng càng thấp thỏm, ấm ức thêm.

Có những người đời sau quy tội cho bàn tay - cầm bút, làm thơ - của

Có những người đời sau quy tội cho bàn tay - cầm bút, làm thơ - của bà Huyện Thanh Quan gián tiếp vấy máu người.

Chuyện như vầy: Mỗi khi ngủ trưa mùa hè, Minh Mạng luôn bắt năm bà phi trẻ đẹp chầu hầu gần bên. Một bà ru khúc Nam Bình, một bà quạt, một bà gãi chỗ ngứa hay chỗ da sần, một bà xoa tinh dầu hương nhu đấm bóp tứ chi, một bà sai vặt.

Mấy ngày sau buổi nói chuyện với bà Huyện Thanh Quan, một buổi trưa vua đang mơ màng giấc điệp, bỗng một cung phi đặt nụ hôn lên trán. Vua giật mình thức giấc, tra hỏi, thì cung phi ấy nhận tội: "Thiếp được cha mẹ cho vào hầu bệ hạ đã hơn năm năm nay, chưa một lần may phước được ơn mưa móc tưới đến thân hèn, nay trộm nhìn bệ hạ ngủ mặt mày thanh thoát như rồng nằm trong mây, nên dám liều hôn mau một cái để thỏa lòng vọng mộ" Vua quát: "Tội mi không nặng, tình nghĩ đáng thương, nhưng không chặt đầu mi thì phép nước bị dẫm đạp."

Những người đời sau đó cho rằng, chính giấc ngủ trưa ngày ấy, Minh Mạng gặp giấc mơ đẹp, cùng với nữ sử Nguyễn Thị Hinh vãn cảnh chùa Trấn Quốc, vua khen thơ nàng hay hơn thơ Xuân Hương, nên được nàng cảm kích trao cho một nụ hôn lên trán. Vua bàng hoàng quỳ xuống ôm chân, rướn cổ lên định hỏi nàng mặc quần có đáy hay không, thì giật mình tỉnh dậy. Không ngờ, nụ hôn ấy chỉ là nụ hôn của một người nữ không biết làm thơ.

Tội giết người kia, bà Huyện Thanh Quan phải chịu một phần trách nhiệm.

Hồ Minh Dũng
Atlanta, 2.2000

(1) Luang Prabang - nước Lào

(2) Xưa, có người nước Việt, đi thuyền bị rơi kiếm xuống nước, người ấy không dám xuống lặn, chỉ chạm vào thuyền chỗ mất kiếm rồi về nhờ người nhà đi tìm, nhưng không tìm được gươm, chỉ thấy cái dấu trên thuyền, ám chỉ những việc làm vô ích. *(Theo Hán Việt Tự Điển / ĐDA)*

(3) Điện Hòn Chén ngày nay.

(4) Tỉnh Hải Hưng.

(5) Năm 1787.

(6) Phép xem mạch chữa bệnh của Đông y, trong thân thể người ta có 12 kinh, liên lạc với nhau.

(7) Quý mực như vàng. Không hạ bút viết những điều khinh suất.

(8) Người Tầu

(9) Con lang: chân sau ngắn, con bối: chân sau dài. Con lang không có con bối thì không đứng được. Con bối không có con lang thì không đi

Trở về theo mơ qua

NGUYỄN NAM AN

Năm năm rồi em nhỏ
Giờ hai đứa hai đường
Anh đã là khách lạ
Em vui làm người xa

Năm năm về qua đó
Quán trưa thuở hẹn hò
Chim xưa nằm giấu mỏ
Ngày xưa nằm co ro

Góc nào trong tim đó
Chốn nào chân đường trưa
Bụi nào trong mắt ngó
Thăm thẳm buồn cây đưa

Năm năm tình dạo nọ
Em chân sáo hiền khô
Bên bờ rào đứng ngó
Gác trọ chiều anh mơ

Vai trầm trầm tiếng thở
Ngày qua vui không ngờ
Giờ dây chân ngờ ngợ
Trở về theo mơ qua

được. Nên hai con phải nương tựa vào nhau mà sinh tồn. Ví tình nghĩa vợ chồng.

(10) Quê hương của tiến sĩ Phạm Thế Hiển, danh thần đời Minh Mạng.

(11) Ngô Thị Chánh, con tướng Tây Sơn Ngô Văn Sở. Có sách nói sau đổi tên họ về đầu Gia Long.

(12) Tùng Thiện Vương, con thứ 10 của Minh Mạng.

(13) Tuy Lý Vương, con thứ 11 của Minh Mạng.

Có một vì sao

Lê Hữu

Mãi đến bây giờ, nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung được khuôn mặt tĩnh lặng của An, nụ cười hiền hậu, đôi mắt sâu ẩn chứa những sức sống mơ hồ, và nhất là giọng nói thật dịu dàng và ngọt ngào như là cô giáo dỗ dành đứa học trò nhỏ, như người nữ y tá vỗ về bệnh nhân, tạo cho người nghe cảm giác được vuốt ve thật là dễ chịu.

Giọng nói ấy tôi nghe được lần đầu vào một buổi tối cách đây gần hai năm, ít phút sau tiếng chuông điện thoại khi vợ chồng tôi và đứa con nhỏ vừa xong bữa cơm tối. Người thường xuyên phụ trách công việc nghe và trả lời điện thoại trong gia đình tôi là Kim, chứ không phải tôi, nhân vật thường bị vợ cằn nhằn là ít khi nào chịu nhấc ống điện thoại. Thực ra tôi cũng có lý do, người gọi điện thoại ở đâu tới, với tôi, cũng giống như là người khách không mời mà đến, không hẹn hò gì trước, tự động xồng xộc tới gõ cửa nhà người khác, không cần biết chủ nhà có đang ở trong tình trạng rảnh rỗi và thoải mái để mà sẵn sàng tiếp đón mình hay không. Vì vậy, tôi cho là đối với những vị khách bất ngờ kiểu này, chủ nhà được quyền tự do tiếp hay không tiếp... Có thể là tôi hơi khó tánh một chút, nhưng quả thực là không có gì bực mình cho bằng giữa lúc đang chăm chú làm việc, nghe tiếng chuông réo lên, vội vàng chạy đến nhấc ống điện thoại chỉ để nghe những câu chào hàng kiểu: "Hế-lô, xin chào anh Lê Hữu. Em là Thu Hương ở hãng AT&T đây anh. Hãng em mới có chương trình đặc biệt giảm giá tối đa cho khách hàng gọi về Việt Nam..." Cứ mỗi tối phải trả lời chừng ít cú điện thoại như vậy thì rất dễ nổi quạu mặc dù Kim vẫn nói, "Anh phải thông cảm thôi. Cái *job* của người ta mà."

Trở lại câu chuyện, tôi nghe tiếng Kim nói, *"Sorry, but I don't understand... Right. You want to talk to him?"* Tôi hiểu người ở đầu dây bên

kia muốn nói chuyện với tôi. Tôi lúc lắc đầu ra dấu cho Kim là tôi không muốn trả lời. Kinh nghiệm cho tôi biết là những người Mỹ mà tôi có quan hệ công việc rất ít khi gọi vào giờ này, thường chỉ là những hãng quảng cáo gọi lung tung để kiếm khách hàng. "Thì anh cứ nghe thử xem sao," Kim nói. "Bà ấy nói cái gì mà có chiếc xe van..., em nghe không được. Bả đòi nói chuyện với anh." Tôi miễn cưỡng cầm lấy ống điện thoại từ tay Kim. *"Hello,"* tôi nói. Đầu dây bên kia, giọng người đàn bà Mỹ xa lạ hỏi có đúng tên tôi là"Hiu" không. Thật chán đời, cái tên Hữu của tôi nào có phải là "hiu" hắt hay gió thổi "hiu hiu" gì đâu. Từ ngày qua tới Mỹ tới nay cái tên kỳ cục này cứ dính chặt với tôi. Bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu, mỗi lần nghe một giọng Mỹ nào gọi đến nó là tôi phải tự động hiểu đó là tên mình, phải nhận là mình, nếu không muốn mất quyền lợi. Riết rồi cũng đành chịu, cũng đành rán làm quen với nó, không phản kháng gì được. *"Yes, speaking,"* tôi trả lời. Với giọng có vẻ vui mừng, tôi đoán vậy, bà ấy tự giới thiệu tên mình là Anne hay Ann gì đó. Rồi tiếp theo bà nói câu gì mà tôi phải nghe lại lần thứ hai mới hiểu ra được. Thì ra, không có vấn đề xe cộ gì cả. Không phải là hai chiếc xe van như Kim nghe được, mà *"two vans"* ở đây chỉ là... Thu Vân, tên của một cô gái người Việt. Cô Thu Vân này có ông chồng Mỹ, khi trước có làm việc chung với tôi ở một lớp dạy tiếng Việt của Hội thân hữu Việt Mỹ tiểu bang này. Bà An (từ đây xin gọi bà ấy là"An", xin được giải thích sau vì sao bà có cái tên Việt Nam này), vốn lịch sự, muốn tránh sự đường đột khi gọi đến và cũng tránh cho tôi sự nghi ngại khi phải tiếp chuyện một người không quen nên phải thưa trước là cô bạn Thu Vân của tôi đã giới thiệu tên tôi với bà và cho bà số điện thoại của tôi. Bà cho tôi biết là hôm hội chợ Tết Việt Nam năm ngoái bà có được thưởng thức các tiết mục văn nghệ rất là đặc sắc do các em thiếu nhi trình diễn. Sau đó bà được biết những em thiếu nhi này là học sinh của các lớp tiếng Việt mà tôi cùng một nhóm giáo viên thiện nguyện hiện đang phụ trách. *"Great!"* bà An nói, tỏ ý thán phục. Tôi chỉ nói cám ơn. Những tiếng *"great"*, *"wonderful"* và *"perfect"* của người Mỹ đôi lúc cần phải xem xét lại. Tôi không hỏi bà quen Thu Vân trong trường hợp nào, và kiên nhẫn nghe tiếp coi thử bà ấy muốn cái gì. Sau đó, bà An hỏi tôi là bà có đứa con gái nhỏ, liệu bà có thể đưa con đến học múa hát và học tiếng Việt ở Trung tâm Việt ngữ không. Đến đây thì tôi đã hoàn toàn hiểu được ý bà. Tất nhiên tôi trả lời là được quá đi chứ. *"Sure,"* tôi nói. *"Welcome to the Vietnamese Cultural Center!"* Tôi cũng cho bà hay là các em học sinh hiện đang tập dượt để chuẩn bị cho chương trình văn nghệ thiếu nhi Tết năm nay, và nếu bà ấy muốn thì tuần sau có thể đưa con bà đến tham gia các buổi tập dượt văn nghệ ấy. Bà An nghe vậy thì *"great, great"* một lần

nữa, hỏi tôi ngày giờ và địa điểm để đưa con bà đến tập tành... Điều tôi ghi nhận được là bà Mỹ này có giọng nói thật trong trẻo và êm dịu, thỉnh thoảng lại điểm thêm những tiếng cười tự nhiên nghe rất vui trong lúc nói chuyện. Cái lối phát âm kéo dài những tiếng "gr..*e*..*a*..*t*" của bà nghe thật... dễ ghét. Trước khi cúp máy, bà còn nói tôi là *"big help"* và *"I'd appreciate it"* mấy lần. Sau đó, tôi quay lại nói với Kim, đang chăm chú nhìn tôi chờ đợi một lời giải thích: "Cái bà Mỹ có chiếc xe *van* của em nói chuyện rất là lịch sự."

Câu nói đùa của tôi không ngờ hóa ra lại đúng sự thật. Bà An này quả là có chiếc xe van thiệt. (Sau này Kim vẫn cãi với tôi là nàng nghe đúng chứ không sai). Tôi có dịp trông thấy chiếc xe này lần đầu hôm đến xem các cô giáo tập văn nghệ cho các cháu tại trường ("trường" thực ra là cơ sở của một trường tiểu học của người Mỹ, được họ cho mượn sử dụng vào những ngày cuối tuần). Vừa xuống xe ở *parking*, tôi thấy một người đàn bà Mỹ ngồi trên chiếc van đậu cạnh chỗ tôi. Chiếc Toyota khá lớn. Cửa xe mở rộng, tôi thấy bà ta đang lục soạn những túi đồ gì ở trên xe. Bà quay lại, mỉm cười và *say hi* khi thấy tôi. Tôi cũng cười và *say hi* lại. Thoạt đầu tôi nghĩ có thể bà Mỹ ấy là bà An, nhưng vì không thấy có đứa bé nào bên cạnh bà nên tôi cho là không phải. Bước vào hội trường, tôi thấy có đông các em học sinh. Trên sân khấu cô giáo Nhung đang hướng dẫn một tốp các em nhỏ những động tác của một điệu múa mới. Tôi lại gần, đứng xem một lúc.

"Mạnh giỏi cô Nhung? Mấy cô kia đâu rồi?" tôi hỏi khi Nhung cho các em tạm nghỉ.

"Chào anh. Chị Phượng mới chạy về lấy cái băng nhạc chị ấy để quên ở nhà," Nhung vừa quệt mấy giọt mồ hôi rịn ra hai bên thái dương vừa trả lời.

"Mệt lắm không cô?"

"Có mấy em mới, chưa quen động tác nên tập cũng khá mệt. Mấy em cũ thì nhuyễn rồi."

"Có một bà Mỹ xin đưa con đến tập múa bữa nay, cô đã gặp bả chưa?"

"Em có thấy bà Mỹ nào đâu," Nhung nói. "Anh hỏi chị Phượng coi, em tới sau nên cũng không rõ."

Tôi nhìn quanh hội trường, không thấy có em nào người Mỹ ở đây. Vừa lúc đó cô giáo Phượng đi vào. Phượng là giáo viên chính dạy múa cho các cháu, khá xinh, lớn hơn Nhung vài tuổi.

"Chị Phượng đây nè. Ảnh hỏi chị có gặp bà Mỹ nào đó chưa?"

"Rồi anh," Phượng trả lời. "Bả tới đây sớm lắm."

"Con gái bà ấy đâu tôi không thấy?" tôi hỏi, nhìn quanh một lần nữa.

"Đó anh." Phượng chỉ tay về phía đứa bé đứng một mình ở góc xa sân khấu.

"Tôi nói con của bà Mỹ mà."

"Thì đó," Phượng nói. "Con bả đó."

"Ố ồ... con bé đó à?" Nhung kêu lên. "Ngó giống Phi-líp-pin. Hèn chi, tập cho nó mệt gần chết. Không hiểu tiếng Việt, không chịu nói, không chịu làm. Ba không."

"Nó có phải người Mỹ đâu," tôi ngạc nhiên.

"Mỹ Tho," Phượng nói. "*Vietnamese* trăm phần trăm chứ Mỹ gì anh."

Tôi ngó kỹ. Con bé chừng bảy, tám tuổi. Nó không phải là một đứa bé xinh xắn. Trông nó đen đủi và quả là có giống Filipino như Nhung nói. Nó đứng đó một mình, bộ mặt trông bí xị.

"Bà Mỹ chạy ra ngoài mua đồ ăn cho nó," Phượng tiếp. "Bả nói nó không ăn được thức ăn Việt Nam."

"Coi bộ nó không thích học múa," Nhung nói. "Có mấy đứa cũng vậy. Vậy mà bố mẹ cứ đưa tới. Tập cho ba cái đứa đó ngất ngư luôn."

"Thôi mấy cô chịu khó," tôi nói. "Cháu nào mới đầu thì cũng thế. Trẻ em dễ bắt chước. Cứ hướng dẫn theo điệu nhạc, bảo nó làm theo y như mấy đứa kia là xong chứ có gì đâu."

"Anh nói nghe dễ lắm..."

Bà An bước vào. Đúng là bà Mỹ tôi gặp khi nãy ở ngoài *parking*. Hai tay xách hai túi đồ có vẻ khá nặng, bà mỉm cười chào cô giáo Nhung và nhìn tôi với chút ngạc nhiên.

"Chao cố," bà nói với tôi bằng tiếng Việt. *"Tối là Ann."*

Tôi khựng người trong vài giây, và cũng trả lời bà chậm rãi bằng tiếng Việt:

"Tôi là Hữu. Hân hạnh chào bà."

"Oh..., cố là Hiu? Hấn hanh chao cố." Bà nói tiếp và có vẻ thích thú được thực hành chút vốn tiếng Việt ít ỏi của mình.

"Bà nói tiếng Việt giỏi lắm. Bà học ở đâu vậy?"

An tỏ vẻ không hiểu tôi nói gì. Phượng phải hỏi lại bằng tiếng Mỹ và An trả lời cô Thu Vân dạy cho bà. Khi tôi giải thích là bà gọi Thu Vân hoặc hai cô giáo ở đây là "cô' thì OK chứ bà không thể gọi tôi như vậy được vì tôi là *"man"*, tiếng "cô" chỉ dùng cho *"girls"* hoặc *"young unmarried women"* mà thôi, bà An tròn mắt, nói, *"Uh-oh, really?"* và cười quá xá. Hai cô Nhung và Phượng cũng cười theo. An nói trước giờ bà vẫn tưởng là "cô" tiếng Việt tương đương với "you" tiếng Mỹ nên già trẻ lớn bé, đàn

ông đàn bà gì bà cũng cứ "cô" thoải mái hết, bây giờ mới hiểu ra. Bà hỏi thêm về ý nghĩa của mấy câu tiếng Việt rất tầm bậy tầm bạ mà người nào đó đã dạy cho bà, và khi được trả lời bà lắc đầu le lưỡi nói, *"Oh boy!"*. Từ đó trở đi An hết dám thực hành tiếng Việt và nói sẽ ghi danh xin học lớp Việt ngữ ở đây.

An có vóc người gọn gàng, chiều cao trung bình so với đàn bà Mỹ, nhưng cũng đủ hơn hai cô giáo gần một cái đầu. Nước da bà thật trắng, mịn màng, nét mặt luôn tươi tỉnh, đôi mắt khá đẹp thường mở lớn khi nói chuyện, và trời còn cho bà mái tóc vàng óng mà tôi tin là những cô gái hay nhuộm tóc phải thích lắm. Không thể làm một sự so sánh nhan sắc bà với những người đàn bà Mỹ trẻ trung và hấp dẫn mà tôi đã từng gặp vì dầu sao bà cũng hơi lớn tuổi, nhưng phải nói là bà vẫn còn giữ được những nét duyên dáng đặc biệt. "Hồi còn con gái chắc bà phải đẹp lắm," các cô giáo sau này hay nói vậy. Tôi ước chừng An cũng phải trên bốn mươi. Nhận xét đầu tiên của tôi là trông bà có vẻ trí thức và dễ gây được cảm tình với những người tiếp xúc bà lần đầu, có lẽ là nhờ cái miệng có duyên và tiếng cười dòn rất là thoải mái tự nhiên của bà.

"Mai. Lại đây." An ngoắc tay gọi con bà.

Con bé vẫn đứng yên một chỗ, lắc đầu.

"Con gái tôi đó. Tên nó là Mai." Bà phát âm tiếng "Mai" khá chính xác.

Tôi có hơi ngỡ ngàng nhưng bắt đầu có những suy đoán. An mở các túi đồ, lấy ra những hộp *pizza*, hai thùng nước ngọt. Bà nói mua cho các cháu ở đây.

"Ô, cám ơn bà," Phượng nói. "Nhưng mà chúng tôi có chuẩn bị đầy đủ thức ăn thức uống cho các cháu rồi. Bà không phải lo việc này."

Mặc dầu cô giáo Phượng đã nói vậy An vẫn cứ mang bánh ngọt và thức uống đến trong những buổi tập dượt văn nghệ sau. Các phụ huynh khác thường chỉ đưa con em tới và trở lại đón chúng sau buổi tập, riêng An thì muốn ở lại với con mình và hỏi chúng tôi là liệu có phiền hà gì nếu bà ở lại đó xem các cháu tập tành. Khi được trả lời chẳng có chi phiền, chỉ sợ mất thì giờ của bà thôi, bà nói cám ơn nhiều lắm. Không rõ là An có thực sự *enjoy* việc ngồi đó xem các cháu múa hát không hay chỉ vì bà không mấy yên tâm khi bỏ con mình lại cho các cô giáo coi sóc. Có điều là bé Mai, con bà, lại có vẻ không thích bà có mặt ở đó khi nó đang tập. Tôi thường thấy nó nhăn nhó, vùng vằng với bà. Có một lần con bé hất mạnh tay An ra khi bà chạm vào người nó và la lớn, *"Get out of here!"*. Các cô giáo giựt mình, kín đáo liếc nhìn nhau. An quay nhìn chúng tôi và cười với vẻ ngượng nghịu, nhưng rồi dường như đã quen với chuyện đó

nên bà cúi xuống nói nhỏ cái gì vào tai con bé. Nó lắc đầu lia lịa và bỏ đi chỗ khác, tỏ ý không muốn nói chuyện với bà nữa và An sau đó lặng lẽ đến ngồi ở một góc, quan sát những đứa bé khác tập. Nét mặt bà lúc đó trông vẫn bình thản, có một vẻ gì nhẫn nhục... Rồi chúng tôi cũng quen dần với sự có mặt của An trong những buổi tập văn nghệ tiếp theo; hơn thế nữa, sự có mặt của bà càng về sau này lại càng trở nên cần thiết. Ngay từ buổi tập đầu tiên, thấy các cô giáo quá bận bịu, An hỏi liệu bà có thể giúp các cô được chuyện gì. Thấy bà có vẻ vui tính và dễ chịu, các cô đã không ngại ngùng nhờ bà phụ giúp một số việc thay vì để bà phải ngồi mãi một chỗ cũng buồn. Thực ra thì An là dạng người quen hoạt động, sức mấy mà bà chịu ngồi yên một chỗ. Bà tình nguyện làm đủ mọi thứ việc, từ khiêng bàn khiêng ghế, dọn dẹp vệ sinh đến phân phát thức ăn thức uống, thay quần thay áo cho học trò, mở và tắt băng nhạc cassette, cho quay tới quay lui, điều chỉnh âm lượng lớn nhỏ, sửa sang lại một vài động tác múa cho các cháu... An tỏ ra quen thuộc và yêu thích công việc này. (Sau này chúng tôi được biết là bà từng có thời gian dạy học ở một trường tiểu học, và cũng từng phụ trách công việc tập múa hát cho học sinh Mỹ). Bà cũng giỏi và khéo tay trong việc cắt may. Các cô giáo chỉ cần đưa An xem qua một mẫu quần áo là bà có thể góp nhặt đâu đó ít vải vóc để ráp nối thành những bộ trang phục nhiều mầu sắc rất vui mắt cho các cháu mặc trình diễn trong các vũ khúc, các vở kịch, các màn nhạc cảnh. An còn phụ trách việc vẽ mặt vẽ mày cho các diễn viên tí hon để phù hợp với vai tuồng trình diễn trên sân khấu. Các cô giáo hay gọi đùa bà là "chuyên viên hóa trang và thiết kế y phục". An rất yêu thích trẻ em và dễ dàng trong việc làm quen với chúng, và chúng cũng rất thích bà. Tôi thường chứng kiến các cháu vây quanh An trong giờ nghỉ giải lao, hỏi han đủ thứ chuyện và An cười nói vui vẻ với chúng, chỉ trừ bé Mai là trước sau vẫn cứ nhăn nhăn nhó nhó với bà. Dường như nó cũng không hòa đồng được với những đứa trẻ khác và không mấy *enjoy* việc tập tành văn nghệ mặc dầu xem ra nó cũng khá thông minh, có khiếu bắt chước và theo kịp những đứa khác không khó khăn gì lắm.

Trong số những công việc mà An phụ trách thì vai trò mà bà đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhất là việc đưa đón, chuyên chở các cô giáo và học trò đến địa điểm tập văn nghệ. Có lần một cô giáo gọi tới nói không đến được vì nhà ở xa và xe cộ hư hỏng sao đó, cô Nhung tính chạy lại nhà đón, bà An đã hỏi địa chỉ và tình nguyện đi thay để cô ở lại tập cho các cháu. Lần khác, có vài cháu bố mẹ phải đi làm cuối tuần, không đưa con đến tập được, An cũng thay các cô giáo tìm đến từng nhà để đưa các cháu đến tập. Hoặc có những cháu đợi mãi không thấy người nhà tới đón

sau buổi tập, bà cũng hỏi địa chỉ để đưa từng cháu về nhà. Dần dà những công việc như vậy được các cô giáo trao phó hẳn cho An và trở thành cái job thường xuyên của bà. Tất cả những việc này được thực hiện hoàn hảo nhờ vào chiếc xe van của bà. Công bằng mà nói, các cô giáo cũng có hơi lợi dụng một chút tính tình vui vẻ, dễ dãi và sốt sắng của bà. Khi một cô nói, "Tội nghiệp bả," thì các cô khác nói, "Bả thích làm thì cứ để bả làm. Không có chuyện gì làm bả lại buồn"... Đến ngày trình diễn, chiếc van của An trở thành hữu dụng hơn bao giờ hết, phát huy tối đa năng lực với thành tích chuyên chở gọn gàng số đông giáo viên và học sinh từ trường đến khu vực Seattle Center, địa điểm tổ chức Hội Chợ Tết, rồi lại chở về trường sau khi chương trình kết thúc. Một chuyến không hết thì hai ba chuyến. Những cháu nào không có phụ huynh đưa đón thì được chiếc van đưa rước tận nhà. Buổi trình diễn văn nghệ thiếu nhi thành công hơn mức dự kiến, liên tục nhận được những tràng pháo tay tán thưởng giòn giã của đông đảo khán giả Việt, Mỹ. Bé Mai góp mặt trong hai tiết mục: vũ khúc "Trống cơm" và hoạt cảnh "Đám cưới trên đường quê", trong khi An là một phụ tá đắc lực cho các cô giáo ở hậu trường trong việc thay đổi trang phục cho các diễn viên để chuẩn bị cho tiết mục trình diễn kế tiếp. Mọi việc diễn tiến tốt đẹp và hôm đó An rất vui.

Mùa Xuân năm đó, An đã thực hiện được điều ước muốn của mình: dắt con đến Trung tâm Việt ngữ Văn Lang để ghi danh học khóa Spring quarter cho cả hai mẹ con. Bé Mai học lớp vỡ lòng, còn bà theo học lớp tiếng Việt dành cho người bản xứ. Lớp học này được mở ra nhằm đáp ứng yêu cầu của một số người Mỹ ở vào những trường hợp đặc biệt có nhu cầu sử dụng tiếng Việt: chồng Mỹ vợ Việt, chồng Việt vợ Mỹ, hoặc có quan hệ giao tiếp với người Việt trong công việc làm ăn. Lớp có chừng mười mấy học viên. Người phụ trách lớp học đặc biệt này là cô giáo Bảo Ngọc, có tôi là phụ tá, nghĩa là tạm thay cô trong những lúc cô đến trễ vì bận hẹn hò với bồ hay kẹt công chuyện gì đó. Bảo Ngọc khá thích hợp với công việc này vì cô đang là giáo viên bilingual tại một trường tiểu học Mỹ. Các học viên Mỹ rất chịu cô giáo nhờ cô có vóc dáng trông khá bắt mắt, khuôn mặt khả ái, nụ cười rất tươi, tuy cô không còn trẻ lắm. Cô lại dạn dĩ, khéo léo, cử chỉ điệu bộ duyên dáng rất tự nhiên, rất gần với tính cách của người Mỹ. Có vài kẻ chắc là ganh tị với cô kể lại cho tôi nghe cô có một ông bồ Mỹ khá bảnh trai, hai người cặp với nhau một thời gian rồi bỏ nhau, rồi cặp lại, rồi bỏ nhau lần nữa, rồi lại mới vừa ráp lại với nhau... Tôi chẳng thắc mắc chi chuyện đó và cũng không có nhu cầu tìm hiểu. Vả lại, nếu đúng vậy thì có sao đâu. Khi mà người ta yêu nhau thêm một lần

nữa thì lần sau hẳn là phải mặn mà, đắm say hơn lần trước. Lần đầu có thể là vội vã, lần sau chắc chắn đã phải suy tính đắn đo và so sánh, để thấy là không có tay nào qua mặt nổi người tình cũ của mình. Anh chàng Mỹ kia quả là tốt số, được một phụ nữ quyến rũ như vậy yêu đi yêu lại tới hai ba lần.

Các học viên Mỹ có vẻ thích thú khi được biết được rằng mỗi cái tên của người Việt đều mang những ý nghĩa hay, đẹp. Khi Bảo Ngọc và tôi đề nghị là mỗi người nên có thêm một cái tên tiếng Việt để tiện gọi trong giờ học và dễ dàng làm quen với những tên Việt Nam thông dụng thì họ hưởng ứng tức thì. Thế là từ đó Bill hóa thành "anh Bình" (cho có vẻ đồng âm), Jack thành ra "anh Giác", Fred thành "anh Phát" (không phải "Phúc", để tránh hiểu lầm theo lối phát âm Mỹ), Alice thành "cô Ái Liên", Susan thành "cô Xuân"... Học viên nào cũng muốn biết ý nghĩa tên Việt Nam của mình. Có những cái tên thực tình tôi cũng không rõ nghĩa, khi bị hỏi tôi bèn chế đại ra một cái nghĩa hay ho nào đó cho họ vui vậy. Đến lượt An–tên đúng của bà là Ann Martin–thoạt đầu tôi định chọn cho bà tên "Ánh", nhưng sau tôi nói, "Tên của bà không cần phải thay đổi nhiều lắm, chỉ cần bỏ bớt đi một chữ "n" là thành ra một cái tên rất Việt Nam." An hỏi tên đó có nghĩa gì. "Peace of mind", tôi trả lời. Bà có vẻ thích cái nghĩa đó. Thực ra, trước khi chính thức nhận cái tên này, bà cũng đã được các thầy cô giáo và nhiều học trò ở đây gọi một cách thân mật là "bà An" rồi. Còn những ai chưa biết tên đó thì thường gọi bà là "bà Mỹ có chiếc xe van".

Tiếc là quá trình học tiếng Việt của An lại không kéo dài được lâu (chỉ đủ cho bà hiểu được rằng trong cách xưng hô của người Việt, ngoài tiếng "cô" mà bà đã học được trước đây, còn có "ông, bà, anh, chị, em..." nữa). Lý do là trường có nhu cầu mở thêm một lớp ESL, thể theo lời yêu cầu của số đông phụ huynh, và bà An được đề cử là người phụ trách lớp này vì trong số những người Mỹ học tiếng Việt ở đây chỉ có bà là quen thuộc với việc dạy học. Bà vui vẻ nhận lời. Từ đó, mặc dù chưa phải là giáo viên chính thức, An cũng đã trở thành cộng tác viên mật thiết của trường. Các phụ huynh cũng rất lấy làm phấn khởi được học tiếng Anh với An vì bà dạy vui và dễ hiểu, hơn nữa, còn được một điểm thuận lợi là học viên nào không có phương tiện đến lớp sẽ được chính giáo viên lái chiếc van đến tận nhà đưa đi học.

Như các thầy cô giáo ở trường, tôi cũng thắc mắc không hiểu sao An lại sử dụng chiếc van lớn như vậy. Có lẽ gia đình bà khá đông người. Tôi

chưa lần nào nghe An nói về chồng bà hoặc những đứa con khác của bà, và có khi tôi cũng muốn biết nhưng do phép lịch sự nên cũng chưa tiện hỏi. Cho đến một hôm, tình cờ có người giải đáp cho tôi cái thắc mắc này. Người đó là cô Thu Vân. Cô gọi đến để giới thiệu cho tôi một anh bạn mà cô nói là có kinh nghiệm dạy học ở Việt Nam và muốn tới thăm Trung tâm Việt ngữ cho biết để có thể tham gia công việc giảng dạy. Tôi nói cám ơn cô. Sau đó cô hỏi thăm về An, hỏi lúc này bà còn đưa con tới học tiếng Việt không. Cô nói tánh bà An rất tốt, thích giúp đỡ người khác. Bà An từng là giáo viên, rồi là social worker, trước đây cô với bà ấy có làm việc chung với nhau một thời gian ở một cơ quan welfare, sau đó bà xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe. (Trông bà ấy còn khỏe hơn tôi nhiều, tôi nghĩ). Thu Vân có vẻ biết khá rõ về An. Cô nói bà An từng tâm sự với cô nhiều chuyện, và bây giờ thì cô "tâm sự" lại với tôi (thể hiện đức tính rộng rãi của hầu hết mọi phụ nữ trên đời này, không hề muốn cất giữ riêng cho mình những điều bí mật mà luôn luôn muốn chia sẻ với mọi người nỗi niềm tâm tư thầm kín của... kẻ khác). Những suy đoán của tôi trước đây không khác lắm với những điều Thu Vân tiết lộ. Bé Mai là con nuôi của An. Bà xin đứa bé ở một viện mồ côi bên Việt Nam (nói "mua" thì đúng hơn vì bà phải tốn khá nhiều tiền để đưa được con bé qua đây). Chồng của An trước đây là quân nhân, đã tham chiến và mất tích ở Việt Nam. Bà còn một người chị ở rất xa và không nghe nói có người thân nào khác ở đây ngoài bé Mai. Thu Vân cũng cho biết thêm là sau một thời gian đợi chờ lâu dài không có tin tức gì về số phận của người chồng kém may mắn, An đã lấy một anh chồng khác, và ly dị ít năm sau đó vì hai người không hợp tính nhau. An có một con trai với người chồng sau. Đứa con này ở với bà nhưng đã bay ra khỏi nhà khi vừa tới tuổi trưởng thành, đang học hành gì đó ở một tiểu bang khác, lâu lâu mới mò về thăm bà một chuyến để xin tiền rồi lại bay đi tiếp. "Bà ấy đâu có cần tới chiếc van lớn như vậy trong lúc chỉ có hai mẹ con," tôi nói. Thu Vân cho biết An mua lại chiếc xe ấy của một người bạn trong sở làm, bà nói là để tiện chở đồ đạc, nhưng thực ra không phải chở cho bà mà là cho những gia đình cần sự giúp đỡ. Hàng tuần An lái xe chở quần áo, vật dụng từ những kho hàng của các hội từ thiện đến cho những gia đình mới tới định cư, những gia đình chỉ sống nhờ vào welfare. Chiếc van của bà cũng dùng để chở những người già yếu đến nhà thờ, nhà nguyện, hay đưa họ đi thăm viếng, du ngoạn các nơi... Thu Vân nói có lần bà rủ cô đến thăm một trường dạy các trẻ em khuyết tật, những trẻ mù, câm và điếc. An ở đấy suốt buổi và lúc ra về bà đã donate cho trường này một khoản tiền khá lớn. "Thế còn bé Mai, tình cảm giữa hai mẹ con thế nào?" tôi hỏi. "Con bé không thích bà," Thu Vân

nói. Theo cô thì lý do là bố mẹ nó chết hết trong chiến tranh, và ở Việt Nam nó được người ta giáo dục lòng thù hận người Mỹ. Tôi không tin là như vậy vì khi đó con bé còn nhỏ quá, đâu đã biết gì.

Những điều Thu Vân tiết lộ với tôi lại được kiểm chứng khá chính xác bằng chính lời bà An tại nhà tôi. Hôm ấy là sinh nhật của bé Tuấn, con tôi. Thoạt đầu, Kim chỉ muốn tổ chức đơn sơ cho Tuấn và mấy đứa bạn của nó vui chơi với nhau và không muốn mời người lớn. Nhưng sau đó không hiểu nghĩ sao Kim lại ngỏ ý muốn mời thêm hai mẹ con An. Có lẽ vì nàng thấy An tỏ vẻ thích thằng con tôi, và bé Tuấn cũng rất chịu bà. Trước giờ tôi vẫn không mấy hứng thú trong việc mời mọc người Mỹ đến nhà chơi, nhưng biết Kim quý bà An nên tôi cũng chiều nàng, và bé Tuấn khi được hỏi ý kiến cũng muốn có thêm bà như là một khách mời đặc biệt ngoài những bạn bè của nó. Tối đó An và bé Mai đến sớm. An rất tế nhị, bà chuyện trò vui vẻ, thân mật với thằng bé con tôi và đám bạn của nó, bà còn đệm đàn cho bọn trẻ hát những bài hát mừng sinh nhật. Lạ một điều là bé Mai cũng có vẻ chịu nói chuyện với con tôi trong khi trước đó, lúc tập văn nghệ cũng như ở trong lớp học nó chẳng chịu chơi với ai hết đến mức các cô giáo phải nhận xét là con bé ít tuổi mà tính nết khó chịu. Có lúc tôi thử lắng nghe xem An nói chuyện gì với mấy đứa nhỏ. Bé Tuấn khoe với bà một cuốn truyện bằng tranh mà một đứa bạn của nó mới tặng làm quà sinh nhật. Trang bìa của quyển sách vẽ khung cảnh một đêm Noel, đại khái có tuyết rơi, có những ngọn thông, có ngôi nhà thờ nhỏ và bầu trời có nhiều ngôi sao. Con tôi có vẻ chú ý đến những ngôi sao và không biết nghe ai nói mà nó lại hỏi An là có phải mỗi ngôi sao trên trời là một linh hồn không. An có hơi ngạc nhiên ngó thằng bé, bà nghĩ ngợi một chút rồi gật đầu:

"Đúng vậy. Nhưng chỉ có những người tốt sau khi chết đi thì linh hồn mới được hóa thành những ngôi sao. Những người tốt nhất là những vì sao sáng nhất, những vì sao đó sẽ chiếu rọi mãi đến tận ngôi nhà của những người thân yêu của mình trên mặt đất này."

An có giọng nói thật êm dịu. Tôi tin là lũ trẻ phải mê lắm khi được nghe những câu chuyện thần tiên qua giọng kể của bà.

"Không có những ngôi sao của bọn ác, chỉ có những ngôi sao của bọn hiền thôi, phải không bố?" bé Tuấn quay sang hỏi tôi.

"Đúng vậy con à," tôi phải nói theo An. "Nhưng con đừng có gọi họ là 'bọn' hiền. Ta chỉ gọi những kẻ xấu là 'bọn' thôi."

Trẻ con hay có những câu hỏi bất ngờ khiến người lớn đôi lúc phải lúng túng để tìm câu trả lời. Những bạn bè tôi thường gọi bé Tuấn là "chú bé hay hỏi tại sao". Tuấn lại hỏi tiếp sau một thoáng nghĩ ngợi:

"Thế mấy ngôi sao của ông nội với lại ông bà ngoại có bay về gần nhà mình không bố, sao con không thấy?"

"Có chứ con, thỉnh thoảng, vào lúc nửa đêm," tôi gật gù. "Những ngôi sao ấy sẽ rọi vào cửa sổ phòng con, tỏa sáng căn nhà của mình... Nhưng mà con phải ngoan, phải đi ngủ sớm và cầu xin thật nhiều thì mới thấy được."

Bé Tuấn quay lại hỏi An, *"Is that true?"*. Hai bố con tôi nói với nhau bằng tiếng Việt nên An đâu có hiểu gì nhưng bà cũng mỉm cười trả lời, "Đúng chứ. Những gì bố cháu nói đều đúng cả."

Thằng con tôi kể từ đêm đó đã đem những vì sao vào trong giấc ngủ, và đã thêm vào những lời cầu nguyện mỗi tối trên giường ngủ xin cho được trông thấy trong đêm nay có một vì sao...

Sau khi đã lo cho đám trẻ ăn uống đầy đủ, Kim mời An ngồi vào bàn. Và bây giờ là những câu chuyện thật của người lớn. Tôi hỏi thăm ít câu về việc học tiếng Việt của bé Mai, về lớp học ESL của An. Bà nói lớp này rất là *"fun"* và mỗi tuần đều có thêm học viên mới. Tôi giơ một ngón tay cái lên, nói "Gr..*e..a..t!*", bắt chước An, kéo thật dài tiếng này. An rất vui tính và dễ chịu, giọng cười tự nhiên của bà cho thấy bà là người rất thoải mái và cũng mang lại cảm giác thoải mái đó cho những người nói chuyện với bà. Tôi còn thích bà ở một điểm khác, An là một trong rất ít những người Mỹ sẵn sàng trả lời những câu hỏi tế nhị một cách thẳng thắn, không tránh né hoặc tỏ vẻ phiền lòng. Trong một lúc vui miệng, Kim hỏi bà:

"Có đúng là người Mỹ khi nói 'good', nó không có nghĩa là 'good', chỉ là 'OK', mà 'OK' thì... không có nghĩa gì cả?"

"Đôi khi là như vậy, đôi khi có nghĩa là 'good' thực sự," An cười, trả lời.

"Thế thì làm sao biết được khi nào là 'good good', khi nào là 'good OK'?" Kim thắc mắc.

"Tôi sẽ nói cho cô biết sau," An lại cười.

Sau này, mỗi lần thốt ra tiếng "good" trước mặt chúng tôi An thường nói thêm, "'Good good', không phải là 'good OK' đâu."

"Có đúng là người Mỹ có hai bộ mặt trái ngược nhau không?", tôi hỏi An câu khác.

"Ông nói sao tôi không hiểu," An nói.

"Một người bạn tôi nói như vậy," tôi phải giải thích. "Khi tôi có nhận xét là người Mỹ rất văn minh lịch sự, anh ta nói không hẳn như vậy, mà thực ra người Mỹ có hai bộ mặt tương phản. Bộ mặt thứ nhất khả ái, thường thấy trong những lúc chuyện trò. Bộ mặt thứ hai xấu xí, thường

thấy lúc chạy xe ngoài đường. Chạy quờ quạng hoặc làm cản trở xe họ là thấy ngay bộ mặt này liền. Nhẹ nhàng lắm cũng là những hồi còi inh tai nhức óc thay cho tiếng chửi thề. Dữ dằn hơn nữa, bộ mặt này sẽ thò hẳn ra ngoài cửa xe, nhe răng trợn mắt gầm gừ như muốn ăn tươi nuốt sống kẻ thù, hoặc ném vào mặt kẻ vô phúc những lời nguyền rủa tục tĩu, thường là có kèm thêm ngón tay giữa chỉa cong lên trời, ngoắc ngoắc... Một chàng trai thanh lịch, một thiếu nữ duyên dáng trong chớp mắt hóa thành con gấu hung dữ. Rồi khi tới sở làm, bộ mặt thứ nhất lại được tái tạo, mang ra triển lãm kèm theo giọng nói ngọt ngào: 'Hôm nay trời đẹp quá nhỉ?' hoặc: 'Nghỉ cuối tuần vui chứ?'... vân vân, như là trò ảo thuật vậy."

"Người bạn ông nói đúng," An cười ngặt nghẽo, xác nhận.

"Tôi lái xe lạng quạng lắm," tôi nói, "tôi mong là sẽ không gặp bà trên đường lộ. Bà cũng làm giống như họ chứ?"

"Lâu lâu cũng có," An cười. "Nhưng tôi chỉ nhấn còi thôi. Dù sao, trước đó tôi cũng phải coi kỹ xem người lái xe đó có phải là ông không."

Không khí chuyện trò khá vui vẻ. An khen ngợi những món ăn Kim nấu. Tôi nghĩ là An nói thật vì bà ăn uống tận tình. Điều làm chúng tôi khá ngạc nhiên là bà còn hỏi xin chút nước mắm, và nói "gr..*e..a..t*" nữa sau khi thử qua, trong khi Kim không muốn đưa ra vì sợ bà không dùng được. An khoe bà được các cô giáo dạy cho cách nấu mấy món ăn Việt Nam... Vào một lúc nào đó cuối bữa ăn, An hỏi tôi trước đây ở Việt Nam làm nghề gì. Tôi nói chẳng có nghề ngỗng gì cả, học hành dở dang rồi đi lính. Bà có vẻ chú ý đến chuyện lính tráng của tôi, hỏi tôi đi lính năm nào. Sau đó, An nghĩ ngợi một chút rồi mở túi xách của bà, chìa ra trước mặt tôi một tấm ảnh:

"Ông biết người này chứ?"

Tấm ảnh đen trắng, hơi mờ. Có ba người trong đó. Người lính Mỹ ngồi trên chiếc ghế đá cạnh một bồn hoa. Một đứa bé đứng sau lưng anh ta, hai tay ôm choàng qua cổ anh, và một đứa khác cởi trần đứng gần đó. Sau lưng họ, phía xa, là một thân tầu lớn. Người lính Mỹ có nụ cười tươi, hai đứa bé cũng nhe răng cười. Tôi lắc đầu, nói:

"Chịu. Tôi chỉ biết một điều. Anh chàng này đẹp trai hơn tôi."

"Đó là Dick, chồng tôi," An nói.

Tôi không ngạc nhiên lắm. Chắc là Thu Vân chưa được nhìn thấy tấm ảnh này, tôi nghĩ vậy. Nếu đã thấy, cô phải có cùng một nhận xét như tôi, Dick không phải chỉ đẹp trai hơn tôi mà còn hơn cả anh chồng Mỹ của cô nữa. Tôi nhìn kỹ tấm ảnh hơn. Khuôn mặt đó vừa lạ, vừa quen. Tôi không thể nhận ra được điều gì. Chàng GI nào hầu như cũng giống chàng GI nào tôi gặp trên đường phố thuở ấy. Cũng nét mặt từa tựa như thế, cũng

nụ cười hao hao như vậy, cũng điệu bộ na ná như nhau. Còn khung cảnh nơi chốn ấy thì lại quá quen thuộc, cái bến tầu ở bờ sông Sàigòn đó thì ai cũng có thể nhận ra được dễ dàng. Bức tượng Trần hưng Đạo phía trước, nhà hàng nổi Mỹ Cảnh phía sau. Chàng thanh niên trong ảnh còn trẻ lắm, tuổi chàng có thể trên hai mươi một chút. Tôi không nhìn được cấp bậc của Dick vì hai cánh tay đứa bé choàng qua cổ chàng, và tôi cũng không hỏi An.

An nói tấm ảnh chụp khoảng cuối năm 1970, ít tháng trước ngày Dick được ghi nhận là mất tích. Người chụp tấm ảnh đó là Roy, một người bạn của Dick. Roy đã trở về yên lành. Roy nói với An rằng anh ta tin Dick vẫn còn sống. An vẫn còn giữ liên lạc với Roy, và mãi đến bây giờ anh ta vẫn cứ tin điều đó, vẫn cứ tin là Dick còn sống mà không cắt nghĩa tại sao. An không nói là bà cũng tin như vậy nhưng qua ánh mắt, qua giọng nói và qua nét mặt của bà khi nhắc lại lời của Roy, tôi như thấy được niềm tin đó. Dick mất tích nơi vùng biên giới Lào-Việt, trong một cuộc hành quân yểm trợ các đơn vị chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng Hòa ở mặt trận Hạ Lào vào tháng Hai, 1971. Không có Dick trong chuyến trực thăng đưa phi hành đoàn về lại hậu cứ. Mọi cố gắng tìm kiếm trước đó đều vô hiệu trong lúc chiến trận đang sôi sục.

"Tôi đã đến chỗ này," An nói, để tấm ảnh xuống mặt bàn. "Tôi mang theo tấm ảnh này và tôi cũng ngồi xuống đúng ngay trên chiếc ghế đá này, cạnh cái bồn hoa này, đúng ngay chỗ mà Dick đã ngồi xuống hai mươi mấy năm về trước. Cảnh vật có hơi khác một chút, nhưng không thay đổi nhiều lắm. Vẫn là bờ sông phía sau tôi. Vẫn những đứa trẻ đứng bên tôi. Những đứa trẻ của một thế hệ khác. Tôi ngồi đó suốt cả buổi chiều cho đến khi thành phố lên đèn. Có nhiều người qua lại trước mặt tôi, có những người tò mò nhìn tôi, nhiều nhất vẫn lànhững đứa trẻ. Lúc nào cũng có những đứa trẻ. Thỉnh thoảng cũng có vài người Mỹ đi ngang qua đó. Họ chào tôi nhưng tôi làm như không thấy họ. Họ hỏi nhưng tôi không trả lời. Chắc họ tưởng tôi điên," An khẽ cười. "Tôi nhìn dòng xe cộ trước mặt, dòng xe chuyển động không bao giờ dứt. Tôi quay nhìn bờ sông, nhìn những con tầu đến rồi đi. Những con tầu chắc phải đi xa lắm... Tất cả vẫn còn đó, nhưng không còn dấu vết gì của Dick nữa."

Giọng An đều đều. Trong lúc nói An không nhìn tôi, không nhìn Kim, bà ngước nhìn chăm chăm vào chùm đèn treo lơ lửng phía trên bàn ăn, đôi mắt không chớp. Dưới vùng ánh sáng mầu vàng đục tỏa ra từ những ngọn đèn mờ, khuôn mặt An khi ấy trông mơ màng, thoáng chút gì bí ẩn và có một vẻ đẹp mệt mỏi. Tôi đã nhìn thấy một An trong đêm nay khác hẳn với An thường ngày. Tôi cũng nhìn thấy mắt Kim đỏ hoe. Không

khí lúc ấy như chìm lắng hẳn đi.

"Ông có nghĩ là Dick vẫn còn sống không?" An bỗng quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi đột ngột.

Trời đất. Tại sao An lại hỏi tôi câu này. Làm sao mà tôi trả lời được. Tôi biết gì đâu mà trả lời... Tôi xoay xoay ly rượu trên mặt bàn, tránh ánh mắt An chiếu vào tôi, chờ đợi. Vài giọt rượu sóng sánh tràn ra ngoài. An lại cúi xuống chăm chú nhìn tấm ảnh, rồi lại tiếp:

"Tôi đã đặt chân đến nhiều đất nước, nhiều thành phố, nhưng cái đất nước này, cái thành phố này sao mà lạ lùng quá. Dick đã từng sống, từng có mặt ở đây. Chàng làm bạn với những đứa trẻ Việt Nam, những đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong một đất nước chiến tranh. Đối với Dick, chúng có một vẻ gì đó vừa tinh ranh ma mãnh, vừa ngây thơ hồn nhiên đến tội nghiệp. Những đứa trẻ vừa đáng yêu vừa đáng ghét. Tôi nhớ Dick từng nói anh ấy có ý định kiếm một đứa con nuôi ở Việt Nam, và tôi đã trở lại đây lần thứ hai, lần thứ ba, để thực hiện cho bằng được điều đó, cái điều mà Dick từng mong muốn... Ông bà có biết, Dick và tôi quen nhau từ lúc còn đi học, chúng tôi còn trẻ quá khi mới lấy nhau. Tôi vẫn ao ước có được một đứa con với Dick. Chuyện đó dễ quá, vậy mà..."

An bỗng dừng lại, ngồi im một lát rồi lấy ra hai tấm ảnh khác, lần này là hai tấm ảnh mầu, đưa cho Kim một tấm, tôi một tấm. Tấm ảnh trên tay tôi chụp hai mẹ con, An và bé Mai đứng trước bức tường tưởng niệm bằng đá đen ghi danh tính quân nhân Mỹ của tiểu bang này tử trận và mất tích trong các cuộc chiến. Bức tường dài dựng lên ở đại lộ số Hai, downtown Seattle. Tôi có dịp đi ngang qua đó mấy lần, nhưng chưa khi nào dừng lại để xem kỹ, có lẽ tôi không thích những dấu tích gợi lại những kỷ niệm buồn. Tấm ảnh kia, An một mình đứng dưới chân bệ đá "Flame of Hope" dựng lên tại Virginia Beach, khuôn mặt trông nghiêng, ngước nhìn lên ngọn lửa xanh chập chờn. Tấm biển gắn trên bệ đá cao có khắc hàng chữ *"Don't let them be forgotten!"*. Ánh lửa chập chờn suốt ngày suốt đêm ấy là biểu tượng của nỗi nhớ thương không nguôi và niềm hy vọng chẳng bao giờ tắt ngúm về số phận của những người lính Mỹ còn mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Tấm ảnh làm tôi bỗng nhớ đến hình vẽ trong một cái *poster* ở viện bảo tàng thành phố. Cái bóng đen của người lính Mỹ, đầu cúi xuống buồn bã, những sợi kẽm gai, người lính cộng sản bồng súng trên chòi canh phía xa, những chữ "POW/MIA" ở bên trên, một nhành hoa uốn cong và hàng chữ bên dưới: *"You're not forgotten"*.

"Tôi xin lỗi, chắc ông bà không muốn nghe những chuyện ấy..." An cất những tấm ảnh, quay sang nói với Kim, "Món chả giò này thật tuyệt. Hôm nào bà phải dạy tôi cái bí quyết làm sao để chả giò nguội rồi mà ăn

vẫn cứ dòn."

Câu hỏi của An đêm ấy và tấm ảnh đen trắng đó cứ luẩn quẩn theo tôi mãi. Tấm ảnh đó chắc đã được chìa ra trước mặt nhiều người. Câu hỏi đó hẳn phải được lập đi lập lại nhiều lần cũng với nhiều người. Đâu phải chỉ mình tôi. An đã nhận được những câu trả lời nào. Chắc họ đã không im lặng như tôi. Tại sao tôi lại im lặng thay vì trả lời cách nào đó. Dick có thể vẫn còn sống, cứ hy vọng đi, một ngày nào chàng sẽ trở về. Có vẻ giả dối quá. Dick không thể nào còn sống, đừng hy vọng nữa, chàng sẽ chẳng bao giờ trở về. Có vẻ phũ phàng quá. Khi đặt câu hỏi vậy nghĩa là trong An vẫn còn chút tin tưởng. Điều gì khiến An tin tưởng như vậy. Có phải vì Roy. Điều gì khiến Roy tin tưởng như vậy. Có phải vì An. Tôi cố gắng tìm một lối giải thích nào đó bằng những suy đoán lờ mờ... ."

Số phận của hơn hai ngàn lính Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam vẫn còn là đề tài được mang ra thảo luận trong những chuyến viếng thăm Hà Nội của các quan chức Mỹ gần đây. Vấn đề MIA cũng vẫn còn nhức nhối, vẫn còn được quan tâm, vẫn chưa chìm vào quên lãng, nghĩa là vẫn còn chút hy vọng cho những người chờ đợi. Hai phía vẫn còn tiếp tục những nỗ lực tìm kiếm, dù kết quả không mấy khích lệ. Vẫn cam kết hứa hẹn, vẫn bày tỏ thiện chí, vẫn đào đào bới bới, vẫn tặng phẩm tặng vật là những bộ hài cốt "mới phát hiện được". Những tin tức thu lượm được chỉ có chừng đó. Người ta đi tìm những dấu vết của người chết hơn là tung tích của người sống. Như vậy thì liệu có chút gì hy vọng cho An. Liệu tôi có nên nói thẳng nói thật với An điều đó hay cứ để mặc cho bà tiếp tục đợi chờ trong vô vọng.

Dick, Dick, Dick. Chàng lính Mỹ đó thực ra là ai vậy? Làm sao tôi biết được. Dick, Dick, Dick. Đó chỉ là một cái tên gọi. Đôi lúc nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung được khuôn mặt, nụ cười và ánh mắt tươi vui của Dick. Có lúc tôi thấy Dick trông thật quen, như đã từng gặp, từng chuyện trò ở đâu đó một đôi lần... (Có phải vì tôi cứ nghĩ mãi về Dick, nên khuôn mặt chàng đã in sâu vào tiềm thức tôi?). Dick lại còn len lỏi cả vào trong giấc ngủ tôi nữa. Có đêm tôi nằm mơ thấy Dick bây giờ là một ông già hom hem, râu tóc bạc phơ, sống giữa núi rừng Bắc Việt. Có khi chàng lại hóa thành người rừng, hình thù kỳ dị, lông lá đầy người trông như con khỉ đột, leo trèo chạy nhảy trong rừng Trường Sơn, thỉnh thoảng lại cất lên những tiếng hú lạ lùng. Có lúc tôi lại thấy Dick lọt chân xuống một bãi đầm lầy. Chàng cố ngoi lên nhưng thân hình cứ từ từ lún xuống. Dick rán quơ quơ hai tay kêu cứu một cách tuyệt vọng, tiếng la thét hãi hùng. Rồi có lúc tôi lại thấy Dick đang dạo chơi trên đường phố Sàigòn, thân mật

ôm vai nói cười vui vẻ với những đứa bé ngồi với chàng ở công viên bến Bạch Đằng năm xưa. Những đứa bé ấy nay đã lớn, hóa thành những chàng trai trẻ khôi ngô bên cạnh Dick. Qua đêm khác tôi lại thấy Dick ngồi bó gối, gục đầu giữa bốn bức tường trong một căn phòng trơ trụi đóng kín cửa, bóng tối quạnh quẽ. Một vuông cửa nhỏ xíu, có những chấn song. Một đứa trẻ ở bên ngoài bước lại gần, tò mò mở to mắt nhìn qua ô cửa. Tôi nhận ra Dick vì thỉnh thoảng chàng chậm chạp ngước lên nhìn đứa bé rồi lại chậm chạp cúi xuống. Khuôn mặt Dick hốc hác, râu ria lởm chởm, đôi mắt như lạc thần. Rồi không hiểu sao tôi cũng ở đó, đứng bên cạnh đứa bé. Tôi cũng nhìn vào, tôi gọi nhỏ, "Dick, Dick, Dick." Chàng vẫn ngồi thu lu, bất độngà. Dick có nghe tôi gọi? Sao chàng không lên tiếng? Rồi qua đêm khác nữa tôi lại thấy Dick hóa thân thành người tù binh được phóng thích, bước khập khiễng xuống thang máy bay trong tấm ảnh nổi tiếng được chụp lại trên tờ báo Times. Trong khoảnh khắc hạnh phúc ấy, đứa con gái (là bé Mai) dang rộng đôi cánh tay lao vào lòng người cha thân yêu, trong lúc người vợ trẻ (là An) ở phía sau đứng chết lặng trong nỗi vui sướng nghẹn ngào.... Ôi những giấc mơ trái ngược. Tôi không hiểu gì cả. Dick ở đâu ra nhiều quá vậy. Khuôn mặt Dick, hình ảnh Dick tràn đầy trong giấc mơ tôi. Tôi chẳng bao giờ kể cho An, cho Kim, hay cho bất cứ ai nghe những giấc mơ kỳ lạ đó. Tôi thực sự không tài nào biết được Dick hiện đang ở nơi đâu. Dick mà còn sống à? Làm gì có chuyện đó. Thật khó mà tin được.

Chiến tranh Việt Nam, một vũng lầy quái ác. Tôi đã nhảy vào đó, lặn hụp trong đó, rồi lóp ngóp lội được lên bờ. Dick cũng nhảy vào đó, lặn hụp trong đó, rồi mất tăm, không thấy nhảy ra nữa. Tôi may mắn sống sót, và đang sống trên quê hương của Dick, trong khi Dick lại không về được quê hương mình, nơi người vợ trẻ và bao người thân yêu của chàng đang ngày đêm mỏi mắt trông chờ. *Ngày nào con trở về con ơi, con ơi...* Dick cũng phải có một bà mẹ chứ. Nước Mỹ, người Mỹ hẳn là phải trông đợi Dick trở về hơn là trông đợi tôi mang vợ mang con tới đây. Tôi cảm thấy có điều chi bất ổn, có điều gì bất công, bất hợp lý... Mỗi lần trông thấy những người cựu chiến binh Mỹ trên đường phố, tôi lại nghĩ tới Dick. Có người từng tham chiến ở Việt Nam, từng là bạn bè, là chiến hữu của Dick, và họ đã trở về. Có người trở về không lành lặn, nhưng dù sao họ cũng đã trở về. Tôi chắc nhiều người trong số họ đã được nhìn thấy tấm ảnh của An. Họ có nhận ra Dick không, có thấy Dick ở đâu không?

Hết nghĩ tới Dick tôi lại nghĩ về An. Thực ra, trông bà đầu có khác gì những phụ nữ Mỹ tôi vẫn gặp thường ngày, những phụ nữ không hề biết đến, không hề dính dáng gì đến cuộc chiến tranh đó. An có lộ vẻ rầu rĩ gì

đâu, bà còn vui vẻ nữa là khác, và còn mang sự vui vẻ đến cho mọi người. Tôi vẫn gặp An mỗi tuần, bà vẫn cười nói, vẫn dạy học, vẫn đưa con đến lớp, vẫn lái chiếc van đưa rước người này người nọ, nhưng cái nhìn của tôi về bà đã khác. Tôi đã nhìn thấy những dòng nước xoáy dưới mặt hồ yên tĩnh, phẳng lặng. Định mệnh của bà khi không lại gắn liền định mệnh rủi ro của đất nước tôi. Số phận của bà bỗng dưng lại gắn liền số phận nghiệt ngã của dân tộc tôi. Bà đã có những năm dài trong âu lo, khắc khoải, buồn bã, những đêm mong ngày nhớ, những năm chờ tháng đợi mỏi mòn. Sợi dây xích vô hình nào đã ràng buộc bà cùng chung số phận người chinh phụ Việt Nam. Nỗi lòng bà có khác chi đâu nỗi lòng chinh phụ. *Đợi chàng một hai năm, hay là cả đời xuân xanh, ngày nao đầu pha tuyết sương, vẫn mong tái ngộ một lần...* Bà An, theo lối nói quen thuộc, là người phụ nữ Mỹ mang trái tim Việt Nam. Hơn thế nữa, trái tim ấy đã từng đập những nhịp đập thổn thức, từng đau nỗi đau của người chinh phụ Việt Nam, từng mang vết thương Việt Nam (vết thương của một cuộc chiến tranh không xảy ra trên đất nước bà). Nỗi đau ấy có bao giờ nguôi, vết thương ấy có bao giờ lành.

Lớp học ESL chiều thứ Bẩy đó không có giáo viên. Các học viên đợi mãi không thấy "bà Mỹ có chiếc xe van" đến lớp. Tôi phải nhờ "anh Phát", tức Fred, một học viên của lớp "Tiếng Việt cho người Mỹ", dạy thay cho An. Tôi có hơi ngạc nhiên vì trước giờ An làm việc rất đàng hoàng, rất đúng giờ, đúng hẹn. Thỉnh thoảng, nếu vì lý do nào đó không đến lớp được, bà đều có báo cho tôi hay trước để tiện việc sắp xếp, thông báo với lớp học, hoặc nhờ giáo viên khác dạy thế. Các học viên lớp ESL thì chỉ muốn học với An hơn bất cứ giáo viên Mỹ nào khác.

Ít hôm sau đó, tôi nhận được một cú điện thoại gọi tới khá muộn vào buổi tối, lúc tôi đang chuẩn bị... leo lên giường ngủ. Khi ấy Kim đang nằm đọc sách trên giường và điện thoại lại ở ngay trước mặt tôi nên tôi không thể không trả lời. Liếc nhìn cái caller ID trên mặt bàn trong lúc nhấc ống điện thoại, tôi biết người gọi là Thu Vân.

"Hello anh Hữu. Anh đã ngủ chưa?"

"Tôi mới ngủ dậy cô à. Cám ơn cô đã đánh thức tôi."

"Uh-oh, sorry... Đâu biết anh ngủ sớm vậy."

"Không hề chi. Ngủ nhiều đâu có tốt. Cô có gì cho tôi vậy?"

"Anh biết chuyện gì chưa?"

"Sắp biết."

"Anh nói sao?"

"Sắp được cô cho biết."

"Anh cứ nói đùa. Anh hay tin bà An chưa?"

"Tin gì vậy cô? Vui hay buồn vậy?". Tôi hỏi và thoáng nghĩ tới Dick. Không lẽ... "Tuần rồi không thấy bà ấy đi dạy, tôi tính gọi cho bà..."

"Vậy là anh chưa biết gì hết. Thôi anh khỏi phải gọi nữa. Không gặp được đâu. Bà ấy chết rồi."

Tôi sững người. Phải mất nhiều giây sau tôi mới định thần lại để hỏi tiếp:

"Cô không nói đùa chứ?"

"Đùa với anh làm gì. Chỉ có anh mới hay đùa. Tưởng anh biết rồi chứ. Bà ấy không nói gì với anh sao?"

"Nói gì là nói gì?" tôi nóng ruột, hỏi tới. "Làm ơn nói rõ một chút coi. Chẳng lẽ bà ấy cũng nói với tôi là bả chết rồi giống như là cô báo với tôi vậy sao? Hay cô muốn nói bà ấy báo tin là bả sắp chết?"

"Đúng vậy. Mấy người bị *heart attack* như bả đâu có sống được lâu, dễ chết bất tử lắm. Trước đó bả cũng mấy lần phải gọi *emergency* chở đi nhà thương, tưởng xong rồi. Đâu có chỗ nào dám nhận cho bả làm việc. Bác sĩ bắt bà ấy phải nghỉ ngơi, kiêng cữ đủ thứ. Bả có chịu nghe đâu... Bả ham làm việc quá. Tội nghiệp!"

Thu Vân còn nói thêm ít câu gì nữa nhưng tôi chỉ nghe được mấy tiếng "bé Mai..., bé Mai..." và cô gác điện thoại lúc nào tôi cũng không rõ. Tôi cũng quên không nói cám ơn cô. Tin này đến với tôi thật quá bất ngờ. *Tưởng anh biết rồi chứ.* Tôi có biết gì đâu. Nếu biết, tôi đã chẳng dám nhờ An giúp cho việc này việc nọ, nhờ dạy học, nhờ đưa đón chuyên chở học trò, nhờ đủ thứ chuyện... Tôi thấy mình như kẻ có tội, như đã can dự phần nào vào cái chết của An. An chẳng hề nói cho ai biết, và tôi cũng thật vô tâm quá. Tôi nhớ ra có lần Thu Vân nói với tôi là trước đây An đã xin nghỉ việc ở sở làm vì lý do sức khỏe, nhưng cô không nói rõ và tôi cũng chỉ nghe qua vậy mà không hỏi kỹ... Kim vẫn nằm đọc sách. Nàng không hỏi tôi ai gọi tới, nói chuyện gì. Tôi không muốn báo cho Kim biết tin đó bây giờ. Tính nàng dễ xúc động. Tôi không muốn làm Kim mất ngủ suốt đêm nay và không muốn phải trông thấy lại đôi mắt đỏ hoe của nàng một tối nào ngồi nghe An kể chuyện.

Bỗng dưng tôi cảm thấy rất thèm một hơi thuốc, tôi khẽ mở cánh cửa sau, bước ra ngoài. Trời gây gây lạnh. Đêm tối yên lặng quá. Tôi đốt một điếu thuốc, đứng nhìn thật lâu vào khoảng không. Cứ mỗi lần hay tin một người thân nào đó vừa mới qua đời, tôi lại có cảm giác hụt hẫng, và nhận rõ được cái vô nghĩa tột cùng của đời sống. Và tôi vẫn luôn luôn có nỗi ray rứt ân hận là đã không nói được với người đó khi còn sống những điều cần nói. Lẽ ra tôi đã phải nói với An tôi tin rằng Dick vẫn còn sống. An đã

chẳng chờ đợi ở tôi câu nói đó hay sao. Có đôi lúc người ta phải bám lấy chút hy vọng nào đó thật là mỏng manh để mà còn tiếp tục sống, vậy thì đừng có bao giờ nhẫn tâm dập tắt ngọn lửa hy vọng ấy, và bằng mọi cách, dẫu có phải lừa dối đi nữa, hãy giữ cho chút hy vọng leo lét đó đừng trở thành tuyệt vọng. Roy đã làm như vậy. Sao tôi lại không làm như vậy. Tôi thật ngu ngốc quá.

Tôi vẫn ít khi chịu tin vào những chuyện tình lãng mạn, những chuyện tình lâm li có những đoạn kết đẹp và buồn. Tôi vẫn luôn luôn cho rằng những chuyện tình giả tưởng đó chỉ có được ở trong tiểu thuyết và phim ảnh. Tôi cũng ít khi chịu tin chuyện kiếp sau, kiếp trước. Vậy mà giờ đây, hơn lúc nào hết, tôi mong cho Dick chết đi, tôi tin là Dick đã thực sự chết rồi, và tôi cũng muốn tin là người chết có linh hồn, để cho hai kẻ yêu nhau và xa nhau cuối cùng vẫn còn có được cơ hội tìm lại được nhau ở bên kia thế giới, nơi ngưỡng cửa thiên đường.

Ném đi mẩu thuốc, tôi ngước nhìn bầu trời bát ngát những vì sao. Trời đêm nay nhiều sao quá. Có những vì sao thật sáng, trông thật gần. Tôi dõi mắt hướng về một ngôi sao xa nhất, khi ẩn khi hiện trên nền trời đen thẫm, trông xa vẫn thấy lấp lánh như có một linh hồn. Tôi bỗng nhớ lời An nói với con tôi một đêm nào, "Những người tốt khi chết đi linh hồn sẽ hóa thành những ngôi sao. Những ngôi sao đó sẽ chiếu rọi mãi đến tận ngôi nhà những người thân yêu của mình..." Tôi cũng đã phụ họa với An để con tôi tin câu chuyện ấy là có thực, và từ đó thằng con tôi đã thêm vào những lời cầu nguyện hằng đêm trước khi đi ngủ, xin cho được trông thấy trong đêm nay có một vì sao của người thân yêu nào đó bay về gần ngôi nhà của mình. Thằng con tôi mai kia lớn lên sẽ thấy rằng những điều ông bố nói là không có thực, nhưng nó sẽ chẳng trách cứ gì tôi. Có thể là nó vẫn cất giữ những điều thêu dệt đó như cất giữ những giấc mơ, như cất giữ những câu chuyện cổ tích vậy.

Và tôi, vì đã trót nói với con như vậy, tôi cũng muốn tin những lời ấy là có thật để tôi không phải là kẻ nói dối. Cũng như tôi vẫn muốn tin vào những điều tốt, muốn tin là thế gian này vẫn còn có những người tốt, đâu đó trong cuộc sống vẫn còn rải rác những tấm lòng.

Giống như thằng bé, tôi cũng nguyện cầu đêm nay có một vì sao...

Em tín nữ

HÀ NGUYÊN DU

con hẻm nhỏ mà tình ơi rất lớn!
phố u trầm sao gợi nét xôn xao?
cách mặt mười năm không thấy lạnh
ngõ như còn hơi ấm dêm trăng nao

em tín nữ khép đời trong thánh thiện
ngón thon nào theo tràng hạt khai kinh?
mắt ánh rạng hơn nến sầu u uất!
em cứ âm thầm như phật lặng thinh!

miệng ngậm dắng qua lời thư tuyệt vọng
môi nồng cay khi ước hẹn vong thề
trong phút chốc dã nâu sồng cõi lụy
dời xuân phai theo hỉ nộ sân si

kẻ lang bạt chưa bước dừng hồ hải!
nợ tiền khiên mặc thị đến thân tàn?
em tín nữ, nguồn thơ sung mội chảy
em là !hơ, bung mạch đến miên man

em tín nữ nên đời ta sám hối
như dây oan xiết chặt buốt linh hồn
tình bất tử trên cõi trần ngộp bụi
như mặt trời xua bóng tối càn khôn!

Giới thiệu Nguyễn Bình Phương

Nguyễn Thanh Sơn

Lời Tòa soạn: *Trong những nhà văn lớp trẻ tại Việt Nam hiện nay, Nguyễn Bình Phương là một trường hợp đặc biệt. Truyện ngắn và tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương có vẻ như ít quan tâm đến những vấn đề thời sự, tránh xa khỏi vùng ảnh hưởng của chính trị (dù chống hay là bênh) nên không được dư luận bạn đọc ở hải ngoại quan tâm đúng mức. Văn Học nghĩ rằng cách viết của Nguyễn Bình Phương, cùng với thế giới tiểu thuyết độc đáo của anh, báo hiệu một biến chuyển mới trong văn chương quốc nội, nhất là văn chương của thế hệ trẻ không có những kinh nghiệm xót xa về chiến tranh.*

Trên số báo này, Văn Học giới thiệu bài viết của Nguyễn Thanh Sơn về truyện ngắn Đi *(đã đăng trên tuần báo Văn Nghệ Trẻ) của Nguyễn Bình Phương, sau đó sẽ trích đăng một số đoạn trong truyện vừa* Trí Nhớ Suy Tàn *của anh.*

Sẽ rất khập khiễng nếu so sánh truyện ngắn *Đi* của Nguyễn Bình Phương với các tiểu thuyết khác của anh. Trong khi độ dài của những cuốn sách khác cho phép anh đóng vai người sáng tạo nên cả một thế giới hư ảo của những linh hồn thì *Đi* chỉ là một lát cắt rất nhẹ nhưng rất sâu của thế giới đó. Thế nhưng *Đi* lại có một kết cấu xinh xắn, hoàn hảo, một sự hoàn hảo về cấu trúc mà đáng tiếc những tiểu thuyết khác của anh chưa đạt được.

Maurice Blanchot cho rằng cái chết là "niềm hi vọng tuyệt vời nhất của con người" bởi nó "chứng tỏ sự hiện hữu của con người". Cũng theo ông, văn học "tuyên ngôn về một sự tồn tại không hiện hữu, một sự tồn tại nằm ngoài tồn tại, không có khởi đầu và cũng không có kết thúc." Và đó cũng là những gì Nguyễn Bình Phương đã cố gắng bộc lộ trong truyện

ngắn *Đi* của anh.

Những sáng tác khác gần đây của Nguyễn Bình Phương (*Vào cõi, Những đứa trẻ chết già, Người đi vắng...*) thường xây dựng nên những thế giới kỳ lạ trộn lẫn thực và ảo, người và ma quỉ, những thế giới nằm đâu đó lưng chừng giữa cõi âm và dương. Không giống như một số nhà văn khác thường xây dựng nên một cõi âm còn vương vấn rất nhiều tục luỵ trần gian, một cõi âm có lẽ không có gì khác biệt so với dương thế, và chỉ để cho người chết nói những điều người sống không thể nói (*Hiện tượng HVEYA* của Hoà Vang hay *Đêm thánh nhân* của Nguyễn Đình Chính), Nguyễn Bình Phương hình thành được trong tâm trí độc giả một thế giới âm u bí hiểm của những người đã khuất, một thế giới ở đâu đó tồn tại song hành với thế giới chúng ta đang sống. Trong những tác phẩm của Nguyễn Bình Phương luôn hiện diện một nỗi kinh hoàng. Kinh hoàng trước bóng đêm sâu thẳm, những thế lực kỳ bí thiêng liêng, những điều không thể biết, một nỗi kinh hoàng giống như những gì Edgar Allan Poe tạo dựng trong những truyện ngắn của ông.

Thế giới trong *Đi* của Nguyễn Bình Phương, trước tiên, là một thế giới ảo. Chỉ có một nhân vật, một người lính đã chết mà phần hồn của anh vẫn đang phiêu diêu trên con đường hành quân lặng lẽ. Một thế giới bàng bạc hiện lên với *"những hàng cây lập lờ, bồng bềnh. Đôi ba căn nhà hư ảo ma quái rải rác trong bóng tối ngại ngái. Trăng đứng giữa trời, tròn vạnh mà không toả rạng. Chỉ một ánh trăng duy nhất chiếu thẳng xuống đất làm thành con đường vàng nhạt, mỏng, sắc, vẩn những hạt bụi li ti. Người lính lầm lũi đi trên vệt sáng đó"*. Một thế giới mà sinh vật sống duy nhất là đôi bướm ma *"bốn cái cánh chờn vờn thoắt ẩn thoắt hiện tựa bốn mẩu giấy vụn quấn quít trong gió"* chẳng khác nào những mảnh vụn vàng mã đã hoá bay theo anh sang bên kia thế giới. Ngay cả những tiếng động cũng chỉ là tiếng động của một *"không gian rì rào, cái rì rào thiêng liêng nơi sự sống không có mặt"*. Vậy mà người lính vẫn cứ mải miết đi, âm hồn của anh vẫn cứ đều chân trên con đường được vạch bởi ánh trăng lạnh lẽo. Con đường anh ta tin rằng chỉ bước đúng hai ngàn lẻ tám bước là kết thúc. Dường như người lính không biết rằng thân xác mình đã để lại ở thế giới bên kia, còn linh hồn phiêu diêu của anh cũng giống như những kẻ bị đày ải dưới thế giới âm u, tăm tối của thần Hadec, phải mãi mãi hành quân ở một nơi "chỉ có hai ngàn lẻ bẩy bước", một cuộc hành quân bất tận mà cái kết thúc cũng là cái khởi đầu của một vòng tròn khép kín. Cái chết có lẽ đã đến với anh quá đột ngột, có lẽ đã xảy đến ngay trên đường hành quân nên anh đã vượt qua ranh giới của cả hai thế giới mà không hề ý thức được mình đã "vượt qua bên kia của mặt trăng". Và anh vẫn bước đi, phía

trước là *"khoảng mênh mông màu nâu nhạt"*, còn phía sau anh, không có đường, *"chỉ có một vết mờ lịm tắt để lộ ra một miệng vực đen ngòm"*. Đan xen cả câu chuyện là những hồi ức nóng bỏng mà ngọt ngào của một cuộc chia ly trước khi anh lên đường, một cuộc chia ly có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào, trong bất cứ gia đình nào. Hồi ức về những hi sinh, chịu đựng của nhiều thế hệ trong chiến tranh để cuối cùng chỉ còn lại *"một tiếng thở dài não nề"*. Hồi ức ngọt ngào đó là ngọn lửa nóng duy nhất trong đêm trăng lạnh lẽo, là sợi dây mỏng vô hình níu kéo linh hồn người lính không tan ra với hư vô, là cái đích không bao giờ đạt tới được trong hành trình vô vọng của anh. Người ta bắt gặp lại cái tứ của *Những đứa trẻ chết già*, nơi mọi linh hồn hi sinh ở chiến trường lại tìm về với cây si đầu làng, còn trong *Đi*, linh hồn người lính cũng cố tìm về với chiếc cổng làng bằng đá. Nhưng chính vào lúc tưởng có thể nương náu linh hồn lang bạt của mình trong làng quê quen thuộc, anh lại phải bắt đầu lại hành trình cũ của mình-cảm giác hẫng hụt mà câu cuối cùng của truyện ngắn *"anh không biết khi anh bước qua chiếc cổng làng, anh đã bước sang phía bên kia của mặt trăng, nơi chỉ có đúng hai ngàn lẻ bảy bước"* đã tạo ra một cú sốc mạnh cho độc giả, là khúc ngoặt bi kịch nhất của truyện ngắn.

Hình ảnh của con đường trăng trong *Đi* cũng giống như hình ảnh con đường trăng của một thế giới ảo mà Bulgacov đã dựng nên trong *Nghệ nhân và Margarita*, thế giới của quan tổng trấn của xứ Jude Pontius Pilate mà nghệ nhân đã xây dựng nên bằng tập bản thảo của mình. Những ánh trăng không toả rạng đầy ma quái đó phủ lên người đọc cảm giác lạnh lẽo ghê rợn của âm thế.

Chỉ với hơn một ngàn chữ, truyện ngắn đã dựng lên được một bức tranh hư ảo, mang hương vị thê lương của sự tuyệt vọng, nỗi cô đơn và những hi sinh mất mát âm thầm trong những cuộc chiến. Và mỗi một đêm trăng sáng, người ta lại tự hỏi ở đâu đó có còn những con đường trăng cho bước chân âm thầm của những linh hồn người lính phiêu bạt đang cố quay về với chiếc cổng làng quen thuộc.

Hà nội 12.1999

Đi

Nguyễn Bình Phương

Những hàng cây lập lờ, bồng bềnh. Đôi ba căn nhà hư ảo ma quái rải rác trong bóng tối ngai ngái. Trăng đứng giữa trời, tròn vạnh nhưng không tỏa rạng. Chỉ một ánh trăng duy nhất chiếu thẳng xuống đất làm thành con đường vàng nhạt, mỏng, sắc, vẩn những hạt bụi li ti. Người lính lầm lũi đi trên vệt sáng đó, chiếc ba lô sau lưng anh rộp lên như cái bướu khổng lồ, khẩu AK khoác chéo nòng súng hờ hững nhô khỏi vai phải. Dáng người lính xương xương đôi mày rậm đổ bóng xuống hốc mắt thành một quầng tối ảm đạm.

- Hai nhăm...ba mươi...ba bảy.

Người lính sải những bước dài, một bước chắc nịch xen một bước chênh vênh, cả người anh in sững trong vệt sáng vàng nhạt.

- Năm sáu...sáu mốt...

- Mình!

Tiếng gọi yếu ớt thoảng bên tai. Người lính dừng chân ngó quanh. Bốn bề vắng ngắt. Rìa đường trong bóng tối vài ba gốc cây đổ chỏng chơ. Một tảng đá hình chữ nhật nằm ép sát mé trái, nó giống chiếc quan tài khổng lồ. Người lính đánh mắt nhìn đôi bướm trắng, chúng bay theo anh từ lâu, bốn cái cánh chờn vờn thoắt ẩn thoắt hiện tựa bốn mẩu giấy vụn quấn quýt trong gió. Người lính nhíu mày, mấy nếp nhăn cựa quậy xô đẩy trên cái trán ngắn choắn của anh. Kỷ niệm chầm chậm rẽ lớp sương mờ hiện về.

- Mình thích không?

- Thích!

- Tìm cho em cái cặp tóc, nó rơi đâu đây thôi. Mai mấy giờ mình đi?

- Họ bảo tập trung trên huyện lúc bảy rưỡi. Chán thật. Cặp của mình đây này. Ở nhà chu đáo với mẹ một tí. Năm nay mẹ yếu lắm rồi đấy.

- Vâng. Mình đừng quên em đấy nhé.

- Quên thế chó nào được. Tôi sẽ về, nhất định về với mình. Tôi chỉ đi hai nghìn linh chín bước thôi.

- Không, hai nghìn linh tám cơ.

- Thì hai nghìn linh tám. Đúng hai nghìn linh tám không hơn không kém, còn lại mặc kệ...

- Mình muốn nữa không?

- Có

- Sao mình khoẻ thế!

Người lính mấy máy môi, anh sốc lại ba lô khiến chúng kêu leng keng. Không gian rì rào, cái rì rào thiêng liêng nơi sự sống không có mặt. Đôi bướm trắng bay ra từ gốc cây đổ, chúng lượn sát mép vệt sáng, sau đó dấn lên rồi lại chìm vào bóng tối thăm thẳm.

- Ba trăm tám mốt, ba trăm tám hai...Bốn trăm, bốn trăm chín tư...

Người lính vẫn nhẩm đếm, anh cảm giác ai đó đang đi sau nhặt những con số của mình. Lại một tiếng thở dài. Ngày xưa, cả thị trấn mắc bệnh thở dài, vừa hát vừa thở dài, vừa hôn nhau vừa thở dài...Mẹ ngồi bên bậu cửa nhìn đăm đăm ra đường, trên bàn thờ, bố trẻ măng nhìn mẹ...Sau đó tất cả biến mất, chỉ còn lại tiếng thở não nề bất tận.

- Hai nghìn linh một...hai nghìn linh bốn, hai nghìn linh năm...

Người lính nhắm mắt khi nhận ra không khí ngả lạnh.

- Hai nghìn linh sáu...

Người lính rùng mình, anh choàng mắt thấy mình đứng dưới chiếc cổng hình bán nguyệt. Chiếc cổng bằng đá xám liền khối, uy nghiêm, chắc nịch, hai cánh của nó trong suốt, gợn mấy vết mờ. Hơi nước phả ra nghi ngút. Người lính hít hơi dài.

- Hai nghìn linh bẩy...

Anh mạnh dạn dấn bước đi xuyên qua cánh cửa sang bên kia. Nòng súng có một lực cản nhẹ. Trước mặt người lính là khoảng mênh mông mầu nâu nhạt. Tít xa, cuối tầm mắt, loé lên vài ba tia sáng lấp lánh chỉ nhỏ bằng hạt cát. Người lính bần thần ngoái cổ con đường anh vừa đi qua đã biến mất ở đó chỉ còn một vệt mờ đang lịm tắt để lộ ra miệng vực đen ngòm.

- Mình!

Tiếng gọi bị cản bởi lớp cửa nhỏ dần, nhỏ dần cùng đôi bướm. Bốn cái cánh lảo đảo rơi theo chiều nghiêng. Người lính thở hắt, đầu anh loãng ra sau đó trở nên nhẹ nhõm, tinh khôi.

Người lính bước và đếm lại từ đầu:

- Một, hai, ba, bốn...

Những bước chân bây giờ y hệt lúc đầu, nó nhẹ nhàng, chân lông.

- Mười tám...hai mốt...

Người lính không biết khi vượt qua vòm cổng, anh đã bước sang bên kia mặt trăng, ở đấy vĩnh viễn chỉ có hai nghìn linh bẩy bước.

Nói chuyện với nhà văn Nhật Tuấn về tình hình văn học tại Việt Nam trong năm năm qua.

Thụy Khuê

Nhân dịp Đại Hội Nhà Văn kỳ 6, họp tại Hà Nội trung tuần tháng 4 vừa qua, chúng tôi có dịp trò truyện với nhà văn Nhật Tuấn về tình hình văn học trong nước và vai trò của Hội Nhà Văn, nhiệm kỳ 5, trong năm năm vừa qua. Theo nhà văn Nhật Tuấn cho biết thì Đại hội 6 có 403 đại biểu được bầu từ 8 đại hội cơ sở và 20 đại biểu đương nhiên (được vào, khỏi bầu) tức là các lãnh đạo hội, bí thư Đảng, Đoàn, Hội... Có 60 nhà văn nữ trong số các đại biểu.

Thành phần đại biểu: 18 người dưới 40 tuổi (4,2%), 185 người từ 51 đến 60 tuổi (43,7%) và 131 người trên 60 (31%). Đây là đại hội những nhà văn lớn tuổi.

Trong đại hội có 9 văn kiện cơ bản báo cáo của Ban Chấp hành khóa 5. Kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng về các đơn khiếu tố trước Đại Hội.

Cuộc nói chuyện dưới đây được ghi âm và phát thanh trên đài RFI (Pháp) ngày 8/4, một tuần trước ngày khai mạc Đại Hội (17/4/2000).

Thụy Khuê: *Thưa anh Nhật Tuấn, thấm thoát lại sắp tới Đại Hội Nhà Văn lần thứ sáu, theo anh, trong 5 năm vừa qua hội đã làm được gì và vẫn còn những việc gì chưa làm được?*

Nhật Tuấn: Xin chào chị Thụy Khuê, thưa chị, trước hết tôi xin nói về Ban Chấp hành. Ban Chấp hành khóa vừa rồi chỉ bầu ra được 5 ủy viên, như thế là số lượng ủy viên thấp nhất so với các đại hội khác (7-9 người). Mặc dầu chỉ có 5 người, họ cũng làm được nhiều việc. Họ thành lập các Hội đồng văn xuôi, thơ, phê bình, dịch thuật hàng năm có họp

hành, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, tiền khách sạn, tàu xe, vé máy bay đều bằng tiền Nhà nước. Cũng bằng tiền đó, họ đào tạo bồi dưỡng các cây bút trẻ, thăm hỏi các nhà văn cao tuổi. Cũng bằng tiền Nhà nước, họ duy trì được sự sống của tờ báo *Văn Nghệ*, tờ *Tác Phẩm Mới* mà nếu không có tài trợ, chắc chắn hai tờ này sẽ biến mất trên thị trường. Tóm lại, Ban Chấp hành đã có một nhiệm kỳ hoạt động hăng hái và nhộn nhịp.

TK: *Anh vừa cho biết về hoạt động của Ban Chấp hành, bây giờ xin hỏi anh về phương diện thành phần các hội viên của Hội Nhà Văn thì như thế nào?*

NT: Thưa chị về thành phần của hội viên của Hội Nhà Văn VN thì bội thu, tức là kết nạp được rất nhiều hội viên, chưa thấy nhiệm kỳ nào mà kết nạp được nhiều như vậy, đưa tổng số hội viên tới 700 người nên không họp toàn thể được vì quá đông. Cho nên là phải họp đại hội cơ sở để cử người đi dự đại hội toàn quốc, với cái tỉ lệ cứ 2 người thì chọn đi dự được hơn 1 người đi. Nhưng thưa với chị là kết nạp thì đông như vậy, nhưng mà có nhiều người khi công bố tên để mà đi dự đại hội thì thiên hạ cứ tròn mắt lên không hiểu là nhà văn đó đã viết tác phẩm gì? Nhà văn đó ở đâu ra? Và nhà văn đó đã đóng góp gì cho nền văn chương nước nhà?

TK: *Thưa anh như anh vừa nói là nhà văn thì được kết nạp đông như vậy, nhưng còn về giá trị tác phẩm của họ thì như thế nào?*

NT: Thưa chị, muốn biết về giá trị của tác phẩm của các nhà văn, thì tốt nhất là ta cứ nhìn vào giải thưởng hàng năm của hội. Hàng năm Hội Nhà Văn huy động bộ máy tính ra cả trăm người để cố chắt lọc ra được các tác phẩm để trao giải thưởng hàng năm. Riêng năm 99 thì hội chỉ chọn ra được một giải B cho một tập thơ, và 1 giải B nữa cho một tập sách lý luận phê bình. Kết quả đó thì cho thấy là năm 98 qua đã mất mùa văn học. Thế còn những năm trước thì sao? Quả thật mới có vài năm mà những cuốn được Hội trao giải đã biến mất trong ký ức văn học, ít ai còn nhớ tới chúng, cũng chả có ai còn bàn soạn tới... Vài năm trước, sau một cuộc thi thơ ở thành phố Hồ Chí Minh, người ta đã in hẳn một tập gồm những... một trăm bài thơ hay, cho tới nay, mới vài năm trôi qua, thật khó kiếm được ai thuộc nổi lấy một bài, trừ... tác giả của chính nó. Một nhà thơ trung niên, khá nổi tiếng, nhận xét: *"Qua hàng loạt các tập thơ in trong vòng vài năm nay, ta có thể thấy rõ chúng có chung một đặc điểm: Sự tầm thường. Người viết dường như không sống hết những điều anh viết*

ra. Nửa vời, làm dáng, xúc động giả. Thơ tình rất nhiều nhưng không có thơ... yêu, bởi lẽ "nhà thơ" đâu có "yêu", hoặc giả cũng có "yêu" đấy, nhưng là thứ tình yêu thời... thị trường, cảm sao được người đọc? Thơ đang "lạm phát" đấy, buồn thay, không có thơ hay..."

TK: *Anh vừa cho biết cái nhìn của anh về tình trạng thơ hiện nay, thưa anh thế còn về tiểu thuyết và truyện ngắn thì anh thấy thế nào?*

NT: Thưa chị về tiểu thuyết và truyện ngắn tức là về văn xuôi thì số phận của nó cũng hẩm hiu chẳng kém gì thơ. Có lần tôi ghé một siêu thị sách, tôi có hỏi một cô bán hàng: "Thưa cô sách văn học có bán được không ạ?" Cô lại tưởng là tôi muốn mang sách của tôi tới xin ký gửi, cô vội lắc đầu quầy quậy: "Nói thực với anh... ít người ngó tới quầy văn học lắm... thậm chí khi ai đi tới, tôi có cảm giác người đó là một thứ vật thể lạ mới tới từ vũ trụ..." Tuy nhiên theo tôi (NT) nghĩ thì nếu người đọc không chịu bỏ tiền ra mua sách văn học thì lỗi ấy chẳng phải ở nơi độc giả. Bởi vì khi mà nhà văn không còn khoác sứ mệnh "lương tâm thời đại" nữa, không còn là "thư ký thời đại" nữa, không còn là "kỹ sư tâm hồn" nữa, không còn phản ảnh và khám phá hiện thực nữa, nhà văn không còn dự báo tương lai nữa, không còn đứng về phía cái thiện chống lại cái ác nữa, thì sản phẩm của anh ta dần dà sẽ biến thành một thứ giả sản phẩm, và người tiêu dùng sẽ quay lưng đi là điều hiển nhiên. Các nhà văn đã đánh mất độc giả, đó là một thực trạng đau lòng, nó không khác gì cảnh nhà sản xuất không có đầu ra. Nó gây nên một tình cảnh nghịch lý là sách của các nhà văn tên tuổi lại khó bán hơn là sách của các cây bút mới, là vì độc giả còn trông đợi ở các cây bút mới một cái gì mới mẻ, còn các nhà văn tên tuổi thì không.

TK: *Thưa anh, như vậy, anh nghĩ rằng các nhà văn VN có nhận ra được nguy cơ đó không?*

NT: Thưa chị, tôi không biết. Chỉ thấy rõ một điều là trên báo *Văn Nghệ*, trên tạp chí *Tác Phẩm Mới*, trên các kệ sách mới ra lò của các nhà xuất bản, chỉ thấy nhan nhản một thứ văn chương nhàn nhạt vô tích sự, xa rời đời sống, xa rời các chức năng xã hội của văn học, một thứ văn chương không có "tâm trạng", và thẳng thắn ra mà nói thì chúng ta đang sản xuất ra một thứ văn chương "dưới văn chương". Ở đây cũng phải ghi nhận thêm một tình trạng: sự giữ gìn đến nhát sợ của các biên tập viên của hai tờ báo của Hội. Họ chỉ chọn in những gì thật an toàn cho chiếc ghế của

chính họ, và như thế thì không loại trừ khá nhiều tác phẩm hay đã bị lọt lưới.

TK: *Thưa anh đứng trước tình trạng đó thì ban chấp hành của Hội Nhà Văn có phản ứng như thế nào ?*

NT: Ban Chấp hành vừa rồi đã kêu gọi với các đại hội cơ sở đang được tiến hành: "Vấn đề đặt ra hàng đầu là nâng cao chất lượng của văn nghệ phẩm và nâng cao tính tích cực của nhà văn". Nhà văn phải viết hay hơn và có trách nhiệm với xã hội nhiều hơn. Đó là hai yêu cầu bức thiết đối với nhà văn, vì các nhà văn trong mấy năm gần đây, viết thì chưa hay mà lại lảng tránh những vấn đề bức xúc của xã hội.

TK: *Thưa anh việc kêu gọi nhà văn viết cho hay hơn, có dễ dàng không và có đem lại hiệu quả gì không?*

NT: Theo tôi, sáng tác bao giờ cũng là một việc khó khăn. Cái khó nhất là nhà văn viết để cho sách bán chạy, chiều theo thị hiếu của độc giả, hay là viết để diễn tả những suy tư, những dự báo, những cảm nhận về xã hội. Đó là về mặt chủ quan của nhà văn. Còn về khách quan thì phải nói là các nhà văn hiện nay đang kẹt đầu ra. Tức là nhà văn sản xuất ra hàng hóa mà không tiêu thụ được. Nó bị kẹt bởi hàng hàng lớp lớp những cuốn sách giải trí vô thưởng vô phạt, đến mức là trong một cuộc chuyện trò đầu năm giữa ông Hữu Thọ, người giữ chức Trưởng Ban Văn Hóa Tư Tưởng của Đảng, với nhà thơ Trần Đăng Khoa, cuộc nói chuyện này có ghi lại trong tập *Chân Dung Và Đối Thoại*, ông Hữu Thọ đã phải thừa nhận rằng, những cuốn sách này, tức là những cuốn vô thưởng vô phạt ấy, đơn giản hơn, nhưng cũng nguy hiểm hơn vì khó nhìn thấy, nó chỉ tạo ra một thị trường sách dưới văn hóa, một công chúng dưới văn hóa, một nền văn hóa dưới văn hóa, điều ấy thật là kinh khủng. Thưa chị, nguy cơ chúng ta đang tạo ra cái nền văn hóa này thì người phụ trách văn hóa của Đảng đã nhìn ra, nhưng các ông bên Chính Phủ thì cứ ký giấy đều đều cho in ra những tác phẩm làm nên cái nền văn hóa dưới văn hóa ấy. Như thế là người ta chỉ chăm chú gạn lại những tác phẩm đồi trụy và phản động thôi ạ. Nếu không phạm vào hai cái cấm kỵ đó thì được ra tuốt luốt, và một thị trường sách dưới văn hóa đã ra đời vì sự buông lỏng của sự thẩm định chất lượng nghệ thuật, chất lượng tư duy của các ấn phẩm, mà theo tôi công việc này thì đội ngũ biên tập bây giờ cũng như là trình độ quản lý thật khó mà đáp ứng cho được.

TK: *Thưa anh trong tình trạng mà anh vừa nói đó nếu có những nhà văn viết các tác phẩm có giá trị thì làm thế nào để cho những tác phẩm này lọt được vòng kiểm duyệt hoặc là lọt được mắt các nhà quản lý văn học để ra đời?*

NT: Tôi cho rằng hiện nay người ta chỉ duyệt những tác phẩm đọc mà nó rõ ràng là không có vấn đề gì tức là những tác phẩm viết theo bút pháp hiện thực, không có thể hiểu theo nghĩa nào khác, chứ nếu tác phẩm nào mà viết với một bút pháp có ý thức canh tân một chút, thì phải nói là lọt qua được vòng kiểm duyệt hơi khó. Vì nếu họ nghe một cái giọng văn hơi lạ tai một chút là họ hơi chột, vì thế nếu tác phẩm mới, canh tân bút pháp, hay theo giọng ý thức, hay bút pháp mới thì khó lọt qua giàn biên tập của nhà xuất bản. Mặt khác nữa, nếu đưa vào thị trường thì độc giả cũng không chấp nhận mua sách mà đồng thời báo chí cũng không lăng xê, nên nó sẽ rơi vào quên lãng. Tôi đưa một thí dụ là có một cây bút trong mấy năm qua tôi biết, một nhà văn là anh Nguyễn Bình Phương, một nhà văn trẻ, anh ấy cho ra một tác phẩm có tên là *"Những đứa trẻ chết già"*, thì, mặc dầu anh ấy viết rất tốt, nhất là mấy chương đầu, có tìm tòi được cái bút pháp mới, thế nhưng cuốn sách này, sau khi ra, cũng chìm nghỉm, hình như là giới cầm bút cũng không nhậy bén trong việc canh tân về bút pháp, mà thị trường thì người ta cũng không mua các tác phẩm như thế. Cho nên câu chị hỏi về các tác phẩm có giá trị ấy thì tôi xin trả lời là: một là, nếu nó lọt qua được vòng kiểm duyệt thì đã hơi khó, cái thứ hai nữa: đến tay độc giả hay không thì mấy năm nay thị hiếu độc giả cũng đã xuống cấp nhiều, thành ra những món ăn cao cấp như thế, độc giả cũng không tiêu hóa được. Thành ra, các cuộc cách tân trong bút pháp tiểu thuyết và truyện ngắn thì rơi vào cái số phận như thế.

TK: *Thưa anh như anh vừa nói, nhà văn khi viết thì bị kẹt như thế, như vậy thì hội nhà văn có kế hoạch gì để giúp đỡ nhà văn trong địa hạt in ấn và phát hành hay không?*

NT: Thưa chị một khi sách đã được trở thành hàng hóa thì nó phải được đến giai đoạn quảng cáo, nhưng tiếc thay việc quảng cáo lại nằm trong tay các phóng viên của các tờ báo, mà việc thẩm định văn chương thì lại không phải là sở trường của họ, và cũng không phải chức năng chính yếu của tờ báo, nhưng mà họ lại được độc quyền lăng xê các cuốn sách. Cho nên, trong khi họ (các phóng viên) nhào nặn thị hiếu văn chương, dẫn dắt dư luận độc giả, thì báo *Văn Nghệ* của hội, tạp chí *Tác Phẩm Mới*

của Hội, ngay cả Hội Nhà Văn lại mải lo các chuyện khác, chuyện này chuyện kia, còn lâu họ mới lo đến việc *marketing* cho sách của các nhà văn, cho xứng với danh nghĩa một hội nghề nghiệp. Đáng nhẽ ra việc *marketing* rơi vào hai tờ báo của Hội thì họ lại buông lơi việc này mà lâu lâu có một chuyện giới thiệu sách thì đó là một chuyện thù tạc chứ không phải là một lệ, cứ hễ sách của nhà văn ra thì được *marketing*. Trong đại hội cơ sở vừa rồi có ý kiến đề nghị hội nhà văn thành lập một công ty phát hành sách, riêng cho các nhà văn.

TK: *Anh vừa nói đến công ty phát hành sách cho các nhà văn thì liệu điều đó có thể thành hiện thực được không?*

NT: Thưa chị điều đó thì tôi không biết nữa, cái đó sẽ tùy thuộc vào thiện chí và tinh thần của Ban Chấp hành khóa mới. Nhưng mà tôi cũng tin rằng, bằng vào những bước đường đã trải qua trong nửa thế kỷ cầm bút, thì những nhà văn VN sẽ vượt qua mọi khó khăn và sớm trở lại vị trí được yêu mến trong lòng độc giả.

TK: Xin cám ơn nhà văn Nhật Tuấn.

Thụy Khuê thực hiện
Tháng 4/2000

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin tìm mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Thảo Chi-Bùi Mỹ Hoa, ***Hoa ô môi,*** tập thơ, Cần Thơ xuất bản, Hình bìa, phụ bản tranh và ảnh của Bùi Mỹ Hoa, Trần Văn Lệ và Diệu Tần giới thiệu, Bạt của Cung Diễm, thơ in trên giấy quí vàng nhạt, sách dày 136 trang, giá tại Hoa Kỳ 15 MK (ngoài Hoa Kỳ 20 MK).

Nhà văn Diệu Tần trong lời Tựa viết: "Thảo Chi làm thơ tình, rồi đôi lúc nói lên cái vô lý, vô thường cuộc sống nhưng không đoạn tuyệt quá khứ. Trong thơ, đôi bài từ dòng sữa ngọt ca dao. Thảo Chi mặn mòi Cửu Long Đồng Tháp "cá chồm cắn mống nước tù", không thể nào quên Cần Thơ, Bình Thủy, Cái Răng...Người thơ rất Nam Kỳ như "ươn ướt rịn hơi sương, co rúm, rùng vai lạnh, trăn tím rịm, gió bay xiên bay xéo"...Đó là quê hương là đất nước chứ còn đâu nữa? Người thơ không nói "rơi" mà nói "rớt", nói "sảng sốt" chứ không nói "thảng thốt". Thấp thoáng trong thơ, Thảo Chi chợt cảm nhận được kiếp người mong manh khi ngắm chiếc lá vàng. Đó là kiếp người vô vi, vô ảnh, vô sắc diện. Đó là điều vô lý, con người không thể lựa chọn, không tránh né được cái Karma"

Bạn đọc từng đọc thơ Thảo Chi trên Văn Học, có lẽ đồng ý với nhận định của nhà văn Diệu Tần

Địa chỉ liên Lạc:
Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa
2723 McKee Road
San Jos, CA 95127
Phone: 408-926-7152
Email: thaochi9@aol.com

🕮 Bùi Hữu Trí, ***Thơ B.H.T.***, thi tập do Tủ Sách Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại xuất bản, bìa và minh họa Vivi, Bạt Cung Vũ, Tựa Vivi, sách dày 110 trang, giá 10 MK.

Tác giả là một nhà giáo lão thành trước 1975 và là một chuyên viên xã hội ở Hoa Kỳ, từng cộng tác với các tạp chí Làng Văn (Canada), Phụ nữ Thời nay Hải ngoại, Đất Lành (Hoa Kỳ)

Theo nhận xét của Cung Vũ: "Toàn bộ thơ B.H.T. là một cuộc chia ly, ly biệt. Chia lìa quê hương, ly biệt vợ con, bơ vơ giữa cuộc đời thăng trầm và trăn trở trên phận người. Thơ B.H.T. là tiếng thở dài của buồn, hận và tủi."

Muốn mua thơ xin liên lạc:
Phụ nữ Thời nay Hải ngoại
PO Box 262435
San Diego, CA 92196-2435
Tel & Fax: 858-547-8461

KHẢO CỨU, TRUYỆN

🕮 Tạ Chí Đại Trường, ***Thần, Người và Đất Việt***, bản mới, Tạp chí Văn Học xuất bản, sách biên khảo sử học, dày 370 trang, giá 18 MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.

Như bài viết của Tạ Chí Đại Trường in trên số báo này, cuốn "Thần, Người và Đất Việt" bản đầu tiên in năm 1989 lúc tác giả còn ở trong nước. Giáo sư Nguyễn Thế Anh đã nhờ nhà Văn Nghệ xuất bản, và trân trọng giới thiệu: "Sự nghiên cứu của ông là một sự nghiên cứu các sự đổi thay: tín ngưỡng tôn giáo chuyển hóa hơn là tan biến, với những đổi thay nghi thức phụng thờ đi đôi với sự lệ thuộc thần quyền vào thế quyền, với những niềm tin mới phát xuất từ sự gặp gỡ với những văn hóa ngoại lai"

Nhờ nhìn biến chuyển tâm linh theo cái nhìn động như thế mà tác giả đã "giải hoặc" rất nhiều truyền thuyết trong lịch sử Việt Nam, đến nỗi nếu chấp nhận cách lý giải của Tạ Chí Đại Trường, thì phải viết lại hầu hết phần cổ sử VN.

Bản mới có nhiều sửa chữa và bổ sung so với bản cũ in năm 1989.

Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 Lâm Thanh Huyền, ***Giai thoại Thiền sư***, bản dịch Phạm Huê, do Văn Nghệ xuất bản và phát hành, sách dày 234 trang, giá 10 MK

(ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK).

Lâm Thanh Huyền là một nhà nghiên cứu Phật học uy tín của Đài loan hiện nay. Ngay chính vị cao tăng đương thời là Tinh Vân Đại sư cũng đã ngợi khen ông có công phát triển Phật giáo, nhất là đã diễn dịch những mẩu chuyện trong kinh Phật sang thể loại văn chương tiểu thuyết khiến cho người đọc dễ cảm thông, điều này đã giúp cho Phật giáo Đài loan tiến triển rất nhiều trong những năm vừa qua. Những giai thoại thiền sư trong sách này đã được trích ra từ quyển "Những Mảng Tuyết Đẹp" (Hảo Tuyết Phiến Phiến), một cuốn sách giá trị về công án Thiền tông.

Nhà Văn Nghệ đã bày bán sách tại hiệu sách Văn Nghệ, và phân phối đi khắp các hiệu sách.

🕮 Konstantin Paustovsky, Vũ Thư Hiên dịch, ***Bông hồng vàng***, do Văn Nghệ xuất bản và phát hành, sách dày 328 trang, giá 15 MK (ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK).

Bạn đọc gốc Miền Nam có lẽ biết rất ít về nhà văn Nga Paustovsky, nhưng những bạn đọc Miền Bắc và giới sành văn chương thế giới nói chung đã mê những truyện ngắn của tác giả nổi danh này từ lâu, nhất là tập "Bông Hồng Vàng". Nhiều dịch giả đã dịch tác phẩm này sang Việt ngữ, nhưng theo giới phê bình, bản do Vũ Thư Hiên dịch là bản hay nhất. Một cuốn sách cần mua để trân trọng đặt vào giá sách gia đình, và thưởng thức để thấy cái đẹp của đời sống.

Nhà Văn Nghệ đã bày bán sách tại hiệu sách Văn Nghệ, và phân phối đi khắp các hiệu sách.

🕮 Dương Nghiễm Mậu, ***Nhan sắc,*** tập truyện, phụ bản Duy Thanh, Nguyễn Trung, Cù Nguyễn, Ngọc Dũng, Nguyên Khai, bìa Khánh Trường, An Tiêm xuất bản lần đầu ở Sài Gòn năm 1966, Văn Nghệ tái bản năm 2000. Tập truyện của một nhà văn uy tín trước 1975 của Miền Nam Việt Nam, gồm các truyện ngắn tiêu biểu nhất của Dương Nghiễm Mậu: Người tình của Trương Quỳnh Như, Một người lên núi, Nhan sắc, Từ Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng, Kinh Kha, con chủy thủ và đất Tần bất trắc. Sách dày 162 trang, giá 10 MK (ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK)

Sách do Văn Nghệ phát hành, đã có bán tại hiệu sách Văn Nghệ.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Trần thị Nhung DMD (Dorchester MA), Triết Đặng (Houston TX, đổi địa chỉ), Nguyễn Đình Phụng (El Paso TX), Trần Ngọc Toàn (Fairfax VA, đổi địa chỉ), Đỗ thị Ngọc (Westminster CA), Lan H. Nguyen (Seattle WA), Cornell University Library (Ithaca NY), Nguyễn Minh Thu (Honolulu HI), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Fung Ngo (Oakland CA), Calif. State Polytechnic Univ. Pomona (Pomona CA), Rev. Dao Kim Nguyen (Houston TX), Nguyễn Đ. Ban (Redford Park IL), Viet Chi (Chamblee GA), Trần văn Điển (Westminster CA), Tâm Nguyễn (Vienna VA), Lai Nguyen (Fair Lawn NJ), Chapman Br Library (Garden Grove CA), Westminster Br Library (Westminster CA), Điệp Mỹ Linh (Stafford TX), Phước Lê (Kaneohe HI), Hung V Tran (Lawndale CA), Tôn Thất Thọ (San Jose CA), Nguyễn Mạnh Thắng (Orleans Ont. Canada), Thái Trang (Norman OK), Hồng Nguyễn (Eden Prairie MN), Ho Huu Lam (Dorchester MA), Lê Thế Đàn (Santa Ana CA), Hoàng Quốc Hùng (Peoria IL), Ngô văn Bình (Annadale VA), Dr. Phu Hoa Nguyen (Ottawa Canada), Anh Ha Doan (Stanton CA), Lai & Lieu Tran (Coca FL), Dr. Tuyet Vo (Downsview Ont. Canada), Nguyễn văn Trung (Kitchener Canada)

Bài nhận được trong tháng:

"Vì nụ hôn ấy chưa trao", "Trong khoảnh khắc nào đó" gửi từ Santa Ana CA, "Bỏ San Diego" gửi từ San Diego CA, "Nhóm lửa", "Tĩnh vật", "Cô đơn", "Yêu nữ" gửi từ Bagnolet France, , "Cuộc tình xa" gửi từ Alief TX

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ.

Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

Đính chính:

* Trên Văn Học số 169, tên tác giả truyện ngắn *Vườn Lan* là **Thơ Thơ**, như bút hiệu tác giả *Vườn lan* vẫn dùng lâu nay (chứ không phải Đặng Thơ Thơ).

Văn Học xin đính chính, để trả lời thắc mắc của một số bạn đọc sau khi số báo tháng trước phát hành.

* Cuối bài thơ *"Không, tôi chưa muốn chào vĩnh biệt"* của Trần Hồng Châu, tác giả xin thêm thời gian và nơi sáng tác như sau: "Bệnh viện Triều Châu, Sài Gòn 1982"

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK
Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK
Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK
Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK
Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK
Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK
Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK
Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK
Đó đây
Tùy bút của Trúc Chi
Dày 230 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK
Lò cừ
Truyện ngắn của Lâm Chương
Dày 200 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 10MK
Thần, Người và Đất Việt
Biên khảo sử học (bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
Dày 370 trang. Giá 18MK (Mỹ), ngoài Mỹ 20MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

chủ đề

GIAI PHẨM MÙA HẠ 2000
chủ đề : những dự phóng về thế kỷ mới.

Đặc biệt có những bài :

- Hành Trình Vào Thế Kỷ (Nguyễn Quốc Trụ)
- Nhìn Lại Âm Nhạc Việt Nam Thế Kỷ 20 và Dự Phóng về Thế Kỷ 21 (Hoàng Ngọc-Tuấn)
- Cơ Sở Tư Tưởng Thời Quá Độ (Đặng Phùng Quân)
- Hiện Tượng Văn Học Việt Nam (Nguyễn Vy-Khanh)
- Tuyệt Lộ của Chủ Nghĩa Mác (Lê Châu)
- Tử Lộ của Văn Học Việt Nam (Nguyễn Trung Hối)
- Tưởng niệm Nguyễn Nhật Duật (Đặng Phùng Quân - Đào Ngọc Phong - Nguyễn Quốc Trụ - Nguyễn Trung Hối)

Và các sáng tác mới của:

Trần Diệu Hằng - Hải Phương - Hoàng Xuân Sơn
Hoàng Chính - Luân Hoán - Nguyễn Trung Dũng -
Nhật Nguyễn - Thu-Thuyền - Phạm Ngọc - Hà Huyền Chi
Cổ Ngư - Hà Nguyên Du - Nguyễn Vĩnh Long - Đức Phổ
Tường Vi - Trần Thái Vân - Phan Xuân Sinh .

Bìa của Huỳnh Ngọc Điệp và Tống Phước Cường.

Liên lạc : chủ đề - P.M.Box* 286, 11919 N. Jantzen Ave.
Portland, OR 97217-8195. USA.

*Xin chú ý : P.M. Box (Private Mail Box).

"Quê hương mến yêu, chốn sanh trưởng thân thiết, tiếng địa phương nghe từ lúc còn nằm võng ẩn náu trong hồn, tuôn ra đúng lúc, phải chỗ. Kiến thức màu mè, ngôn ngữ phô trương, dồn xuống không cho xuất hiện. Những kể lể, dẫn giải, lý luận, đem vào thể loại khác. Đối thoại mua trang, tuyệt đối không có mặt. Vẽ đường mà đi, lối mòn nên tránh, bản sắc nên giữ. Lắng tai nghe người kể chuyện, học tinh tế từ bất cứ ai. Biến thói đời thế thái làm đề tài, không bi quan, rêu rao. Biến khổ sở thất bại làm kinh nghiệm, không oán trách, bỏ cuộc. Viết là sáng tạo cái mới từ chất liệu quanh ta và ở trong ta, phải thấy và nắm bắt ngay chất liệu. Ngưng xúc động trong hồn để ghi lại trên giấy. Ý không lạ nên cho ngòi bút nghỉ. Cố gắng, cố gắng và cố gắng. Thành thật, thành thật và thành thật."
Đây là bài châm Nguyễn văn Sâm viết cho mình, thường nhựt tụng nhưng ông cũng thú nhận là không biết mình có thuộc, có áp dụng được không?

Muốn tìm câu trả lời, hãy tìm đọc tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN VĂN SÂM

KHÓI SÓNG TRÊN SÔNG

(tập truyện)

Tạp chí Văn xuất bản

sách dày 264 trang. Giá 14 Mỹ kim

NHÀ VĂN NGHỆ TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà Xuất Bản Văn Mới

Tác phẩm phát hành tháng 5 năm 2000:

CÕI NGƯỜI TRONG
VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN

Tác giả: Huỳnh Văn Phú
Bìa: Khánh Trường

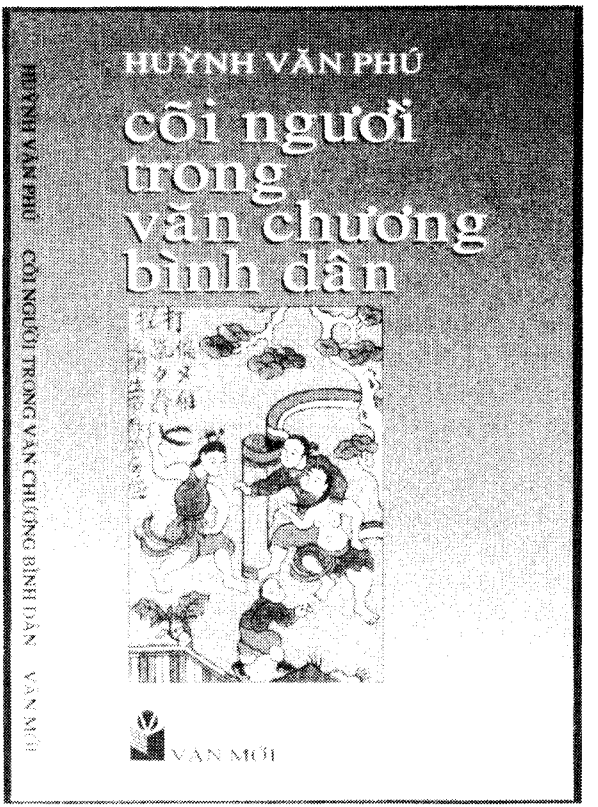

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

Trúc Chi

đó đây

Tùy bút

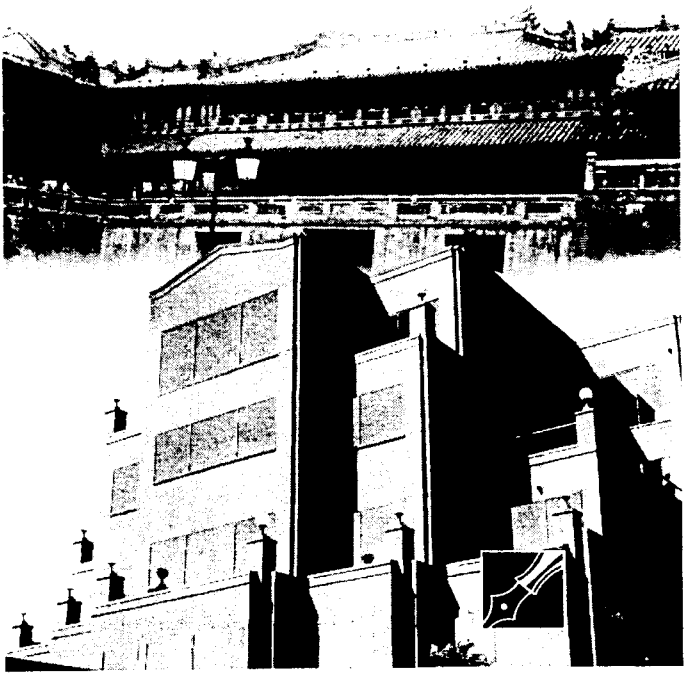

Trúc Chi · đó đây · Văn Học

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Tác phẩm sẽ phát hành tháng 6 năm 2000:

****

LỜI TỎ TÌNH ĐÃ CŨ

Tác giả: Hoàng Chính

Bìa và phụ bản: Họa sĩ Nguyễn Thi

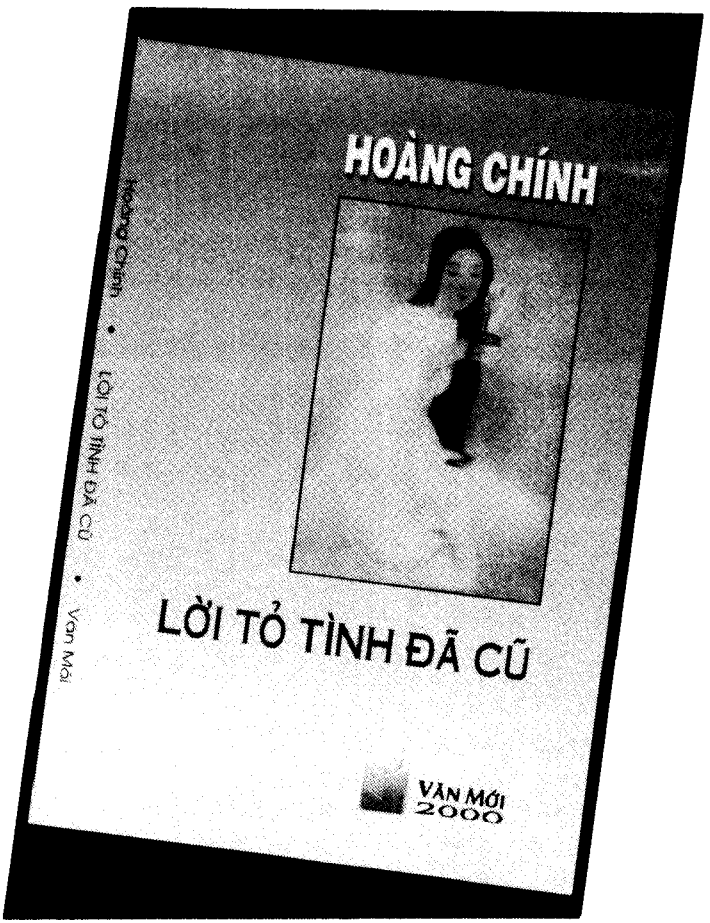

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của nhà xuất bản:
****
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
Tiến sĩ Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga
Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả
Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627

Xin giới thiệu:

TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỤ 67 TÁC GIẢ

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện

VĂN MỚI xuất bản tháng 4 năm 2000

Bìa Nguyễn Trọng Khôi

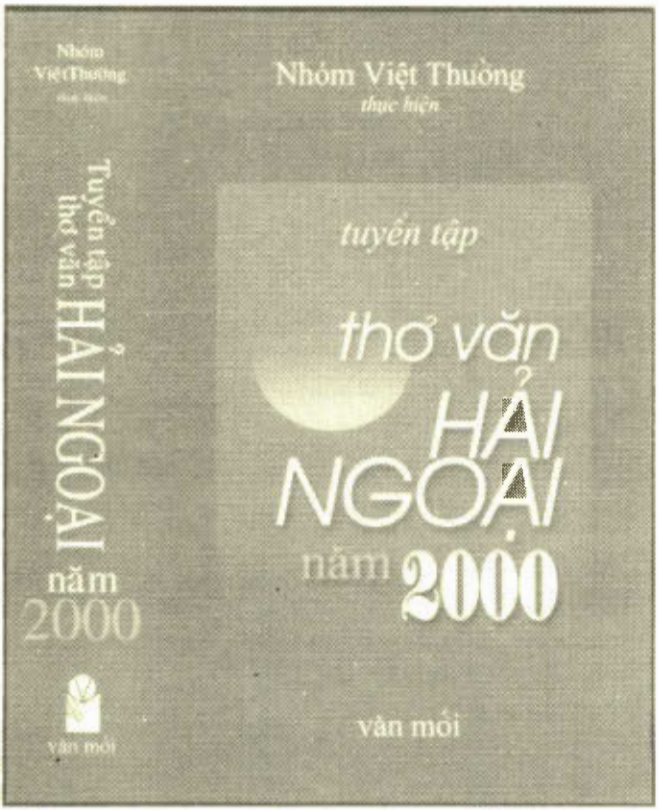

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel (714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

SÁCH MỚI NĂM 2000

• TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
Hội luận về tôn giáo – Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: triết gia ***Jean-Francois Revel*** (cha) và nhà bác học-tăng sĩ ***Matthieu Ricard*** (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. ***Linh Thụy*** chuyển ngữ.

• CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
tiểu luận ***Nguyễn Minh Cần***

• GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***

• MÙI HƯƠNG QUÊ 14MK
truyện ***Dương Như Nguyện***

• RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
18 chuyện văn nghệ, ***Võ Đình***

• MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
Huỳnh Hữu Ủy

• BÔNG HỒNG VÀNG 15MK
Konstantin Paustovsky, ***Vũ Thư Hiên*** dịch

• GIAI THOẠI THIỀN SƯ 10MK
Lâm Thanh Huyền, ***Phạm Huê*** dịch

• NHAN SẮC 10MK
truyện ***Dương Nghiễm Mậu***

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

• CHUYỆN KỂ NĂM 2000 (toàn tập) 20MK
Ấn bản Thời Mới Canada

Độc giả trong nước Mỹ muốn nhận được CKN 2000 mau trong 3, 4 ngày xin gởi thêm $3.20 + $20 = $23.20.
Sách sẽ gởi theo Priority Mail

Giá:$4.00